

INRASARA

HÀNG MÃ kí ỨC



HÀNG MÃ KÝ ỨC

---* ❖ *---

Tác giả: **Inrasara**

Phát hành: **Phương nam books**

Nhà xuất bản **Văn Học**

Đóng gói: **@nguyenthanh-cuibap**

Nguồn text: **Waka**

VÀO TRUYỆN...

"*L*úc này ông đang viết gì?

Không phải Vang hay anh bạn chủ nhà mà là Thụy, hỏi. Có lẽ do tọc mạch.

- Tiểu thuyết *Chân dung Cát*.

- Để đem vài nhân vật ra giễu cho tiện chứ gì.

Hà Vân sâu sắc là thế mà đã khuyên tôi, anh sớm kết thúc tiểu thuyết đi để em nhờ cô bạn chuyển thể sang kịch bản phim... Tôi làm thơ cũng chả ý đồ được tuyển vào sách giáo khoa cho học sinh học thuộc hay nhạc sĩ nào đó nổi hứng hoặc chiếu cố mang ra phổ nhạc. Tôi nói ý này cho đồng chí cán bộ Bá Thụy nghe và thêm: Văn chương không cúi xuống làm chuyện đó, không tự cho phép mình làm trò lếu lảo ba bốn lảng nhăng đó.

Còn nó sẽ làm gì? Ông thật nghiêm túc muốn hiểu?

Tôi nhìn thẳng vào mắt ngài cán bộ Bá Thụy, đầy cái lương nghiêm trọng. Tôi nói: Văn chương không ưa nổi trò nghiêm nghị. Nhưng loài người thì nghiêm trang nghiêm trọng hơi bị nhiều. Nghiêm nghị trúng vụ bắt, nghiêm trọng tuổi tên chàng hảng trên trang báo, nghiêm nghị học vị học hàm hay nghiêm trọng trò đọc diễn văn, nghiêm nghị nghiên cứu hay nghiêm trọng một thành tích bé con mới giật được, nghiêm nghị tri kiến tha lâu lưng tổ hay nghiêm trọng trương mục ngân hàng, nghiêm nghị cá tính lẻ loi hoặc nghiêm trọng bản sắc tập thể cộng đồng, nghiêm nghị tôi với nghiêm trọng bác. Vân vân. Bác cứ tiếp tục kê biên, nếu cảm thấy khoái. Mấy trò nghiêm nghị đó, văn chương cười vào mũi. Cười nhạo thôi. Không

mĩa mai sâu cay cũng chả chua chát căng thẳng bật máu mà làm gì cho nhọc cái tâm linh. Nó khoái hoạt. Nghĩa là chính văn chương cũng phải học không tự biến mình thành trầm trọng. Nó có khả năng tự cười mình. Cười mình to hơn cả.

Cái thằng tôi ấy yêu em yêu cả cuộc đời nhưng luôn biết tự nhạo cái tình yêu buồn cười ấy, dù mất em rồi xa em rồi hoa đã tàn tôi về đứng bờ sông Seine đêm nay định nhảy xuống cầu Mirabeau (ôi, ví có thêm đời sống thứ hai hay ba thì tôi đã nhảy cái cho đã đời rồi) nhưng chính cái cười níu tôi lại bên đời quạnh hiu sung ôi s-ư-ớ-n-g... Cái thằng tôi ấy dù từng nai vai [trâu] ra cày thuê sấm cho được tú sách mỏng dày, mỗi gối chồn chân đi gõ tìm từng mảnh tư liệu rơi rớt dọc con đường điền dã hay còng lưng [cụ non] ra viết dùm công trình nặng bao tải chở đầy nguy cơ đẩy tuổi trẻ tôi chìm không đáy vào hố nghiêm nghị; lại cái cười lần nữa thông cọng hành xuống cứu vớt tâm hồn đại dột tôi sống sót. Cái thằng tôi ấy từng buổi sáng nhấm nháp trà Bắc với nhâm nhi từng giọt lời khen tặng nhiều cố gắng đầy sáng tạo để được lâng lâng bay trên đôi cánh thiên thần của hội viên hội viên hội của nhà, sĩ, của trân trọng kính ngài lên phát biểu dạ thưa cảm ơn, sẵn sàng dâng hiến ngài như con rối; cái cười vội túm lấy chòm tóc em ôi sợi ngắn sợi dài giữ lại, vuốt vuốt nó và xoa đầu thôi đủ rồi em ạ chỉ là trò đùa trong điệp điệp muôn trùng trò đùa không hơn thua phân tặc ôi em!

- Văn chương đẩy ta ra xa bãi bờ buộc ta học nhìn mình từ bên ngoài, châm chọc ta cho ta biết mở trí xem nhẹ mình. Chúc tước hay tên tuổi. Ria mép hay mụn nhọt. Mái tranh với lâu đài. Cốc bia ngoại hay chén rượu nội, như cái bác đang cầm ấy mà! Văn chương dạy bác xem thường nó, nhẹ hều một kiếp...

- Cái cười giải phóng con người khỏi mọi mê tín. Thành linh tôi ưỡn ngực nghiêm giọng...

(*Chân dung Cát*, 2006)

Lịch sử là mớ hồ lốn. Hồ lốn hơn, là lịch sử được kể lại.

Tưởng chỉ tiểu thuyết mới là hư cấu, ngay cả công trình sử học rán ưỡn ngực trình trọng khách quan để ra vẻ khả tín, vẫn chỉ là hư cấu. Thứ hư cấu trá hình. Không bộ óc nào có thể quán xuyên hết sự thật, nhìn hết mọi khía cạnh toàn bộ sự thật cỗi người của một giai đoạn lịch sử, dù ngắn nhất. Chúng luôn được kể lại từ kể lại từ kể lại. Bị chọn lựa, khúc xạ, bẻ gãy, lái cong, hư cấu, xuyên tạc. Bởi hiểu biết hạn chế của tôi, truyền thống văn hóa của dân tộc tôi, nền giáo dục tôi tiếp nhận, định kiến của tôi, quyền lợi cộng đồng hay của cá nhân tôi. Không chạy vào đâu được.

Cả với lịch sử của một cá nhân được kể lại. Kí ức luôn đánh lừa ta, kẻ trong cuộc. Lỡm bỡm, nhảy cóc, trơn trượt, hụt hẫng. Dù là kí ức gần được ghi vào sổ tay mỗi ngày, hay kí ức xa bị bỏ rơi hàng chục năm được gợi nhớ lại. Ta đánh tráo, bóp méo, định hướng nó có lợi cho ta. Đánh tráo, nhưng ta vẫn cứ tin nó là sự thật. Khốn thay cho kẻ không tin vào sự thật. Càng khốn hơn nữa, kẻ nào chỉ tin vào những sự thật hồ lốn kia!

Như câu chuyện tôi sắp kể ra đây, cuộc đời tôi và mảnh đời của những người xung quanh thế giới tôi, sự kiện hay sự việc tôi biết, tôi trải nghiệm, cuốn sách tôi đọc - từ vùng tù mù hay ngõ sáng rõ của kí ức tôi. Ai biết được, nó thật đến mức độ nào!? Nhưng tôi vẫn cứ tin nó thật. Thật mà chưa hẳn đúng thật. Bởi chúng được kể lại qua giới hạn ngôn ngữ của tôi, hiểu biết của tôi, hệ thẩm mỹ của tôi, triết lý của tôi, theo lợi ích/ vô vị lợi của tôi.

Dẫu sao đi nữa, lịch sử luôn cần được kể lại. Lịch sử một đất nước, một dân tộc, một cộng đồng hay một cá thể. Dù nhỏ bé hay vô danh nhất.

Và đây là câu chuyện của tôi.

1

CHA, MẸ, ANH CHỊ EM CON SÔNG QUÊ HƯƠNG

Tôi sống và làm khổ những người xung quanh. Không chừa trừ ai.

Bởi nhiệt tình tôi và tính không vồn vã của tôi. Bởi lập dị tôi và dễ hòa đồng của tôi, ngu ngốc tôi và lanh trí của tôi. Ăn nói vô duyên và hành vi khờ khạo của tôi. Bởi tác phẩm tôi và mấy trăm bài báo lăng nhăng hoặc nghiêm túc của/ về tôi. Nổi tiếng và vô danh tiểu tốt của tôi. Thành thật ngây ngô của tôi và cả nổi hứng bốc đồng của tôi. Không chừa ai. Từ cha mẹ anh chị em đến bạn bè, người thân kẻ lạ, xa và gần, đồng hay khác tộc, Pháp, Việt, Padí, Tày, Miên...

Trong thế giới mệnh mông chật chội này, con người sống và làm cho kẻ khác đau khổ. Nhất là tôi. Con người ít cảm thông nhau, ít có khả năng cảm thông, mang ý hướng tìm hiểu để cảm thông thì càng ít hơn nữa. Ngay cả với người sống cạnh ta, sẵn sàng đưa tay về phía ta khi ta ngã quỵ.

Năm tôi ba tuổi hơn, cơm chiều, không hiểu sao mẹ sai chị bế tôi bỏ ngoài cổng khuôn viên nhà, đóng lại. Trời chạng vạng tối, dù cổng chỉ cách sân trải chiếu ăn có dăm bước, nhưng tôi sợ ma, khóc lặn lộn, đập bùm bụp vào cánh cửa đan mấy thanh tre trét phân trâu. Cha bảo chị mở cho tôi vào, nhưng rồi mẹ lại kéo tôi ra nữa. Ba bốn lần như thế. Ba bốn hôm như thế. Cha mẹ suốt ngày ngoài đồng, tôi phải làm cái gì đó bướng lằm song thân mới có hành vi như vậy. Mãi sau này tôi vẫn không hiểu. Hỏi mẹ, mẹ chỉ nói hời hỏ mi ương lằm.

Rồi bất ngờ, tôi vỡ ra. Kí ức tuổi thơ lóe qua sương khói mù mờ đã cứu vớt tôi.

Tôi vốn không chịu dờ. Mẹ kể trong mấy con, tôi là đứa cai bú dễ nhất. Năm tôi hơn tuổi, một hôm mẹ chơi nghịch, chỉ một lần quẹt bã trầu đỏ đỏ lên núm vú là tôi thấy ớn. Mấy ngày sau vú căng sữa mẹ kêu đau nhức, năn nỉ mãi tôi vẫn không ngó ngang tới. Tôi nhìn mẹ vắt sữa bắn ra, những tia sữa trắng.

Mấy buổi cơm chiều hôm xưa ấy, mẹ đã dùng tay bốc miếng cá và lựa xương cho vào chén cơm của tôi. Tôi bỏ ăn, không nói một tiếng, dù tuổi đó tôi đã sôi. Có đồ ngọt hay đét đít tôi vẫn không là không. Thế là phải trị. Dù sao lòng cha mẹ mà: Tôi lại được mở cổng cho vào. Chén cơm tiếp theo, tôi trở miếng cá khác. Mẹ cứ thế, tôi lại bỏ. Không ai có thể chiều được. Nên, có tối tôi phải mang bụng đói đi ngủ. Mạng tao sao khổ thế này - mẹ nói, và tôi thấy mắt mẹ ngấn nước. Nửa đêm nghe cào ruột tôi thức dậy đòi cơm, mẹ chan nước mắm không, tôi ăn ngon lành rồi ngủ tiếp.

Những ngày cha mẹ đi Hiếu Thiện *Palau*; quê ngoại, tôi cũng hành bà cố nội như thế. Thói quen ăn bốc của bà cố mấy lần khiến tôi bỏ dở bữa. Chỉ mỗi bà Lộc bà vú nuôi Mỹ Nghiệp *Caklaing*; mới hiểu và chiều tôi, khi mẹ sinh em gái, bà qua phụ mẹ. Nghe kể bà bỏ làng đi hoang mấy chục năm sống với người làng quê quen “thói văn minh” nên biết tánh ý tôi. Từ đó mẹ quen dần, nhưng lắm lúc cũng “quên”, lại bốc cho tôi. “Sau này mày có mà ăn cúrt con mày” - mẹ dỗi.

Anh Đạm thì lành hơn. Qua ngoại sống tạm, anh chỉ đòi mỗi “nước uống”! Nước phải có *màu dùng đực; ia murbrah*; như ở *Caklaing* mới là nước uống, còn lại là nước nấu, không uống. Ở *Palau* đào đâu ra loại nước đầy chất vôi kia chứ. Mẹ lanh trí, ra sau nhà cho ít nước vo gạo vào, thế là lừa được quý tử.

Mẹ con mà đã thế, nói chi ngoài mệnh mông đời. Đó là chưa nói đến chuyện cố ý bôi tro nhau. Vì lợi ích nhỏ bé nào đó, tranh nhau

chiếu trên chiếu dưới hay danh tiếng vu vơ nào đó.

20-9-2008, sinh nhật thứ năm mươi hai. Năm mươi hai năm vèo qua như gió.

20-8-2008, tôi rót ly rượu cô độc kỉ niệm ngày vào Sài Gòn. Mười sáu năm với chục cuộc dời nhà qua mấy phường, quận khác nhau. Đời tôi là chuỗi cuộc di dời. Dân quê hay làm người phố chợ cũng thế. Từ một đến ba tuổi: Palau, từ năm tuổi đến hết Tiểu học: Caklaing; những năm Trung học sống hết kí túc xá *Bauh Dong*; Phú Nhuận - Tháp Chàm đến thị xã Phan Rang. Tại Phan Rang, mỗi cuối tuần tôi lang thang mấy làng. Sau đó là Caklaing rồi Ninh Chữ, Sài Gòn, Nha Trang, Phan Thiết,... Vào miền Tây buôn bán, tôi phiêu giạt từ Trà Vinh cho đến Cà Mau, Sóc Trăng. Sống đất Sài Gòn, mười sáu năm, cả vạn cuộc xe, mấy ngàn cuộc gặp mặt. Với Chăm, Kinh, và bao nhiêu tộc người khác. Trong lẫn ngoài nước. Văn chương hay kinh doanh, tôn giáo và chính trị, thầy tu với dân nhậu, thân hay sơ, bằng hữu hoặc đối thủ. Mười sáu năm nhập làng chữ nghĩa, với bao biến thiên cuộc thế, bể dâu lòng người. Chê bai hay ca tụng, gièm pha hoặc tâng bốc. Tràn vinh quang giữa chốn đông người hay gặm nhấm nỗi buồn trong cô độc đắng chát. Buồn và vui, được và mất. Có thể nói, điều đáng giá nhất tôi học được là: *Hiếu, thì càng yêu hơn.*;

Mệnh đề này tôi đã một lần viết đậm ở website *Chamyouth*,, khi kể câu chuyện sinh viên người Kinh Sài Gòn, sau hai năm lặn xả làm ăn với bà con Bàu Trúc *Hamu Crauk*; bị vài bà con quỵt, đã giận dỗi bỏ cuộc. Tôi nói: “Thì bạn làm ăn có lãi ít nhiều rồi, thiệt thòi chút đỉnh có sao đâu!”

Khi hiểu được mẹ, hiểu được tánh bốc đồng của tôi làm khổ mẹ, tôi càng yêu mẹ hơn. Như tôi đã hiểu và yêu Ông Phauk, xưa.

Phauk Dhar Cờk sinh 1917, ông họ nội tôi bị người đời cho là tàng tàng. Ông có thể ngồi kiết già rồi bất ngờ nhấc đít nhảy qua cán cuốc

cao cả tắc trước mặt. Đứng giữa sông tắm bằng bùa chứ không cho nước bắn ướt mình. Nửa đêm một chân vắt lên cổ đứng góc ngã ba đường làng. Hút tẩu thờ bằng một bên mũi hoặc xông phổi bằng thứ lá cây hôi rình. Vân vân.

Không ai chịu nổi tính khí cùng mớ hành vi kì quặc này. Không vợ con, mỗi tháng ông qua trú tạm bợ với gia đình mấy dì tôi. Trong đó mẹ tôi (chị cả) và dì Bề (em Út) đã phải cư mang ông khổ hơn cả. Thuở Tiểu học, tôi với Lệ ưa chọc ông. Chọc nhưng vẫn thấy lạ. Lạ và gờm. Đáng gờm nhất là va-li sách ông luôn giữ khư khư bên mình. Như vật bất li thân.

Không ai hiểu ông. Cũng chả ai chịu tìm hiểu nữa. Đồn rằng ông bị *akhar bbong*; - *chữ ăn, chữ hành*. Dân làng kinh hãi va-li sách đó. Tôi dù rất tò mò, cũng tránh xa. Nhân vật này ám tôi đến mấy chục năm sau cứ trở đi trở lại trong thơ văn tôi, với vài tên khác qua nhiều biến tướng khác nhau.

“Hành vi, cử chỉ, cuộc đời Dhan Than vừa làm xa lạ đồng thời lôi cuốn và gây cho tôi nổi hứng thú đau đớn.

Không một ai hiểu ông. Có lẽ ông cũng không cần ai hiểu mình, chia sẻ cái mình sở đắc hay tin tưởng. Khi hành vi, lối xử sự của ông bị thế hệ đàn anh những năm sáu mươi đưa lên sân khấu nhà quê bốn cột (sự vụ gây cho mẹ tôi không ít tủi hổ) hay khi Cao Xuân Hoang tự tuyên đồ đệ chân truyền của ông qua khoa xem gò bàn tay hướng nghiệp, họ cũng không tí ti nào hiểu ông. Cả khi vào mùa xuân năm 1979, ông bỏ ra miền Trung trôi giạt ăn xin cho đến khi thân tàn ma dại trở về tháng 11 năm 1984 để chết vào cuối năm đó, cũng không một ai hiểu ông. Chắc chắn đây là hiện tượng siêu cá biệt trong xã hội Chăm. Mẹ, các dì tôi đã khóc và tức tốc chạy tiền xe giục ba ông anh họ tôi lục tìm ông khắp mọi xó xỉnh mấy tỉnh thành đến khi bắt gặp và cho ông biết ý định thì bị ông cầm roi mây dài đến bảy sải đuổi chạy thấy ông bà.

Ăn mày! Đây là khái niệm gây kinh hoàng, nghĩ tới thôi cũng đủ khiến chế độ mẫu hệ Chăm tái mặt chứ đừng nói làm. Mà ông lại là Thầy pháp cao đạo của một dòng họ lớn nhất làng. Tại sao? Quần chúng Chakleng đã không tự hỏi mà vội quy kết. Chăm không còn khả năng cảm thông nhau.”

(*Chân dung Cát*,, 2006)

Những năm Trung học ở Phan Rang, khi học biết qua triết lý Yoga, tôi mới lờ mờ hiểu ông. Đến tuổi mười tám, tôi dám chắc là đã hiểu đúng như ông là. Tôi dần nể trọng đứa con bị hắt hủi này. Khi bỏ Đại học về quê, tôi nhờ ông bày cho vài thế võ Chăm. Nhưng cả tôi cũng không chịu nổi tính khí ông. Ông bỏ làng ra đi. Môn võ Chăm thất truyền, vĩnh viễn. Ông mất sau thời gian dài đi hoang. Va-li sách tiêu biến. Hay ông hủy nó? Tôi hỏi chú Chương chồng dì Bề, nơi dung dưỡng ông những ngày cuối đời, không ai biết.

Tôi hiểu hành vi ông biểu hiện lối hành đạo quái dị. Ông được bí truyền từ người cha. Là môn đệ trung thành của Yoga thực hành sai phương pháp, bị tẩu hỏa nhập ma. Đây là nhà Yogi Chăm cuối cùng, có lẽ. Hiểu ông, tôi quý và yêu ông hơn. Thời xa xưa, ông được phong thánh nữa không chừng.

Vậy đó, một chuyện nhỏ trong xã hội đã thế, nếu không chịu mở lòng tìm hiểu và thiếu hiểu biết, ta khó giải mã nó. Không hiểu sinh xem thường. Từ không hiểu đến hắt hủi cách nhau nửa bước chân. Marx nhạo triết gia xưa nay mãi lo giải thích thế giới, trong khi bốn phận của ta là thay đổi thế giới. Camus nghĩ khác: Chưa hiểu thì làm sao mà thay đổi. Thay đổi, thế giới đi ổng ẹo gãy gập, nguy hiểm. Tôi gần Camus hơn. Tìm để hiểu.

- Khi bị vài *Cam drei; Chàm mình*; cố tình hiểu sai lệch để phê phán lệch lạc, Sara buồn không? Hoặc có nghĩ cách phản công lại? - PT hỏi tôi ở góc hành lang hội trường trường Dự bị Đại học đường

Nguyễn Chí Thanh hôn *Rija Nurgar*, sinh viên Chăm Sài Gòn mùa hè 2008.

- Ừ, buồn thì có buồn, nhưng nó qua nhanh, - tôi nói. - Đơn giản: Tôi hiểu họ.

Đâu phải *Chàm mình*; không thôi. Với giới văn nghệ sĩ cũng vậy, bao nhiêu là chuyện. Chỉ bởi ngộ nhận hay không đồng quan điểm mà cáo giác nhau bằng lời lẽ nặng như đá. Có bao giờ ai thấy tôi hần học hay nặng lời ở đâu không? Tìm hiểu, mình giải hoặc quá lắm là đưa lời đùa cợt. Với *Cam drei*, tôi đánh chính rồi, im lặng. Khi không thể yêu thương được nữa thì cứ im lặng tha thứ mà bước qua, Nietzsche nói thế. Tôi biết Chăm cô đơn, từ trong nước ra tận trời Âu biển Mỹ. Cô đơn hơn, đó là kẻ ưu tư. Sự thể gây cho tôi đau xót. Những người thầy, cô bác, anh chị em hoặc bạn hữu thân hay sơ. Viết lách giữa mệnh mông cộng đồng Việt, hòa đồng và chịu chơi, cho dù chưa bao giờ gọi là bị phân biệt đối xử, nhưng lắm lúc tôi cô đơn.

Rồi tha hương ngút mắt tha hương

Rồi thiếu số giữa lòng thiếu số

(*Sinh nhật cây xương rồng*, 1997;)

Sống Sài Gòn, tôi trải nghiệm sâu đậm nó. Bè bạn văn chương, sau cuộc chơi thâu đêm, tiếng tụng ca ngất trời, bắt chợt tôi thèm nghe tiếng mẹ đẻ. Rủ anh em ngồi quán bia hơi hay góc phố cà phê cóc. Chỉ để nhìn mặt nhau, cũng đủ.

Con người muốn thế giới không quên mình. Nỗi không muốn bị lãng quên này từng cuốn nhân loại lao tới giành giật bao thành tích chói lọi. Về văn nghệ, thể thao hay tổ chức xã hội, nghiên cứu khoa học với hoạt động từ thiện. Không hiếm trường hợp, dù mọn tài, ta vẫn thèm người đời nhớ. Để làm gì không biết, nhưng nhớ. Rồi, thay vì làm công ích, ta khao khát nỗi nhớ đến, biết đến ấy bằng lối *tagan*

ar; băng bờ. Nhanh hơn, gấp gáp hơn. Ta có hành vi thô bạo, ngôn từ hỗn hào. Ta thành kẻ đốt đèn lúc nào không hay.

Ở xã hội Chăm, nổi la to sự việc nổi cộm hay lớn lối cáo buộc vài nhân vật có chút ít danh còm, xuất phát từ mẫu số chung đó. Xã hội rộng lớn thì chẳng sút mẻ ai, nhưng với Chăm *một dúm sa kacaw mauk*;, sự thể dễ thấy hơn, lay động cộng đồng mạnh hơn. Bởi *Chàm mình*; quá nhỏ, quá ít. Tôi không cho là tệ, nổi ấy. Tôi hiểu nó như thể cách giải thoát mặc cảm hay chạy trốn cô đơn tiêu cực. Cứ tạm xài dụng ngữ xã hội chủ nghĩa khoái dùng đó. Tôi hiểu họ, như người bạn hiểu người bạn cô đơn.

Như tôi hiểu mẹ, khi mẹ bỏ tôi khóc ngoài cổng những tối trời năm xưa ấy. Tôi đã làm khổ cha mẹ.

Mẹ và cha, hai dòng sông đau khổ đổ vào bể khổ của đời. Mẹ cha cơ khổ mọi bề. Cả từ phía con cái. Khi hé thấy ít nhiều bí mật nổi người, tôi tìm cách làm vợi bớt đau khổ kia và ráng tránh làm phiền lòng cha mẹ. Bởi, thời thanh niên, dù không cố ý, mấy đột hứng của tôi đã gây cho song thân bao buồn rầu. Đang ngồi Đại học hay làm việc ngon lành, nổi máu phiêu giạt là tôi bỏ giảng đường hay làng mạc - đi. Trường ca *Lãng tử, tình yêu, quê hương*; dài non ngàn câu lục bát sinh nở dọc tháng ngày lang bạt ấy.

Lại đi

hồn lạnh sầu đầy

bỏ trắng duyên hải với mây quê nhà

bỏ bờ nắng cỏ lơ phơ

bỏ chân chim

ngược dòng

hờ hững đi

...Rồi đi

rồi đi

rồi đi

biệt như mây thuở chưa kì hẹn sông...

Đi, có khi cả tháng mới lò mò về. Nhất là từ tuổi hai mươi. Năm 1978, tôi cạo đầu vào tu chùa tại Nha Trang được hơn tháng, sau đó là ba tháng lang thang bãi biển Ninh Chữ ở nhờ nhà người quen với nổi hứng học đòi làm đồ đệ Oshawa. Thế là mỗi mười ngày mẹ đội gạo lứt muối mè xuống “thăm nuôi” tôi. Bóng mẹ cao, gầy, dáng đi thẳng bước thoăn thoắt theo lối cát hai bờ xương rồng trưa. Mẹ lo từng tí ti cho tôi. Trong lúc tôi mơ màng suy tư về Tính thể và Thời gian với làm thơ đuổi còng. Tôi còn mang ý nguyện lên núi Chà-bang *Cabbang*; sống đời tu hành nữa. Hãy tưởng tượng, đó là vào năm nạn rầy nâu khiến dân ruộng cả khu vực đồng lúa miền Trung mấy vụ liền liêng xiêng.

Tôi nhớ lần đầu mẹ mở to mắt nhìn như ma nhập vào cái đầu cạo trụi lủi của tôi! Tôi không thể nào quên ánh mắt đó. Chấm có ai cạo như thế đâu, trừ phi hấn mắc chứng tróc vảy da đầu hay bị khủng.

Trước khi gặp nhau, cha đã có một đời vợ. Nghe kể chuyện cha đau lòng như không thể đau hơn. Với chồng trước ở Hiếu Lễ *Cauk*,, mẹ sinh con gái bị yếu. Chồng mất, mẹ ở vậy cho đến khi hai người gặp nhau. Cha hơn mẹ mười tuổi. Sinh ba đứa đầu cũng yếu nốt. Bà con bày xin chị cả về nuôi (phải thật xấu mới thọ), từ đó anh em tôi được trụ trên đời. Chị vừa xấu gái vừa thiếu năng trí tuệ nên học không vô, được cái lòng biết đùm bọc lũ chúng tôi. Vậy đó, anh em tôi đã sống theo chị. Chị Hám, anh Đạm, rồi tôi thằng *Klu*,, tới em gái Những, sau đó là hai em trai Ngòi và Lành.

Sau út Lành, tôi còn có bé gái nữa. Trắng trẻo và xinh lắm, mẹ nói. Hè năm 1970, được ba ngày tuổi thì bé đi. Tám giờ sáng, mẹ bảo anh Đạm chạy kêu cha đang dưới đồng Gam Dei. Tôi như kẻ ngoài cuộc. Người lớn giấu tôi chuyện gì đó. Bé chưa là thành viên gia đình nên họ không muốn trẻ con thiết lập dây nhợ quan hệ với nó. Chú

Chương em rể mẹ làm vài nghi thức bí mật ở phòng trong. Non nửa giờ sau cha về tới. Rồi cha đi trước, chú Chương ôm bọc nhỏ theo sau, cuối rốt là anh Đạm cắp mủng đựng chai rượu, trứng, trầu cau. Vội vã. Bé được chôn ở Prauk Kamar nghĩa trang dành cho trẻ yếu mệnh. Lên rẫy, đi ngang mấy lần, rất muốn hỏi anh xem đâu là mộ bé, nhưng tôi cứ sờ sợ. Từ đó, tôi mất hẳn dấu vết em gái út của mình.

Mẹ sinh chẵn chục, cúng cho trời đất đến phân nửa, chừa lại năm anh em tôi! Nông thôn Caklaing, anh em tôi đều được học hành bằng chị bằng em. Là niềm hãnh diện đồng thời là đầu mối bao cơ cực của cha mẹ, vốn nông dân vô sản toàn phần.

Cha mất vào đầu mùa hè 1998, tám mươi hai tuổi. Mẹ thì cuối thu năm 2007, được tám mốt. Tôi thử làm cái kiểm kê: Lũ lượt sáu mươi ba đứa con, cháu, chắt! Với Chăm, thế là đủ an tâm vĩnh viễn về *nhà*. Cha “đi” khá nhanh, chỉ sau tuần nằm giường, vừa kịp tôi lên xe đò Sài Gòn về đến nhà trước hai tiếng. Sạch sẽ và nhẹ nhõm. Năm trước đó, mỗi chiều cha còn xách cuốc ra thăm ruộng. Một lần vấp bờ ngã, anh em tôi nói quá, cha mới chịu ngồi nhà quanh quẩn với mấy cháu. Cha tắt thở, tôi hôn lên trán cha, nhưng không khóc. Mẹ - tôi đã không ngăn được nước mắt. Có lẽ do mẹ “chết khó” hơn. Bốn mốt ngày *nhớ quê nằm bỏ cơm*;, hai bận tôi bỏ việc Sài Gòn nhảy xe về. Vẫn sạch sẽ, nhẹ nhàng, nhưng mẹ phải qua ba lần *ppok trun; bẽ xuống*;nền chiếu.

Cha cực lắm. Làm ruộng rẽ xa nhà non mươi cây số. Đời nông dân một cảnh hai quê. Quê ngoại: Hiếu Thiện, quê nội: Mỹ Nghiệp. Anh Đạm bệnh vặt, có chuyện là mẹ cho người chạy ra ruộng kêu cha. Lại phải bỏ cày về. Xoong cơm treo lên cây làm mồi ngon cho lũ kiến, hay cất giữa ruộng nước (không ít lần chó tha). Lắm bận, xong buổi cày chiều, ba cha con lội bộ về Caklaing. Tôi trên lưng cha, nghe áo cha ướt đầm. Tắm áo màu chàm nắng mai sẽ làm khô để nổi lên

mồ hôi muối trắng vẽ bản đồ chẳng chịt. Cha khá đẹp, nhưng không sáng bằng ông ngoại, do vết khắc khổ sớm hằn lên mặt. Sau này, gần sáu mươi cha để ria, rồi vài năm sau nuôi cả râu, dày và đẹp. Từ đó khuôn mặt cha thoáng và thanh thản hơn.

Cha bước nhanh, nuốt từng đoạn lối rừng, ngã sông, đám ruộng. Anh Đạm lon ton theo sau. Tới nơi thì trời tối mò.

- Chú Piet nó ơ! Chú Piet... mở cổng giùm mình đi! - tôi nhớ mồn một tiếng cha gọi to.

- Ai đó?

- Tôi đây mà, phó Thảo đây!

Ba cha con tôi đợi chú mở hai lần cổng ấp chiến lược. Con Mực mừng hết biết, vẩy đuôi nhảy chồm lên hết người này đến người khác. Kéo dài mãi vậy cho đến năm tôi vào lớp Năm, gia đình mới định cư hẳn ở Caklaing.

Cha hiền thế nhưng không hiểu sao khó nắm mệnh trâu, bò. Cặp trâu cày hay kéo xe, thế nào cũng có con chứng. Từ cặp Kiểu - Móc ông bà ngoại làm của hồi môn cho đến cặp Móc - Cóc, hay cặp bò Móc - Kiểu sau này. Luôn luôn có con to con kèm cặp con nhỏ con hơn, lớn tuổi bên cạnh nhỏ tuổi hơn nên khi con này hết đất thì cha đổi con khác, có bù tiền chút đỉnh. Có thể viện lý nhà nghèo không đủ tiền sắm cặp mới. Nhưng sao cha không đổi tên đi? Biết đâu nó có thể cải mệnh. Cặp nào cũng không thôi Kiểu, Móc, Cóc. *Janauw; thằng*; Móc đang hiền đang lành, ở tuổi đứng bóng khi không giờ chứng ghen với mấy nhóc mới lớn, cứ nhìn thấy tụi chúng là đuổi báng trời chết. Có bận cha suýt bị bắt đền. Freud có thể giải thích được chẳng? Bị thiến (tôi nhớ khi bị cho vào nẹp thiến, nó kêu còn hơn sắp bị mang đi mổ thịt) không làm ăn gì được, thấy bọn trẻ tung hoành dọc ngang làm chị em sượng, nó mới nổi điên lên. *Janauw*; Kiểu thì thành *trâu hoang; kabaw baung*;, phải vận đủ chiêu mới bắt được nó vào xe cũi, có khi mất cả giờ.

Những lần ba cha con tôi đánh xe lên rừng đốn củi, xe trâu đi xuyên đêm, cô độc và bất trắc. Đi từ gà gáy canh hai và trở về vào buổi chiều mặt trời gác núi. Trên đường rừng ấy, bao nhiêu chuyện kể về anh tiều phu bị cọp vồ, vài cô gái chăn dê bị *Sămri*; *loài dã nhân*; dụ lên núi quên lối về đành sống luôn đời rừng rú với chúng. Nghe mà gai người. Lắm khi mấy bác nông dân Chăm hú nhau đánh xe lên cả đoàn non chục chiếc, tiếng bánh xe kĩa kịt vang vào đêm. Cũng bớt đi nỗi sợ hãi vô hình. Sau năm Bảy lăm, xe trâu chú Động bị bỏ rơi xương ngoài mưa gió. Nó được thay bằng xe bò tiện lợi hơn. Thế là Chăm Bà-la-môn linh động quang quẻ nuôi bò làm sức kéo. Bà con bảo Chăm chỉ thờ mỗi *bò thần limauw kapil*; thôi, chứ mấy loại bò tạp thì miễn. Vài chiếc xe trâu sống sót bị đẩy đi sống đời bảo tàng. Bảo tàng cùng bao kỉ niệm tuổi thơ tôi.

Anh chị tôi hưởng cả đức cha lẫn mẹ. Mẹ hay giúp người, một tay gánh vác cả công chuyện chi họ, từ khi bà nội mất. Mẹ mất, dì Xế khóc chị Cả đi rồi còn ai lo chuyện họ hàng nữa đây! Cha thì đến con kiến có cắn cha chỉ đưa tay phui nhẹ chứ không sát. Trưa, mưa, rần nước kéo đàn lũ cả mấy chục con bò khỏi hang tìm mồi trong đám ruộng chưa ải. Có con to bằng bắp tay. Tôi với anh Đạm chơi trò đuổi đá chúng. Thấy vậy cha bảo tội bấy tha cho, chúng cắn chết ai đâu!

Mộ mẹ ở đầu bên kia nghĩa trang làng, ngay lối vào đám rẫy. Nghĩa trang nằm trên mô đất cát cao, cách làng non cây số. Từ dưới chân mô đất đi lên cổng rẫy hơn trăm thước. Cây cối um tùm, lối đi chỉ vừa đủ thân người lách qua. Muốn vào rẫy, tôi và anh Đạm phải đi qua hai, ba nắm mộ mới. Canh đám kết ăn bắp vừa no hạt thì lên vào tảng sáng hay lúc mặt trời gác núi, còn canh loài đông phá chồi đưa non lại phải đứng trưa nắng. Nghĩa là toàn giấc vắng người! Ma hù hay vãi cát thì hãi hết biết. Vậy mà lắm lúc tôi phải lên rẫy một mình. Cứ đóng cổng rẫy xong là tôi nhắm mắt ù chạy xuống dốc cát.

Mẹ gen sợ ma, hay dẫn tôi đi theo. Một sáng, giận mẹ sao ấy, trên đường về, tôi lúi vào đám trâm bầu trốn tịt khiến mẹ huy động anh em họ đi tìm, réo ới hơi tôi mới chịu bò ra. Họ bảo tôi bị *bhut padơp; ma giấu*. Mẹ một phen hú hồn.

Lại chuyện sợ ma. Thuở Đệ Lục trường Pô-Klong ở thị xã Phan Rang. Thứ bảy về quê. Đã sáu rưỡi tối, cha đi theo nước ruộng chưa thấy về. Nhà vắng tanh. anh Đạm không có nhà. Mẹ sai tôi xách c耩 ra ruộng tìm cha. Không thì cha mầy đói, - mẹ nói.

Cánh đồng tối om om cách làng đến hơn cây số. Vài khúc m耩ng phải lội qua, bao l耩m cây, mấy lối quanh ngả quẹo. Ngán nhất là đồi đá xương rồng La Bbon âm âm u u nằm ngay mé ngoài cổng ấp chiến lược. Từ đồi đá đó, sáu giờ tối là dậy lên mùi thối kì lạ mà mẹ bảo *ia habai bhut; mùi canh ma*; sau tôi mới hiểu đó là hương loài hoa độc nở về đêm. Đi đâu về tối, tôi cầm đầu chạy thực mạng vượt mấy chục bước dài qua đồi đá chết tiệt ấy. Ở *Cabbak Ngauk*; Cổng Trên của làng, đám trẻ hể nhất là Puh M'Đập với d耩y xương rồng um đen bọc cây *gađak*; cổ thụ, một bên là *kut; nghĩa trang*; tộc m耩u, bên kia mấy nắm mồ vô chủ; nghe kể *Rimaung jauh lai*; Bà [C耩p] Quê; còn làm nơi ẩn nấp để mò vào chuồng bắt dê khi trời ch耩ng v耩ng. Còn ở *Cabbak Anak*; Cổng Trước là La Bbon.

Tối nay, tôi phải đi một mình. Đi, chứ không phải về.

Tôi đã hai lần đ耩ng ma. Lần đầu, năm 1979, ngủ một mình trong ngôi nhà cổ mấy năm bỏ hoang, nửa đêm thức dậy đi ngoài. Tôi đứng bờ rào, tiểu. Bếp nhà đối diện có ánh sáng như ai đang đun nấu. Chưa hiểu thế nào thì một cầu lửa cỡ h耩t v耩t từ bếp kia bay ra, thẳng hướng tôi đứng. Tôi chết l耩ng người. Cách bờ rào khoảng vài bước, h耩t v耩t lửa đột ngột quẹo qua một căn nhà bỏ hoang khác rồi ph耩t tắt. Tôi lao nhanh vào nhà, nằm run bần bật, mắt mở thao l耩o cho tới sáng.

Lần khác, năm 1988, lại một căn nhà cổ từng bỏ hoang ở cuối làng. Căn nhà rách nát gia đình tôi tha hương trở về ở tạm chưa đầy năm. Hani sinh Jaya được một tuần. Tôi ngủ mép ngoài giường canh bé, Hani nằm phía trong. Nửa đêm, tôi lơ mơ thấy bàn tay đen thui thò ra nắm hai chân mình, kéo. Hai mắt tôi vẫn còn mở, mơ mơ màng màng. Nắm chặt thanh gỗ giường, tôi chống hai chân vào bức tường đối diện để khỏi rớt. Nửa mình tôi chơi vơi như thế khá lâu. Tôi vung mạnh cái đập. Gắng sức quá mức khiến tôi vùng thức giấc. Tôi ngồi dậy, quan sát xung quanh: Không gì cả. Hai bàn tay kia biến đâu mất. Tôi ngủ tiếp. Nó lại xuất hiện lần nữa với hành vi tương tự. Tôi định tâm theo dõi. Tôi nhớ đã đọc đâu đó âm khí (nhà cổ với khí của phụ nữ mới sinh) dễ nhiễm âm môi trường. Chỉ có loài sắt mới trị nó. Tôi tìm lấy cây thuốc đặt ngay dưới gối nằm. Mỗi lúc đó mới yên chuyện.

Lúc này, cha đang theo nước ngoài kia. Tôi không thể không đi. Đến đồng Hamu Parya thì trời tối mờ. Tôi kêu to vài tiếng: Không một âm vọng. Tôi vừa chạy vừa kêu, cha ơi cha. Vẳng ngất. Tôi hoảng lên. Thế là nhắm mắt nhắm mũi chạy ngược về. Lúc này mới hãi nhất. Sau lưng không còn ai cả. Sông nước, gai nhọn, lầy lội. Bất kể, tôi chạy và chạy. Tôi đụng ngay cha đang gấp gáp bước ra cửa ngõ nhà.

Tôi làm việc bất kì chuyện lớn nhỏ nào cũng từ khá trở lên. Mở quán cà phê và tạp hóa, vẫn chỗ ấy, trước đó bao nhiêu người thuê đều đổ nợ, tôi làm, bộ mặt nó đổi hẳn. Kế toán Hợp tác xã, chích heo, câu cá hay cả làm thơ, nghiên cứu,... cũng nên cơm nên cháo. Biết cha có hãnh diện về thành tích của tôi không nữa. Tôi không mang mấy cuốn sách hay tấm huy chương, giải thưởng ra khoe cha. Tôi chưa rước cha vào thăm nhà mới tậu ở Sài Gòn để cha biết qua cuộc sống người phố chợ. Có lẽ cha cũng không thích chuyện ấy. Nhưng điều tôi biết chắc là cha rất vui khi biết tôi có in sách về các

ariya; Chăm, về *Ariya Glong Anak*. Chính cha là người vỡ lòng tôi con chữ đầu tiên.

Caklaing làng tôi bạt ngàn con sông. Đi qua con sông lớn *Kraung Bal Caung*; Sông Lu, thì tới làng. Mỹ về lập huyện An Phước, Caklaing mới có cầu, chứ trước đó, muốn lên Phú Quý, dân làng phải lụy mỗi ông lái đò già, hoặc đi vòng ngã trên. Từ con sông này, tẻ ra mấy chục nhánh khác. Không làng Chăm nào được trời ban phát nguồn nước dồi dào như thế.

Sông quê hương với tôi gắn bó nhau gần như là thứ định mệnh. Từ thuở bé thơ. Không như rừng. Tôi rất ngán rừng, nhất là khi rừng về chiều. Rừng mang chứa nỗi dọa nạt khó hiểu. Tôi cũng không hợp với rừng.

Lớp Đệ Thất, nghỉ hè, tôi theo ông anh lên rừng đào đông, loài bò sát sống dưới hang sâu lút đầu người, nếu là đất cát xốp thì còn sâu nữa. Thằng Đê, bạn chăn trâu bị sập hang đông, chết hai cẳng chống lên trời. Quanh quần rừng cả giờ liền, tôi vẫn giỏ không. Hang đầu tiên sâu quá ngực, tôi bỏ cuộc. Hang thứ hai con đông chạy thoát lỗ phụ. Tôi hú Lệ được con nào chưa? Lệ kêu mới có hai. Thế là tôi chơi bài liều, quyết đào hang không có *kabbon nắp*; đây miệng, nghĩa là chấp nhận rủi ro. Được tới đầu gối, tôi thọc tay sâu vào để dò lối quẹo. Đang khi cố moi lớp lá khô, tôi nhận cú đóp vào mu bàn tay, đau điếng. Tôi rút tay ra: Con rết to tới ba ngón bám vào bàn tay vắng ra ngoài. Cha mẹ ơi, rết gì mà to tổ chẳng thế!

Tôi kêu thét lên, mọi người xúm lại đập chết nó. anh Đạm bảo loài rết rừng độc lắm. Tôi nằm lăn lộn trên đất, tụi bạn làm đủ cách vẫn không hết đau.

- Còn đào được nữa không? - Lệ hỏi, sau khi băng tay tôi bằng miếng giẻ xé từ tay áo.

- Hay xách giỏ theo tụi tao để chiều về luôn, - Anh Đạm nói.

Tôi đòi về. Một mình. Qua mười cây số đường rừng. Tới nhà thì đã quá ngọ. Giờ nghỉ lại, vẫn còn rờn rợn. Bọn trẻ vô tình quá đổi. Mất mạng như chơi. Thương, nhưng vô tình. Tôi nằm giường đúng hai ngày.

Những con sông của tuổi thơ thơ mộng tôi nhảy giỡn, tắm gội, lưu lại trong tôi vô vàn kỉ niệm ngọt lịm, mãi ám ảnh tôi. Ngay từ thuở lên ba, tôi theo bước chân cha, mẹ, anh Đạm làm quen với chúng. Sau này lớn lên, tôi dọc ngang hầu như thuộc lòng mọi xó xỉnh của Kraung Bal Caung, Kraung Likuk, Kraung Lakurk, Tơng Lamury, Ribaung Lah, Ribaung Kanu, Ribaung Dhaung, Ribaung Pa-auk, Ribaung Li-aung, Ribaung Gilai, Ribaung Tum, Ribaung Lauw, hay những con đập luôn gắn với sông: Car Canang, Car Jadaw, Car Li-aung, Car Biruw, Car Pabior. Rồi các đập: Banơk Muryang, Banơk Murhwen, Banơk Murkruh, đầm: Danaw Kaxon, Danaw Aih, Danaw Padien, Bblang Kadang.

Không phải không lý do, khi Ppo Klaung Girai chọn Caklaing làm nơi sinh! Đất ruộng chưa tới trăm mẫu mà chẳng chít sông, mương, ao hồ. Bao bọc chúng là lũy tre. Chúng nuôi nấng tuổi thơ tôi. Các con sông đầy loài cá, cua, ếch, rắn. Là nguồn cung cấp thức ăn chưa hề biết cạn cho dân làng. Nhất là sông Lu *Kraung Biuh*:

*Sông Lu với cánh đồng quê tôi
như thần Shiva với thế giới
Shiva sáng tạo và hủy phá
sông Lu làm lũ lụt và bồi phù sa
khi sông Lu được vạch dòng quy hoạch
nó hết làm lũ lụt
cũng lúc thôi bồi phù sa*
(Lễ Tẩy trần tháng Tư, 2002)

Tôi nổi tiếng sát ngư. Sát ngư, thì lắm lúc bị ngư trả thù. Ngạnh cá trê thì khỏi nói, nó đâm là ôm tay về cho mẹ nấu cháo nếp xoi đến ngày hôm sau.

Sông nước hiền dịu và đầy tình yêu thương, nhưng ở đó cũng ẩn chứa bao hiểm họa. Thằng [chú] Bánh suýt mất mạng trong buổi tắm sông. Chị Nhỏ đi *nhá*, bị nước sông cuốn trôi. Lakurk chết đuối ở khúc mà dân làng sau này đặt tên là Kraung Lakurk. Tại điểm đen này, bao nhiêu giai thoại mơ mơ hồ hồ về cô gái trura vắng nhờ ông già cõng qua sông. Đến giữa khúc sông, cô gái bắt đầu tụt dần xuống. Nhưng ông lão sõi đời biết thế nào cô nàng cũng chơi lại trò cổ lỗ đó hòng nhận cho lão chết đuối, để nơi sông nước đêm hôm có bạn bầu tâm sự, nên lão cắp sẵn cây rựa sau lưng. Tụt nửa chừng thì đụng phải sắt, không thể tiếp tục. Thế là cô gái tự dung đẩy mình lâm vào thế kẹt, đành phó mặc ông lão cõng về. Lão biến cô gái thành vợ như trong truyện cổ tích chẳng? Kết cục không có hậu như vậy. Lão quyết bỏ cô gái chết khát, cho làm thứ ma ma, hết làm khiếp hãi bọn đàn bà con trẻ thiếu kinh nghiệm. Nửa đêm, cô gái kêu khát, xin lão cho miếng nước, mỗi giọt thôi! Tiếng kêu than khiến lão động lòng. Lão múc đưa cho cô gái một gáo nước. Đụng phải nước, thế là cô nàng tiêu mất!

Có gần bó với sông mới hiểu và yêu sông. Bao nhiêu con sông quê tôi đã chết! Ai còn kêu hay nhớ tên của chúng? Rất ít. Có lẽ không. Có ai còn nhớ tiếng ếch đầu mùa, hay cò con vướng cành tre đập cánh hốt hoảng, hoặc cá tràu to dính câu bị bỏ quên chết sình? Nhà thơ lưu giữ kí ức cộng đồng, phần chìm sâu của kí ức. Nhưng chính tay tôi cũng góp sức giết chết các con sông kia.

Đời cha không miếng đất cắm dùi đúng nghĩa đen. Không cả mảnh đất rẫy. Thiên hạ cả mẫu, cha có mỗi *Puh Xit*, Rẫy Nhỏ hơn sào, đất lại xấu. Không rẫy thì đến mùa lấy dâu bắp, đậu ván cho sắp nhỏ ăn. Thế là xin rẫy bà con làm. Rẫy Bà Bingu ở Prauk Kamar rồi

rẫy Cei Chương trên thổ mộ. Đến năm bảy mươi, dì Mơi cho khai phá phần hai sào đất xấu phía trên rẫy của dì còn bỏ hoang. Tất cả, cứ được vài năm là giao lại cho chủ cũ. Tội hơn cả là đất ruộng, từ mảnh bị lũ phá đến miếng bỏ cho cỏ lác mọc, chủ ruộng cho cha làm ăn không dăm bảy năm nhưng luôn thất hứa, chưa tới kì là đòi lại. Trong khi cha và anh em tôi bỏ công vào đó bao nhiêu mà kể.

Nhưng rồi ở cuối đời cha cũng được toại nguyện.

Năm 1977, tỉnh phát động chương trình lớn hạ quyết tâm dứt điểm lũ lụt, biến sông Lu thành sông thác, rộng thoáng và thẳng băng. Cả mấy triệu lượt người được huy động. Bằng dụng cụ thô sơ nhất: bàn tay với cuốc xẻng. Mấy lũy tre, bao nhiêu cây cổ thụ thân quen, bãi tắm, ngã lộ ắp đầy kỉ niệm. Thiên nhiên chịu khuất phục trước ý chí con người. “Có sức người sỏi đá cũng thành công”, anh xã đoàn trưởng ở lần phát biểu ra quân đọc diễn văn vào cái mi-crô rè! Thuở đó, tôi dù chưa cảm tình Đoàn, được tin nhiệm cho năm thanh niên làng. Cùng mọi người đóng công lao động xã hội chủ nghĩa. Bao nhiêu sông, mương lâu nay quen ăn theo sông Lu, cứ thế mà bị xóa sổ đoạn trường. Dân nhà nông đua nhau tranh thủ xẻo làm của riêng. Nhà tôi cũng được một miếng nhỏ ở nhánh sông Tơng Lamury đầu đám ruộng khoán. Có lẽ đây là di sản [hữu] vật thể đầu tiên trong đời mà cha tôi khai phá được dành cho con cái.

Tôi vào Đại học rồi bỏ giảng đường. Về quê làm kế toán trưởng Hợp tác xã rồi bỏ nghề sổ sách. Và làm lang bạt. Tôi ngủ lang từ nhà Đảo ở Hữu Đức *Hamu Tanran*;; Đạt, Phăng, Cát ở Pabblap, Toán, Thọ ở Bàu Trúc đến nhà anh Ve, Chí ở Thành Tín *Cwah Patih*;;... Từ năm Đệ Thất cho mãi đến thôi kế toán nông nghiệp. Có nhà tôi nằm *yaung bbong*; ăn *chục*; đến cả tháng. Về Caklaing làm ruộng, rẫy. Hết việc lại đi. Không một lời thừa cha mẹ. Chị Hám, em Những nhỏ cỏ. Em Ngòi rồi sau này Út Lành cày hay chăn trâu, bò. Tôi - đi. Ở Caklaing, tôi cũng không trụ tại nhà mà sang mấy chục nhà khác ăn,

ngủ. Rồi tôi ngủ nhờ một nhà hoang do gia đình không con gái năm anh em trai đi lấy vợ bỏ lại. Non hai năm như thế. Tôi cứ ôm hết Camus đến Nietzsche, hết Krishnamurti đến Dostoievski. Nghĩ mà thương các em vô cùng.

Cày thuê và đọc sách. Tôi thi đua với ông chú họ Thọ Khò, từ đồng sang đồng, cả đồng người Kinh làng bên nữa. Tên hai dân cày thuê nức tiếng cả vùng. Em Ngòi giúp tôi chăn và lo cắt cỏ cho trâu. Có vậy chúng mới kham nổi tháng này sang tháng khác. Rùng rình tiền, tôi nhảy tàu lửa hồi rình dzọt vào thành phố ôm mớ sách về. Mẹ kêu sách chi sách thế.

Con sông quê hương cuối cùng là sông Sau *Kraung Likuk*; vào năm 1986, khi tôi rời Ban Biên soạn sách chữ Chăm, quy hồi cố hương. Tôi gồng gánh gia đình nhỏ từ Cauk trở về, quyết cắt đứt đời du cư. Lúc đó, sông Likuk đã là sông chết. Nó chỉ chịu chuyển động khi có lũ quét. Vậy thôi. Nó đứng yên. Như thể con sông ma. Câm lặng dưới đám lục bình dày đặc, làm ổ cho đủ loài muỗi mòng quậy phá dân vùng ven.

Về, tôi biến nó thành hữu dụng. Tôi một mình dẹp đám lục bình, quyết thay chúng bằng rau muống. Không thể lội xuống lầy hái, tôi đèo Hani qua Xóm Cửa sắm thuyền thúng cũ của dân biển. Rau muống nhà Hani chẳng mấy chốc có thương hiệu. Gia đình tôi chẳng những cung cấp cho người Caklaing thôi mà còn bỏ mồi tận chợ Phú Quý. Được lớp rau che chở, lũ cá trê tha hồ mà về tụ bầy. Thế là tôi được lợi đôi đường. Đủ tiền cơm cá qua bữa nuôi gia đình sáu miệng ăn. Dân Caklaing thấy thế nhân điển hình. Kraung Likuk cạn dần. Nó chết hẳn ba năm sau đó. Năm 1990, tôi bỏ sông ra đầu làng thuê cửa hàng Hợp tác xã mở quán *Cà phê Haly*. Để sau đó hai năm, bỏ quê vào làm dân Sài Gòn. Con sông quê hương chỉ còn là kí ức.

SÔNG LU

Sông Lu sinh ra cùng tôi năm Đinh

*Dậu. Hai mươi tháng hạn sông Lu nằm
phơi thân trầm dòng vào lòng đất. Sông
Lu chảy quyết liệt lúc tôi vỡ tiếng
nói đầu đời, sông Lu ẩn mình trong
tôi khi tôi bỏ làng đi lang bạt,
lần nữa sông Lu lại ra đời với
tôi ngày trở về. Đừng ai hỏi sông*

*Lu ở đâu, đất Phan Thiết sông Lu
lớn dậy chảy ngang trời Sài Gòn bay
Tokyo, sông Lu tắt Baghdad
hát cùng Euphrates. Sông Lu ngã bệnh*

*chết khát, như tôi, sông Lu giận dữ
gào thét hay rì rầm kể chuyện. Sông
Lu khô – cháy, đứng – đói, đầy – trào, sông
Lu nung nóng đồi cát hay sông Lu*

*tự vỡ bờ chở phù sa bồi ruộng
đất quê hương. Cả khi sông Lu bị
con người biến thành thứ mương tháo vô
dụng, sông Lu vẫn cần cù mang phù*

*sa đổ vào biển. Sống như là mang
phù sa đổ vào biển.*

(Chuyện 40 năm mới kể 18 bài thơ tân hình thức, 2006)

Trong năm anh chị em, anh Đạm với tôi gần bó hơn cả. Có lẽ do hai chúng tôi cùng “trang lứa”. Đồng môn nữa. Đang học, không ai chăn trâu, anh phải ở nhà. Học dở chừng - ở nhà. Có năm anh nghỉ nguyên niên khóa. Nên đến lớp Nhất, anh em ngồi chung lớp. Đào đông hay bẫy chuột, cắm câu hay lưới cá, làm đá dăm, cày thuê, đánh lộn, đốn củi. Đến nỗi cha mẹ mấy láng giềng cứ nhè anh em tôi làm gương [sáng] cho con cái họ: - Tụi bây hãy *kaik klai cấn cặc*; anh em thằng Đạm!

Mẹ thì dạy anh em tôi *đi cấn*; của cặp anh em nhà bên. Mẹ hay dạy chúng tôi như thế. Tục, nhưng hiệu quả. Mẹ không dạy tôi kêu anh Đạm bằng *anh*; mà cứ la: Hai đứa bây chui ra một ngày hà? Tôi cãi lại: Mẹ không tập cho quen từ nhỏ làm sao mà kêu! Tôi với anh Đạm cứ *kuw hư; tao mày*;; cho đến khi lên Đệ Thất ở kí túc xá, thằng bạn cùng lớp: - Ủa, anh em mày *kuw hư*; với nhau à, tôi mới xấu hổ và thế là em tập tánh tốt.

Anh em chưa lúc nào rời nhau. Anh Đạm lành, tôi thì quậy. Đến hôm nay, không ít dân Caklaing còn nhớ như in hình ảnh thằng Klu đầu trần áo vải bùi với manh quần xà lỏn trưa nắng đầu thôn cuối xóm đuổi theo mấy con gà lừa chúng đá nhau. Tôi yêu gà, mê gà, dõi chúng lớn lên từng ngày, thuộc từng nếp đi đứng, quen từng tiếng gáy của chúng. Nhất là mấy nhóc mới tập tò o oe gáy. Sáng thức giấc nằm đó mà đếm tiếng chúng gáy thì hạnh phúc tột cùng. Hạnh phúc cho đến khi chiều chăn trâu về bà chị cho biết mẹ vừa bắt chúng *ngap yang cúng thần*. Tôi tiu nghỉu và nhớ nhung suốt mấy buổi.

Lên Đệ Lục, xuất trại, lắm khi không tiền đi xe lam, anh em cùng cuốc bộ. Chúng tôi thách nhau chạy, quên cả chục cây số đường mòn dọc con mương Nhật. Mẹ lại chơi cắc cớ, xế chiều chủ nhật khi cơm nước xong xuống Phan Rang nhập kí túc xá, bảo hai đứa mang theo sợi dây với cây đòn giấu bụi rậm, để cuối tuần hái rau heo

khiêng về. Có hôm chẳng hiểu sao tôi giận ông anh, không chịu khiêng. Cứ đứng đực đó, anh bảo sao cũng chả nhúc nhích. Anh đặt cây đòn lên vai tôi trước rồi quay ra cho phần đòn sau lên vai mình, tôi vẫn không đi. Anh đẩy tới và anh muốn khóc. Biết anh Đạm không dám đánh, tôi càng làm cứng. Đến khi anh chịu nhường phần đòn tôi dài hai thước, phần anh vón vện năm tấc, tôi mới chịu. Không phải tôi sợ nặng, mà tính tôi ương vậy, rất khó bảo! Phần thiệt luôn về phía anh.

Sau năm Bảy lăm, đồng Hamu Porya diện “Người cày có ruộng” của gia đình khi xưa bị thu hồi. Nhà bữa đói bữa no. Mùa hè 1976, chạng vạng sáng, mưa. Tôi loáng thoáng nghe cha mẹ bàn ở phòng trong cho anh em tôi thôi học. Hoặc đưa học đưa nghỉ. Mãi mãi. Tôi hoảng lên, lao ra khỏi nhà, chạy vào trời mưa. Tôi không biết mình chạy đến đâu nữa, mãi khi cha tìm thấy và dắt tôi về. Thế là tôi được cha mẹ sắm sửa quần áo sách vở đi học tiếp, còn anh Đạm thì... được sắm liềm với giống theo bầu Nghị ra đồng! Với cái giá gặt bèo bọt: Hai kí thóc tươi một ngày! Anh Đạm hiền, nên tôi hay giỡn anh, lâu lâu bị anh cho ăn đòn. Làm Hợp tác xã nông nghiệp, tay bạn thơ Bạch Văn Thanh đùa: “Người ta làm chủ nhiệm xây nhà, ông anh mày hết nhiệm kì chỉ có nước đi buôn mại.” Đúng, anh đi buôn thật.

ANH ĐẠM

*Có người thơ tấp tễnh đi buôn
lận lừng ít nắng quê làm vốn
đi, cứ đi phiêu giạt đất trần
chân sạn, buồn đầy, hai tay trắng*

*Hai mươi năm trở lại xóm thôn
cũ tiếng bò trưa, vàng trắng muộn
mới điệu cười, lạ nhịp sống*

Hốt nhiên

chàng úp mặt

khóc òa.

(Sinh nhật cây xương rồng, 1997)

Thôi chủ nhiệm, ai khác còn giữ về quan cách, anh Đạm vác cày ra đồng ngay sáng hôm sau. Ba bốn năm sau lại được bà con tín nhiệm đề cử chức chủ hay phó thôn nữa. Anh có mạng quan, tôi nói. Làm làng thời buổi này mà khó cái nổi gì, có mỗi họp hành với kéo nhau đi uống rượu.

Không kể chị Hám luôn chịu phần thiệt, em Những hết lớp Nhì ở nhà giúp mẹ, cho hai anh và mấy đứa em trai được học tiếp. Chế độ gia đình mẫu hệ Chăm dạy thế. Tôi không biết em gái có mặc cảm khi thấy những người cùng trang lứa được lên Trung học không? Chỉ biết em đã chịu đựng. Như sau này khi tôi vào Sài Gòn học, em nhận phạt nhổ cỏ để có tiền gửi cho ông anh sinh viên thả hồn mây gió với những suy tư triết học! Em Ngòi hay Lành sau Tiểu học vào trường An Phước ở huyện nhà ít tốn kém hơn. Với gia đình nông dân nghèo, tôi là siêu hao tổn.

Gia đình tôi chung khuôn viên với nhà dì Mơi. Năm căn khép nép trong hơn sào đất, không bóng cây. Dù Phan Rang đất nắng, Chăm cứ là kiêng trồng cây. Có cây đu đủ cao sai trái sau nhà, anh Đạm bệnh, cha chặt bỏ, anh hết bệnh. Rồi đến hai cây măng cầu, một cây chùm ruột mỗi trưa đi học về tôi trèo hái trái, thầy đuổi tà ma bảo cha chặt để cứu em Lành khỏi tiêu chảy. Anh chị em tôi không chừa đứa nào, ai cũng hành mẹ theo kiểu của mình. Em Những thì bụng sưng, mẹ phải lặn lội bế ra bác sĩ tận Nha Trang mổ mới lành. Bác sĩ dặn kiêng thịt gà đến hết đời. Rồi Ngòi hai tháng tuổi trở chứng không chịu bú, mãi khóc nhè, người cứ ốm nhom. Mẹ qua ông Thanh Cồn

nhà bên *Dai litei*; *Đung đưa quả lắc*;, cha chạy sang ông Chánh thầy cao đạo đầu hôm đọc kinh lễ làm phép *Parah bilauk*; *Ném lọ*. May quá, lọ được quăng đi lặn đến cổng, thay vì úp xuống thì nó lặn về và... ngửa.

- Thằng này có đập đầu cũng không chết, ông thầy phán. Thầy cho biết nguyên do mẹ với dì Mơi hay cãi vã nhau khiến ông bà giận. Thế là hai chị em làm lễ *Ywak bbuk halar*; *Cắt tóc thề*. Như thần, bé bú lại.

Mẹ với dì Mơi không ai chịu nhịn ai. Anh chị em tôi và mấy đứa con dì, mỗi lần nghe rục rịch đều làng xa hay chui vào nhà im thin thít. Buồn và tủi. Người lớn khổ thế chứ.

Không ít người trong làng biết chú Dụng chứa Việt cộng ở ngăn trong của kho lúa trong căn nhà *Yơ*. Dì Mơi làm ăn khấm khá, gia đình tôi mãi phận du cư. Hết tạm nhà cũ lại sang nhà bếp của cố nội ở nhờ. Tôi với anh Đạm chịu cảnh nằm sắp trước đèn dầu lu mà tụng bài. Thầy Hồng tạt vào bảo như vậy là cháu nó coọc đó, cha mới chạy kiếm vài miếng gỗ vụn làm cho cái bàn con. Bà cố thương mẹ, mất đi để lại cho mẹ nhà ngói nhỏ.

Cha làm ruộng rẽ đồng cao đám trũng đến ba mươi gạ gieo mười năm liền chỉ với cặp trâu, mãi đến năm 1971 mới làm xong căn nhà ngói xây. Từ đó, gia đình mới sáng dần ra. Sáng, nhưng vẫn cực. Cha đã từng thâm canh gieo hai lớp lúa, chiêm lẫn mùa. Cắt phần lúa chiêm lớp trên ăn đỡ đói, còn lớp dưới chuyển qua mùa vụ, khỏi mất công gieo. Lúa chiêm là phát minh của Champa, hạt nhỏ màu vàng đen, ăn ngon nhưng kém thóc. Đất Mỹ Nghiệp ruộng một vụ, cha là người duy nhất đủ độ lì làm lúa ba trắng trái vụ tám gạ gieo! Đến kì lúa làm đồng, ba cha con ra sức tát nước chảy suốt sáu trăm thước con mương khô để tưới ruộng. Hai tuần cuối trước khi gặt, nước khô, buộc phải tát hai lần nước. Cha đứng một đầu gàu, hai anh em tôi thay phiên nhau đứng đầu kia. Cha nói cha thường xuyên làm vậy

thời trai tráng. Cha phải khỏe và dai sức ghê lắm. Rồi khi hạt lúa đông sữa, tôi với anh Đạm luân phiên canh chim chóc! Nghĩa là suốt mấy tháng hè túc trực ngoài đồng. Ba mùa liên tục.

Cho đến khi bộ đội tràn vào Ninh Thuận. Cờ Mặt trận Giải phóng cắm khắp palei Chăm. Cách mạng. Ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân. Nhiều chấm dứt và nhiều khởi đầu.

Gia đình tôi chấm dứt phận làm rẽ. Các thành viên trong đó cũng khởi đầu học sống đời xã viên Hợp tác xã nông nghiệp...

NHỮNG ĐỨA CON CỦA ĐẤT CUỘC TRẦN GIAN

Năm 1963, tôi vào lớp Năm B, dự bị cho lớp đầu tiên của trường Sơ cấp Mỹ Nghiệp. Vài năm trước, đám trẻ Caklaing học đến lớp Ba, phải lặn lội qua tận Hữu Đức hay Văn Lâm cách làng hơn bốn cây số để học tiếp lớp trên. Mãi đến năm 1964, Phú Quý mới nhận học sinh Caklaing. Bao nhiêu lứa trẻ phải ở nhà chăn trâu, sau ba năm làm quen bút mực. Thầy Hồng chạy đôn đáo xin hai phòng trụ sở xã cũ ở giữa làng làm lớp học. Dân quê quen gọi là *Trường Giữa*, phân biệt với trường mới xây hai năm sau đó: *Trường Mới*.

Khai giảng, tôi háo hức cùng đám bạn cầm tập vở “đến trường”. Thầy Sâm, tôi nhớ như in sắc mặt thầy lúc đó, ngoắc ba đứa lại, có tôi trong nhóm đó: - Trẻ, mày về đi, còn nhỏ lắm, đợi sang năm đã. Hai đứa lằm lũi ra cổng, tôi đứng sững lại, nhìn Bánh, Lệ bạn chơi biến vào lớp. Tôi ù té chạy một mạch về nhà, khóc lăn. Mẹ lật đật dẫn tôi đi. - Để tao nói với thầy Sâm, mẹ hứa. Tôi níu áo mẹ, nước mắt nước mũi nhòe nhoẹt. Tôi cứ níu váy mẹ thế, lúc mẹ nói chuyện với thầy trước cửa lớp:

- Thầy để cháu “học gởi”, hai ba bữa nguôi nhớ bạn chơi thì cho nó về cũng được. Nhưng nó học sáng lắm đó. - Mẹ nói thông.

Thầy Sâm cho tôi ngồi ngay bàn đầu. Thế là tôi đọc *róc róc*; mọi chữ thầy cho. Ông thầy đâu biết ở nhà tôi đã thuộc lòng mấy bài lớp Tư của anh Đạm. Anh học và tôi thuộc, dù chưa biết chữ nào. Thế là

thầy Sâm phân công tôi đánh vào mông mấy anh học *nặng*. Mấy anh to cỡ cùng lớp lớn hơn tôi bốn, năm tuổi. Mẹ cha ơi, giờ cây thước thấp sẽ bị thầy phạt, còn đập mạnh tay thì giờ ra chơi có mà ăn đòn. Thế là tôi không đánh. Tôi mang tật hay cãi thầy từ đó.

Lớp Ba, chúng tôi dời sang trường mới. Đang hồ hởi bàn ghế mới tinh thì trường bị đánh canon Mỹ. Lính làng loáng thấy bóng tiểu đội người ngòm hành quân dọc bìa rẫy ông Định cách làng non cây số. Thế là réo nhau leo lên trạm gác và giờ hai cây súng Phà với cây Garand, ngắm bắn. Mẹ cha ơi! Lúc đó còn chưa đến giờ ra chơi. Trường nằm sát trạm. Thầy Hồng cấp tốc cho đám học trò về. Vừa bước vào nhà thì riu... riu... tiếp theo là tiếng nổ inh tai. Dù đang thời chiến, nhưng đây lần đầu tiên tôi nghe thấy tiếng nổ khủng thế. Cả chục trái liên tù tì. Rồi im bặt. Chú Bững em út mẹ òa tới nằm lăn lộn giữa sân nhà, khóc rú lên: - Chị Sớm chết rồi, chết rồi... Mọi người túa ra. Tôi thấy hai anh lính áo rằn ri khiêng dì ra sân banh có máy bay trực thăng chờ sẵn. Nó đưa dì bay lên cao rồi biến mất.

Lính làng tưởng Mỹ là Việt cộng, bắn chim. Mỹ nghĩ vừa đụng phải làng Việt cộng, đã chơi trội, kêu pháo hạng nặng nã tới. Làng và trường mới của chúng tôi lãnh đủ. Trái canon nổ trước trụ cờ làm bay nguyên cây me hai tuổi, còn bức tường lớp tôi học bị thủng cả chục lỗ to đùng. Đám nhóc lần nữa dời sang Nhà Ròng giữa làng, học tạm. Cho đến hai tháng sau Mỹ đền bù, sửa sang khoản hư hại. Trường có thêm xích đu, bàn trượt, đòn cân, cùng bao thứ linh tinh khác.

Tôi vào Trường Trung học An Phước ở Phú Nhuận bằng cổng chính trong tư thế kiêu hãnh của tuổi trẻ: Đậu thủ khoa để nhận học bổng suốt Trung học. Đó là năm đầu tiên trường phân môn riêng Anh và Pháp, chứ bốn năm trước từ khi thành lập thì chỉ có Anh văn, Pháp là sinh ngữ phụ. Tôi vào lớp Pháp văn. Vết thương còn lại sau nửa niên khóa An Phước là cái “Đêm kinh hoàng” (tên một bút kí của

Phú Văn Tình) vào mùa xuân năm 1970. Việt cộng pháo kích Khu huấn luyện Nghĩa quân cạnh trường, bom pháo bay lạc vào kí túc xá. Ông thầy dạy toán mới ra trường kêu lên: “Trúng điểm sinh hoạt của tôi rồi”! Sau đó là: “Đạm, thằng Đạm bị thương...”

Tiếng người chạy thịch thịch nện lên nền đất. Dù đang nằm cạnh anh Đạm trong hầm trú, tôi vẫn đưa tay nắm chặt anh. Nhưng không, đó là Đạm làng Hamu Crauk. Mái tôn khu B bị trúng trái pháo, một nhóm bạn không kịp chạy. Tin dữ đồn xa. Sáng mở mắt, chú bác tôi tay mang tay xách *ciew bang; chiếu cói, alak hala trúng với trầu*; ngồi chờ trước cổng trường để đón xác chúng tôi về!

Trường dời xuống thị xã Phan Rang mang tên mới: trường Trung học Pô-Klong. Sau Tết, xe Ben chở đám trẻ đổ xuống một bãi cát trắng khô cằn ngập nắng và gió. Ở đó chỉ có nhà lầu hai tầng mới xây chông chênh giữa mênh mông bãi tha ma đầy xương rồng. Lũ học sinh ra sức dọn hàng trăm bộ xương khô bỏ hoang. Cát, gió và bụi. Bọn trẻ chờ phiên xách từng gàu nước tưới cây làm xanh cả khu đất cằn. Mồ hôi, nước mắt, máu và kỉ niệm. Vụ gài bom lối đi tiểu mỗi tối, mấy trái M19 bắn vào kí túc xá học sinh vô tội, một trái phá khổng lồ nổ tung khiến nguyên phần lầu khu nữ sinh bị nứt cong vòm hết còn ở được. Mảnh bom lấy đi một mắt trái anh giám thị. Chú bảo vệ người Raglai Mang Nhái chết cong queo.

Tôi từng vác “đạn” theo các anh vào tận Khu Tam giác đẹp bọn quấy phá, theo chân làm trật tự đàn anh chị đi lưu diễn văn nghệ các làng Chăm xin tiền xây trường, tham gia đội bóng đá trường bảo vệ danh hiệu. Mối tình đầu thơ dại [nhưng không dám hó hé] của tôi cũng nảy nở ở đây. Năm cuối cùng, tôi học sinh xuất sắc nhất trường đứng trên bục phát biểu cảm tưởng cũng là năm mà vào mùa hè 1975, tôi và Hiền bị đẩy lên chiếc xe Jeep thẳng hướng đồn công an vì bị tình nghi liên can *Ikan Krwak; Cá Rô*;

Lưu Văn Đảo, Quang Cần Trượng Ngạt

Đào lấy tên làng làm bút danh: Jaya Hamu Tanran.

Mấy tháng bỏ giảng đường, tôi bán hết tem phiếu tháng để mua sách. Mỗi chiều la cà khu sách cũ đường Kí Con, đọc xong thì đổi sách mới. Cứ thế. Qua ăn nhờ *yut*; *bạn*; Đào ở cư xá Đại học Dự bị đường Nguyễn Chí Thanh. Cơm sinh viên cuối những năm bảy mươi, một suất cho phần ăn đã đói meo rồi, vậy mà tôi qua ăn ké ba tháng trời. *Yut*; hiểu, cứ cho ăn ké, ngủ ké. Vài tuần tôi về quê rinh vào mớ ba mớ bảy mấy thứ ăn bù! Năm sau, *yut*; dính vụ vượt biên, bị bắt ngay trong trường. Vượt biên, với người khác thì chưa đầy năm đã thả, vậy mà cánh bạn tôi bị nghi chính trị chính em, ngồi nhà mát đến năm, sáu năm! Ra tù, *yut*; lấy vợ, học Cao đẳng sau đó được mời vào làm việc ở Ban Biên soạn đến nay. Một cây bút thơ tiếng Chăm tài hoa.

Cần học khác trường thời Trung học, lên Đại học chúng tôi mới chơi thân. Cũng dính vào vòng lao lý như Đào cùng thế hệ sinh viên Chăm đầy tài năng thời đó. Sau học tập cải tạo, Cần phấn đấu học Cao đẳng, vào Ban Biên soạn rồi lên Đại học và Cao học. Không ai ngờ sau mấy gập ghềnh dòng đời như thế, Cần lại qua Mỹ được để học Thạc sĩ rồi Tiến sĩ. Còn gồng gánh cả gia đình năm miệng ăn sang tận Hawaii nữa chứ!

Cùng thân phận, nhưng khác Đào và Cần, Ngạt dẫn mình vào kinh doanh, sau khi mở quán nhậu Muslim ở đường Phan Đăng Lưu thất bại đã lập *Công ty Hương Trầm*; ở Thủ Đức nuôi và luân chuyển ba ba sang Thái Lan ăn nên làm ra. Thông minh lanh lẹ không kém gì Cần, nhưng kín đáo hơn. Đây là đức tính lạ, ít Chăm có. Vào Sài Gòn mấy năm mà được cơ ngơi thế thì phải nói cực kì. Thế chẳng mà Ngạt bị chơi. Ngày 7-6-2004, Đài *VTV1*; tố cáo Công ty của *yut*; lừa nông dân, có vài nhân chứng được bố trí phỏng vấn. Tôi phone cho *yut*; tìm cách dính chính cứu vãn tình thế. Nhưng rồi anh em nghĩ

giữa đất Sài thành bao cạm bẫy, hãy biết thân biết phận, nhịn là thương sách.

Sài Gòn, nhưng chúng tôi ít gặp nhau.

Hứa Ngọc Cát Châu Văn Thủ

Cát người cao, da đen, và... xấu trai. Không sao, Cát thông minh, còn ý chí thì mạnh quá đá tảng. Khía cạnh nào đó, Cát như là cái tôi thứ hai của tôi. Cùng Đinh Dậu, nhưng học sau tôi ba lớp. Tôi bỏ Đại học, *yut*; bỏ Đại học. Tôi kế toán, *yut*; kế toán. Tôi cày thuê mua cả đồng sách, *yut*; cũng thế, khác điều không là một sách như tôi. Mượn tôi gần trăm cuốn sách quý, *yut*; bỏ dưới gầm giường cho lũ mối đọc, chưa hết tuần là xong mấy Krishnamurti, Nietzsche...

Tôi làm đầu trúng đó, Cát thì ngược lại. Cát làm bí đỏ, cộng trừ nhân chia như tay kế toán bàn giấy: 1 dây bí ra 4 trái, lấy số trung bình 2 trái/ dây; mỗi trái một cân tạm lấy giá thấp nhất: 1.000 đồng; một mẫu được 500 dây; một ngày gồng mình gánh nước tưới được 100 dây, xoay vòng như thế, tuần được nghỉ chủ nhật. Với sức khỏe trâu hoang, nắng Phan Rang là chuyện nhỏ! Cứ thế mà nhân lên, mỗi mùa được triệu. Quy ra mười hai cây vàng ba số chín!

Thế là *yut*; thuê đất rẫy đang kì bỏ hoang. Bà chủ cho làm không, chứ để đó cho cỏ dại mọc mà chi, làm cái ớn không tốt hơn ư, *yut*; không chịu. - Tôi trả cho bà cây vàng! Tôi ăn đêm nhà *yut*;, giúp một tay vào kế hoạch đại vĩ mô kia. Cát bảo cha tao nói, mày ngon vậy, sao làm nông thuần thực còn hơn tay nhà nông chính hiệu nữa. Mấy vụ liên tục, Cát trắng tay. Tôi vừa trôi giạt miền Tây về, vốn liếng còn vồn vện mỗi chỉ. *Yut*; nói: - Cho tao vay, dăm năm nữa, khi các thành phố lớn trên thế giới có villa tao, khi đó cứ quy sang đôla Mỹ tao trả mày. *Yut*; biến. Cho đến một sáng, *yut*; kéo theo hai đứa ghé nhà tôi ở Tân Phú, đính kèm linh kinh hai bao tải hom nhỏ.

- Tao quyết làm cách mạng nho đồ tại đất Hà Tiên, - *yut*; nói. Bài kế toán cũ lần nữa giở ra. Tôi bảo: Mi lại như xưa thôi. Không trật đâu

cả, năm sau, *yut*, trở về không xu dính túi. *Ramurwan*; 2003, lần sau cùng gặp nhau tại Phước Nhơn, *yut*, nói, đời chó đẻ, tao vừa chuyển sang nghề bán thuốc Nam rồi. Định mệnh quái quỷ thật.

Thủ, tính tình và xử sự hết nhân vật cách mạng trẻ tuổi trong *Lữ người quỷ ám*; của Dostoievski. Luôn bước lấn phần đường của thiên hạ. Nhiệt tình, sôi nổi và tự tin thái quá. Chính đức tính đó *yut*, lôi được cánh bạn làm theo mình, dù không muốn.

Đa số bạn bè lứa Pô-Klong lúc đó thất nghiệp túng thế đổ xô hết vào Cao đẳng Sư phạm Thuận Hải ở Tháp Chàm. Mỗi chủ nhật, Thủ thu gom bốn, năm đứa chúng tôi về Bauh Dơng họp. Ông chú ruột tôi bảo: - Tụi mày họp hành gì công an có hỏi tao. Nhưng mặc, chúng tôi cứ họp. *Yut*, phân công cho tôi và Đào làm Từ điển Việt - Chăm. Đừng ngại, cứ tha hồ đẻ từ, chớ khờ mà xài từ của bọn *Jok*. Tôi răm rắp nghe theo, soạn! Liên tù tì hơn tháng cầm cúi, cho đến khi vào Sài Gòn học thì gần như tôi đã làm xong bộ từ điển nặng kí.

Chính Thủ khích tôi thuê cái chợ cũ Caklaing mở quán. Chớ đại bán chịu. Phải làm cuộc cách mạng ngay trong lối sống lối nghĩ Chăm. Kinh doanh méch lòng ai, kệ. Làm ăn mà như đánh giặc, *yut*, là vậy. Con người tháo vát hiếm có. Trà Vigia kể thuở vượt biên kẹt ở Campuchia, *yut*, còn vay được tiền người mới quen để chi tiêu, kiếm được gói Jet cho Trà phun khói giải sầu những ngày tháng tha hương nữa. Sẵn sàng hi sinh cho bạn, khi sự hi sinh đó phục vụ cho công cuộc mà *yut*, cho là lâu dài.

Hàm Bộ

Không hiểu tiên triệu nào ngày anh bị thương nhằm đúng sinh nhật tôi. Tin anh mất tôi nhận được từ quê. 8:24 sáng ngày 22-9-1999, cùng lúc nhà sách vừa báo in xong tập thơ *Hành hương em*. Tôi hầu như vô cảm. Đạp xe đi nhận sách, theo ba gác chở sách về. Chiều hôm trước, tôi ghé bệnh viện Chợ Rẫy thăm anh. Anh không nói

được, nhìn tôi, hai mắt ngấn nước. Bác sĩ cho biết anh bị bò báng gãy đốt xương sống thứ ba.

Chỉ lối cho bác ba gác chở sách về nhà, tôi tạt vào quán cà phê quen. Cô gái bán quán, vắng khách, kéo ghế ghé ngồi. Anh vài lần hứa vào Sài Gòn thăm tôi làm ăn nhưng mãi hụi. Cuối cùng anh cũng vào, nhưng lại đến thẳng bệnh viện. Sấn cầm trên tay tập thơ, tôi kí tặng Thanh Hải. Không ngờ, người đầu tiên tôi tặng tập thơ lại là cô gái ít học, ít quen biết. Cô bảo mẹ nói tên em trùng tên với một nhà thơ cùng quê.

- Vậy à? - tôi hỏi lơ đãng.

- Anh nhìn mà không thấy em. - Thanh Hải nói.

Tôi thoáng giật mình. Đó là câu văn của Phạm Công Thiện, tôi đọc đâu đó. Hàm Bộ mới qua bốn mươi. Anh em họ, nhưng với tôi như bạn thân, còn hơn thế: *guru*. Cùng múa võ trên rẫy, cùng ngủ rừng nhìn khoảng không bao la, từng rủ nhau đi buôn, ngồi với nhau những chiều ngồi lẩn vào đêm mà không nói gì. Không nói, nhưng hiểu nhau. Đã từng mơ mộng, nói những mơ mộng cho nhau nghe. Học lấy bằng sơ cấp thú y, anh nhận vài chục con bò chăn thuê. Được bà con tin yêu, giao chăn và chăm sóc thuốc men cho chúng. Đã từng cứu hàng trăm con qua trận dịch. Vậy mà hôm nay, anh bị chính lũ bò làm hại. Xe bệnh viện đã chở anh về, tối qua. Cuộc đời anh là giấc mơ triển hạn. Bài thơ cuộc đời luôn bị triển hạn.

Giấc mơ bị giam cầm từ rất sớm

dấu bé con

Đã chết những dấu chân

dấu chân vẫn con đường mòn ấy

từ làng lên đồi và ngược trở về

làm quen thuộc hơi gió

đã chết cơn mưa đầu đời

chết

câu thơ chưa kịp khai sinh

chết

những khoanh rùng

Với ngọn gió, ngọn đời quen thuộc

với khoảng rộng trần gian nơi ý tưởng chưa đầy tràn

anh ở lại

với hơi thở và hơi thơ câm nín

với giấc mơ triển hạn và

cuộc sống mãi mãi làm triển hạn

Khi hơi thở cuối cùng đã hết hạn chờ đợi

anh đi

Ở lại

dấu chân bị xóa

tên sông đã chết

lang thang những câu thơ trì hoãn.

(Chuyện 40 năm mới kể 18 bài thơ tân hình thức, 2006)

- Bạn thân nhất của anh vừa mất, em ạ, - tôi nói với Thanh Hải, trống không vậy thôi, trả tiền cà phê và đạp xe về. Hai lần tôi mơ thấy anh. Anh đến rủ tôi đi, nhưng tôi không chịu.

Nhóm bạn Caklaing

Tôi vừa viết xong dòng cuối bài luận văn thi kì hai thì nhận giấy mời qua phòng Hiệu trưởng gấp. Hiền đã ngồi sẵn đó.

- Trăm có biết gì về vụ Fulro hôm qua không? - thầy Nguyễn Văn Tỳ hỏi.

- Dạ không, thầy ạ.

- Tất cả mọi người biết, em không sao được!

- Dạ, em biết như mọi người biết thôi. Mấy bạn ở quê lên rừng...
- Họ sắp đến mang em đi đây.

Thế thôi. Thầy đang dặn dò tôi thì xe đến. Tôi và Hiền lên xe, không hiểu gì cả nên, khá vô tư. Xe thẳng hướng đồn công an tỉnh. Hai chúng tôi bị tách ra thẩm vấn riêng. Tôi lặp lại câu vừa nói với anh cán bộ. Thế là họ dẫn tôi đi. Cửa xà lim tối om mở ra. - Tiêu rồi! Tôi thụt lại và kêu lên hoảng hốt: - Để em khai, để em khai... Nhưng anh công an đẩy mạnh tôi vào, đóng sầm cửa, khóa lại. Bóng tối đen mò. Cái cuối cùng tôi thấy được là khuôn mặt Hiền đang ló ra ngoài xà lim đối diện, dòm tôi.

Tôi không khai gì. Chẳng có gì để khai báo cả! Tôi nói anh Đạm có rủ nhưng tôi không đi. Sau này, tôi mới biết bạn cùng quê “lên rừng” muện, bị tóm dọc đường, đã khai bừa tôi làm giao liên cho chú Chạy là tay chân của Jaya Mrang. Yut; Phép bị đánh đập và dẫn xuống Ninh Chữ nhốt ba tháng, do khai đại. Đánh để khai thêm. Tôi và Hiền được thả ba ngày sau đó. Khi cả ngàn thanh niên Chăm chủ yếu là Caklaing và Thành Tín *nau ngap Ikan Kwak; đi làm Cá Rô*; đến núi Sông Pha, bị bộ đội phục kích bắn chặn, chạy về.

Vừa về đến làng, hai đứa bị đẩy vào lớp học tập chính sách một tuần với đám bạn. Tôi vùng vằng trước cửa “lớp”, quay lại cự nự cán bộ phụ trách: -Tôi không có gì sao phải học chớ. Họ cho tôi về. Họ không tha cho tôi dễ vậy, nếu không có uy danh của ông chú Dương Động đang chức phó chủ tịch xã. Thế là tôi thoát “lý lịch đen”. Kỉ niệm sâu đậm nhất về ba ngày đêm xà lim là bữa cơm thừa thịt chó. Tôi bảo không ăn chó và xin nước mắm. Tay an ninh gờm gờm: - Thế nào rồi mày cũng phải ăn.

Nhóm bạn Caklaing có Thính, Tin, Lệ, Quân, Quận, Bánh, Phép, Hiền, Bày, Quận mù, Đạm, Quả, Quốc. Chúng tôi cùng lú, học từ khá đến giỏi, đá bóng thì khỏi chê. Thắng, và luôn thắng đẹp, hấp dẫn. Thuở Pô-Klong, chúng tôi từng chấp mấy làng đá, vẫn thắng.

Lên Quảng Sơn hay vào Mũi Né, [tôi lúc này đã bỏ anh em đi lang bạt] cứ thẳng. Dân nghiện bóng đá hai vùng này đến mùa là mời cho kì được đội Mỹ Nghiệp. Thêm mấy bạn nữ: Đính, Hốp, Nam, Buôn, Thoa, Nhàn. Với sôi nổi thơ ngây của tuổi trẻ. Đào giếng, làm vệ sinh làng, văn nghệ thể thao. Rồi dùng cái, một nửa số anh em nghe lời “hiệu triệu” hấp dẫn của Jaya Mrang - *nau Ikan Krwak*;! Khởi từ rẫy Ong Hào Byững cách làng hơn cây số, họ đi. Ba, bốn làng nhập lại. Với con số non ngàn thanh niên chưa hề rờ tới súng ống. Họ đi bằng đồng, rừng, mãi tảng sáng thì đến ngọn đồi, nghỉ chân, đợi liên lạc về chỉ đường đi tiếp. Rồi... pháo nổ. Vài tiếng kêu la. Có người bị thương. Mấy tràng súng bắn trả. Tất cả bỏ hành lý lại lao xuống đồi theo hướng họ vừa đi lên. Chạy, gần như là lăn xuống. Như bản năng tiền sử kêu họ chạy trở lại cố hương. Hoảng loạn và tán loạn.

Cuộc trở về rơi đúng ngày đầu năm Chăm lịch, Rija Nugar. Mưa. Cuộc lễ *Nau Yang*; năm ấy ủ buồn như đám tang. Cả mấy trăm thanh niên bỏ làng chớ ít ỏi gì cho cam. Gia đình nào cũng có người liên lụy. Năm, sáu anh em lạc về từ đêm qua ẩn núp trong lùm trâm bầu rẫy nhà anh Tin, ngó về phía cuộc lễ cách đó hơn trăm bước, đói lả, thèm thường. Bọn trẻ đợi bà con xong lễ về hết mới dám mò ra tìm lửa để luộc khoai vừa nhỏ được ngoài rẫy. Nấu bằng thùng đạn. Nước sôi, anh bạn mở nắp bị bật hơi nguyên bộ mặt lãnh đủ. Khi đó đám trẻ mới chịu khiêng nhau về.

Khoản len lỏi xó xỉnh rừng núi, bọn trẻ đang năm cuối Trung học chưa đáng xách dép cao su cho mấy chú Việt cộng mấy mươi năm kinh nghiệm nằm vùng, đừng hòng! Nhưng rồi anh em cũng trở về, an toàn. Chúng tôi lại bắt đầu vác tù và cho làng Caklaing mãi cho đến bây giờ.

Trần Ngọc Lan Trà Vigia

Tên cúng cơm: Hứa Phăng, tài năng sớm lộ ngay vào những năm đầu Trung học. Tuổi mười lăm đã xuất bản tập thơ *Xây sâu trong tim*

lở; in ronéo, với đám chúng tôi viết chưa nên thân một bài văn tiếng Việt, thì phải kêu là thiên tài. Sau 1975, *yut*; nín. Chỉ ló mặt trở lại khi *Tagalau*; xuất hiện. Rồi trở thành cây bút đỉnh của *Tuyển tập*. Tài hoa cả trong thơ lẫn văn. Dồi dào cảm xúc, một cảm xúc trên nền tình yêu đậm dành cho quê, cho mẹ, cho con, cho anh em, bè bạn. Vậy mà chẳng chịu viết.

Anh em từng rủ rê nhau làm tập san Chăm từ mấy năm trước, chờ mòn năm tháng chẳng thấy ai nộp bài. Mùa hè năm 2000, tôi hối, *yut*; và Tiến vào ăn dầm ở đề nhà tôi tại Tân Bình, cà phê bia bọt đủ cả. Tôi giao khoán, mỗi vị phải rặn ít nhất năm bài thơ và một truyện ngắn, không xong không về. Tuần sau, hai “nhà” nộp bản vui vẻ! Tôi nói, trong ba anh em văn chương, Tiến số một, Phăng thứ, cuối cùng mới đến Sara. Hôm nay Sara lên đời là nhờ chịu cày hơn bọn họ thôi. Chiều cuối cùng trước sớm mai chia tay, ba anh em tự thưởng bằng châu cà phê. Tên *Tagalau*; *Bằng lăng*; là do Trà đặt. Tôi và Phăng giờ tay nhất trí.

Chân dung đồng một vự; ra đời dưới giàn bông giấy in ngay *Tagalau*; đầu tiên. Tung tung mà lôi cuốn, có vẻ bất cần mà đắm tình. Chỉ bằng vài nét phác sơ sài, vài đoạn đối thoại ngắn, vài quan sát như lối nhìn trẻ thơ, anh đã vẽ được chân dung của một làng quê Chăm vừa cũ vừa hiện đại, nửa như yên ắng nửa muốn làm sôi động giả tạo trong buổi giao thời nhưng cứ đặc chất Chăm. Đây là lối tiếp cận hiện thực khá hiện đại. Lâm Gia Tiến - trời khéo sinh tay này ra để hành tôi.

Ba năm nằm trại Thái Lan, tháng 6-1994, Trà nhắn tôi gởi gấp báo thể thao cho *yut*; xem tạm World Cup qua lời bình, chớ trại làm gì có ti vi. Cho đỡ buồn. Buồn quái gì chứ! Ba loại báo cả thấy. Mà cắt từng bài ra hải quan có chịu đâu. Phải mua nguyên tờ, chỉ để cho *yut*; xem mục thể thao. Cả tháng báo, phí gửi thì trên trời! Trại sắp đóng cửa, ai không đủ tiêu chuẩn sang nước thứ ba định cư sẽ bị trả lại

Việt Nam. Tôi thư, bồ về đi, để cùng làm tạp chí. Yut, sỏi thận nặng, bốn lần mổ nhưng vẫn cứ Jet đều đặn phun khói. Mọi người kêu trời. Yut, bảo, bỏ thuốc lá tôi chết nhanh hơn. Có muốn tôi đi châu ông bà sớm không thì bảo!

Tagalau, không có Trà Vigia coi như mất đứt một nửa giá trị. Phiền là thế! Phiền từ “Mỹ Sơn đường về” phiền đến “Ăn chữ”. Bạn văn nhắc: Có ai biết Trà Vigia là ai đâu, Sara phải gánh cả đấy chứ! Lại tôi giới thiệu yut, làm ở Đài Tiếng nói Việt Nam - Ban tiếng Chăm, chế độ đãi ngộ ngon lành. Ai đời tay nông dân không mảnh bằng lặn túi, mới vào làm, được tính ngay hai triệu tiền lương dính kèm chế độ nhà ở tại cơ quan cùng bữa cơm trưa! Rồi chưa tròn năm, yut, về. Mình không chịu nổi khí hậu luôn cúi với thái độ giả tạo của bọn gốc, yut, nói. Đó là ngày tháng ngục tù dành cho kẻ sáng tạo! Yut, về, tiếp tục chương trình kinh niên đôi...

Không bình thường chút nào kẻ hai lần mổ thận tại Chợ Rẫy với hai bạn tận Sikhiu vẫn cứ chơi rượu gạo như chưa hay chẳng có gì xảy ra

Không bình thường chút nào kẻ 5 ngày học tập cải tạo tại Việt Nam rồi 4 năm nằm trại Thái Lan vẫn cứ Phan Rang đẹp, cuộc đời tình yêu đẹp hát vào những đỉnh trời

Không bình thường chút nào kẻ giữa trận trường kì ăn đòn cứ tìm cho ra gót Jet phá khói trầm tư về cõi hủy phá sáng tạo, hủy phá để sáng tạo, hủy phá @ sáng tạo, anh chàng Shiva thiên kỉ xưa chịu chơi thế là cùng

Không bình thường chút nào kẻ đào lên lấp lại cơ man lần vắn ao đất đó không trồng hay nuôi thứ gì cả cho nắng Phan Rang vắt cạn giọt mồ hôi cuối cùng, kẻ bày ra phong thái uống rượu cao cường tiên sinh Lý Bạch sống lại cũng báỉ phục, kẻ tuyên ngôn người uống rượu lọc bằng thận ta bằng trái tim không hề chịu cũ

*Không bình thường chút nào kẻ đột hứng làm chuyển Mỹ Sơn
đường về tung bụi mù môi trường văn nghệ tỉnh lẻ đầu hiu banh ngược
trần mang cuộc đời vào cuộc chơi nhỏ lớn, tối sáng, vô danh hay rền
tiếng, kẻ xem nhẹ giải Hội Nhà văn Việt Nam với Nobel, Nhóm Mở
Miệng hay Bill Gates được/ bị đặt ngang nhau, khinh thường đồng
thời tôn thờ tất cả đàn bà con gái*

*Không bình thường chút nào kẻ khả năng ngày để 3 bài thơ đầu
không xu dính túi vẫn từ chối gửi đăng báo, kẻ vĩnh viễn lãng phí tài
năng, sức khỏe cuộc đời thực của mình cho mục tiêu mơ hồ nào đó*

Cũng rất là bình thường...

(Chuyện 40 năm mới kể 18 bài thơ tân hình thức, 2006)

Phú Văn Lưu

Anh họ tôi, một chiến binh đúng nghĩa. Người tầm thước, đẹp trai, săn chắc trong bộ ria rậm với cái nhìn sắc, dữ dội. Học Võ bị Đà Lạt, ra trường đeo lon chuẩn úy. Tới trung úy thì... giải phóng. Đang kì cao điểm các trận đánh chuẩn bị tổng tiến công mùa xuân, anh bị cấp trên chỉ định “giải phóng” *palei*; Thon thời điểm đêm Cộng sản ngày Cộng hòa. Dì Lặng (em ruột cha) mẹ anh khóc: Người gì mà bị đuổi bắn như chim chóc ấy.

Sau năm Bảy lăm anh đi cải tạo, thả ra lại lên núi đi Ikan Krwak. Xuống núi, vào tù rồi ra tù. Chị Song vợ anh cũng khốn đốn không kém. Tiếp tế chị em Ikan Krwak, chị bị bắt, anh một mình ở nhà coi trông bọn trẻ nheo nhóc. Đang trưa nắng, tôi đèo Hani tạt qua thăm anh. Anh mời hai em cơm trưa với dưa thì chén sứt, dưa với sọ dừa, dưa so le cao thấp. Tội thế chứ.

Anh Lưu là một tay Karate cừ khôi, sẵn sàng chơi sòng phẳng với giới giang hồ khi cần. Năm tôi đầu Trung học Đệ Nhị cấp, xuất trại kí túc xá Pô-Klong về, cả đám đông lộn xộn khu vực giếng Kai Rađaih. Có xung đột giữa gia đình chần vọt với nhóm thanh niên Chung Mỹ.

Mười thanh niên hùng hùng hổ hổ xách gậy gộc xuống, nhưng vừa đụng trận, mỗi hai ông Kinh mà cả bọn to xác chạy té đài. Có tay còn bị mất cả đồng hồ mới sắm nữa chứ! Anh Lưu mặc áo xơ-vin đi xe Honda 67 ngang qua, thắng kít, bước xuống. Anh ngoắc hai ông kia lại. Họ ngần ngừ. - Lại đây! - anh nạt to và dấn tới. Gặp phải tay máu rồi, họ hiểu và tỏ ra biết điều, trả lại cái đồng hồ. Anh dẫn cả hai vào trụ sở xã Phước Hải. Hết.

Trưa năm 1987, anh ghé gia đình tôi đang chui nhủi trong ngôi nhà cổ ở Kraung Likuk: - Trạm, đi với anh. Anh có mối độc và chắc chắn. Qua Cam-bốt rồi Thái Lan, từ Thái Lan có người dẫn đi Mã Lai, sau đó có tàu đưa qua Mỹ. - Anh đi cẩn trọng nhé, - tôi nói. Thế rồi anh nằm lại trại Thái Lan ba năm mới được sang Mỹ. Rồi bảo lãnh gia đình. Sau nửa đời người, mãi lúc đó anh mới biết đến không khí sum vầy hạnh phúc gia đình là gì.

Anh Tin anh Trắng

Thời trẻ con, câu chuyện của anh Tin làm tôi mê mết. Gì anh cũng biết. Tôi với Lệ cứ ngẩng cổ lên mà nghe. Anh kể chuyện Ppo Rome không đầu vẫn về đến dinh, chuyện quân Minh Mạng mỗi bữa nấu cơm dùng ba sọ dừa mới của lính Chăm làm *patuw ging; ông táo...* Bao nhiêu là chuyện. Chỉ cần qua một khóa nửa năm Thiếu lâm tự, mấy tay Vovinam ba gạch vàng có đại mới dám xớ rớ. Coi Jaya Mrang bằng thánh, cái gì ông ta làm cũng tuyệt. Thuộc các bài hát của ông như cháo, bắt chước cả giọng lẫn lối nhả chữ.

Anh Trắng thì khỏi nói rồi, là thần tượng của cả thế hệ học sinh Pô-Klong.

Lực sĩ toàn năng. Cự li ngắn và trung bình, nhảy xa, nhảy cao hay ném tạ, bóng chuyền lẫn bóng đá. Mỗi lần anh mở cú rút là coi như đối thủ có mà ngửi... địt. Nói tục hết biết. Năm 1977, anh bị tù do liên lụy ông anh lãnh tụ Ikan Krwak, hai lần cắt gân tay tự tử. Oan cho anh. Thằng Trắng mà làm chính trị mẹ gì, - bạn học Duy Tân cả quyết

thế. Nghe tin anh hết muốn sống, tôi chắt chiu tiền, quà gửi vào trại cho anh. Là chuyện cả gan. Tôi biết một tâm hồn đẹp như anh không thể chịu nổi trò chơi gian dối của đời sống nhem nhuốc đầy cạm bẫy này.

Đàng Năng Thọ

Con người lạnh và khép kín.

Thời Pô-Klong đã thế, làm người lớn cũng vậy. Năm 1978 trường kì ăn độn, anh em rủ nhau làm cuộc hành trình dài qua các *palei*; Chăm, bằng cuốc bộ. Cauk, *Tabơng*; Thành Ý, Pabblap,... Thọ ngồi thu lu một góc, nghe tôi với các cụ thao thao về văn chương chữ nghĩa. Có khi cả tuần tôi ghé anh nằm dài, xem anh vẽ. Các bức họa của Thọ lúc này bị tôi chê bừa: Nét này còn dính mùi Modigliani, khối nọ là con đẻ của Picasso, màu kia có anh em bà con với Van Gogh. Anh cứ lặng lẽ. Từ tranh cổ động cho Đoàn Văn nghệ Thuận Hải hay trước đó, vẽ báo tường. Mỗi khi có đợt báo tường, Thọ say sưa với cây cọ màu nước! Quên đất trời, quên ăn, quên cả các môn phải trả bài cho thầy cô sáng mai. Nên anh cứ bị điểm kém. Ví học ở Mỹ, anh đã là một học sinh xuất sắc rồi. Vẽ thì, luôn là tháp Chăm. Đủ dạng, đủ cỡ, đủ kiểu, góc độ, trạng thái.

Dù cố tới đâu, anh vẫn cứ bị tôi chê. Rồi, mười năm sau, anh ngần ngừ đưa cho tôi xem bức tranh vẽ tháp mới nhất. Tôi choáng. Màu sắc đập mạnh vào tôi. Thọ đã chuyển lửa Chăm từ *Haumkar*, vào tác phẩm. Gân guốc và bay bổng. Từ ngôi tháp màu xanh lửa bước xuống là một cô gái Chăm gần như toàn trắng nổi lên giữa màu đỏ rực. Tôi cho đó là một sáng tạo chỉ họa sĩ Chăm đất Hamu Crauk mới làm nổi!

Nghe anh nhận chức giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Ninh Phước, rồi giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm, tôi phán: Chức to tĩ lệ nghịch với chất lượng tác phẩm, cứ tin mình đi.

Ẩn mình trong bóng tối rồi cũng có ngày vươn ra khoảng sáng. Phan Đăng Nhật nhận ra một tài năng đang chịu khuất lấp oan uổng giữa bề bộn và cơ cực dòng đời (bao nhiêu tài năng Chăm như thế hôm nay, ai biết được?), đã có hành xử đẹp, giúp Thọ triển lãm tại Hà Nội vào năm 1995. Triển lãm thành công to. Mấy chục báo đưa tin. Đàng Năng Thọ khoái ra mặt. Tôi nói đấy là tin các quan ghé thăm phòng triển lãm, chứ không là bài viết về tác phẩm *yut*. Nhìn ảnh Thọ chụp chung với ông lớn được phóng to và treo nghiêm trọng, tôi cười thắm. *Yut*, chớ tin. Người nghệ sĩ gọi là thành công khi hấn chinh phục được kẻ trong giới. Khi đó hấn mới tồn tại, tồn tại đúng nghĩa một nghệ sĩ.

Tôi hỏi Thọ có gì mới không? Anh đưa cho tôi mấy tập phác thảo các tác phẩm sắp tới. Tôi la lên: Thiên tài! Bạn hãy ném bỏ tất cả để lao vào hoàn thành các phác thảo này đi, bạn sẽ là thiên tài. Sau này, không biết có phải do nghe tôi hay không, anh đã chuyển hấn sang làm tượng đất nung. “Luân hồi” được chọn làm biểu tượng trong cuộc triển lãm giao lưu tại Ấn Độ năm 1998. Nhiên!

Hồng Loan Chế Mỹ Lan

Lần đầu tiên nghe Hồng Loan hát dân ca trong chương trình về văn hóa Chăm trên *VTV1*; năm 1984, tôi rùng mình. Đây chính là giọng trời sinh riêng dành cho dân ca. Mãi mười năm sau, qua Trà Vigia tôi mới làm quen với chị. Và dạy chị hát đúng lời Chăm. May quá, chị không cãi lại. Chứ hát sai be bét như trước thì uổng cho cả hai: giai điệu và chất giọng. Đúng mười năm sau, Katê 2004, tôi dẫn giáo sư Thái Lan Thawi tạt qua Kraung nghe chị hát. Ngài giáo sư gần như lịm người mà nghe. Chất giọng vẫn như xưa! Chị Hồng Loan vẫn cứ như xưa: nhiệt tình, tháo vát, quyết đoán và đầy nhân ái. Cùng anh chồng Chế Quốc Minh, chị vượt phận nữ nhi thường tình, xin ở Quỹ *Terre des Hommes*; làm hệ thống nước sạch cho hai làng: Paplom - Chăm và Phan Dũng - Raglai. Rất oách! Chị còn khỏe

mình vừa dẫn phái đoàn trung ương giới thiệu văn hóa Chăm nữa. Vậy à? - tôi hỏi. Chị nói: - Có gì đâu, mình đọc nát tám số *Tagalau*; với cuốn *Văn hóa - xã hội Chăm, nghiên cứu đối thoại*; của Sara, rồi mang ra nói là không sợ trật.

Chế Mỹ Lan thì khác. Ở vùng trong này nảy ra cái câu tục ngữ cắc có có ý khái quát cả đặc tính địa phương: *Parik ngang Panrang cớk; Dân Phan Rí ngang tàng, dân Phan Rang ưa nổ*. Tôi nghĩ nó đúng với nữ Parik và nam Panrang, chứ không phải cho tất cả mọi kẻ. Tôi biết đến tên Chế Mỹ Lan qua mấy bài thơ trên mạng *Chamyouth*; và đặc san *Vijaya*; ở Mỹ. Ở đó chất thơ thiếu nhưng cái *ngang*; thì có thừa. Tôi nghĩ đây là người tôi muốn gặp. Thế là chúng tôi thư từ cho nhau. Cho đến khi Lan về Việt Nam vào mùa hè 2004. Tôi từ Sài Gòn lên xe ra Phan Rí, phone cho Trà Vigia vào để chào nhau. Nhưng Chăm làm gì có chuyện chỉ chào nhau. Chúng tôi kéo nhau ra mấy quán nước tán chuyện trên trời dưới biển. Hôm sau, tôi quành vào thành phố, bàn giao Lan cho Trà dẫn ra Panrang lên thăm tháp mà nữ thi sĩ Chăm tha hương này chỉ có gặp mơ hồ nhưng đầy nồng nàn trong những giấc mơ xa xứ.

Họ là những người bạn, vô danh như hăng hà sa hạt bụi vô danh giữa bao la trần gian này. Còn bao nhiêu thân phận vô danh khác nữa: Đạt, Xoài, Truyền, Lai, Ra, Cùi, Chí, Triển, Trung, Tiến, Khỏe, Thương,... Hơn bất kì vĩ nhân nào hay danh tác bất hủ nào khác, họ đã ảnh hưởng quyết định đến vui buồn của tôi, thất vọng và hi vọng của tôi, hoài bão tôi và chán nản tôi, suy nghĩ, hành vi và lối viết của tôi. Dáng chạy của Trăng hay câu chuyện mơ hồ của Tin, một quyết định táo tợn của Thủ hay nửa cử chỉ lạc điệu của Cát, cái cười vô duyên của Phăng, một cú khích tướng của Ngạt, thái độ khiêm tốn dễ thương của Truyền hay lối nói năng oai khí của Trà... tất cả. Chúng là một phần không thể thiếu đã làm nên cuộc đời tôi, hành động tôi và sáng tạo tôi. Họ từng làm tôi vui sướng ngất ngây hay đau khổ tím

người. Ngược lại, tôi cũng đã làm khổ họ không ít. Bởi ngu ngốc tôi và nhiệt tình khờ khạo tôi, thông minh tôi và thờ ơ bất lịch sự tôi.

Ramurwan; năm 1978, các bạn kéo nhau xuống Thành Tín. Tôi lúc đó đang tu Oshawa, đã hành anh Ve chạy khắp ngõ *palei*; tìm gạo lứt muối mè. Ai Tết Bani bà con nhậu nhẹt linh đình, mình lại đi ăn chay, lại lối chay khác trần đời nữa chứ. Nhưng các bạn vẫn moi ra được. Rồi là cối, nồi đất, lò than. Tôi ngồi nhai gạo lứt hết thien sư khùng giữa đám bạn. Và tôi huyền thuyên về *Damnury Ppo Klaung Girai*;, *Ariya Glong Anak*;, *Royaume du Campa*...; Nhóm bạn và cả vài cụ ngẩng cổ nghe và dĩ nhiên, phục sát đất. Thấy không khí có mùi nghiêm trang, thế là tôi nổi mát lên. Khi một cụ xin hỏi cậu nó tuổi con gì nhỉ, tôi nói: - Dạ em sinh năm *Krat*; *Chàng hui*; ạ! Thế là mọi người cười ồ lên và giải tán.

& cuối cùng... Inrahani

Đẹp, hát hay, múa giỏi. Trụ, xuất hiện như một huyền thoại trong mắt tôi thuở tôi còn xà lỏn nghịch đất. Lửa trại nhà quê, nàng hóa thân tiên nữ múa hát giữa lung linh ánh lửa. Tôi im lặng chiêm ngưỡng cho tới khi... buồn ngủ mẹ dắt tay về. Năm 1968, nàng lên Buôn Mê theo Fulro. Với tôi, nàng thành một huyền thoại khác, huyền thoại nữ chiến sĩ. Cao nguyên rồi Cam-bốt rồi Pháp. Bao nhiêu là câu chuyện huyền thoại xa xứ bay về quê nhà, về đứa con của Đất cùng các chiến hữu. *Harak đwơc thrwai*, *cabbwai đwơc drah*; *Tiếng lành đồn xa tiếng dữ đồn xa*. Cho tới năm 1973, nàng một mình ôm hai đứa con thơ quy hồi cố hương. Dân làng đổ nhau đi coi, như coi hát. Tôi thì không.

Chung làng, nhưng chúng tôi chưa bao giờ gặp mặt. Lớn lên, Hani trôi giạt. Rồi làng, tôi làm lang bạt. Mỗi khi Hani chuyên trách Mẫu giáo Phòng Giáo dục Ninh Phước, xuống Phan Rang theo lớp bổ túc văn hóa, qua gạch nối là Truyền, tôi với Hani biết nhau và... yêu nhau. Thành vợ chồng.

Chúng tôi kéo nhau qua *Cauk*; tranh thủ sào đất trống phía Nam sân bóng đá làng, dựng nhà tranh vách đất. Một căn nhà nhỏ [hai trái tim vàng], chẳng khác chòi canh rầy. Hani bỏ học, phụ trách Mầu giáo làng. Tôi làm việc tại Ban Biên soạn sách chữ Chăm, năm giờ chiều đạp xe về tới nhà, ném nó sang bên, lao vào chiến đấu với đất cà giang. Đào và cày xới, bui bui với rơm nát, cây so đũa với cây chuối, gà vịt và rau, đủ loại rau, đến tối mịt mới chui vào chòi ngủ giấc khò. Sớm mai gà gáy sáng, lại bắt tay vào cuộc. Hơn nửa năm “tuần trắng mặt” như thế, chúng tôi có được thành quả: Jaka chào đời, khoảng đất trống mù bụi từng làm khổ dân làng khi xưa đã thành mảnh vườn xum xuê cây trái. Tiến, Ninh thoải mái ghé lại rai những chiều rồi.

Nhưng tên Phú Trạm cứ vận vào định mệnh tôi. Chúng tôi lại di dời qua Caklaing, nhà cũ ở cuối xóm cha mẹ để lại lâu nay bỏ hoang. Mái ngói cũ, vách đất, nền đất, bốn hướng cửa trống hươ trống hoác. Lần nữa tôi lại lao vào cuộc chiến. Lúc này tôi đã thôi đời ăn lương. Thoải mái hơn về thời gian. Sông Kraung Likuk rậm rịt lục bình chấp chứa loài muỗi, đĩa, côn trùng đủ loại. Chỉ sau nửa tháng ra tay, tôi biến khúc sông vô dụng thành đám rau muống xanh rì. Rồi lại đời rơm rạ với bui bui, phân trâu bò heo và cải tạo đất để lên giàn nho. Vẫn chưa hết cực, cả nhà lao vào cuộc sinh nhai mới: Xay lúa giã gạo chở xuống Phan Rang bán, câu cá, chích heo gà bò trâu. Em vợ mất, làm đám. Mẹ vợ mất, lại làm đám. Mùa hè 1988, Jaya khóc oe oe chào đời tăng thêm khẩu phần, so thêm đũa.

Gia đình nhỏ bé cơ cực, yên bình và sôi động. Thứ sôi động của nông thôn. Tôi mở “khóa” dạy võ, lập “hội nghị chiếu dài” chuyên đề về Chăm mời trí thức và các cụ Chăm về thảo luận. Và đọc Nietzsche, Heidegger!

Vẫn là chưa đủ. Hani bỏ dạy, *nau Raglai*; đi buôn Thượng. Phú Yên hay Đà Lạt, Đức Trọng hay Lâm Đồng. Tôi lên Phước An mua

thuốc lá mang ra Cam Ranh bán, lỗ nặng, nghỉ. Bạn học thời Nguyễn Trãi xưa ghé nhà bày cho làm thuốc lá lậu đang kì lên hương. Nhưng: - Ông miễn cho tui. Rồi xảy ra chuyện hành phương Nam. Hani bảo đất và người trong đó lành lặn, làm ăn được. Thế là cả gia đình rời bỏ làng mạc, tay xách nách mang, đi. Bán thổ cẩm, nhưng khi bà con Khmer mắc nợ vài vốc không tiền trả, sang lại lũ heo con, bị đẩy vào thế buộc, hai kẻ xa lạ thành lái buôn heo nơi đất khách quê người. Hơn mười chuyến “buôn” như thế, vợ chồng đi trên chiếc ghe nhỏ gắn cái mô-tơ cũ kĩ của ông lái đò.

Hậu Giang, mệnh mông sông nước. Chiếc ghe con mỏng mảnh dọc ngang sông nước như chiếc lá tre giữa dòng. Tôi nghĩ, nếu nó bị lũng, biết kêu ai? Và ai kịp cứu? Hai mươi năm sau, nhớ lại mà rung mình! Ngay cạnh nhà chúng tôi trọ, đã có gia đình nhỏ người Khmer ở Trà Kha bị nạn thảm. Một chồng, một vợ, một con. Chở đồng mía qua Kế Sách bên kia bờ bở bở mỗi. Đưa con gái ba tuổi ngồi lên đồng mía cao ngất, vợ chồng phía dưới chèo chống qua con sông. Đồng mía đổ. Nghe tiếng la, người cha lao theo đứa con đang chơi với. Anh chìm luôn với con gái đầu lòng. Chị vợ còn lại chông chênh với chiếc ghe tắt máy, mãi gần cả tiếng sau mới có người tiếp cứu.

Trà Kha, Trà Cú, Cầu Ngang, Cầu Kè, Sóc Trăng hay Cà Mau,... Gia đình tôi lênh đênh long đong mất tám tháng ròng rã cho đến khi hoàn toàn cạn vốn, mới dắt díu nhau về. Và bắt đầu lại “từ con số không, từ con số âm - có lẽ”.

Căn nhà cũ đã bán, giàn nho hay đám rau muống không còn. Hani liều bốc thăm làm hợp đồng thuê khu chợ cũ đầu làng bán cà phê 30.000 đồng/ tháng. Có thể thôi mà ba chủ thuê cũ đã sập tiệm sau hơn năm kinh doanh. Nhà quê mà. Ông thầy cũ dọa: Chăm chuyên gia ăn chịu, Trám có nước dờ quán chạy làng thôi. Nghe, tôi chả ngán. Tôi đón xe vào Sài Gòn ôm về cả đồng sách dạy kinh doanh, cầm đầu “nghiên cứu”, rồi tóm gọn trăm trang cho vợ con “học tập”.

Đó là mùa xuân 1991. Như thần, sau năm rưỡi mở tiệm, bán từ cái vật vãnh nhất như xà bông, bánh kẹo cho đến giải khát cà phê, bia rượu cả tơ sợi, phân bón. Tất tần tật nhu yếu phẩm nhà quê. Chúng tôi gần như thu tóm mọi mối bỏ sỉ và bán lẻ cả một vùng rộng lớn quanh Caklaing.

Bà S nói: - Thím quen rồi, cháu à, khó bỏ người ta quá đi. Tôi thuyết: - Thím mua sỉ 400 đồng chai Phú Thọ rồi bán lẻ có đá 550 nè, trong khi cháu bỏ cho thím có 370. Nếu mai này Trạ bán lẻ 450 thì thím buôn với bán làm sao. Thôi thím cứ thử đi. Chần chừ đi tính toán lại, cuối cùng tôi quy tập được bà S.

Quyết toán mỗi tháng quán thẳng Trạ lãi ròng có khi đến năm triệu quy ra hơn hai cây vàng. Nhưng tôi vẫn chiếc xe đạp cũ xuôi ngược nắng gió Phan Rang. Chỉ đến tháng 8-1992, nhận giấy mời vào Sài Gòn, tôi alê hấp, cắt. Tôi mua nguyên lô đất khu chợ, thừa hai chục triệu mang vào Sài Gòn, đốt sổ nợ gấp hai lần con số đó. Hai tháng sau, Hani về quê lục kiếm cuốn sổ, tôi nói: - Anh đốt rồi. - Ông điên, - Hani kêu lên. Tôi giờ bài Socrate: - Để mỗi lần về quê mình còn biết họ là bà con lối xóm, chứ không như những con nợ nặng nề, OK? Nàng chỉ có nước cười trừ.

Vào Sài Gòn, chúng tôi tiếp tục trôi giạt.

Chân ướt chân ráo, Trung tâm cho tạm trú ở *Cư xá dành cho sinh viên nước ngoài*; tại đường Nguyễn Chí Thanh, quận 11; cuối năm 1993, chuyển qua thuê lô Cư xá Thanh Đa; tháng 10-1994, thuê nhà ở Tân Bình, mương thối, nhà tôn vách nứt thối sập lúc nào không biết; mùa đông 1996, đổi nhà khác cùng quận, khá hơn; đến tháng 10 năm 1998 thì qua Hương lộ 14, phường khác nữa; đúng hai năm sau Hani kêu ở tạm nhà con gái để trông coi thợ làm nhà. Nhà lầu ba tầng xong, lại dành hết cho thợ dệt may, gia đình đi thuê căn nhà bên cạnh để ở; tháng 6-2003, lại kéo cả nhà qua quận 1 đường Phó Đức Chính; rồi tháng 4-2004, chuyển tới quận 4; và cuối cùng gia đình dặt

dú nhau trở lại nhà cũ như là nhà mình ở đường Thoại Ngọc Hầu, quận Tân Phú vào mùa hè năm 2008.

Sẽ còn cuộc chuyển đổi nào nữa, ngày mai?!

Thời gian đó, chúng tôi trải bao vật lộn, té ngã rồi đứng dậy, thất vọng lại hi vọng. Dấu chân Hani in khắp Bắc Trung Nam dự hội chợ triển lãm, cải cách hoa văn và kĩ thuật dệt cho Chăm, tiếp tay Minh Hạnh phát triển thời trang thổ cẩm, lên Mai Châu nghiên cứu đưa thổ cẩm Thái vào thị trường, mở quầy tại Thương xá TAX, Sai Gon Square, Phố Tây ba lô. Cả chục đại lý mọc lên khắp tỉnh thành, mọc để rồi đổ. Ba Huy chương vàng và Huy hiệu Bàn tay vàng của Hội đồng Trung ương Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Thổ cẩm Chăm và các dân tộc thiểu số Việt Nam theo chân Hani phiêu giạt Nhật, Ý, Bỉ, Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Campuchia, Lào... Ngắn hay dài hạn. Lãi to, huề vốn và cả lỗ nặng. Không vấn đề gì cả! C-h-ă-m, Hani góp phần mình làm cho nó vang lên, dài và xa hơn. Cho thế giới đừng quên trên mặt đất này còn có dân tộc tên là Chăm.

Cuộc sống không đo lường ở thành công hay chiều dài lâu của thời gian mà ở chất lượng sống. Ai nói thế?

Cả trăm bài báo tụng ca Hani, báo giấy và báo mạng, đài tiếng hay đài hình. Chung có riêng có, xộc cả vào đời tư cũng không chừa. Như một cá thể sống cho và với cộng đồng. Nếu bạn tài năng riêng bạn, nổi tiếng hay giàu có cho riêng bạn, hỏi cuộc sống đó nghĩa lý gì?

Katê 2003, Hani xin được hai trăm phần quà cho một làng. Phép nước và danh sách xong đâu đấy, nhưng không hiểu thông báo sao, mới tám giờ sáng mà bà con đã tụ tập như hội. Để đến mười giờ, Ban Quản lý thôn cho giải tán. Xe xuất phát từ Sài Gòn, đến Phan Rang có chạy sém đỉnh mấy chú công an giao thông bắn tốc độ cũng phải mười hai giờ trưa. Khi xe tới, anh Trưởng thôn dỗi không cho

loa gọi bà con, bắt bẻ là trễ hẹn. Nói sao cũng không được. Tội vậy đó! Thế là phần quà được chuyển qua làng khác.

Đầu năm 2005, nhân xin được hỗ trợ mổ đục thủy tinh thể cho bà con Chăm ở Ninh Phước, Hani cùng các sư ni Phật giáo kết hợp tặng quà cho người khuyết tật. Đang phát quà, bất ngờ một ông già xông tới la lối om sòm: Tui cũng bị cụt tay này, sao tui không có phần? Các người bắt công! Tội, danh sách do Ban Quản lý đưa, bởi chính họ hiểu hơn ai hết ai là đối tượng cần cấp phát. Thế là Hani phải năn nỉ sót phần người khác cho ông.

Nhưng vụ nước sạch Caklaing mới hãi. Từ buổi chiều hè năm 1995 Hani dẫn ông Tây Mc Murdo đi dọc đường mương Nhật về làng để tâm sự nỗi “dân quê Chăm đang dùng thứ nước này vừa để tắm rửa, nấu ăn và cả uống đấy” khiến ông Tây kinh hoàng, đến bức *Thư trả lời* của Phó Chủ tịch tỉnh gửi ông Jeff Mc Murdo ngày 7-12-1996, sang thư *Giới thiệu đơn vị quản lý dự án viện trợ của Canada tại thôn Mỹ Nghiệp*; do Chủ tịch kí ngày 20-1-1997, để đến khi dự án hoàn thành là cả câu chuyện li kì gay cấn. Hani từ Sài Gòn đón xe về quê nghe Ban quản lý thôn báo cáo tình hình nghèo khó để xin dự án, anh Trưởng thôn mang cả bản Báo cáo từ cuối năm ngoái ra đọc trước đại diện Đại sứ quán Canada. Cái ông Murdo này chả hiểu mô tê gì, quay sang hỏi Hani cũng không hiểu quý quan cấp thấp nhất tổ chức hành chính này đang họp hành gì nữa. Cuộc hành hạ nhau kéo dài gần tiếng đồng hồ mới chịu kết thúc để Hani giao hồ sơ dự án. Hồ sơ đó được gửi đến Hội Phụ nữ tỉnh rồi tiếp tục số phận nằm phủ bụi. Thời hạn ông Murdo làm việc tại Việt Nam sắp mãn, mà dự án vẫn cứ bị ngậm. Anh Hường vừa được ngồi ghế Trưởng thôn. Hani lần thứ chín về làng làm cuộc đốc thúc cuối cùng, bởi tôi bảo: - Thôi em thả nổi nó đi, cực quá đấy mà chả tới đâu. Hani một mực, kéo luôn anh Ngọc anh họ tôi Trưởng Trạm Thủy nông huyện vào cuộc.

Ông Murdo hẹn chia tay tôi tại một quán nước ở đường Đồng Khởi, để quy hồi cố hương. Râu quai nón rậm, đẹp trai với đôi mắt buồn.

- *Perhaps one day I can make a visit to My Nghiep and hopefully see a Canadian contribution to the village. I hope so.* - Ông nói.

Thế mới biết danh dự của Tây. Ông vẫn thư liên tục cho tôi và Hani, cho đến khi tôi chụp vội mấy tấm ảnh công trình Nhà Mẫu giáo với mấy vòi nước sạch gửi nhanh cho ông vào tháng 7-1999, ông mới *Thank you*. Tôi nghe rõ ông vừa buông một tiếng thở dài!

Nghe tin tôi quen Trụ, cha mẹ anh em bè bạn ô là giạt mình thột. Ai đời ngôi sao sáng của cộng đồng lại đi ưng cái bà hai mặt con từng đi hoang tận trời Tây trời Đông! Tôi dỗ mẹ: - Sau này tụi con làm chuyện gì đó không đến nỗi nào, mẹ à. Thế thôi. Một phần tư thời gian của cuộc đời, không kể vụ cuộc “cách mạng đệ tam kì” về thổ cẩm, Hani đã mang lại cho Caklaing, cho cộng đồng bao nhiêu là ích lợi. Chúng ta có và chúng ta chia sẻ. Người nhận cảm ơn đã đành, ngay kẻ cho cũng phải nói lời cảm tạ. Là huyền nghĩa của tạ ơn.

ĐI - NHƯ LÀ Ở LẠI

Tôi sinh năm Đinh Dậu, một năm đại hạn, - mẹ nói. Vùng đất nắng nóng nhất nước lại chịu thêm hạn. Thế chẳng mà tôi bị cộc. Gia đình tôi, cao mét sáu năm là cộc. May, tôi ít bệnh vặt. Nữa, tôi được học hành liên tục. Đó là ân huệ lớn. Cha ham mê sách cổ nhân. Những đêm trăng thơ mộng nơi thôn trang, nghe cha ngâm, tôi thuộc nằm lòng *Ariya Glong Anak* ngay thời tôi mới năm, sáu tuổi, khi còn chưa cấp sách đến trường.

Sáu năm Trung học, bước chân tuổi trẻ tôi rong ruổi trên khắp ngõ hẻm quê hương. Tâm hồn tôi mở ngõ đón nhận những mới lạ, ngạc nhiên tiếp ngạc nhiên: câu hát, giọng nói, phương ngôn, màu áo... Tôi hồn nhiên tắm trong không khí đời sống Chăm, như thế. Rồi Đại học, tôi lần nữa làm vài cuộc đi dài khắp các làng, vừa sưu tầm văn học dân gian, vừa tìm cảm hứng sáng tác. Là khoảng thời gian sáng tạo hứng thú nhất của tôi.

Tháng tư năm Bảy lăm, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu điều mấy sư đoàn lính cộng hòa về tử thủ Ninh Thuận. Bom đạn gầm rú, cháy kho xăng phi trường Thành Sơn, dòng người di tản đi hình con rắn, tôi cứ bị đóng cứng vào bàn làm *Từ điển Việt - Chăm* ! Như nửa năm sau đó: vào Tập đoàn sản xuất, rầy nâu, cơm độn, tôi mượn ở người bạn *Dictionnaire Cam - Français* của Aymonier - Cabaton, mãi mê chép. Bản thảo *Từ vựng* thì bị mối xông hai năm sau đó. Còn cuốn *Từ vựng học tiếng Chăm* diễn trình ở Tọa đàm trí thức Chăm ở Mỹ

Nghiep năm 1990, in ronéo, nay trong tay tôi không còn bản nào. Hay *Tự học tiếng Chăm* được trình bày tại Hội nghị chuyên đề ở Ban Biên soạn chữ Chăm, sắp in thì người biên tập làm mất bản thảo duy nhất. Nó được viết lại để dùng làm giáo trình cho sinh viên ở Trung tâm. Tôi viết nó trong thế buộc.

Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời...

Cuộc yêu của tôi là một ham mê. Bởi ham mê nên không tính toán đến thành tích hay lợi lộc. Thiếu kế hoạch và chương trình. Làm là làm chơi. Là tâm tính Chăm đặc sệt. Hơn nữa, từ tuổi hai mươi, bị Krishnamurti hút hồn, tôi luôn ở tư thế của kẻ sẵn sàng vứt bỏ tất cả. Để lên đường. Nhập nhằng giữa phá/ xây, gom nhặt/ làm mới, nghiên cứu/ sáng tạo nên hơn hai lần tôi đem cho tất cả những gì sưu tầm được. Làm lại thì luôn mất hứng thú ban đầu. Vì nhiều tài liệu quý bị thất lạc.

Nếu không tình cờ gặp ông Nông Hoàng Thụ - Giám đốc Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc ở Sài Gòn - và bị ông thúc, thì bộ *Văn học Chăm* chưa chắc đã mở mắt chào đời. Tư liệu có sẵn, tôi viết chúng vào những buổi tối, sau khi suốt ngày đánh vật với ngôn ngữ, trong thời gian biên soạn Từ điển tại trường Đại học. Liên tục trong ba năm liền. Và tôi đuối. Cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Tôi tìm đến thi ca. Mong tìm giải thoát. Nhưng thơ không phải là phương tiện để giải thoát hay cứu rỗi mà nó đẩy tôi đối mặt với định mệnh, gay gắt hơn, quyết liệt hơn.

Tôi đùa các bạn rằng ví tôi là công dân Đức, hẳn tôi đã thành triết gia rồi. Hay nếu làm người Raglai đi thì tôi chỉ chuyên làm thơ. Đằng này, là Chăm, nên tôi phải gánh. Một trách nhiệm nặng nề, như thiên hạ nói. Bởi tôi biết, Chăm luôn khởi đầu từ bàn chân trần trắng, không mảnh tư liệu, không tiền bạc, không nguồn tài trợ. Mục tiêu thì xa hun hút. Nhưng tôi xuất phát từ niềm vui. Tôi làm bởi tôi vui thích, nó làm cho tôi vui thích, tôi biến nó thành cuộc chơi vui thích. Chứ

không vì mục đích to lớn gì cả. Trên bước đường, nhiệt tình của tuổi trẻ nâng đỡ tôi, niềm vui đẩy tôi lao tới.

Tôi muốn tìm hiểu tâm hồn dân tộc mình và tôi nghĩ văn chương là biểu hiện trọn vẹn nhất. Bên cạnh cũng mong thế giới bên ngoài biết đến nền văn chương đang nguy cơ thất truyền. Thế nhưng, để đọc và hiểu được các văn bản chép tay đang nằm rải rác khắp làng Chăm với biết bao sai lệch, dị biệt này, điều kiện tiên quyết là nắm vững vốn cổ ngữ Chăm. Do đó, trong thời gian sưu tầm, tôi tự mày mò học và học ở nhiều *gru* cách đọc chữ Chăm cổ chép trên lá buông, giấy bản.

Văn học Chăm giàu sang và độc đáo, nhưng hỏi nó ở góc khuất nào trong văn học sử Việt Nam? Tôi mê ngôn ngữ Chăm và yêu cái âm vang của lời. Thời trẻ gặp lúc các bà Chăm ở quê cũ vã nhau, mấy bọn trẻ chạy túa đi xem, tôi cũng thế. Nhưng khác các bạn, tôi không nhìn hành vi, cử chỉ mà nghe âm vang của lời, rồi ghi. Các tục ngữ, thành ngữ bật ra. Các từ rơi vãi ra, các từ không thể tìm thấy trong bất cứ văn bản nào. Còn trong cuộc đi dài tìm chữ nghĩa, ở mọi làng Chăm, các cụ cho tôi mượn bản chép tay như của gia bảo mà không chút ngại ngần; hay đãi cơm cho tôi được ngồi chép. Buồn nỗi là tư liệu Chăm còn quá ít. Vốn văn học dân gian được truyền chẳng còn là bao. Văn bản chép tay không được nhân bản nhiều. Và rồi mất mát.

Một câu tục ngữ – một dòng ca dao
nửa bài đồng dao – một trang thơ cổ
tôi tìm và nhặt
như đứa trẻ tìm nhặt viên sỏi nhỏ
(những viên sỏi người lớn lơ đãng giẫm qua)
để xây lâu đài cho riêng mình tôi ở
lâu đài mà một ngày kia họ ghé đụt mưa – chắc thế!

(Tháp năng, 1996)

Glơng anak linhaiy likuk jang o hu

Ariya Glơng Anak.

1980

Bạn thân của tôi, sinh viên xuất sắc của một trường Đại học lớn, niềm hãnh diện của cả *palei*. Đang ngon trớn Đại học, đột ngột anh bỏ về. Một khủng hoảng tinh thần nổ ra trong anh. Chuyện xảy đến xung quanh niềm tự hào dân tộc. Anh luôn kiêu hãnh là Chăm, về Chăm, với xúc nổi ngậy thơ tuổi trẻ. Nhưng rồi anh bị cú sốc đầu đời. Khi một bạn học nữ yêu cầu anh nói tư tưởng của văn nhân Chăm, tác phẩm văn chương sáng giá nhất và vân vân. Một cơn gió buốt thổi tràn vào khoảng trống ngực anh. Anh bỏ về.

- Mình đã đổ thừa bừa cho khách quan, thiếu điều kiện gì đó, khi cô nàng hỏi tại sao mãi đến lúc này các bạn vẫn còn chưa có bộ văn học sử Chăm.

- Đó có phải là nguyên do không?

- Không hiểu nữa. Nhưng mình nghe trống rỗng và, mất trọng lực. Một hiểu biết mơ hồ còn tệ hại hơn là không hiểu biết gì cả.

1995

Mười lăm năm sau. Câu chuyện khác. Một nhà văn ở Sài Gòn trên đường ra Hà Nội tạt qua Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm tại Phan Rang. Chén tạc chén thù, ông cũng nhận được niềm tự hào tương tự, từ một vị Chăm trung niên. Nhà nghiên cứu tinh lẻ này đã dắt tay vị khách vào tận kho sách với những bản sao chụp chất lóp, nhìn tận mắt hàng ngàn thước vi phim, từng dãy danh mục văn bản cổ chép tay. Anh hứa hẹn với người của trung ương rằng còn có cả mấy trăm truyện cổ, mấy chục ngàn tục ngữ, ca dao lưu truyền trong các làng quê Chăm nữa. Đó là một nền văn học khổng lồ đang bị mai một. Vì thiếu... kinh phí. Nhưng khi vị khách hỏi đã có chương trình

cụ thể sưu tầm vốn văn học dân gian chưa? Các anh sẽ xử lý ra sao với kho tư liệu văn chương dân tộc, thì ông thấy sự thất vọng chảy tràn mắt người đối thoại. Cả nhà nghiên cứu này cũng không phác nổi chân dung dù mơ hồ nhất về văn học dân tộc.

Hai câu chuyện. Hai thời điểm. Hai thế hệ. Niềm kiêu hãnh bị tổn thương kia đã gây cho tôi cái xót xa sâu đậm, lâu dài. Năm tháng trôi qua. Nó đục ruỗng hồn tôi. Và hôm nay đã sẹp lớn.

Giai thoại kể người Chăm cất giấu trong hang núi thuộc vùng *Kanak Cà Ná* cả kho sách lớn từ hai thế kỉ nay. Nền hang được phủ dày bằng lớp cát trắng phát sáng. Cửa hang đóng kín mít bởi một tảng đá to chỉ có người Raglai làng Kunhuk thuộc dòng họ gia nhân trung thành của hoàng tộc Champa cuối cùng mới mở được - bằng bài phù chú bí hiểm với lễ vật là một con dê mọc nửa gang sừng. Còn bao nhiêu kho báu nữa đang phải chịu phủ mờ dưới mố bụi thời gian? Câu thơ *Pauh Catwai* mang chở dự cảm đến nao lòng:

Tơl thun tapai kaik lan

Cauk ka nugar thok nau murjwa

Đến năm thỏ cắn bùn đất

Khóc cho đất nước trôi đi âm thầm

Những trận gió miền Trung thổi nhẵn từng nếp trán tuổi già khuất lấp dần kí ức mù sương mờ nhạt miền cổ tích, truyền thuyết. Cả sức bay bổng thanh xuân trong cõi dân ca cũng bị trĩ nặng bởi lo toan thường nhật. Từng tờ bản thảo chép công phu bóc rời khỏi *ciet* sách gia đình, lưu lạc. Trùng trùng điệp điệp. Chúng lưu lạc nơi đâu?

Hơn mười sáu thế kỉ sinh thành và tồn tại, có chữ viết từ thế kỉ thứ tư, lại được trời phú cho tâm hồn yêu văn học nghệ thuật, người Champa đã truyền lưu cho lớp hậu sinh cả gia tài chữ nghĩa. Hai trăm năm mươi minh văn, ba ngàn văn bản lưu lạc ở một đảo thuộc Ấn Độ Dương hơn thế kỉ vừa được tìm thấy, một thư mục ghi mỗi

câu đầu bản chép tay dày 200 trang do trường Viễn Đông Bác cổ phát hành năm 1980. Chưa là gì cả so với những gì người Chăm để lại.

Ồi, cái cả quyết đến liều lĩnh của ngài Paul Mus! Dù uy tín ngài lớn cỡ nào, nhưng khi ngài phán rằng văn chương Chăm có thể chỉ thu tóm trong vài mươi trang sách, nghĩa là không có gì đáng nói cả thì chả có một Chăm nào tin ngài. Ngay với thằng tôi mười lăm tuổi đầu đang ngồi lớp Đệ Tứ ở một trường nghèo trong một tỉnh nghèo trên một đất nước nghèo đang bị chiến tranh tàn phá. Tôi không tin, nhưng lấy gì làm chứng cho nỗi không tin kia? Thế là vì tự ái tuổi trẻ, tôi đã đi. Một dân tộc sản sinh ra bao nhiêu là cụm tháp kì vĩ thế kia thì không thể nào không là gì cả trong văn học được.

Tôi đi. Dù trong tay không lấy mảnh văn bản nào. Chỉ với mớ chữ nghĩa được ông ngoại và cha dạy thuở chân đất. Tôi phải đi. Dù chưa thấy trên lối đi bóng cây cho tôi đụt nắng. Tôi biết trước mặt mình là một khu rừng hoang đưng chứa bao nhiêu hoa quả lạ, ngọt. Tôi đi, với hưng phấn kì lạ. Những mùa hè, những ngày chủ nhật xuất trại kí túc xá Pô-Klong. Theo bạn học về quê tìm đến những khuôn mặt nông dân - trí thức mà tuổi trẻ tôi xem như vĩ nhân. Có thấy Thiên Ve lý giải *Ariya Glong Anak*, có nghe Nãi Cùi dân Thành Tín diễn tả trận thư hùng giữa Xamurlaik với Murno dưới chân núi Chà-bang, có nghe Nguyễn Tùng người Phước Nhơn ngâm đọc *Ariya Nau Ikak* với giọng ngâm đặc kì Chăm ra sao thì mới thấy hết niềm đam mê cùng sức tưởng tượng sáng tạo của người dân quê Chăm dành cho văn chương như thế nào. Tôi nghe, mở to mắt mà nghe.

Thành kiến rằng Chăm ích kỉ không cho nhau mượn sách thì rất ư sai bậy. Văn hóa Chăm chưa phát triển ngành in, được một tác phẩm cầm tay là việc thiên nan. Mới năm mươi năm trước thôi, muốn có *Akayet Dewa Murno*, họ phải chở sang nhà người chép sách cả xe

trâu thóc. Nghề chép sách thế giá là vậy. Các bản thảo như là gia bảo, Chăm cất cẩn thận vào *ciet paung* treo lên xà ngang ngay giữa nhà. Định kì, *ciet* sách được mang ra phơi nắng, cúng bái thành kính với lễ vật đơn sơ. Sách luôn được sử dụng, để quá tháng không dùng, sách trở thành *sách hoang tapuk bhaw*. Chữ nghĩa không dễ trao tay cho kẻ lười nhác. Nhưng với cậu bé thư sinh, ăn mặc xuề xòa, đôi mắt rực sáng lên khi thấy sách thì, không!

Tháng 4-1975. Nghỉ học nguyên một năm để chờ học lớp cuối Trung học niên khóa mới, tôi với Trăng, Tiến có những ngày thật thơ mộng ở quê nhà. Ngày mùa, chúng tôi vác bó cặm, xoong chảo ra đồng bẫy chuột và ăn ngủ luôn ngoài đồng. Mỗi người một thế giới riêng tưởng tượng và giao cảm. Trăng chuyên nói tếu, cái tếu rất Chăm nghĩa là cực kì tục. Tiến đọc thơ và thao thao về thiên tiểu thuyết dự án. Còn tôi mơ mộng về chữ nghĩa đang nằm rũ dưới lớp bụi năm tháng. *Ciet* sách của thân sinh Trăng có cả trăm tác phẩm văn chương. Chữ viết của cụ vừa chân phương vừa hoa mỹ nên kẻ mới nhập làng chữ như tôi rất khoái. Khác hẳn với lối viết tháu của người Bầu Trúc mà *yut* Toán dẫn tôi thâm nhập vào tháng Mười một lịch Chăm đầy gió sau đó. Quả là một loại chữ viết hành hạ người đọc đầy cố ý.

Tháng Giêng năm 1993

Phan Rí. Tôi theo ông Lương Đức Thắng, mỗi người một chiếc xe đạp mượn, ngược gió đạp qua làng Yok Yang tìm gặp một thầy *Kadhar*. Uy tín của ông Thắng vẫn không làm vợ đi bộ mặt khó đầm đầm của thầy Kadhar, trưa hôm đó. Lối đóng thùng bánh bao hết công tử thành phố của tôi đã làm ông khó chịu chăng? Chắc thế.

- Các vị chỉ có bòn rút chữ nghĩa ông bà rồi đem bán cho ngoại nhân. Ông nói rồi bỏ ra sau nhà thay quần áo vừa đi rừng về và ở luôn phòng trong. Bà vợ năn nỉ mãi ông mới ra tiếp khách. Ông

không cho chúng tôi tư liệu hay thu băng bài hát mà chỉ đọc một đoạn *ariya*. Nội dung triển khai một ý lớn trong *Ariya Glong Anak*:

Adat kayuw phun hapak jruh tanan

O kan jruh pak bikan, drei tacei wox di drei

Đạo của cây là gốc ở đâu thì rụng ở đấy

Nếu rụng nơi nào khác là mình tự hại

Ông bảo đây là bài thơ rút từ văn bản cổ của cổ ngoại. Một giọng thơ đầy tự hào của anh nhà nông “thất học”. Tôi nhẹ gật. Dù tôi biết đây là sáng tác mới, có lẽ của chính ông. Lục bát Chăm không gieo vần như lục bát Việt hiện đại, nghĩa là chữ cuối dòng sáu hiệp với chữ thứ sáu dòng tám mà hiệp ở chữ thứ tư. Và gieo cả vần bằng lẫn vần trắc. Một số thành tố trong bài thơ tự khai điều đó. Ông muốn giấu mặt để bài thơ có mặt. Tuyệt tác văn chương là linh khí trời đất kết tủa. Người Chăm nghĩ thế, nên hầu như toàn bộ nền văn chương này khuyết danh. Cả các sáng tác cận đại. Một cái tên ngẫu nhĩ thì không là gì cả trong vô cùng không gian và vô tận thời gian. Albert Einstein có thể là Jean Einstein hoặc cũng có thể là Albert Umstin. Chết chóc ai đâu kia chứ!

Để tăng tính sấm kí, Chăm sẵn sàng đẩy *Pauh Catwai* lùi xa đến năm trăm năm dù nó chỉ mới được viết vào đầu thế kỉ mười chín. Cũng chẳng ai lấy làm lạ khi có quý ông cả quyết *Akayet Inra Patra* có trước *Truyện Kiều* đến sáu thế kỉ dù tác phẩm này chỉ ra đời trước truyện thơ của Nguyễn Du chưa tới hai trăm năm. Cơ sự này đã gây cho tôi bao nông nổi.

Năm 1977. Vào Sài Gòn làm sinh viên, hành trang tôi mang theo là hai va-li đầy những Nietzsche, Dostoievski cùng trăm bản chép tay Chăm. Quả là một gã hoang tưởng nặng. Rồi chưa đầy năm, tôi bỏ giảng đường. Lại là tự do Chăm, thứ tự do vô chính phủ. Vài bạn cũng bằng ngần ấy thời gian đã bỏ Đại học để rồi hồng chân ở thực

tế. Lang thang. Phan Thiết, Phan Rang, Nha Trang, Sài Gòn. Đọc Long Thọ và Krishnamurti. Con số không to tướng di động không định. Bao nhiêu công lao bỏ lại Sài Gòn không cho ai. Bạn bè sinh viên tổ chức vượt biên hụt. Bao nhiêu sách, bản chép tay thất tán đâu không hiểu. Chúng rơi vào tay ai? Có ai biết yêu quý, nâng niu nó như nhân vật tội nghiệp của chúng ta không?

Người lưu lạc xô văn chương lưu lạc

(*Tháp nắng*, 1996)

Điều trần ai nhất là trong đồng bản chép tay ấy có một tác phẩm đã thất truyền: *Ariya Bini - Cam*, truyện thơ mà Phan Đăng Nhật liệt vào một trong những truyện tình hay nhất của văn chương nhân loại. Chiến tranh từ bên ngoài và nội chiến, nỗi sợ mất mát gia bảo, tình trạng cát cứ của các *gru*, rồi hơn hai trăm năm lưu lạc. Chừng ấy sách vở chữ nghĩa góp nhặt được dù chưa thấm tháp vào đâu cũng đủ nói lên cái giàu sang của văn học Chăm. Nhưng nó có giàu sang đến độ khổng lồ như nhân vật thứ hai ở đầu truyện đã khẳng định?

Giữa bạt ngàn chữ và lời, đâu thuộc phạm trù văn chương? Văn chương có thể là bản tụng ca thánh thần nơi cõi siêu việt hay chỉ nói về sinh hoạt thường nhật của chị thợ dệt, anh nông dân; có thể mở ra viễn tưởng thiên đàng trần gian hay tiếc nuối một thời đã mất; hát ca về kì tích oanh liệt của một dân tộc hay chỉ muốn cảm thông với trượt ngã của một sinh thể yếu đuối; khai phá vào vùng tư tưởng u huyền hay mong nắm bắt cái đẹp đơn giản thoáng qua; phô bày cái thiện hay tố giác cái ác; xã hội hay tự nhiên; sâu lắng hay thanh thoát; vòng vo hay trực diện... Dù gì thì gì văn chương cần lay động tim ta, thức giấc trí ta qua cái đẹp của lời. Các sách dạy về cách tính *Xakawi Lich* không là văn chương dù chúng được thể hiện bằng văn vần. Các bài phù chú, công văn của triều đình, bài cúng tế,...

Kho tàng Chăm, khoảng một trăm trong hai trăm năm mươi minh văn từ thế kỉ thứ hai đến thế kỉ mười lăm. Sử thi, trường ca trữ tình,

thơ thể sự, thơ triết lý, gia huấn ca... Văn chương bình dân với hơn trăm bài *tụng ca damnury* do các Ong Kadhar hay Ong Murdwon hát trong các lễ *Rija, Pơh babbonng yang, Tamur kut*... Dù chúng được ghi thành văn bản nhưng trong lúc diễn ngâm, nghệ nhân vẫn có thể tái tạo linh hoạt. Rồi *ca dao panwoc padit, tục ngữ panwoc yaw, câu đố panwoc padau, truyện cổ, truyền thuyết dalikal*. Và cả các sáng tác cận đại nữa. Là di sản thâm trầm của tổ tiên.

- Nhưng so với kiến trúc và điêu khắc thì nó không thể ngang tầm.
- Anh bạn nghiên cứu sinh hiu hiu tự đắc kèm cái rung đùi, như sẵn sàng chực thưởng ngoạn sắc mặt tôi lúc thất thế.

- Đúng hơn là chưa ngang tầm. Văn chương là phần khuất của ngọn núi. Nó tồn tại sinh động trong tâm hồn dân tộc. Nó không lộ thiên qua dạng vật chất nên khó nhận ra. Này nhé, ta đã có chương trình cụ thể và quy mô sưu tầm - nghiên cứu văn chương bình dân chưa? Ta đủ người có khả năng đọc và phân loại các văn bản chép tay hiện có? Cả các bản chép tay đang bị treo mòn trong *ciet* sách gia đình? Chưa, phải không? Vậy mà văn chương Chăm vẫn cống hiển giọng riêng, lạ. Sử thi Chăm mang màu sắc thần thoại Ấn Độ thấm đượm triết lý Bà-la-môn và Hồi giáo, là điều chưa hề có trong văn học sử Việt Nam. Chuyện tình trái ngang, bi đát bởi hà khắc tôn giáo Bà-la-môn - Hồi giáo là hiện tượng chỉ có mặt trong văn chương Chăm. Cả dòng thơ chính luận, triết luận như *Glong Anak* hay *Pauh Catwai* cũng thế.

Luôn luôn đúng chưa hẳn hay hơn phạm sai lầm nếu sai lầm đưa ta đến tình ngộ.

Akayet sử thi Chăm có văn bản thì có vẻ dễ xoi, miễn nhà nghiên cứu rành *chữ truyền thống akhar thrah*. Thế mà chúng vẫn cứ gây thất thố. Giữa các thuật ngữ văn học có mặt trong văn bản: *ariya, dulikal, damnury, kabbon*, thể loại *akayet* là gì? Có ba tác phẩm bằng thơ được phổ biến rộng rãi trong quần chúng Chăm: *Akayet Dewa*

Murno, Akayet Inra Patra, Akayet Um Murrup. Akayet được Aymonier dịch là *commencement sự bắt đầu*, còn Moussay dịch là *tác phẩm bằng thơ oeuvre poétique*. Sau này ông đã dịch lại là *sử thi*, như ông đã gọi *Dewa Murno* là một *épopée*. Aymonier đã nhầm lẫn vì ở các thi phẩm này đều “bắt đầu” bằng từ *akayet*. Còn lỗi dịch của Moussay vào năm 1971 thì không được tinh xác lắm. Vì một *ariya* hay *damnury* Chăm cũng là một tác phẩm bằng thơ. Như vậy, dịch *akayet* là *épopée* sử thi, anh hùng ca, tráng ca thì ổn hơn cả.

Các dân tộc Êđê, Bana, Giarai, Raglai có thể loại gọi là sử thi với tiếng bản ngữ là: *khan, hơmon, hơri, jukar*. Các thuật ngữ văn học này đều có quan hệ mật thiết với Chăm. *Khan* trong tiếng Chăm là *akhan* hay *khan* nghĩa là *kể*; *hơmon* tiếng Cham là *murmaun* đọc là *murmon* có nghĩa *nói thầm*; *jukar* tiếng Chăm là *dulikal* hay *dalikal* có nghĩa *truyện cổ*, *hơri*, tiếng Chăm là *hari* có nghĩa *ngâm đọc*. Sở dĩ các dân tộc này vẫn còn giữ chất truyền khẩu của sử thi bởi vì lúc đó họ chưa có văn tự ghi chép thành văn bản. Do đó, họ “thuần” hơn, mang tính kể nhiều hơn *đọc pwoọc, ngâm hari*. Cả người Chăm ở Bình Định, Phú Yên cũng mang đậm chất dân gian trong sử thi.

Người Chăm vùng xuôi và khu vực Panduranga đã ý thức chép truyện thành văn bản. Câu chuyện *Dewa Murno* được chuyển thể và chép lưu truyền từ đầu thế kỉ mười bảy. Bước ngoặt thể hiện ngay ở câu đầu của sử thi nổi tiếng này:

Dulikal Dewa Murno twok twei ariya

Truyện (cổ) Dewa Murno được sáng tác (chuyển) theo thể thơ

Như vậy trước khi có sử thi thành văn, *Dewa Murno* được kể như truyện cổ tích. Cũng vậy, một văn bản ở Pháp có tên *Pram Dit Pram Lak* mà Moussay cho là *sử thi* trong lúc người Chăm ở Phan Rang vẫn còn gọi là *truyện cổ dalikal*. Văn bản thể hiện nó bằng văn xuôi. Nhớ là *Đam San* của Êđê rất giống *Dam Xong* hay *Dam Xen* của Chăm ở cốt lõi nhưng cách kể hay thể hiện thì hoàn toàn khác, đến

nổi *Dam Xong* của Chăm nay chỉ được coi như một truyện cổ rất ngắn tồn tại mờ nhạt trong tâm thức Chăm. Trong khi nó lại là niềm hãnh diện lớn của dân tộc Êđê.

Dalikal truyện cổ Chăm là thể loại văn học được chú ý sưu tầm, ghi chép sớm hơn cả. Từ cuốn *Contes Tjames* in năm 1887 đến ấn phẩm mới nhất của Trung tâm Nghiên cứu văn hóa Chăm - Ninh Thuận. Việc tường để xuôi nhưng vô cùng khó nhằn. Thế là các vị đi sau cứ sao đi chép lại, nhằm lẫn giữa truyện cổ và sáng tác thành văn, các nguồn sưu tầm không được ghi đầy đủ hoặc chú thích qua loa, không có đối chiếu dị bản ở các vùng, miền người Chăm sinh sống. Các ghi chú sai lạc, tùy tiện. Ngay cả ấn phẩm mới nhất, khá dày dặn là *Truyện cổ dân gian Chăm* cũng không hơn gì. Dễ gây cho người đọc như đang cầm tay ấn phẩm phổ thông chứ không phải công trình sưu tầm folklore nghiêm túc. Khía cạnh này, người sưu tầm sau *đạp cúrt jwak aih* nhà nghiên cứu trước. Thế mà các nhà làm tổng, tuyển tập chưa phân tích kĩ đã vội đưa chúng vào bộ sách to đùng và dày cùi rồi gán chúng là văn học Chăm.

Hà Nội cuối năm 1995

Trời khá rét. Với dân xứ nóng thì thật bất tiện. Nhưng sự hưng phấn được cùng anh em Viện Nghiên cứu Đông Nam Á qua thăm làng dệt Vạn Phúc đã làm tôi quên cái lạnh ngập tràn đường phố thủ đô. Đến đón tôi và Hani là Trương Sĩ Hùng.

- À Inrasara. Ông đã phê tôi đấy nhé. Nhưng ông phê đúng.

Đó là câu đầu tiên anh làm quen với tôi. Thật quý hóa tinh thần vị phò tiến sĩ văn học kiêm thi sĩ này. Anh viết tiểu luận về văn học Chăm khá dài [dòng] trên tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, dựa vào một ấn phẩm không đáng tin cậy: *Truyện thơ Chăm* do Tùng Lâm và Quảng Đại Cường dịch, Nhà xuất bản Văn hóa in năm 1982. Cứ gì anh! Đặng Nghiêm Vạn cũng đã cho in bảy bản dịch rút từ ấn phẩm

này trong *Tuyển tập văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam*. Rồi cả *Tổng tập văn học Việt Nam* đồ sộ là thế vẫn chép lại chúng.

Lỗi hồng tri thức về nền văn học dân tộc Chăm quá lớn. Có khờ mới đi trách người thiên hạ. Tiếc là người làm công tác tuyển chọn và cả nhà nghiên cứu chưa biết rằng dân tộc này đã có văn học thành văn. Bảy tác phẩm trên thuộc dòng này nên chúng có bản gốc là điều không thể cãi. Vậy mà Tùng Lâm và Quảng Đại Cường đã chẳng đưa ra nổi một văn bản gốc nào làm chứng. Nghề chữ nghĩa sai một li đi một dặm là vậy.

Truyện thơ Chăm. Nghe cái tên thôi cũng làm nức lòng anh em Ban Biên soạn, từ lão làng là bác Lâm Nài cho đến cái thằng tôi mới hai lăm tuổi đầu. Bảy truyện chứ ít ỏi đâu! Trước đó, trắng. Cả trước 1975 nữa kia. Trung tâm văn hóa Chăm quy tụ non chục trí thức Chăm xung quanh Moussay cũng chỉ cho ra đời vài tập lẻ bằng *akhar thrah*. *Glơng Anak* và *Dewa Murno* chỉ được Thiên Sanh Cảnh dịch cho đăng nhiều kì trên nội san *Panrang* ra thất thường. Háo hức buổi đầu bao nhiêu chúng tôi thất vọng bấy nhiêu khi đọc xong nó.

- Mỗi dịch giả đáng nhận vài phát roi vào mông. Có đúng nguyên văn câu nói của già làng Lâm Nài không, chỉ nhớ rằng sau đó ít lâu, Quảng Đại Cường ghé Ban đã tự thú anh “dịch” chúng theo trí nhớ. Ở Bắc khi đó làm gì có văn bản Chăm!

- Thế còn các phần sau? Cậu đào đâu ra?

- Bác thông cảm! Em phải “nâng cao” cho phù hợp với nhân sinh quan thời đại. Thôi thôi, các bác bỏ qua cho. Em đọc ngay đây để hầu các bác sáng tác mới nhất của em. Thế là anh đọc, như kẻ lên đồng, nhập hồn và múa may. Tôi bất ngờ trước tài năng thơ dị kì này. Được biết trong các anh em Chăm ra Bắc tập kết, anh là khuôn mặt sáng giá. Chỉ vì ngộ nhận nhỏ mà ra nông nổi. Lúc này, anh chỉ biết trôi giạt và làm thơ tụng ca những người tình mộng chấp chờn trong dòng đời quá cay nghiệt.

Có thể phân văn học Chăm ra làm hai thời kì lịch sử lớn mà mốc ranh giới là giữa thế kỉ mười bảy, cụ thể hơn, thời Ppo Rome (1627-1651). Các sử thi *akayet* xuất hiện vào giai đoạn đầu, xa hơn là sự phát triển phồn thịnh của văn bi kí. Đó là giai đoạn vương quốc Champa còn tồn tại như là một nhà nước có chủ quyền, có sức mạnh quân sự và chính trị đáng kể trong khu vực. Nghệ sĩ chưa bị lịch sử đung chạm đến, sẵn sàng ca hát về những nhân vật của thần thoại, các giai nhân và anh hùng tưởng tượng để làm vui lòng vua chúa hay phần nào đó an ủi tâm hồn con người ở tầng lớp dưới xã hội bị ảnh hưởng bởi di căn chế độ thế cấp Bà-la-môn giáo. Cuộc biến động lớn cũng đã xảy ra, nhưng nhà văn chưa ý thức sự mạng mình. Cùng lắm là ý thức tôn giáo được phát khởi với *Akayet Um Murrup* mang ít nhiều dấu ấn thực tế xã hội, nhưng sau đó không có sáng tác nào đi theo truyền thống này.

Triều đại Ppo Rome sụp đổ mở ra một thời kì mới của văn học Chăm.

Bước sang thế kỉ mười tám, hai tác phẩm lớn ra đời: *Ariya Xah Pakei* và *Ariya Bini - Cam*. Trong khi tác phẩm trước kể về chuyện tình (đúng hơn, sự theo đuổi một chiều) của người con gái thuộc dòng dõi quý tộc với hoàng thân để nói lên nhân sinh quan Chăm, không dính dáng gì đến thực tế lịch sử lúc bấy giờ, thì tác phẩm sau (dù cũng là tác phẩm trữ tình) dự cảm biến cố lớn. Giấc mơ tình ái đổ vỡ của vị hoàng thân Chăm với công chúa Islam, sự mất niềm tin của quần chúng Chăm với văn hóa Ấn Độ, xung đột tôn giáo dẫn đến sự sụp đổ nhanh chóng của vương quốc, được kể bằng bút pháp điêu luyện của một nghệ sĩ bậc thầy. Có thể nói đây là tác phẩm đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp trong văn học sử Chăm, cả về đề tài, nghệ thuật lẫn ý thức lịch sử của người cầm bút. Đến cuối thế kỉ này và đầu thế kỉ sau, cả nền tảng xã hội Chăm bị đảo lộn toàn triệt.

Giai đoạn thứ hai bắt đầu bằng sự chiếm đóng của quân đội Tây Sơn trên toàn cõi đất nước. Champa, trên danh nghĩa vẫn tồn tại, nhưng về thực chất, nhà vua đã hoàn toàn mất quyền hành. Tên nước và biên giới bị sửa đổi nhiều lần và liên tục. Vài cuộc nổi dậy lẻ tẻ không định hướng của các phong trào quần chúng bị dập tắt. *Ariya Glong Anak* ra đời khởi phát cao trào sáng tác mới trong một xã hội sôi động những biến cố đang chực nổ tung. Đó là cao trào văn học trong giai đoạn cuối cùng của lịch sử vương quốc. Nhà văn khám phá ra vị thế của mình trong lịch sử, biết đặt vấn đề trước chuyển biến của thời cuộc, và nhất là đã tỏ thái độ. Trong khi *Ariya Twon Phauw*, *Ariya Kalin Thak Wa* diễn tả với ít nhiều phê phán cuộc chiến bi thương được phát động bởi các nhà cách mạng đang cố vùng vẫy trong tuyệt vọng; và trong lúc *Ariya Ppo Cong*, *Ariya Ppo Parong*... kể lại lạnh lùng tình hình xã hội lúc bấy giờ với những cưỡng bức, bắt công, những lo sợ, khổ khổ, những cuộc li tán, những cái chết, tội ác và hình phạt... thì tác giả *Ariya Glong Anak*, với thái độ của một triết nhân, đã đặt lại vấn đề từ nền tảng: Cần khôi phục đất nước hay truy tìm sinh lộ cho dân tộc trên mảnh đất yêu thương và đau khổ này? Câu hỏi được nêu lên đúng lúc và đúng trọng tâm. Và hỏi có nghĩa là đã trả lời.

Ariya Glong Anak có một giá trị cao vượt cả về nghệ thuật văn chương lẫn nội dung tư tưởng. Riêng khía cạnh xã hội, nó có tính đánh động thật sự.

Ngoài dòng văn học trên, truyền thống văn học ngợi ca công đức của các vị khai quốc hay các nhân vật lịch sử dần dần rút vào tháp ngà tôn giáo, nhưng không phải vì thế mà nó không được tinh luyện bằng nét đẹp riêng.

Sau biến cố Lê Văn Khôi, dân Chăm được tởn chiếu của Thiệu Trị chiếu cố, từ khắp vùng rừng núi trở lại cuộc sống an bình của nông thôn. Thực dân Pháp tới, đất nước Việt Nam bị đặt dưới sự đô hộ

của Pháp. Giai đoạn này, một tác phẩm trữ tình xuất hiện: *Ariya Cam - Bini*, kể về cuộc tình thủy chung, mãnh liệt nhưng bi thương của đôi tình nhân Chăm - Bani và kết thúc bằng cái chết đầy tính tố cáo của cả hai. Tiếp đó là *Ariya Muryut* cũng nằm trong truyền thống thơ ca trữ tình ra đời nhưng kém giá trị hơn.

Song song với hai khuynh hướng sáng tác trên, một tác phẩm thuộc dòng văn học mới ra đời, đã tạo biến cố trên văn đàn Chăm lúc đó: *Pauh Catwai*. Bằng giọng thơ đanh thép và lối suy tư bộc trực, *Pauh Catwai* - đăng sau sự phê phán đối trắng thay đen của nhân tình thế thái trong một xã hội rã mục - đụng chạm đến cốt lõi của vấn đề xã hội Chăm lúc bấy giờ (và cả ngày nay): Cần phải bảo vệ nền văn hóa của cha ông để lại. Tác phẩm gợi hứng cho nhiều sáng tác sau đó: *Hatai Paran*, *Dauh Toy Loy*, *Ar Bingu...* liên tiếp xuất hiện. Cũng là lối đặt vấn đề và sử dụng thủ pháp nghệ thuật đó, nhưng hầu hết tác phẩm này dần đi vào bí hiểm. Chúng mang bộ mặt của sấm kí nhiều hơn là chịu chuyên chở thực tại cuộc sống. Người cầm bút đang tự cách li với nguồn suối nuôi dưỡng nghệ thuật. Văn học Chăm bước vào giai đoạn suy thoái trầm trọng sau đó.

Văn chương Chăm sau văn bi kí đậm chất cung đình là các sử thi, sau đó là trường ca trữ tình và thơ thể sự. Hơi thở ấy vắt qua Murdwon Jiaw đọng lại ở thời hiện đại là sáng tác đáng nhớ cuối cùng. Nếu sử thi là cốt truyện vay mượn từ Ấn Độ, Mã Lai với địa danh, tên người và ngay cả cốt cách, lối ứng xử của nhân vật... đều mang đậm chất ngoại lai xa lạ; dung lượng văn chương hay tư tưởng còn xa mới đứng ngang tầm với các sáng tác phẩm cùng thể loại trong khu vực; thì các trường ca trữ tình Chăm lại có phẩm chất khác hẳn. Bảy trường ca nổi tiếng này ra đời vào khoảng thế kỉ XVII-XIX trong bối cảnh xã hội Chăm bị phân hóa, chia xé bởi hai tôn giáo lớn: Hồi giáo và Bà-la-môn giáo. Trong đó *Ariya Bini - Cam* nổi trội ở giá trị lịch sử, tính khái quát và nhất là giọng thơ tuyệt kì của nó.

Truyện thơ kể mối tình một chiều của vị hoàng thân Chăm với cô gái Islam đến từ Mecca để truyền đạo Hồi vào Champa. Qua những vùng đất trải dài từ Quảng Bình đến Bình Thuận. Một chặng đường khốn khó, gập ghềnh, đau khổ như tâm tình của vị hoàng thân tài hoa thiếu may mắn. Chàng yêu đất nước nhưng lại mê đắm người con gái kiều kì kia. Chàng biết nếu chấp nhận nàng thì phải chấp nhận tôn giáo nàng mang đến, là từ bỏ người thân, gia đình. Chàng biết nếu chấp nhận Islam vào Champa là chấp nhận chiến tranh nồi da xáo thịt. Lòng chàng rối vò, đời chàng xáo trộn. Chàng bất lực nhìn cuộc chiến nổ ra. Cuộc tình đổ vỡ, cùng đổ vỡ với nó là tổ quốc yêu thương của chàng.

Nhiều đoạn thơ đẹp nhất của văn chương Chăm như hội tụ nơi đây. Sự đảo lộn thứ lớp thời gian dẫn truyện phát triển theo dòng hồi ức của vị hoàng thân khốn khổ này là sáng tạo rất hiện đại của thi phẩm về mặt thi pháp vô tiền [khoáng hậu] trong văn chương Chăm. Càng hiện đại hơn là thể thơ *ariya* sử dụng đã bứt ra khỏi thể *ariya* cổ điển cứng nhắc của dòng sử thi, vỡ mảnh đất mới cho thể *ariya* hiện đại Chăm cơ hội bung phá sau này.

Vượt trên tất cả là thơ thể sự và thơ triết lý. Suy tưởng, phải chăng đây là đặc trưng đậm nổi của văn chương Chăm? Nếu *Pauh Catwai* thương đời mà ngạo đời, cộc lốc mà đắm tình người với mỗi cặp lục bát gần gũi như là một châm ngôn thì *Glơng Anak* lại hội đủ tố chất của một kiệt tác: Tính thời sự, tính triết lý và vẻ đẹp của văn chương.

(*Văn học Chăm khái luận*, 1994).

Vậy đó, ngài khách quan luôn là cái giành to sẵn tay cho ta đồ thừa. Hỡi, đến hôm nay, có một Chăm nào làm việc trong trơn tru thuận lợi? Chúng ta sinh ra trên đồng đồ nát, lớn lên từ bùn đất, *Jiơng di ia kakwor jiơng di barabauh Hình thành từ giọt sương từ bọt nước*.

Rồi tôi ngóc đầu dậy và tôi trườn lên
Rồi tôi rướn mình khỏi hố hang quá khứ
Như kẻ bị thương mò tìm lối ra khỏi đồng tan hoang thành phố
Tôi tìm lại tôi - tìm thấy bóng quê hương
(Tháp năng, 1996)

Tôi đã làm việc sau ngày cày thuê nhọc mệt, sau buổi đi câu lãng đãng, trong cuộc hội nghị vô bổ, trước ngọn đèn cầy leo lét hay dưới ánh điện sáng trưng, trên chiếc bàn gỗ nát nơi chòi rầy dưa hay trong văn phòng sang trọng của Đại học, giữa đám đông và trong cô đơn, trước một tin vui sắp tới hay sau nỗi buồn nát mật. Nghĩa là bất kì ở đâu, hoàn cảnh, tư thế nào vẫn có thể làm việc và sáng tạo. Hãy làm việc với nụ cười - nụ cười của Inra Patra!

Lần đầu gặp một nhà sử học khá nổi tiếng. Nghe tên nhưng chưa bao giờ biết mặt dù qua ảnh, nên cuộc hẹn gây cho tôi phần chấn quá mức cần thiết. Anh bước mạnh vào nhà hàng bình dân cạnh khách sạn bình dân, cùng vài người quen thân. Chúng tôi bắt chặt tay nhau giây lâu.

- Phú Trạm hả?

- Vâng.

Thế thôi. Anh bắt đầu thuyết. Các chương trình nghiên cứu của anh về văn học, tôn giáo, lịch sử. Anh nêu hàng loạt tên tuổi sẽ là cộng tác viên tương lai. Làm như mỗi Chăm là một nhà nghiên cứu không bằng! Đi lớt phớt vài *palei*, anh hoàn toàn mù thông tin về xã hội tôi đang sống. Có chăng là mớ thông tin chấp vá và sai lệch. Tôi câm lặng nghe, cố gắng chịu đựng đầy phép lịch sự. Tôi nghĩ nên bỏ qua cho anh. Sự phấn khích nhất thời dễ làm ta lệch lạc. Anh hỏi tôi về chương trình sưu tầm văn học dân gian. Tôi nói tại sao chỉ văn học dân gian?

- Tôi sắp cho ra đời bộ văn học Chăm. - Tôi tuyên bố lớn lối như vậy.

- Ôi trời đất! - Anh la lên. - Không thể làm nổi, không thể...

Anh tiếp tục thuyết. Lúc này, tôi nghe anh như nghe qua lớp sương mù. Tôi thấy tuổi trẻ tôi bập bênh trôi từ làng này sang làng khác với những nông nổi, sai lầm, té ngã rồi hi vọng. Trên con đường chữ nghĩa gập ghềnh, có không ít bạn đồng hành tài năng, nhưng bởi không có cơ duyên, hầu như tất cả rẽ ngoặt hay rút lại. Brodsky: “Không phải chúng ta lựa chọn những cuốn sách sẽ viết mà chính chúng lựa chọn chúng ta.” Nhà trên không biết tôi đã bắt đầu từ hơn hai mươi năm rồi. Khởi sự từ một dự án to lớn giữa vùng sương mù mơ hồ.

“Những dự án mang tham vọng quá trớn có thể bị chối từ trong nhiều lĩnh vực nhưng không thể bị chối từ trong lĩnh vực văn chương. Văn chương chỉ còn sức sống nếu chúng ta tự đặt ra cho chính mình những mục tiêu bất khả lượng đạt, vượt quá tất cả những hi vọng về sự thành tựu. Chỉ chừng nào các nhà thơ và nhà văn tự đề ra cho chính mình những công tác không có bất cứ ai dám tưởng tượng đến, thì văn chương mới đạt được tác dụng của nó...” - Italo Calvino.

Không chỉ trong sáng tạo, tôi thấy tôi trong ý tưởng đó cả trong sáng tác lẫn nghiên cứu văn học dân tộc. Suy tư nhỏ lẻ, ta mãi ở lại trong căn chòi thấp bé, biết bao giờ mở ra biển lớn! Lệ Chăm làm nhà là vậy, mua dần mỗi năm mỗi ít nguyên vật liệu: rui, kèo, cát, xi măng, trong lúc cả gia đình nheo nhóc con cái phải chạy qua mái hè hàng xóm đụt mưa. Tôi có một so sánh tréo ngoe, nhưng không sao. Người đọc khao khát hiểu biết về nền văn chương Chăm mong được nhìn thấy sườn nhà, dù là trên bảng thiết kế. Tôi cung cấp nó cho họ. Bộ *Văn học Chăm* tạm ổn.

- Cần gì thêm bổ sung cho ngôi nhà.

- Nhiều chữ và còn dài dài. Cần đi vào từng đề tài, thể loại. Góp nhặt từng mảnh vữa rơi rớt bị vùi lấp dưới vùng mù sương kí ức của bác nông dân với đôi mắt đờm buồn. Rồi từ nguyên vật liệu này, biết đâu sườn nhà khi xưa có thể phải dàn dựng hay điều chỉnh lại ở khá nhiều góc cạnh. Cần tấm lòng, phương pháp và sự kiên trì chứ không nhất thiết phải là tiền. Tiền, tiền, tiền. Không có khoản tiền nào chi trả cho hai bà lằng giềng của tôi chịu cãi nhau để từ đó bật ra tục ngữ, thành ngữ được! Chúng xảy ra bất chợt và bất kì đâu, vương vãi trong gió cát. Tôi lượm nhặt chúng.

Cuộc về nguồn của tôi là một cuộc trường kì yêu, trường kì đi, trường kì ghi chép. Chớ có đại dột đi cãi nhau với đối tượng được nghiên cứu như anh bạn nhỏ con của tôi từng làm. Bốn phần của nhà nghiên cứu là hỏi. Nếu có nói là để hỏi sâu hơn. Thầy Mạnh Tử bảo cái bệnh của thiên hạ là thích làm thầy đời. Ông thầy cũ kể chuyện lạ tầm quốc tế rằng có cô sinh viên đưa khoe ông luận văn tốt nghiệp về văn chương Chăm mới trình xong. Lướt qua luận văn, ông hỏi:

- Thế cháu có gặp Inrasara chưa?
- Dạ chưa.
- Cháu có đọc tác phẩm nghiên cứu nào của Sara chưa?
- Dạ chưa.
- Đã đọc kĩ tác phẩm cổ Chăm nào không?
- Cháu không biết chữ Chăm.
- Chữ cháu tham khảo tài liệu nào để viết?
- Một bài báo của Phan Đăng Nhật giới thiệu một tác phẩm cổ từ một tác phẩm nghiên cứu của Inrasara!

Vậy mà luận văn vẫn được điểm tám! Về cái khoản liều mạng trong khoa học của sinh viên lẫn giáo sư hướng dẫn mấy năm qua bia miệng thiên hạ đã tạc nhiều rồi, nói thêm càng phiền lòng. Cũng

may, chúng yên giấc nghìn thu trong kho lưu trữ. Cầu Chúa ban phước lành cho chúng!

Chăm là dân tộc ham chơi, làm chơi, làm để chơi. Thời ruộng một vụ ăn nước trời, mùa gặt bà con chở lúa bó lên các đám ruộng gò dùng làm sân đập, chất hàng đồng theo hình vòng cung đầy mỹ thuật, vừa tránh mưa cuối năm vừa che rét bắc. Và chia đội đá bóng, đốt lửa hát hò đến cả tuần mới lục tục xỏ đồng lúa ra đập. Ham chơi thì tài năng văn học nghệ thuật dễ nảy mầm. Hiện tượng Murdwon Jiaw - nghệ sĩ *hát vãi chài pwoe jal*, Murdwon Tim - nghệ nhân chơi trống *ginong* kì tài hay Jaya Muryut Cam - thi sĩ một bài thơ *Su-on bhum Cam* không là hiếm. Nhưng chỉ có thế. Đất, nắng, gió Phan Rang đã không ưu ái họ. Và chính họ cũng không biết tự nuôi sống. Cây nghệ thuật bắt đầu bằng những nụ hoa ham chơi kinh qua bao cuộc tình luyện nhựa ham làm mới kết trái chín muồi ở cuối vụ thu hoạch.

Tôi nói với các bạn trẻ Chăm cần cho bỏ rớt lại sau lưng thứ phức cảm tự ti-tự tôn đi; cần hơn nữa là phải vứt bỏ đi gánh nặng kiêu hãnh hão về quá khứ. Ông cha ta đã có sự nghiệp to lớn, và chúng ta hôm nay cũng cần có công trình mới.

Tôi đã được gì từ cuộc đi, đọc và viết? Nhiều, rất nhiều nữa là khác. Rõ nhất là các giải thưởng. Không ai sáng tác hay nghiên cứu với ý định sẽ ăn giải nào đó. Giải thưởng đến với tôi thật ngẫu nhiên. Cả tác phẩm nghiên cứu lẫn sáng tác. Lại là đầu tay, mới lạ.

Giải thưởng nghiên cứu năm 1994 của Centre d'Histoire et Civilisations de la Péninsule Indochinoise, Sorbonne - Pháp dành cho *Văn học Chăm khái luận* quả là một bất ngờ. Dự Hội thảo quốc tế về Tư liệu và cách tiếp cận Việt Nam tại Aix-en-Provence, Bùi Khánh Thế mang theo cuốn sách để giới thiệu. Về nước, ông cho biết nó sẽ được thưởng. Sau đó, năm 1996, tôi có một giải nữa của Hội đồng Dân tộc - Quốc hội khóa IX dành cho tác phẩm xuất sắc nhất trong

năm của Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc là *Văn học Chăm - Trường ca*. Mấy năm sau là hàng loạt các giải thưởng khác nữa, to không kém. Vinh dự quá đi chứ. Cho tôi, và cho Chăm nữa. Nhưng có lẽ cái đáng quý hơn cả là lòng bà con dành cho chữ nghĩa của tôi. Nó là duy nhất và không gì thay thế được!

Ba tháng *Văn học Chăm* phát hành, dự *Ramurwan* tại Văn Lâm, bố vợ người bạn bệnh nan y sắp qua đời, mời tôi sang nhà dùng trà. Ông nói, giọng run run: Quý lắm cháu à, chưa ai trước cháu tập hợp chữ nghĩa nhiều như thế. Còn dịch và giải nghĩa chữ khó nữa. Bạn này chú đọc mỗi nó. Qua bên kia, chú sẽ nói với ông bà... Tôi tím tái người. Việc “làm chơi” của tôi tác động đến tâm hồn một ông cụ thế sao? Nhưng buồn cũng lắm. Đáng buồn nhất là ngộ nhận. Ngộ nhận ngắn hay dài hạn. Thật không đáng trong xã hội chật chội này.

Janurk haniim thei ngap pơh tabơng

Siam dađơp jhak raglơng murta bboh di bauh murta

Lành dữ, thiện ác được tạo tác để thăm dò

lòng người

Cái nham hiểm sẽ hiện tiền, mở phơ cho người trần chứng kiến

(Ariya Glơng Anak)

Có nhà thơ hỏi tôi khai thác được gì ở văn hóa Chăm? Hỏi, làm như văn hóa Chăm là xác trâu cho điều hâu tôi sà đến rửa rúc, trực lợi. Tôi nói tôi không khai thác mà ngụp lặn và lớn dậy từ giữa lòng nền văn hóa ấy, để sáng tạo cái mới. Văn chương khía cạnh nào đó là cách sống ở đời, là một tỏ thái độ và hối thúc tỏ thái độ. Có thể nó là một đối tượng nghiên cứu khoa học chẻ sợi tóc làm tư, nhưng điều trước tiên nó nhắm đến là qua nó, bạn có thái độ. Bạn học cách đi vào lòng nó với tất cả nhiệt tâm, thì nó mới tự mở phơ như một hiện thể chói lòa, bát ngát. Nó không là đối tượng cho trí thức háo lạ đến với nó bằng con mắt dòm ngó, soi mói vị lợi.

Văn chương Chăm bằng bạc trong tâm hồn dân Chăm. Nói như Chế Lan Viên, nhân loại còn đi xa nên nhân loại muốn có “thơ cầm tay”. Hôm nay, tôi muốn biểu bạn vài tập cầm tay rút từ bạt ngàn chữ nghĩa của nền văn chương dân tộc mình. Đó là *Ariya Bini - Cam*, *Ariya Glong Anak*, *Pauh Catwai* và *Ariya Nau Ikak*. Chúc lên đường may mắn.

- Thế còn của Inrasara?
- Bạn hãy tự rút ra mà cầm tay. Xin giã từ.

4

CHUYỆN CHỮ

Chữ có cuộc sống riêng, từ sinh thành cho đến lúc lâm chung. Thăng trầm và biến dịch khôn lường. Chữ sống, bước đi, đứng, ngủ, ngã lòng, thờ dốc; chữ an ủi vỗ về, tạo ảo tưởng, thăng hoa hay hành hạ tâm hồn con người; chữ bị thương, bị làm biến nghĩa, biến dạng, biến chất; chữ đau bệnh, kiệt sức, hết hơi, giãy chết; cuối cùng chữ bị khai tử và được mang trưng bày trang trọng trong viện bảo tàng hay bị chôn vùi vào nghĩa trang - nghĩa trang chữ.

Đời chữ Chăm cũng vậy. Và còn hơn thế, có lẽ.

Ba mươi năm la cà, ăn nằm cùng chữ hay đôi lúc chán nản, toan rời bỏ chữ, tôi vui cái vui của chữ, đau đớn, dần vật vớ với chữ, trưởng thành qua hay chịu muôn ngàn hệ lụy với/ của chữ. Ba mươi năm, để được trả giá: Tôi hiểu chữ là một trong vài bí mật của thế giới mà ẩn ngữ của nó không bao giờ khai mở trọn vẹn cho con người.

Như chuyện Phauk Dhar Cork, ông họ nội tôi. Người bảo ông tàng tàng, kẻ nói ông lập dị, không ít vị cho ông bất phùng thời. Thôi thì đủ cả. Dù gì thì gì, lối lý giải khiến không ai phải gờ tay xin ý kiến nữa, là: Ông bị *ăn chữ bbong akhar* !

AKHAR là gì? Là chữ.

Akhar trong tiếng Chăm có nguồn gốc từ tiếng Pali: *akkhara*, là *chữ viết, chữ (cái), chữ, tự dạng; ngôi sao*. Vay mượn tiếng Pali, Chăm lược đi nguyên âm cuối A (trường hợp phổ biến trong tiếng Chăm), để thành *akhar*. Có mấy lối viết chữ Chăm:

Akhar di hayap: chữ trên bia đá, nói chung.

Akhar rik: chữ cổ, chữ thánh, lối viết hoa.

Akhar yok: chữ bí ẩn, lối viết thay dấu âm bằng chữ cái.

Akhar twor: chữ treo, lối viết tắt.

Akhar galimung: chữ con nhện, lối viết tháu.

Akhar thrah: chữ thẳng, chữ thông dụng, lối viết thường dùng.

Akhar murtai: chữ chết, lối viết kéo dài chữ cái dùng làm phụ âm cuối của từ. Ngoài ra, *akhar* còn kết hợp với vài từ khác để tạo thành từ ghép như:

Akhar xarak: chữ viết nói chung (*xarak*: kí, viết).

Akhar tapong: chữ gốc, sách cổ, bản gốc.

Akhar tapuk: chữ nghĩa, kiến thức...

Bbong akhar là ăn chữ ! Là bị chữ ăn *akhar bbong*, bị sách hành. Khi ta hiểu văn bản thật, khi ta dùng sai mục đích của sách, hoặc ta ứng xử không phải phép với chữ! Chấm nói: *Bbong akhar bbong aw* Ăn chữ ăn áo. *Akhar* chữ đồng âm với *khan váy*. Lối đọc trại làm biến nghĩa của quần chúng để lừa gạt kẻ sở hữu nhiều sách mà không biết cách dùng sách, tự hành hạ mình đồng thời gây phiền hà người xung quanh.

Phauk Dhar Cok có rơi vào trường hợp này không? Ai dám đoán chắc, ai - những kẻ tài hèn trí mọn của thế hệ hôm nay? Ông là ngọn núi cao ngất hay chỉ là ao tù bé nhỏ, cạn cợt? Ông mất năm 1984, vừa đúng thất thập, sau cuộc hành trình năm năm khát thực quy hồi cố hương. Con người lập dị này đến hôm nay vẫn còn là một bí ẩn.

Dân tộc Chăm biết sử dụng chữ viết từ khá sớm. Bia Võ Cạnh (Nha Trang) - năm 192 sau Công nguyên, là bia kí đầu tiên bằng chữ Phạn ở Đông Nam Á. Cũng vậy, bia Đông Yên Châu cuối thế kỉ thứ tư, là minh văn bằng chữ bản địa có mặt sớm nhất khu vực. Chăm hãnh diện về nổi đó, nên ông bà rất quý sách. Chữ là chữ của thần

thánh, tuyệt không ai được phép dùng giấy có chữ viết làm giấy loại hay giấy vệ sinh. *Akayet Um Murrup* là tác phẩm truyền bá tôn giáo Islam vào xã hội Chăm, nhưng Chăm Bà-la-môn chưa hề có ý đốt nó đi khi bắt gặp nó trong *ciet* sách gia đình. Không được phép truyền, nhưng không hủy.

Huyền thoại về kho sách cổ cất giấu trong các hang núi vùng Phan Rang, Phan Rí từ thế kỉ mười bảy đến thế kỉ mười tám được truyền tụng trong dân gian Chăm như một ám ảnh. Nhiều người biết đến nó nhưng không ai biết đích xác nó như thế nào hay ở đâu. Xa hơn, cuối thế kỉ thứ mười, giai đoạn Lưu Kỳ Tông làm vua vương quốc, hàng chục chiếc tàu của hoàng tộc Chăm sang đảo Hải Nam lánh nạn, chở theo đầy sách. Gần ngàn năm không ai dùng đến, sách đã mục đến không thể giờ đọc được. Vẫn chỉ là những nghe và kể lại. Gần đây, năm 1985, tình cờ người ta khám phá thấy kho sách Chăm với ba ngàn văn bản bị bỏ rơi từ thế chiến thứ II trong một hòn đảo thuộc Ấn Độ Dương. Toàn bộ tư liệu được đưa về kho lưu trữ bên Pháp. Nhưng mãi đến lúc này, chưa tìm đâu người để đọc và phân loại chúng. Cũng chỉ là nghe nói khác!

Người Pháp, do hoàn cảnh lịch sử đặc thù, là người đi đầu trong sưu tầm và nghiên cứu văn bản Chăm. Với hơn 250 bi kí thu thập được từ đầu thế kỉ đến nay, năm 1995 Claude Jacques làm cuộc tập kết thành *Études épigraphiques sur le pays Cham* dày dặn 330 trang oai vệ. Đó là minh văn trên bia đá được sáng tạo bằng hai thứ tiếng Sanskrit và chữ Chăm cổ từ thế kỉ thứ ba đến thế kỉ mười lăm năm rải rác suốt dải đất miền Trung, xưa từng là khu vực phát triển phồn thịnh của văn hóa - tôn giáo Champa.

Tưởng người Pháp, trong thời gian xâm chiếm Việt Nam, đã “vơ vét” của dân tộc này hết rồi. Nhưng không! Chăm từ thế hệ này sang thế hệ khác, vẫn còn lưu giữ *ciet* sách gia đình. Gần như mỗi gia đình trí thức đều có ít nhất một *ciet* sách. Hai mươi năm đi vào các

làng mạc, tôi đã chép tay khoảng 300 văn bản, trong đó hơn trăm thuộc phạm trù văn chương. Sau đó, năm 1994, Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm - Ninh Thuận cũng đã chụp được từng ấy bản nữa. Đây là ta còn chưa có chương trình lớn và toàn diện. Cuốn sách treo mồn kí ức mãi đón chờ những bước chân. Kiên nhẫn và miệt mài...

Sách Chăm được chép trên giấy bản Tàu, trước kia, trên những miếng lá buông ghép lại với lỗ để xỏ dây khâu thành tập. Thời Pháp, cha ông dùng giấy xi măng, dù thô nhưng khá bền. Sách được cất vào *ciet paung* (như rương đan bằng tre lát), treo trang trọng lên xà ngang ngay giữa nhà. Định kì hàng tháng, với lễ vật đơn sơ, chủ gia làm lễ rước xuống mang hong nắng. Sách lâu ngày không dùng tới gọi là *akhar bhaw sách hoang*, rất không hay cho người sở hữu chúng.

Bhaw, tiếng Việt là *hoang*. Không phải như hoang trong từ bỏ hoang, nghĩa là chỉ không được chăm sóc, sử dụng một thời gian, chứ không vĩnh viễn. Ở nghĩa này, Chăm có từ *biluw*, trong từ *hamu klak biluw ruộng bỏ hoang*, *kamei biluw phụ nữ chưa chồng*. Còn *bhaw* là hoang mãi mãi, hoang vô phương cứu chữa. *Murtai bhaw chết hoang*, chết không có ai ngó tới, không được hưởng các nghi thức tín ngưỡng cần thiết. Bạn chết một lần trong đời, khi bị chết hoang, cái chết không xảy ra lần nữa cho ta cứu vãn sai lầm phạm phải. Vĩnh viễn phải chịu án.

Akhar bhaw cũng vậy. Chữ - sách không được làm lễ mang xuống phơi nắng, không được đọc tới, chúng trở thành hoang! Có thể tháng sau hay năm tới ông sẽ ngó ngang tới, nhưng thứ chi khác thì được, với chữ thì đừng hòng: Chúng đã thành hoang! Đây là quan niệm độc đáo và rất trí tuệ. Kẻ sĩ một ngày không đọc sách, soi gương, mặt mũi chẳng ra làm sao. Một ngày thôi đã vậy, nói chi cả tháng sách bị bỏ hoang. Bạn đã ứng xử với nó thế, nó tỏ thái độ với bạn

ngay: Nó quay sang hành bạn! Làm cho bạn điêu đứng vì nó, gia đình bạn hoạn nạn bởi nó.

Mùa thu năm 2002, Cei Halim Mui phán: Bởi gia đình đang bỏ mặc cho *akhar bhaw sách hoang nên sách hành akhar bbong* ! Đúng sai không biết. Thế là ngay tuần sau, cả bốn *ciet* sách với bao công lao cả mồ hôi lẫn nước mắt của ông bà bị con cháu làm lễ đơn sơ, vội vã, để nửa đêm mang thả xuống sông Lu. Tất cả! Chữ bị trả về với sông nước, cát bụi.

Chuyện chữ Chăm là truyện dài nhiều tập, hấp dẫn, với bao biến tấu bất ngờ và, hậu quả thì không ma nào lường trước được.

Để chỉ kẻ dốt nát, dân gian có thành ngữ: *O hu akhar K wak gilaung tauk Không có chữ K treo lỗ đít* (K là chữ cái đầu tiên trong bảng chữ cái Chăm). Với thành phần thực dụng, chữ là một trở ngại không nhỏ: *Akhar o buh tamur gauk hu Chữ [nhiều cũng] không bỏ vào nồi được. Blok/ porh akhar giở sách* là từ hàm nghĩa hay, tốt; nhưng để chơi khăm kẻ ưa khoe sách, đựng phải chuyện gì cũng khát đề về nhà giở sách xem thánh hiền viết thế nào đã, Chăm bày ra tiếng đồng âm: *blok khan vén váy* để đùa nghịch. Đối tượng có nước ngọng! Kẻ ích kỉ, cất sách riêng xài, ưa giấu chữ bằng lối viết bí ẩn hoặc chỉ mỗi tác phẩm mà chép vào ba, bốn tập khác nhau để ví sách có bị đánh cắp, người sở hữu tiếp sau không biết đường mà lần, bị lên án là *ppadơp akhar giấu chữ*.

Nói lý, cãi lý, cao đàm khoát luận triết học cao siêu được gọi là *ppacoh, pacauh xakarai*. *Xakarai* hay *xakkarai* nghĩa là triết lý, lịch sử, luận lý xuất hiện qua/ trong chữ. Nó ăn nhờ ở đậu chữ, kí sinh chữ nhưng cũng đóng góp phần mình vào sự phồn vinh của chữ. Chăm có chữ sớm thì triết học với văn học phát triển ngon lành là chuyện miễn bàn - Trà phán đình đóng như thế.

Sách quý, hiếm gọi là *akhar taduk ciet sách đáy chiết*. Tính linh thiêng được ban cho chữ, nên mới có *akhar nurbi chữ thánh*.

Lối viết tháu, muốn đọc thì phải *pacannur* suy luận: *Jơl di G pwor L, jơl di L pwor G* Bí chữ *G* thì đọc sang chữ *L*, *kẹt chữ L* thì đọc sang chữ *G*, được coi như một thách thức lớn với đám học trò mới tập làm quen với sách vở thánh hiền. Chính mắc kẹt bởi lối viết này, thêm vài cách phát âm bất hợp lý (ví dụ: viết một chữ *kauk con cò, trắng* mà phát âm ba kiểu khác nhau) mà Ban Biên soạn sách chữ Chăm phải ra sức chọn lựa chuẩn hóa cách viết, đọc. Chuẩn hóa này đã gây không ít phản ứng dây chuyền trong giới chữ nghĩa Chăm: “*Mẹ*” thời đại mới vừa bị cho mọc râu ! (chữ *maik mẹ* được thêm nét dấu âm thể hiện âm dài để phân biệt với chữ *maik thôi*). Theo các vị, cứ đà này thì râu chữ còn mọc đến lúc lên giàn lửa mới thôi!

Và cuối cùng, không thể không nhắc đến chữ Chăm Latin. Thôi thì vô thiên lủng! Ai muốn viết sao thì tùy lòng. Phiên âm đã nhiều, chuyển tự cũng không hiếm. Aymonier và Cabaton, tác giả *Từ điển Chăm - Pháp*, có lối của mình; sau đó là David Blood rồi, Nguyễn Bạt Tụy viết kiểu khác. Cứ thế. Nhóm nghiên cứu về Chăm thuộc trường Viễn Đông Bác cổ những năm chín mươi đã có một lối, sang đầu thế kỉ mới lại nổi hứng đề xuất lối viết khác. Bùi Khánh Thế có cách phiên âm và chuyển tự riêng trong *Từ điển Chăm - Việt, Từ điển Việt - Chăm* do mình chủ biên. Không ai là không thiếu cái lý lẽ riêng, chung. Cả tôi, cũng dợ phần.

Và, câu chuyện chữ cứ thế liên tục tập tiếp theo...

Chăm hôm nay không biết cười, là điều đáng tiếc. Trong lúc ông bà không thiếu truyền thống cười, rất đa dạng. Từ điển Moussay kê ra mấy chữ *klau*: *Klau kapu cười nụ, klau ppajwak cười gượng, klau khim cười mỉm, klau đah đah cười nắc nẻ, klau hwah hwah cười to tiếng, cười ha hả, klau đaih đaih cười ngặt nghèo, klau pik murta cười ngất, klau hik hik cười khúc khích, pathwor klau buồn cười, klau pagrung cười giả lả, cười gằn, klau di thauh cười lảng, Klau bilei*

cười chê, klau hlok cười mơn trớn, klau haiy haiy cười khi, klau jwa cười thầm.

Tôi sưu tầm được vài thứ cười khác nữa: *klau langurk cười muốn xỉu, klau lwo cười nhạo, klau palwo cười dụ khi, cười nịnh, klau padruh cười nhả, klau khim khiah cười nhí nhảnh, klau patuh tung cười vỗ bụng, klau hing tagei cười khi, klau hih hih cười khúc khích, klau haih cười giòn, klau haih haih cười khanh khách, klau yuw urang galaik cười như bị cù, klau nhim cười duyên, klau hauk ia murta cười ra nước mắt, klau paglauh ia mur-ik cười vãi đá, klau pabak drei jan cười lấp liếm, klau bboh anurk tarakaung cười há họng, klau bboh amaik bboh amur cười thấy ông vãi bà vãi, pathrok klau nực cười, paglauh klau tức cười.*

Ngoài cái cười do tác động mang tính vật lý, tạm phân loại thành ra mấy thứ cười: cười vui (hẳn nhiên rồi!), cười chê, cười khòa lấp và mấy thứ khác nữa. Ừ, chữ cười thì vậy. Thử xem Chăm đã cười thế nào trong văn chương.

Văn chương trữ tình Chăm hầu như thiếu vắng hẳn tiếng cười. Hàng trăm *kadha padit ca dao* chỉ có nỗi buồn, mệnh mông buồn cùng niềm thương và tiếng than oán trải dài. Thi thoảng có vài tiếng cười, nhưng lại là... cười mỉa! Cả ba *ariya* trường ca trữ tình cũng chẳng hơn. Chuyện tình *Hamlet* hay *Romeo and Juliet* có đẫm máu và nước mắt tới đâu, Shakespeare vẫn cho xen vào câu chuyện vài tiếng cười khoái hoạt, dấu tiếng cười đó chuẩn bị cho tình tiết bi thương hơn. Ở Chăm thì, không.

Ariya Bini - Cam, ba lần tác giả cho nhân vật *cauk* khóc với hai lần *ia murta nước mắt* rơi, nhưng tuyệt không có lấy tiếng cười. Chỉ một lần, nhưng đó là tiếng cười mà nhân vật thèm khát đi tìm để chạy trốn cô đơn nội tâm: *Dwah pong xop thei dom klau* Tìm nghe tiếng ai nói cười. Nhưng, không có!

Cũng thế, trong *Ariya Xah Pakei*, *hia khóc*: một lần, *cauk hia khóc than*: hai lần, *ia murta nước mắt*: bốn lần có mặt; riêng *klau cười*: số không tròn trĩnh! Còn *Ariya Cam - Bini*, có *klau* đấy, nhưng đó là *klau bilei cười chê*, mới khổ!

Kuw hwoc đa gộp gan ra klau

Ta ngại hàng xóm cười chê

Gộp gan ra klau tok tại

Hàng xóm cười chê thầy kệ!

Còn ở đầu bên kia thì đậm đặc: *hia cauk than khóc*: một lần, *hia khóc*: bảy bận, *ia murta nước mắt*: cũng bảy kì xuất hiện! Đó là chưa tính các hạn từ hàm nghĩa tiêu cực tương đương.

Văn chương trữ tình đã vậy, văn chương thể sự chẳng kém khá hơn. Có lẽ cuộc thế đảo điên, bi thảm hay cái khốn khó, cơ cực trong đời sống thuở ấy khiến Chăm không thể cười nổi trong văn chương chẳng?! Trong khi cả 116 câu *ariya* lục bát Chăm của *Ariya Glong Anak* không có lấy nửa tiếng cười, đâu là cười buồn thì, *Ariya Ppo Parong* thuộc thể loại thơ kí sự ghi chép hành trình dài dằng dặc tìm chữ của năm nhân vật Chăm tưởng có thể tồn tại đan xen đề huề giữa vui và buồn, cười và khóc; hay ít ra tiếng cười cũng phải chiếm tỉ lệ tối thiểu. Đằng này: không! Năm lần *hia khóc* với hai lượt rơi *ia murta nước mắt*, mà chỉ mỗi bận *cười*; lại là *chẳng buồn cười*:

Nhu ngap lingal saung kơm oh yaum khing klau!

Họ làm cày với bừa (nhìn) chẳng muốn cười nữa!

Cười nhiều chẳng, là Chăm trong *Pauh Catwai*. Thế nhưng ở đây người ta chỉ tìm thấy cái cười đau đớn, chua chát của trí thức ưu thời mẫn thế: *cười gằn klau pagrung* hay *cười rơi nước mắt klau hauk ia murta* trước cuộc thế đảo điên, tình người đen bạc.

Urang jiong di mik saung wa

Drei mur-aum cangwa kauh gai patauk

Người tìm an ủi nơi bà con

Mình đội cái nia, chặt cây về dỡ

Aw juk kadung bai wak

Khơn kan ikak hanhah bilai

Dân áo đen mà đeo túi gấm

Vận khăn sang, đánh đàn xa làm dáng

Bên cạnh các sử thi *akayet*, thơ trữ tình - cả thi ca dân gian lẫn tác phẩm viết - và thơ thể sự Chăm là hai mảng văn học quan trọng nhất; chính chúng vẽ những nét thật đậm lên phong nền văn chương cổ điển Chăm.

Như vậy, văn chương Chăm tuyệt đối thiếu tiếng cười? Không! Ngược lại là khác. Tiếng cười có mặt ở chỗ khác, ngớ khuấy lấp nhưng đậm đặc. Chúng vang lên sang sảng với giọng điệu khoái hoạt cực kì. Chúng tồn tại, phát triển và biến thiên khôn lường ở ngôn từ hát-nói trong các lễ hội dân gian và tín ngưỡng. Các *danak*, *damnury* được *Ong Murdwan*, *Ong Kadhar* hát lên trong các cuộc lễ hội. Mà lễ hội dân tộc này thì vô thiên lủng, từ lễ hội nông nghiệp cho đến lễ hội tôn vinh thần linh, lễ có tính cục bộ gia đình, tộc họ cho đến lễ hội mang tầm xóm làng, xứ sở. Mấy trăm bài tụng ca với các dị bản ở từng *palei*, từng *gru* hay khu vực truyền vào văn chương nửa truyền khẩu nửa thành văn hơi thờ lung linh huyền ảo. Chính chúng nuôi dưỡng cái cười Chăm, đưa cái cười ấy đi thẳng vào cuộc sống, tuôn chảy giữa lòng đời.

Rồi *Ariya Nau Ikak* với 25 cặp *lục bát* khái quát hóa cao đẳng tinh thần ở đời của Chăm. Cuộc sống như là *chuyến đi buôn nau ikak*. Cả bài thơ không có từ *klau cười*, nhưng cái cười cứ bâng bạc. Đó là nụ cười của kẻ hiểu thấu lẽ đời: Đến, ở và đi của con người qua cõi đời. Một con người đã làm xong bốn phận, phui tay trả lại cõi trần những thành tích/ không thành tích, thông dong về nhà. *Ariya Nau Ikak* là

điểm son đậm nổi ghi dấu ấn tiếng cười thâm trầm, siêu thoát trong văn chương cổ điển Chăm. Riêng cái cười vừa đời thường vừa cao cả, vừa sáng khoái vừa thanh thoát cư trú ở đường biên văn chương và cuộc sống, kết hợp nhuần nhị và thâm thái hai thế giới làm một, là cái cười trong các *damnury tụng ca* Chăm. Thử đọc *Damnury Cei Xah Bin Bingu*.

Damnury gồm 69 cặp *ariya*, được hát trong Lễ Rija Nugar, là lễ hội quan trọng và linh thánh. Bài tụng ca tôn vinh Xah Bin (anh em với Palak Bin), một vị tướng đẹp trai, hào hoa cùng cuộc chơi của Ngài. Đi ngựa, săn thú rừng, uống rượu, chọc gái khắp xứ với tiếng nói cười rùng rợn:

Cei nau mur-in Jamuw
Karah di canuw pakrur kamei
Dara Jamuw siam dei
Karah di tacei pakrur mur-in...
Cei nau mur-in biak tor
Di grop nugar cei nau mur-in
Cei nau mur-in biak ghor
Sunit ginroh Xah Bin Bingu
Chú đi chơi Giang Mâu
Cởi nhẫn trao – chiếc đeo ngón giữa
Gái Giang Mâu xinh lạ
Nhẫn đeo ngón trỏ, chú biểu chơi...
Bàn chân chú đi khắp
Mọi miền đất nước, chú đi chơi
Chú đi chơi thiệt tài
Phong thái tuyệt vời: Xah Bin Bingu...

Cứ thế, các từ *klau cười*, *khim klau mìm cười*, *đom klau nói cười*, *đom bwei pakrur nói đùa vui*, *đom pakrur nói đùa*,... nối đuôi xếp hàng chen chúc. Cùng có mặt với chúng là tiếng chiêng, lục lạc ngựa, tiếng chó sủa sủa mồm ăng ăng, tiếng roi quất vào không khí, nhất là tiếng nói cười của các cô gái, cả tiếng [vô thanh] của những giọt rượu rơi vào cuống họng người nữa! Tất cả đồng loạt reo vui, khoái hoạt! Chúng tạo thành tiếng cười xuyên suốt dòng văn chương-tín ngưỡng-cuộc đời này của Chăm, làm độc đáo văn chương và thăng hoa cuộc sống.

Trong sinh hoạt đời thường Chăm tràn đầy tiếng cười. Một lớp học hay nhóm nhỏ nông dân, thậm chí chỉ cần hai bác tiểu phu với nhau, luôn có kẻ đầu têu *đom kalak nói tếu* hay *đom cakơh nói tếu tục* chọc cười thiên hạ. Giờ giải lao hay ca nghỉ ngắn giữa buổi cày hoặc cả lúc đi đường, tiếng cười vang lên rộn rã. Xong, họ bắt đầu công việc.

Các tụ điểm sinh hoạt cộng đồng, vài chiếc *chiếu xe ciew rideh* được trải giữa sân nhà hay khoảng trống bên lề đê Rija praung, giờ rỗi của một đám tang hoặc thời gian chờ đợi cuộc họp họ, nhân vật chính như nam châm thu hút khách thính nghe chuyện, và cười. Bao nhiêu là chuyện cười, cũ hay mới được người kể hứng khởi ứng tác, thêm thắt. Chuyện *Chàng mù thông minh kén vợ* là một. Chàng rớt giếng là để đo giếng nông sâu, gánh cả gánh sách để ra oai với nàng là bụng mình đầy bồ chữ. Hay khi cha nàng thử tài cày, chàng ta cho cày bằng cả bờ, bị hỏi vặn, anh chàng nhậm lệ đáp ruộng là để gieo lúa còn bờ dành cho tía bắp. Ông già vợ tương lai có nước ngậm cảm!

Câu chuyện tuổi thơ tôi theo mẹ đi nghe nghệ nhân Klong Phac kể, lắm lúc trở mình chọc tôi cười. Chuyện khiến quý ông cười thầm, quý bà cười ha hả! Mà làng đâu phải chỉ có mỗi ông. Thế hệ này sang thế hệ khác, Chăm sản sinh hằng lô nghệ sĩ dân gian, nhất là

Hữu Đức, bao giờ cũng có những ông Thauw, mỗi cuộc lễ cứ mang tiếng cười đến.

Carauk palei Hamu Tanran, Dran palei Bblang Kathaih

Sáng tác là làng Hữu Đức, bắt khuấy là làng Mang Thế...

(*Đồng dao Chăm*)

Mới bốn thập kỉ nay thôi, cười luôn là tiết mục thu hút trên sân khấu nhà quê Chăm. Hiện tượng Cei Thổ làng Tuấn Tú trong đợt Lưu diễn văn nghệ quyền góp xây trường Trung học Pô-Klong là nhất. Hơn hai mươi làng đoàn đi qua, ông đều lưu lại tiếng cười sáng khoái. Bất kể già trẻ lớn bé, ông chọc họ cười cả trong giấc ngủ và tiếng cười theo họ đến tận sáng mai.

Vậy đó, Chăm chưa bao giờ bỏ lỡ cơ hội cười, tạo tiếng cười hay tiếp nhận cái cười. Cái cười tập thể, đặc Chăm. Bởi có cái cười chỉ có thể tồn tại trong cộng đồng văn hóa ấy, hoặc khi chỉ được thể hiện qua ngôn ngữ ấy.

Đó là tiếng cười cố ý. Tác nhân với mục đích khác nhau, gây cho đối tượng thụ nhận: cười. Có cái cười không cố ý, xảy ra ngẫu nhiên giữa cuộc sống, mỗi người tiếp nhận mỗi khác đầy tính cá thể. Điều quan trọng là ta biết chớp lấy nó để... cười! Dạng cười này vượt thoát khỏi cộng đồng văn hóa hay ngôn ngữ nên, nó là của chung nhân loại. Mùa xuân năm 2000, sau vài lần trao qua đổi lại, bạn thơ nữ rất trẻ L viết một bức thư dài ngoằng cho tôi. Sau khi tự tán tụng thơ mình đã đời, cô nàng bắt đầu thuyết tôi về kĩ thuật thơ hiện đại. Nào thơ phải có “quãng tám”, rồi nào là “tiết điệu”, “dấu lặng”,... Mô Phậ! Tôi cười cứ muốn xỉu. Mấy năm sau, trong *những ngày rỗng* hay mấy phen hết chuyện cười, tôi chậm rãi lôi bức thư kia ra đọc. Để... cười!

Bạn thơ này còn trang trí cho mình thêm cái tật cố hữu của thi sĩ Việt Nam, là dưới mỗi bài thơ luôn ghi *Hà Nội, 1h23* hay *Huế, 2h45*

sáng, đại khái thế. Để tỏ với thiên hạ mình đang dần vật lao động sáng tạo dữ dội lắm. Và cũng có nghĩa đó là thời khắc lịch sử. Làm chi mà hệ trọng để phải khổ thế chứ! Ta cứ muốn tạo cái giai thoại. Tôi nói: Sau 9 giờ tối là thần kinh tôi rũ đi, và tôi buồn... ngủ. Như loài gà ấy. Tôi gọi đó là cách giải - nghiêm trọng.

Giải nghiêm trọng để có thể... cười.

Chăm hôm nay có vẻ hết biết *cười klau* ?

Ông bà cười nhiều, đủ sắc thái, cấp độ. Chỉ cần kê chữ cười ra thôi cũng đủ cười vỡ bụng rồi (chắc gì tôi đã liệt kê đủ), vậy mà hôm nay ta không chịu cười, mới lạ! Bạn thơ Jaya Hamu Tanran ăn nói duyên ơ là duyên, nghe cứ muốn cười, thơ thì quá ư mô phạm. Trầm Ngọc Lan cũng một giuộc, ngoài đời chọc thiên hạ cười suốt, làm thơ cứ “buổi chiều”, “lũy tre”, “nỗi nhớ” để mà buồn. Chả có lấy nửa tiếng cười thầm, nói chi cho bạn đọc cười ngất, cười đến chiều mai còn cười! Phê thiên hạ là vậy, thơ tôi có hơn gì đâu. Nghe đồn giới chữ nghĩa và tự soi lại mình, dám nói là hầu như trong thơ Inrasara có đủ cả, chỉ mỗi sự thiếu: cái cười. Mới khổ chứ. Cứ cà vạt vét tông mà nhăn trán, chả kém gì anh giáo làng gàn. Mà Chăm thì rất cần cười, hơn bao giờ hết. Khổ lắm rồi, cực nữa, vậy mà có thứ trời cho không biểu không là tiếng cười, ta lại hè nhau mà tiết kiệm. Ở Việt Nam đã vậy, qua tận Tây, Mỹ, Chăm cứ thế mà không chịu cười. Cười để giải tỏa nỗi niềm, khuây khỏa u buồn, giữ gìn sức khỏe, thanh tẩy tinh thần. Để còn sáng tạo nữa chứ.

Từ khi Dharma đọc báo cáo “Văn hóa chữ viết ở khu vực Đông Nam Á lục địa” tại Hội thảo Osaka tháng 2-2006, *Harak Champaka* đăng lại và gởi đến khắp bà con, tiếp đó là tham luận của ông trong hồ sơ *Hội thảo lịch sử ngôn ngữ...* với lời lẽ nặng như đá tảng rằng Ban Biên soạn “sai lầm mục tiêu”, “học ngôn ngữ chữ viết Chăm hoàn toàn ngoại lai với chữ viết truyền thống của họ”, “đưa di sản ngôn ngữ chữ viết Chăm đi vào hố thẳm”, “biến học sinh thành người

mù chữ tiếng Chăm”, “phá hủy cả một di sản ngôn ngữ chữ viết Chăm”, “rạn nứt trầm trọng trong cộng đồng người Chăm” và bị “cộng đồng Chăm phản đối”,... cuối cùng quyết toán “Năm 1975 là năm đánh dấu cho định mệnh tăm tối nhất của *akhar thrah* Chăm. Biểu tượng cho định mệnh tăm tối này là sự ra đời của Ban Biên soạn tiếng Chăm ở Việt Nam”, thì trời xui đất khiến sao Chăm rộ lên quan tâm đến tiếng mẹ đẻ và đua nhau mở ra trận cãi cọ nhì nhằng. Sự vụ kéo dài suốt hai năm! Lạ hơn cả là nỗi chia bè phái rất ư là... buồn và cười! Giữa các trận đó, sau lần giải minh và đính chính vào mùa xuân năm 2007, tôi cương quyết tịnh khẩu!

Ngay tuổi mười lăm đã làm thơ tiếng Chăm đăng báo tường hay mở khóa dạy ba lớp tiếng Chăm cho bà con Caklaing vào mùa hè 1975 rồi là dạy các bạn học ở Phan Rang, sáng tác ba trường ca phục vụ cho việc dạy và học, mà chịu tu như thế thì rất lạ. Nói có chứng đền rằng tôi nhập cuộc ngôn ngữ - chữ viết Chăm sớm nhất so với người thế hệ. Từ khởi sự mãi tận hôm nay. Tôi rành sáu câu vọng cổ câu chuyện quanh tiếng nói chữ viết Chăm cùng các vấn đề, vấn nạn của nó. Nhưng tôi không hứng thú nhảy vào cãi cọ. Tôi hiểu và, tu.

Năm 1979, đang lang bạt kì hồ, thì được mời dự hội thảo đầu tiên ở Ban Biên soạn về ngôn ngữ - chữ viết Chăm tại Phan Rang. Rồi vài cuộc khác mấy năm sau đó nữa cho đến khi vào làm việc tại Ban năm hai mươi tuổi. Ba vị hào hứng “chuẩn hóa” chữ Chăm là Lâm Gia Tịnh, Bạch Thanh Chạy và Lâm Nài. Dĩ nhiên mọi đề xuất đều thông qua Ban, sau đó là thân hào nhân sĩ, trí thức và giáo viên Chăm. Đến năm 1990 là tạm “ổn”. Các vị sau cứ truyền thống mà kế thừa. Cạnh chữ Chăm “chuẩn hóa” còn có “chữ Chăm viết hoa” do anh Chạy bày vẽ. Mặt mũi cũng coi được, có đưa ra thí điểm, nhưng nó yếu. Đấy, Chăm có phải nhắm mắt một chiều nghe theo mấy ngài ở Ban Biên soạn cả đâu.

Vài mảnh kí ức lai rai. Năm 1980, khi sách thí điểm mở mắt khóc oe oe, ông Thiên Sanh Cảnh có thư phản đối lên cấp trên. Ngay trang đầu tiên của vắn đầu tiên trong sách *Ngữ văn Chăm* lớp đầu tiên thôi, Ban đã biến báo *LI-U* thành *U (cây) dừa*. Ông cho mấy ngài ở Ban sai... chính tả. Ban lý giải rằng vì mới bắt đầu làm quen âm vắn, nhồi ngay vào đầu con trẻ hai âm tiết thì rất tội, nên tạm làm vậy. Đứng lớp, giáo viên chịu khó nói thêm. Ông không chịu, cắt quan hệ với Ban. Năm 1981, ở một hội thảo nhỏ, tôi và Sử Văn Ngọc nêu ý kiến phản biện lỗi viết mới nhưng bị bác. Anh nằng nặc đòi về, tôi nói: Thôi thì cứ ngồi cho hết buổi chớ. Năm 1984, thủ báo tường của Ban, tôi có bài viết thể hiện quan điểm riêng về tiếng nói và chữ viết Chăm, bị quý bác các anh trong Ban phản đối chạy mất dép. Báo tường tắt đài ngay sau số đầu tiên.

Buồn vậy đó. Nhưng chữ Chăm cứ gắn chặt với tôi như thứ định mệnh. Rồi Ban được sáu năm, lại Trưởng ban Ban Biên soạn là Nguyễn Văn Tỷ có thư giới thiệu tôi cùng Nguyễn Ngọc Đảo vào Sài Gòn “soạn” từ điển. Đại học chỉ hợp đồng đúng một tháng, với trách vụ là xem lại lần cuối phiếu từ vựng “cắt dán” từ *Từ điển Chăm - Việt - Pháp* của Moussay. Tôi có mặt từ ngày đầu tiên cho đến khi từ điển ra lò. Vui buồn quanh nó, có kể đến ba ngày đêm cũng không hết chuyện cổ tích bi hài cười độn nước mắt này.

Thư do Thành Phần mang đến. Lúc đó tôi đang thủ quán cà phê và tạp hóa nhà quê, làm ăn ra phết. Báo cho bà xã biết sự vụ, Hani ừ không do dự. Ngay tháng sau, tôi nhảy xe đò vào thành phố. Đó là ngày 20 tháng 8 năm 1992. Chủ trì công trình là Nguyễn Văn Lịch, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam - Đông Nam Á thuộc Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh. Tôi đề nghị: Từ điển phải được biên soạn trong vòng năm năm, Trung tâm cần mời ba, bốn thành viên tham gia mới đảm bảo chất lượng. Tôi trình bày đề cương, tài liệu tham khảo, văn bản thô gồm các bản chép tay Chăm

cổ và số từ vựng tôi thu lượm được. Cạnh đó, Trung tâm cần mở các cuộc hội thảo nhỏ để thu thập ý kiến chư vị trí thức Chăm. Còn kè bớt một thêm hai, mọi người mới nhất trí: Thời hạn biên soạn và hoàn tất trong vòng ba năm. Bổ sung Lương Đắc Thắng, Phú Văn Hãn vào vai phụ. Riêng Thành Phần rút lui.

Đang ngon trớn, sau Tết 1994, không hiểu tác động từ đâu, Nguyễn Văn Lịch với Thành Phần nảy ý đình chỉ công cuộc. Thì nghe đồn trình độ Chăm về tiếng Chăm chỉ mới lớp Ba, không soạn nổi Từ điển. Dịch Aymonier, là đủ! Được thôi, tôi vốn nông dân chất phác thì tôi trở lại đời chân chất dân nông, chả sao cả. Nhưng trước khi quy hồi cố hương nắm đuôi cày, các bác nên ban đặc ân cho em nói lời cuối! Tôi đề nghị cuộc họp ngắn. Bùi Khánh Thế, Nguyễn Văn Lịch, Thành Phần, Phú Văn Hãn, Lương Đắc Thắng. Tôi tập đặt câu: *Bởi vì chưa nắm vững tiếng Chăm cho nên* vài thành viên bị ý kiến ngoài lề lung lạc. Sau mười lăm phút đồng hồ nghe tôi thuyết, phiên họp quyết: tiếp tục!

Lại tiếp tục có áp lực từ ngoài, Từ điển không thể ra lò nếu nó chưa qua giờ tay biểu quyết của quần chúng. Sập bẫy rồi! Đích thị là điều tôi muốn. Ngay tức thì ba mươi bản photocopy bản thảo được gửi về làng. Một tháng sau, hơn trăm đại biểu về dự *Hội nghị góp ý Từ điển* tại trường Nội trú Dân tộc tỉnh Ninh Thuận. Câu hỏi bay đến tới tấp vào buổi sáng khiến hội trường như muốn vỡ tung. Thăng Trạm kì này nghèo rồi, - có tin hành lang như vậy. Nhưng rồi tất cả được tôi thoải mái mở gút chỉ sau một tiếng đồng hồ, chiều hôm đó. Tháng sau, bộ Từ điển mới cất tiếng khóc chào đời. Vui vẻ.

Nhẹ nhõm khinh khoái thế, sao ta mãi cương cứng kia chớ.

Dân Scotland nổi tiếng về khoản hà tiện, vậy mà chính từ xứ sở này nảy nòi bao nhiêu chuyện cười tầm quốc tế về tính khí đậm đà bản sắc này: Cười mình để sửa sai. Sở dĩ bài viết của Nguyễn Văn Tỳ trong *Tagalau 4* khiến bà con phản ứng hơi quá, không gì cả, chỉ

bởi nó thiếu tiếng cười. Nhiệt tình, thiện chí có thừa, lập luận với dẫn chứng không thiếu, nhưng ông quá căng. Thành ra thiên hạ làm căng lại! Căng quá chỉ đau tim phổi thôi, lây lan sang bao tử nữa. Cố gắng cười đi, rồi thế giới sẽ thay đổi. Còn nếu thế giới không thay đổi thì ít ra tâm hồn ta thay đổi. Từ đó thơ vẫn ăn theo mà thay đổi.

Brotsky làm thơ, vì yêu tiếng Nga. Heidegger: Nhà thơ là kẻ phụng sự ngôn ngữ. Hay Lê Đạt tự nhận “phu chữ”. Làm thơ không nhân danh này nọ, không vì cái ni cái nớ mà là “phu chữ”! Tôi làm thơ vì âm vang của lời. Vài tiếng Chăm có sức ám ảnh kì lạ. Nhất là các tiếng đang giãy chết, sắp nhập kho hay đang bị vùi trong cát bụi. Làm thơ để phục vụ chúng.

Nói chuyện trước ba trăm giáo viên dạy tiếng Chăm tại Ninh Thuận, tôi thử đưa ra mười từ và hỏi: - *Adei xa-ai anh chị em* có biết các từ này không? - Có! - Vậy mà chúng vắng mặt trong Từ điển đấy, cả từ điển mới nhất! - *Mik wa bà con* có xài nó hằng ngày không? Rải rác: Người nói có, kẻ bảo ít hay không. Thử dẫn ba từ: Một từ thường ngày, một hàm nghĩa văn hóa và một đầy chất thơ.

KOY. Ciim đơm biak koy: con chim đậu rất *nổi bật* [để bắn]. *Dơng maung biak koy*: [Dáng] đứng nhìn rất *nổi bật*. Từ này không có trong từ điển. Lạ hơn: Rất ít Chăm dùng trong sinh hoạt, dù không hiếm người còn nhớ nó. Quê không còn chim, bọn trẻ Chăm hết dùng ná cao su chằng?! Ồ, mà nếu còn, thế hệ trẻ Chăm vẫn thích nói “*nổi bật*” hơn. Vì “*bệnh*” đâu có bị triệt tiêu, nhưng ta cứ vô tư xài “*bệnh*” thay vì “*rwak*” đấy thôi.

RƠNG JAI. Đây là từ hàm nghĩa văn hóa. Hai anh em trai trong nhà không nên lấy vợ cùng *talei paga* chung *liên gia*, hoặc ba anh em không được lấy vợ chung làng. Nếu thế: *rong jai* ! Tối kị trong quan niệm của Chăm về hôn nhân. Nhưng vài chục năm nay, quan niệm bất thành văn đã mất, và từ vựng này cũng đi đời nhà ma.

NGUT NGUT vôi vôi. Từ rất hay, nhiều thi tính. *Maung akauk ngut ngut ngóng trông vôi vôi*. Tuổi hai mươi ở quê, chiều nào ra thăm ruộng tôi cũng thấy: Vẫn con chim ấy đậu trên cành tre ấy và, kêu chiêm chiêm. Có lẽ nó chờ ai đó, mẹ nó hay bạn nó đi xa không bao giờ trở lại. Bất chợt tôi nhớ từ mẹ tôi hay dùng: *ngut ngut*. Vào học Sài Gòn, dáng cành tre và tiếng kêu ấy luôn trở lại trong tâm tưởng tôi. Tháng sau về quê, tôi không còn thấy cành tre đó nữa. Bóng chim mất hút. Tôi hỏi cha, cha nói: Cành đó oằn làm vướng lối đi, cha chặt bỏ rồi. Tôi nghĩ mình cần lưu hình ảnh ấy trong kỉ niệm, nhất là lưu trữ tiếng ấy: nó sắp mất. Đúng! Hôm nay nó đã mất rồi. Câu đầu bài thơ viết vào mùa hè 1977:

Blaug ciim ghơh dơng cang ai ngut ngut

Ngauk dhan krum ai si kauh mừng nan...

- Thôi, đừng quay gì về anh nữa em à. - Tôi nói với Thu. Nhà thơ, quanh đi quẩn lại mấy thứ vật vãnh, chán chết. Szyborska nói đại ý làm phim về nhà thơ chỉ cần mười phút là đủ, chả có gì hấp dẫn cả. Hắn có làm gì li kì gây cấn đâu, viết câu này, xóa câu kia. Hôm nay bỏ dấu phẩy mai lại tẩy nó. Vậy thôi, hết ngày. Tôi còn có cái may mắn ăn theo tháp Chàm, đồi cát, dẹt thổ cẩm, gổm, sông Lu. Cùng lắm qua nửa tiếng đồng hồ là hết trội trơn.

- Anh tin em đi, em có thứ độc mà các nhà đài trước đó chưa nhìn ra. - Thu nói qua điện thoại di động.

- Nhưng anh đã có hơn mười phim riêng rồi, còn manh nào đâu cho em khai thác với khám phá.

Trên đường về Ninh Thuận, Thu đưa cho tôi kịch bản đọc trước.

Làng tôi vừa dựng lên một ngọn đồi

Làm nghĩa trang chôn xác chữ

Ngày mai.

(*Chuyện 40 năm mới kể 18 bài thơ tân hình thức*, 2006).

Tôi không nói gì. Đến khi Thu đòi quay cảnh nghĩa trang chữ, tôi dẫn em đến đứng trước Hầm Mỹ.

- Hôm qua mình quay cảnh này rồi mà.

- Em cứ cho máy chạy lượt nữa đi, nghĩa trang chữ nằm dưới đó đấy!

Chữ Chặm đang chết, hàng ngày. Mỗi ngày, tôi làm đám tang đưa chúng vào nghĩa trang chữ. Có vài giọt nước mắt. Không, đúng hơn đã có nỗi buồn, nỗi buồn còn to hơn trái đồi. Thi sĩ, làm gì? Hẳn không làm gì cả, ngoài định phận mà hẳn tự ban cho mình: canh giữ nỗi buồn kia.

Làm thế nào nói tiếng Chặm?

Anh, tôi, các bạn đều là Chặm, nên khi đặt câu hỏi *Làm thế nào nói tiếng Chặm*, nó như thể trò đùa. Nhưng đấy là sự thật, có đau cũng phải chịu. Tôi đang nói với các bạn về vấn đề Chặm, nhưng lại dùng tiếng Việt. Thưa từ, ngoài vài người thân, còn lại tôi đều dùng tiếng Việt. Vậy mà thằng tôi ấy được cho là “người lưu giữ văn hóa Chặm” đấy!

Thuở mười tám đôi mươi, lứa chúng tôi rất khổ sở vì nói không thuần tiếng mẹ. Thế là hạ quyết tâm: Anh em phân công tôi và Lưu Văn Đảo làm *Từ vựng thông dụng Việt - Chặm*. Có bạn đề nghị áp dụng một chiêu rất lạ: “*yuw panwơc Ywơn lac - như người Kinh nói*” vào câu nói khi không tìm được từ Chặm thay thế. *Bilan hadei murnauk drei tamur “yuw panwơc Ywơn lac”* thành phố *bac* tháng sau tụi mình vào “như người Kinh nói” *thành phố* học. Đám bạn làm vậy một tháng, rồi nghỉ. Nhiệm vụ bất khả thi!

Ông anh ở Sài Gòn xa cộng đồng Chặm đến bốn mươi năm, lần đầu về quê đã mở to mắt như ma nhập. Anh nói, chú mày ạ, anh nghe thông báo họp tác xã mà buồn thối ruột: “*Murlăm ni* vào lúc chín giờ , *likău da-a* xã viên *mai* họp *păk thang* làng . *Mik wa* phải *mai* họp

ka đầy đủ . *Murdah thay ô mai ô* hợp tác xã sẽ trừ công điểm.” Chú mày phải làm cái gì chứ, không thì Chăm mất hết. Tôi nói: Chứ anh bảo thằng em phải làm gì nào? Năm 1979, tôi kế toán trưởng hợp tác nghe ra rả mỗi ngày bên tai thông báo tương cận, rầu lắm chứ. Nói *rặt* Chăm được không? Sara nói cũng được, nhưng bà con nghe lủng chắc?

Buổi nói chuyện vào mùa hè 2002, tôi nói tiếng mẹ đẻ, dĩ nhiên có độn ít nhiều tiếng Việt. Một nữ giáo viên hỏi: - Sao nhà thơ không nói *harat* Chăm? Tôi hỏi vặn lại: - Bạn nghe hết không? - Dạ không! - Hôm nay đâu phải các bạn đến để tập nói chuẩn tiếng mẹ? Vậy thì hãy chấp nhận nói độn đi, bà con ạ.

Thuở học sinh Pô-Klong, chúng tôi hay đùa các bạn Phan Rí về tiếng Chăm lai. Nhưng chỉ hai mươi năm sau thôi, cả bốn vùng Chăm nói độn ngang cựa nhau, không thua kém phân tấc. *Đài Tiếng nói Việt Nam - Ban tiếng Chăm* phỏng vấn một cụ nông dân tuổi xém bảy mươi. Kết quả, tiếng Việt độn vào ngôn ngữ nói cao đến xây xẩm mặt mày: 70%! Nghe Đài, Trà Vigia kêu trời, buồn chỉ muốn lủi đầu vào quán bia hơi. Tôi nói, bạn và tôi ngày qua ngày cũng làm vậy thôi mà!

Tiếng Chăm đang bị xâm thực là thật, ngày càng nhanh, không thể cưỡng. Đã có nhiều biện pháp phòng chống rồi, nhưng lẻ tẻ và thiếu hiệu quả. Đến kẻ từng yêu mê nó cũng đành tới đâu thì tới. Đây là thân phận *tiếng Chăm sống*, chứ không phải tiếng Chăm của từ điển, trong luận án khoa bảng hay sách vở. Mà là tiếng Chăm đang được bà con ta dùng hàng ngày. Nó đang giãy chết, đành đành đành!

Ta không chăm sóc nó mà cứ lao đầu vào nghiên với chả cứu! Có mỗi *K, Kh, G* hay *dar sa crauh au* hay không *crauh au* mà chia phe kéo bè la nhau í ới thì chán lắm. Chữ viết chỉ là thứ vỏ bọc âm thanh, chả lấy gì làm to con. Suốt chiều dài lịch sử, *akhar thrah* chưa bao giờ gọi là nhất quán. Có chữ *K* thôi , mỗi thời đại, mỗi nơi viết mỗi khác. Chăm Campuchia khác Chăm Việt Nam, Chăm cuối thế kỉ

mười chín khác Chăm đầu thế kỉ hăm mốt. Viết thế nào cũng được miễn hiểu nhau, ông bà tổ tiên Chăm từng như thế. Thử lôi cái chữ “nuốt” ra làm chứng. Từ điển Aymonier viết: *LUAN*, *LUON*, nhưng rất nhiều văn bản Chăm viết: *LUON*, còn Ban Biên soạn hôm nay thì: *LON*. Ví mà để cho cộng đồng Chăm Sài Gòn hay An Giang chọn, bà con sẽ đưa *LUAN* vào từ điển là cái chắc. Thế hệ thời Từ điển Moussay thì khoái *LUON*. Chăm ưa làm khác người. Cứ giờ bất kì trang nào của Từ điển Aymonier ra ắt thấy Chăm lập dị thế nào! Chữ *mới biruw* viết năm cách; chữ *hoa bingu* thì gấp đôi không thêm bớt! Chẳng vấn đề gì trầm trọng cả.

Không bàn tiếng Tây tiếng U đâu xa, chỉ ngó sang tiếng Việt sát nách ta thôi: *li tán*, *triết lí* được dân viết lách viết cả hai lối (*li tán*, *ly tán*; *triết lí*, *triết lý*). Từ điển tiếng Việt của Trung tâm từ điển học Quốc gia cũng thế; nhưng thầy cô chỉ dạy mỗi *ly tán*, *triết lí*. Ra đời, học trò vẫn đọc và hiểu, có mù chữ hay chết chóc ai đâu?!

Tại sao Chăm ít dùng tiếng Chăm trong nói chuyện, thư từ? Thói quen ư? Ngôn ngữ nào mà chẳng do thói quen. Thói quen nở nang từ làm biếng hàng ngày. Biết *rwak*, *bac* nhưng thường xuyên nghe nói *bệnh*, *học*, vậy là ta cứ thế mà nói. Nhanh và gọn, khỏi mất công suy nghĩ cho mệt óc. Vốn từ vựng đương chức đã thế, còn mấy từ ta không biết hay biết nhưng ít xài thì càng tệ hơn. *Harakthur*, *gul pataum* đoàn kết, ta càng bỏ mặc. Đây có thể đổ lỗi cho thiếu ý thức ngôn ngữ.

Lỗi nghĩ nữa. Không ít ông cha bà mẹ Chăm dạy con nói tiếng Việt trước tiếng mẹ, ở thành phố và cả tại bản quán. Ta nghĩ làm rứa con cái học môn văn tiếng Việt giỏi hơn. Sức mấy! Rồi tâm lý làm oai. Hiện tượng này ít, nhưng có. Xài nhiều tiếng Việt cao cấp thì oai hơn, chứng tỏ bụng mình chứa nhiều chữ hơn. Tâm lý chung của nhân loại ấy mà. Mấy bạn Việt ở quê mới đi Mỹ vài ba tháng, về đã xỏ hai mươi phần trăm tiếng Anh [bồi]! Bên cạnh đầu óc ta vừa nhuốm tinh

thần thực tiễn nữa. Có học cho lắm *chữ cũng không bỏ vào nôi* được.

Tiếng Chăm đang chết, làm thế nào để cứu sống nó đây?

Chăm xem chữ là tặng vật thiêng liêng của thần thánh. Không đạp lên chữ, không bước qua chữ, cả không để cho bóng của mình che mất chữ! Linh thánh là thế, yêu quý là vậy nhưng ta cứ mạnh ai nấy viết. Là thế hệ những năm năm mươi trở về trước, ông cha ta chưa hề mù chữ mẹ đẻ, dù lối dạy rất thiếu... khoa học, lớp chỉ vài ba người hay mỗi trò với thầy. Nên, nếu hôm nay bác không đọc nổi văn bản chép tay, đó là tại bác dốt chữ đứt khoát không phải tại ông bà. Ta chưa sạch nước cản *ka o truh G - L*. Bởi quá nhiều người lo lắng đến nó, mới sinh phiền. Chín người mười ý, ai lo giữ ý nấy. Các ý đầy tính... khoa học. Trong khi ta muôn năm bỏ bê việc dùng nó hàng ngày. Hãy tưởng tượng nhà khoa học kia luôn miệng to tiếng bảo vệ chữ, đến khi được mời đứng lớp bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng Chăm, cả tuần không dám viết một dòng *akhar thrah*, sinh hoạt gia đình thì nói tiếng mẹ đẻ đến 67,54%!

Tiếng Chăm hàn lâm, mô phạm cần lắm chứ, nhưng đủ chưa? Tiếng Chăm do Ban Biên soạn sáng tác để đáp ứng nhu cầu thông tin mới, dù được dạy trong trường, nhưng khi bước ra ngoài mưa gió cuộc đời, ai dùng chúng? Bà con vẫn cứ *tự do* chứ có chịu nói *eng drei* đâu! Giáo viên tiếng Chăm dạy *cauh bilaung* cho các em, vừa bước chân ra khỏi lớp, mấy cầu thủ nhí đã rủ nhau *đá banh* !

Anh em bà con ở xa: Pháp, Mỹ, Mã Lai sẽ nói tiếng Chăm như thế nào? Lai độn Mã, Mỹ, Tây là chuyện khó tránh. Vậy năm mươi năm nữa, Chăm có còn hiểu nhau? Ngay tại Việt Nam thôi, Chăm Panduranga đã khác nhiều so với Chăm Tây Nam bộ hay Sài Gòn. Anh em gặp nhau cứ tiếng Việt mà xỏ tâm sự. Tiếng Chăm cứ thế mà rụng rời.

Vào thời chưa xa, gặp vài dụng cụ chiến tranh mới, cha ông tìm cách đề từ mà gọi. Rất vui và không thể nói là không hay. *Súng M72* (chống tăng) gọi là: *phaw cuh klak súng bắn [rồi] bỏ* (nó chỉ bắn một lần duy nhất rồi bỏ: lấy công dụng đặt tên). *Súng M79: phaw abauh ada súng trứng vịt* (vì đầu đạn giống tròng đỏ trứng vịt: nhìn hình dáng đặt tên). *Máy bay trực thăng*, dân quê Việt gọi *máy bay cán gáo* thì được Chăm ban cho cái tên *ahauk talang máy xương* (bởi nó “không có thịt da” như máy bay trực thăng thường). Thế đó, quần chúng Chăm bốn mươi năm trước rất ý thức về sử dụng tiếng mẹ đẻ. Cũng có trường hợp các sự vật mới được thể hệ chú bác xài bằng tiếng Việt, nhưng thời chưa xa đó, sức sáng tạo ngôn từ vẫn còn. Còn hôm nay, hãy thử xem bốn vị Chăm chơi cờ “tiến lên”, toàn tiếng Việt là tiếng Việt! Ừa, nếu trong cuộc sát phạt này, mấy tay chơi cứ “nói” bừa tiếng mẹ thì hay biết bao. Kho từ vựng Chăm sẽ có vốn thuật ngữ “ăn chơi” mới!

Làm được chuyện to đùng trên đời là cần rất nhiều người... điên. Như Phutra Noroya đã điên, khi to gan viết cả cuốn tiểu thuyết bằng tiếng mẹ đẻ. Như Jaya Hamu Tanran hay Phú Đạm đã điên, khi chỉ làm thơ bằng tiếng Chăm, mặc thế giới tiến tới đâu thì tiến, thiên hạ đi tận đâu thì đi.

Hay như *thằng Trạm mát* này đã điên. Mùa hè 1975. Sinh viên học sinh Caklaing từ các thành phố, tỉnh thành đổ tràn về quê. Số ào lên rừng *ngap Ikan Krwak* rồi vội vã chạy xuống. Bộ đội vào các *palei* Chăm ổn định an ninh. Thanh niên mất phương hướng, không việc làm. Hấn rủ vài bạn thân tập hợp lại, mở ba lớp cho khóa học chữ Chăm vỡ lòng. Đền cọc nhỏ với tập vở cầm tay, chẳng thua gì thời Ngô Đình Diệm. Để sau hai tháng dùi mài, non 70 học viên đọc lầu lầu *Ariya Glong Anak, Ariya Patauw Adat*. Đang thời kì quân quản, vậy mà họ cứ vô tư học, hấn cứ vô tư dạy. Và nhất là, không có ai đến hỏi han hay nhắc nhở ai cả!

TÌNH THẦN “TÙY TIỆN” CHĂM & THÔNG ĐIỆP GLÔNG ANAK

Luận sư Ấn Độ Chandra nói về hòa táng của Ấn Độ, giọng tình nghich: “Và bạn biết những người Ấn Độ, họ không thể làm bất cứ cái gì cho có hiệu quả. Giàn hỏa sẽ không bắt lửa, nó sẽ chỉ cháy một cách nửa vời, và rồi thi hài sẽ không cháy, và mọi người làm đủ cách để nó cháy.”

Ấn Độ không làm gì ra hồn cả, luôn nửa vời. Ông thánh của họ nói thế, về dân tộc họ. Chăm cũng chẳng hơn gì. Đó là truyền thống Bà-la-môn! Xin nhắc lại: truyền thống. Nửa vời với vụ việc được coi là linh thiêng nhất: sự chết và đám thiêu. Dù quý bà Chăm chuẩn bị cho nỗi này ngay khi có đứa con thứ hai, hoặc sớm hơn nữa.

Tuổi mười lăm, tôi đã mở to mắt nhìn mẹ mừng ra mặt khi lần đầu sấm sủi được *kaya angwei* *đồ chết*. Mẹ nghĩa đi gói lại, rồi cẩn thận treo nó lên xà nhà. Ngang hàng với *ciet* sách. Như đàn ông Chăm ứng xử với sách, mỗi tháng mẹ rước nó xuống nghĩa, gói lại và treo lên. Trang trọng! - Cho cha mày và cho tao. - Tại sao? - tôi hỏi. - Con nít không biết gì đừng có nhì nhằng.

Nhịn ăn nhịn mặc để mua sấm và rồi mang mấy thứ quý giá đó đốt đi ở cuối đời. Đáng lắm chứ. Nhưng có mỗi củi là thứ có sẵn ngay sát bìa rừng thì dứt khoát, không! Khổ vậy đó. Ông anh họ tôi nặng tám mươi kí - lô - gam hơn, vậy mà bà con chỉ cho anh tiêu đúng mỗi xe củi. Người là người mượn nên, ăn thì đầy bụng nhưng củi lại là củi

lưng xe. Trai tráng trong họ đánh xe trâu lên rừng, trước ngày đám lên có một, hai buổi. Thì lấy đầu rặt củi khô. Có *buộc khăn lạy ikak khan kakuh* nó cũng không chịu cháy cho ra hồn. Chân căng người chết thò ra ì xèo. Thế là mọi người được dịp nhón nháo lên. Đám nhóc đành bỏ dở cuộc tranh giành bạc cắc vừa được vãi ném *qua giàn lửa ppaphwoi apwei* mà vâng lời quý ngài “nửa vời” để chạy vào làng ôm củi khô về tiếp cứu.

Xưa nữa, năm tôi mẫu giáo. Tháng Mười một. Mưa dầm dề. Dịch tả tràn lan. Dịch thì có người chết. Đã chết thì thiêu, không thể khác. Chấm hiếm khi chịu gọi thi hài nhờ thần đất cưu mang, để một, hai năm sau dỡ lên làm *Đám khô Đám thu*. Dẫu nó có lây lan tới ai, tới đâu, mặc. Gia đình có của ăn của để thì càng. Một tuần, có khi hơn nửa tháng năm đó, trong *kajang rap*. Đợi ngày lành khiêng đi thiêu. Thi hài bốc mùi, dân làng vẫn ăn uống, cấp *Paxeh* cứ *ppahwak cho người chết ăn*, đám trẻ vẫn tối tối mò qua chờ giờ *ăn chực chè yaung bu*. Vô tư! Lãnh đạn nặng hơn cả có lẽ là *Ban đàn hát* tùm tụp giữa rạp tấu khúc tiễn đưa người quá cố. Nhiều đêm như thế, họ ngồi đó *e... a... a...* cùng với tiếng đàn *kanhi* náo nức. Đêm hôm khuya khoắt nghe mà gai người. Tôi cứ giành với anh Đạm phần phía trong tường mà ngủ.

Người chết, lý tưởng nhất là *Đám lên Đám tagok* ngày thứ Tư - thứ Năm Ở không *Dauk thauh* - thứ Sáu *Đốn gỗ Hatak kayuw* - để *Thiêu Cuh* vào sáng thứ Bảy hoặc ngược lại. Còn ví theo ông bà nhằm ngày không lành, đành phải chịu cảnh năm rạp đợi. Vừa phiên hà vừa mất vệ sinh, chưa nói đến chuyện người ngoài nói xấu Chấm làm đám tang *kauh akauk chặt đầu* nhau. Lôi thôi quá, nhân dân tiến bộ Caklaing bèn ra tay. Hội Bảo thọ mời ông Quảng Đại Hồng thuyết về *Đám khô*. Nghe nói ông chỉ tán chuyện ngoài lề, vậy mà bà con vẫn thủng cái lỗ nhĩ. Để rốt cục hết thầy làng Chấm tin nghe dân Caklaing, phá lệ *Đám tươi*. Hú vía!

Người Chăm nói *giữ kut giữ tathat giữ mờ giữ má*, bảo vệ đất thiêng của họ hàng, làng mạc. Đi xa con cháu luôn nhớ và quay về. *Khik kut*, tuổi trẻ chúng tôi kịch liệt phản đối tinh thần cầu an, gà què ăn quần này. Không dám dấn thân, không dám tha phương vẫy vùng. Làm như cánh trẻ luôn sẵn sàng xấn quần vùng vẫy!

Ông chú họ xa ở Vụ Bốn bảo đấy là do âm mưu thâm độc của Tàu. Họ không muốn Chăm ngóc đầu làm ăn buôn bán, làm tê liệt tinh thần đấu tranh bằng hù dọa lính tráng thương tật sẽ nằm *kut* độc bên ngoài *kut* chính. Bơ vơ và tủi phận lắm lắm. Khi anh chết hoang, cả khi bị thương sút đầu, đứt móng, anh bị coi như kẻ ngoài rìa.

Chú xứng danh dán nhãn nhân dân tiến bộ Chăm, chúng tôi đùa vậy. Được cánh trẻ vỗ tay, ông liên tục đánh vỗ mồm: Chăm chết chỉ cần qua tối nằm nhà là chôn quách. Tội gì dờ lên dờ xuống làm đám thiêu. Phá bỏ *kut* đi, như người ta xóa đi hủ tục ngàn đời, triệt đi chứng tích của nhục nhã, khốn cùng ấy.

Tuổi trẻ tôi từng nghe lối đại ngôn như thế vang lên. Rải rác, lác lõng. Cuộc sống plei Chăm năm sáu mươi thềm lặng, kham nhẫn, cực khổ. Hai trăm năm qua Chăm nép mình sau những hàng xương rồng. Nghèo, cực. Những căn nhà *yơ* không cửa sổ. Thỉnh thoảng vài mái tôn, ngói nhô lên. Nắng và gió. Vài bụi me lơ thơ trơ lì. Ruộng ăn nước trời cằn khô sau vụ gặt. Đàn trâu gặm đất trên ruộng đồng nhỏ hẹp. Bầy dê về chuồng kêu be be gợi kỉ niệm. Cuộc chiến ít đưng đến các plei Chăm. Thỉnh thoảng vài người đập phải mìn, chết. Tiếng khóc tiếc thương, lặng lẽ.

Ngày tháng ấy, bà mẹ Chăm lằm lũi, cặm cùi trên mảnh ruộng bạc màu chặt bóp từng đồng gọi cho đứa con ăn học xa. Để chục năm sau chúng trở về đủ lớn khôn cầm roi đánh mẹ. Lỗi tại ai? Ông Hân chú họ xa của tôi là một trong những. Ông nổi bật lên nhờ cái khoản lý sự hơn, tới cùng hơn.

- Phá bỏ *kut*, xã hội Chăm rồi đi về đâu?

- Cháu có ăn học mà vẫn bám váy các cụ đàn bà à? Cháu có dám nhìn thẳng vào xã hội Chăm mục rữa của cháu chưa? Cấp *Paxeh*, *Acar* không được trang bị kiến thức tối thiểu về khoa học, về chính trị xã hội... Ngay cả tri thức chuyên môn tôn giáo, tập quán hỏi các vị nắm được mấy mủng? Cấp *Acar* có ai đọc và hiểu *Kura-urn* ? Có ai trong hàng giáo phẩm Bà-la-môn Chăm biết đến *Áo nghĩa thư*, *Chí tôn ca* ? Các bài kinh lễ hay cách thức cúng tế nơi mỗi khác, thầy mỗi khác. Xưa bầy nay làm, cứ thế rù rà rù rì đến tận thế vẫn không đổi. Quy trách ai? Trí thức được nhồi cả mớ kiến thức cũng chả giúp gì được còn đầy tình thế nghiêm trọng hơn.

- Ôi, bức tranh tôn giáo Chăm sao mà xám xịt.

- Sáng sửa sao được khi vị lãnh đạo tâm linh ta không được tin đồn dành cho một tôn trọng tối thiểu, khi kiến thức chuyên ngành luôn bị dân áo đen lấn sân. Không xám xịt sao được khi cả quyền lợi tối thiểu cũng không đảm bảo khiến các vị phải tính toán manh mún, là chuyện mà nghệ sĩ tính Chăm phải giật mình thột. Nữa...

Lợi dụng lúc chú nuốt nước bọt đánh ực, tôi vội lách vào:

- Chú đọc xong diễn văn rồi chứ! Còn đây là diễn văn của cháu nhé: Ta từ nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp không quá độ tư bản chủ nghĩa vội nhảy sang xã hội chủ nghĩa. Ngồi chưa nóng đít lại bị ném vào xã hội hậu công nghiệp. Chăm lúng túng lúng túng nên giẫm phải chân nhau thôi.

Nữa! Nghi lễ vòng đời đâu chả có, ở Chăm thì rất ư thanh thoát nhẹ nhàng. Sinh ra phải tặng yếu, chú được làm lễ *Mang vòng Buh kaung*. Chiếu vòng sẽ được tháo bằng cái lễ *Tháo vòng Tauh kaung* rất đơn sơ khi chú khôn lớn. Nếu bị té trâu hay kinh phong giật, mẹ chú có thể hứa với Yang - *Cúng dê Ngap pabaiy* như để bồi dưỡng sức khỏe hay *Rija harei*, *Rija dayor* chả khác gì buổi trình diễn văn nghệ, với đầy đủ ca - múa - nhạc cho bà con lối xóm cùng xem. Lớn lên lấy vợ, chú được tổ chức *Đám cưới Đam likhah*, ví dụ chú túng

thiếu không khả năng mâm cỗ thết đãi hai họ thì chú có thể yêu cầu làm *Đám trộm Bơng munhum klaik* chỉ cần vài ba người theo chú qua nhà vợ sắp cưới vào lúc chiều tối. Sống đời, trường hợp chú bị *Gà bay chó nháy* qua đầu, người ta sẽ làm lễ *Tẩy rửa Buh kalih tuh ia* tắm táp cho chú sạch bách tội lỗi. Chú toi (xin lỗi, ai mà chả), tối thiếu cũng hưởng được *Đám qua đêm Đam jap brah*. May mắn hơn sau một, hai năm *Mang gởi tạm Ba nau paywa* thần Đất, chú được cải táng làm *Đám thiêu* hai hay bốn ông *Paxeh* phục vụ hầu hạ. Sau ba ngày đêm lửa trại ngoài rừng, chú trở về nhà vĩnh viễn qua chín miếng xương trán đựng trong cái *klaung* bé xíu, nhẹ gánh đời. Không sướng thân chú ư?

Bỗng nhiên tôi thấy mình nổi hứng lên gân bảo vệ một cái gì đang tàn rữa và bị bàn tay tiến bộ đẩy xô tàn bạo vào bóng tối lịch sử.

(*Chân dung Cát, 2006*)

Chuyện chết chóc nghiêm trọng là thế, trong khi củi là khâu cốt tử nhằm giải quyết cho trót sự nghiêm túc kia cứ là vấn đề muôn thuở. Chăm chưa bao giờ biết rút kinh nghiệm chuyện gì cả. Đọc đoạn văn của đạo sư Osho, tôi cứ bấm bụng để khỏi bật cười. Đám tang của cái năm dịch bệnh kia - may thời Ngô Đình Diệm bán rẻ cho dân làng thùng dầu lửa - tang gia bối rối chạy tạm ứng mười thùng, thi hài mới chịu từ giã người thân, nhẹ nhõm một cõi *đi về nau sang*.

Liên quan tới tùy tiện chủ nghĩa là vụ lịch. Lịch *Xakawi* được Chăm mượn Ấn Độ rồi chế biến thành lịch riêng mình. Khi Hồi giáo ghé đất Champa, dân tộc này cũng biết linh hoạt cộng tác với lịch Hồi giáo để hợp thời và hợp lòng dân. Nghĩa là nổi tùy tiện được đẩy lên mức cao nhất. Ví có học giả Ấn nào nổi hứng qua đất này nghiên cứu cũng bó tay. Ngay trí thức Chăm bao bận thử ra sức đàn đầu hàng cấp *Paxeh*. Thuở tiểu học, tôi hỏi mẹ hôm nay thứ mấy bị mẹ la: - Chuyện ngày tháng ở *Cả sư Ppo Dhya*, dân *Áo đen Gaheh* biết gì mà hỏi. Ngay Ninh Thuận mỗi *Dhya* trụ trì mỗi cụm trong ba cụm tháp

thôi đã khác nhau rồi, hướng chi. Tôi nhớ khi nhà có chuyện, đám tang bà chẳng hạn, mẹ qua nhà bà Cả sư ngồi cả buổi ăn trà. Chỉ để *pong harei ngóng ngày*.

Lịch linh thiêng là điều miễn bàn cãi. Thế mà mỗi vùng, mỗi *thầy gru* cứ tùy tiện thay đổi, tùy ý làm khác và tùy nghi dùng - vô tư. *Xakawi bak nugar Lịch khắp xứ* là vậy. Chẳng chết ai. Katê rơi ngay vào tháng Mười, chưa đầy tháng sau ngày nhập học. Đụng đầu Katê, trường Trung học Pô-Klong cho học sinh nghỉ “Tết”. Không cho không được. Nhưng Panrang rồi Parik rồi Pajai ăn ba Katê mỗi nơi mỗi khác, cách biệt tới cả tháng. Vẫn ổn thỏa và vui vẻ cả làng. Chẳng ai lấy đó mà nhăn trán làm điều! Thiên Sanh Cảnh sinh thời có mỗi ước mơ: Đời tôi thống nhất được lịch cho Chăm bốn vùng là “xuôi tay nhắm mắt mơ người” được rồi. Khó nổi là ông nói đâu dẫn chứng rành mạch đó, như thật. Chăm nghĩ, đó chỉ là một trong những *suy diễn pacannur* thôi! Vâng, bác nói phải thì tui em nghe. Cũng đãi cơm, cũng gặt gù. Nhưng khi bác đi rồi, tui em cứ nếp cũ mà hành sự. Thế là mạnh ai nấy làm. Xã hội Chăm vẫn đều đều tiến bước.

Mãi mùa hè 1990, một hội nhí là Hội Bảo thọ Caklaing do Châu Văn Mỗ làm Hội trưởng, Quảng Đại Hồng thủ ghế phó, tôi mới ba mươi tuổi đầu được tín nhiệm dồn phiếu chức thư kí, xắn tay áo vào cuộc. Vừa thoát khỏi thời ba khoán gay cấn, Hội quyết nhóm họp các chức sắc *Cam Ahier Chăm Bà-la-môn* cả khu vực về bàn thống nhất *Xakawi*. Đó là việc làm to con và to gan. Nhưng tại đó, anh em bà con hả lòng hả dạ, chỉ qua hơn giờ đồng hồ tâm tình. Lưu ý, tâm tình chứ không là bàn cãi, thảo luận đầy tính khoa học.

Ray ni anurk Bini anurk Cam

Pwơc karei harei murlơm o laik saung gơp

Đời nay cả Chăm lẫn Bàn

Lịch tính sai, tháng ngày không hợp

Hơn trăm năm trước, tác giả *Ariya Harei Murlom* lớn tiếng rửa, ai dùng sai *Xakawi* thì sẽ bị tàn tật cả dòng họ. Chăm hiện đại có học, đã biết sợ. Sau cuộc nhất trí đó, nhóm ông Trương Văn Sinh, anh Sử Văn Ngọc, Châu Văn Trợ lĩnh sứ mệnh biên soạn lịch rồi đi vào Phan Rí, Ma Lâm thương thuyết theo tinh thần “tình cảm là chính”. Chớ đại dốt mà đi cãi lý với nói chuyện khoa học chi chi cho nhọc, cứ nổi *Chàm mình* mà vận dụng. Như *nghệ với voi*, mọi người một lòng một dạ, mỗi vùng chịu nhích qua một tí. Không phải em trúng hay bác trật đâu. Cánh *Pajai* Malâm bác ăn Katê tháng Mười một, bên *Kraung* Tuy Phong thì tháng Chín, thôi thì ta dồn về tháng Mười đi, mỗi bên chịu xê qua xích lại xíu là được. Mỗi thao tác giản đơn đó thôi, *Xakawi* từng là nỗi ám ảnh trí thức hàng trăm năm qua ăn không vô cơm, đã trùng khớp ngon lành.

Nhưng rồi, mười năm sau, truyền thống tùy tiện chủ nghĩa Chăm đã làm cú lặp lại ngoạn mục: *Xakawi* lại khắp xứ! Cả trong *Cam Ahier* lẫn *Cam Awal Chăm Bàn*. Nhưng thế nào rồi vài năm nữa cũng có cuộc họp khác để gom nó về một mối cho coi, giải quyết nhàn cư cho bao người.

Đâu đã hết! Chuyện chữ viết *akhar thrah* mới nhiều khê. *Akhar thrah* - nói có chứng đèn: Chăm trân trọng hàng đầu. Nhưng suốt chiều dài lịch sử, nó chưa bao giờ gọi là nhất quán. Tại sao tổ tiên Chăm không chịu ngồi lại để bày cách thống nhất? Đơn giản lắm: Chăm có thể khác nhau ở mọi thứ, nhưng tùy tiện chủ nghĩa thì ta rất đồng bộ. Nó làm cho Chăm là Chăm. Thế mới là đậm đà bản sắc. Ba bận thuyết về ngôn ngữ, dù ngẫu hứng sanh sự tới đâu, tôi chưa hề ngớ ngẩn đụng vào vụ “chuẩn hóa” chữ mẹ đẻ cả!

Nhắc lại tin đồn thất thiệt về “dân Caklaing sanh sự”, tôi mới có bức thư giải minh này:

Sài Gòn, ngày...

Bồ thân mến ...

Bồ bảo dân Caklaing sanh sự, đúng lắm. Mình cũng giơ tay nhất trí cao về định kiến này mà. Khoái nữa là khác. Làng có cái địa danh được đặt tên cho đập cổ nước tiếng cả vùng (Banork Cakling Đập Nha Trinh), cũng là làng vị vua anh minh nhất trong lịch sử vương quốc chọn làm nơi sinh, thì khỏi nói rồi. Dân Caklaing già trẻ lớn bé mãi ưỡn ngực về sự vụ đó, không chừa ai. Nhưng mình muốn tin cho bồ biết chuyện khác, tày trời hơn. Đây là làng cá biệt nhất, bảo thủ ngoan cố đồng thời sáng tạo li kì nhất, đang sở hữu trong tay hầu hết Guinness Chămp. Tiêu cực hay tích cực, đáng hãnh diện hay tủi hổ, tùy góc nhìn.

Này nhé, dân làng suốt hai mươi năm nội chiến từng ngày không có lấy nổi một sĩ quan cấp úy (đến trung sĩ là - nghỉ), không mống nào dũng cảm/ liều lĩnh vượt biên để làm Chàm kiều! Là chuyện lạ đầu tiên. Tiếp, cầm đầu cả ngàn thanh niên Chămp lên rừng đi làm Cá Rô sau năm Bảy lăm là dân làng này, xuất phát điểm từ cái rẫy người làng này, và kẻ cuối chót trụ đến ngày “chiêu hồi” cuối cùng cũng là nó; nhưng nửa đời hư, mình chưa bao giờ thấy dân Caklaing đánh nhau với người Kinh lân cận.

Nó hiện đại mà vẫn truyền thống, như lối nói dễ dãi của ta. Thế hệ mình, tỉ lệ học hành [hiện đại] của dân Caklaing là nhất trong lúc tỉ lệ người biết chữ mẹ đẻ [truyền thống] cũng là số một. Caklaing là làng đầu tiên và duy nhất trong Chămp mở lớp dạy chữ Chămp sau Bảy lăm, tập hợp đông người nhất, khóa dạy kéo dài lâu ngày nhất, và đạt hiệu quả cao nhất. Caklaing là làng đầu tiên tổ chức ăn *Kate palei* tại làng sau một ngày lên tháp hành lễ. Tháng 10-1976, buổi sáng làm thịt trâu tế trời đất, gặp phải trâu cái có chửa, bà con kêu lên: - Xui rồi. Nhưng chả sao, *Kate palei* Caklaing vẫn xuôi chèo mát mái, từ đó làng làng rộ lên phong trào ăn *Kate palei*. Tổ chức cho “nhà khoa học Chămp” thuyết trình về ngôn ngữ Chămp cho chính trí thức Chămp nghe lại là dân Caklaing tại Caklaing. Đây là sự cố lần đầu tiên và có thể

nói, thiên nan vạn nan trong xã hội *Cam drei*. Tổ chức nói chuyện về Đám khô đầu tiên. Thống nhất Xakawi Chăm đầu tiên. Chế độ mới chọn làm hợp tác xã nông nghiệp thí điểm đầu tiên.

Thiên hạ bảo *sanh sự*, không oan! Làm quan tại đây, bạn chớ mơ nổi tham ô. Cán bộ hợp tác xã trải dài chục khóa, cũng giành giật gay cấn như ai, nhưng đến thế thôi. Ông vẫn cứ ăn cơm vợ mà lo chuyện hàng xóm. Trăm ngàn còn không lọt mắt người Caklaing chứ đừng nói đến chuyện bỏ túi trăm triệu với bạc tỉ. Bạn mình đùa, ví nhà nước trọng dụng hết dân xứ này làm to, nạn tham nhũng tiệt nòi tại đất nước Việt Nam là cái chắc. *Thư viện - Nhà trưng bày văn hóa Chăm* tại làng đầu tiên, công ty thổ cẩm đầu tiên, bộ *Văn học Chăm* đầu tiên, và vân vân cái đầu tiên khác...

Nhưng Guinness của mọi Guinness mà mình muốn nhắc tại đất “*sanh sự*” này, bởi nó muôn vàn khó khăn và gần như bất khả vượt, đó chính là: *kut* hiện đại đầu tiên. *Kut*, đó là nỗi linh thiêng hơn mọi linh thiêng với Chăm Bà-la-môn.

Kut thường ở ngoài làng, cạnh làng hay bìa rừng, nơi cây cối mọc um. Sẩm tối, đám trẻ con đi ngang chỉ có ù té chạy. Nó vừa linh thiêng vừa gây khiếp hãi. Trung tâm *kut* là dây bia từ năm đến bảy, chín bia *kut*, từ ngoài ngó vào, hiếm khi được nhìn thấy. Âm u, bí mật thế mới ra *kut*. Vậy mà vị Cả sư của *Kut Gadak* dòng họ nhà tôi đã dám cách mạng. Đúng, - cách mạng. *Kut Gadak* nằm ngay đầu làng Caklaing, sát cạnh Cổng Trên. Mùa nắng 1990, chú Chạy, chú Chử được phép Dhya Hán Bằng dẫn lũ chúng tôi phát quang *kut*. Từ thuở Ấp Chiến lược sang Ấp Tân sinh đến Ấp Dơi moi (thuở nhỏ tôi đọc là ấp đòi moi) rồi phong trào xây dựng sơn thôn, bao nhiêu bom mìn, súng đạn dồn vào đó. Ủi, đốt, cắt hàng đồng cây xương rồng với dây thép gai, vậy mà suốt tuần dọn dẹp không một tiếng bom nổ! Anh em bảo: Ông bà linh. Rồi xây, lập hàng rào thành, thấp điện. Cây *gadak* cổ thụ trở thành cây linh, đáng phiêu bồng, quần quai.

Chưa hết, Dhya Hán Bằng còn cho nhập *kut lihin* [của người chết không lành, đưa con lai, khác đạo,...] xưa nay nằm khu vực xó xỉnh của khuôn viên *kut* [rất tủi thân] vào nằm chung *kut* chính, chỉ phân biệt lấy lệ có mỗi tấm phản mỏng manh. Là chuyện tôn giáo Chăm vài năm trước mới nghe qua cũng đủ tím mặt. Qua một năm hủy phá và sáng tạo, hủy phá để sáng tạo, *Kut Gadak* trở thành *kut* đẹp, bề thế, oai phong nhất Chăm. Dĩ nhiên, nó cũng là đầu tiên.

Chandra tiếp: “Tôi vẫn mãi không nhất quán... Tôi đang để lại một cái gì đó thật khủng khiếp cho những nhà học giả: Họ sẽ không thể hiểu mô tê gì về nó. Họ sẽ phát khùng - và họ đáng bị như thế, họ nên phát khùng! Thống nhất, chỉ có những học giả mới có thể ngốc ngếch như vậy!”

Ấn Độ không thềm có bộ sử nữa là. Mãi khi người Anh đến, họ mới viết sử cho Ấn. Nhưng chớ mong loại sử đó ngấm vào tâm hồn dân Ấn. Đức Phật có thể sinh ở thế kỉ thứ năm hay thứ sáu trước Công nguyên hoặc sau đó năm trăm hay ngàn năm, chả có gì làm to chuyện. Hiếm kẻ rồi hơi để tâm. Nhưng nếu có ai bảo đưa chần trâu đang đứng bờ lúa kia không có Phật tính thì họ cãi cho đến hết ngày. Chăm cũng chả ngán! Địa danh Harok Kah, Harok Kah Harok Dhei hay Harok Kah Dhei chính xác ở đâu không quan trọng. Hầu hết trí thức Chăm thế kỉ XX, từ Thiên Sanh Cảnh cho đến Lâm Nài,... chắc mẩm Harok Kah ở Quảng Bình, nghĩa là nơi cực Bắc của vương quốc Champa cổ. Một câu hát trong ca khúc hiện đại của Đảng Năng Quạ cũng khẳng định nổi đó:

Akauk gah Harok Kah, iku gah Panrang

Đầu ở Harok Kah, đuôi phía Phan Rang

Chăm ngày nay còn truyền [hay tưởng tượng] rằng đó là vùng núi mọc một loài *cỏ harok* khá cao, mùa gió bắc thổi, cỏ này dạt ra hai bên tạo dáng như hình đầu người chải tóc, để lộ một cái *trán dhei* rộng. Ông tiến sĩ Tây Dharma dứt khoát rằng Harok Kah ở Phú Yên,

nghĩa là cực Bắc của Panduranga thuộc vương quốc Champa. Chăm có đọc phải đoạn đó họ cũng à hén, đúng lắm. Nhưng chương trình chỉ ngưng tại đó thôi. Già làng Raglai tại một làng thuộc khu vực phía Nam Lâm Đồng cho nó ở phía Bắc cách làng ông ta chỉ một ngày đi đường. Một “sử liệu” giấy vàng mực đen khác còn ghi Harok Kah ở đâu tít Hà Nội nữa. Thử đọc *Ariya Ppo Parong* nhé:

Halei dahlak o ka nau bboh toi

Camauh Harok Kah nan pak nugar Hanwai

Tôi đâu chưa đi thấy hết

Chốn Harok Kah đó ở xứ Hà Nội

Harok Kah có mặt ở cả bốn trú xứ trên hay nhiều hơn nữa, không đáng bàn. Bởi đơn giản nó vừa mang tính sử học - sự kiện vừa chỉ là địa danh ước lệ. Nó là cực Bắc của vương quốc. Khi Champa lui tới đâu, Harok Kah thiên di theo. Còn nếu vị nào mang tham vọng [hảo huyền] toàn thể Chăm giơ tay nhất trí cao nó là đâu, thì mới thành chuyện. Ngốc vậy chứ!

Mùa mưa năm 1998, một cụ tại Kraung phiền trách tôi:

- Cậu nó cục bộ chứ, cứ nghĩ Ppo Klaung Girai sanh tại Caklaing mình. Tôi cá cậu, đang giữa mưa gió này, tôi dẫn cậu đến chỗ mẹ ngài chôn nhau ngài. Lúc đó cậu mới sáng mắt ra...

- Em cãi bác đâu. Bác vẫn trúng mà. Nguyên quán với trú quán của ông vua này vô số, chớ phải riêng quê em hay làng bác. Mà ông đâu có chịu chết, ông *hóa thân lwak ywon*. Thế thôi. Ppo Riyak đẹp trai phương phi là thế, sau khi bị bão biển đánh đắm chiếc tàu, đã hóa thân thành anh tiều phu xấu xí lên tận đất Churu lấy vợ, mai danh ẩn tích.

Với Chăm, lịch sử biến thành huyền sử. Huyền sử này được mấy thế hệ nghệ sĩ tưởng tượng thêm dệt nên bao nhiêu là bài *tụng ca damnury* hát khắp lễ hội. Mỗi nơi mỗi khác, mỗi *gru* mỗi khác. Chúng

biến thiên và biến hóa vô ngần. Từ lời hát cho đến sự kiện. Ppo Klaung Garai là Ppo Pan Murta là Cei Dalim là Cei Praung là Ppo Tang,... muôn ngàn sai biệt. Khác hẳn các ông sử gia Tây hay sử gia Chăm sùng bái Tây viết lịch sử Champa theo cách của khoa học Tây. Ở đó mà ngây ngô nghĩ rằng Chăm toàn phần tin nó. Bà con chỉ “tham khảo” nó cho vui thôi. Ồ là, có phải thế chẳng mà Chăm mất đoàn kết để cuối cùng bị tiêu diệt? - Sức mấy! Chính sự sáng tạo tùy tiện đầy tùy hứng này đã làm nên sức mạnh tiềm ẩn của văn hóa Champa. Nó hun đúc tâm hồn, tâm tính Chăm, chiều sâu truyền thống Chăm. Ngược lại, bội phản nó, dân tộc đó bị triệt tiêu. Tôi không nói đất nước, mà - dân tộc.

Quê hương tan rã, tiểu thuyết của Chinua Achebe, nói trúng phóc tình trạng và tâm trạng dân tộc, đất nước ông. *Ariya Glong Anak* còn hơn thế. Ra đời vào đầu thế kỉ mười chín [năm 1832, hoặc có thể trước đó khá lâu, như ông bà cho là vậy], khi lưu dân Chăm chạy loạn tản mác khắp nơi. *Chăm chết như rạ Gam mutai yuw anrong*. Trước đó chục năm, vào thời điểm khốn quẫn nhất của định mệnh lịch sử dân tộc, ba thái độ trí thức mang tính quyết định được đưa ra: *Twon Phauw*, *Glong Anak* và *Pauh Catwai*. Trí thức cô đơn:

Dauk sa drei sa nugar di krui hanrai

Di krui tathik cwah jai, halei nugar drei si nau

Ngồi một mình một bóng giữa cù lao

Giữa biển còn cát bồi, đâu là miền đất ta đi?

Glong Anak hỏi ông, và hỏi cả hiểm hoi người đang thức giữa đêm trường ác mộng này. Đây đó đã có tiếng đáp vọng lại. *Twon Phauw* chủ trương bạo động [cả hành động], và đã thất bại. Hậu quả của nó thật khôn lường. *Pauh Catwai*: Cần bảo tồn nền văn hóa to lớn mà dân tộc đó xây dựng nên. Còn *Ariya Glong Anak* -- bằng nhãn quan vượt thời đại - chú ý đến sự sống còn của sinh mệnh con dân Chăm.

Ariya Glong Anak và *Pauh Catwai* dạy gì? Ông không kêu gọi cấp *Paxeh*, *Acar* ngồi lại bàn chuyện thống nhất lịch. Hoặc nhắc *Cam Ahier* tổ chức đám thiêu cho nghiêm túc xiu. Không! Còn có điều gì khác cấp thiết hơn, lúc đó. Trích đoạn *Tiểu thuyết của Khan*, năm 1833, khi nhân vật Hathaw bị dính đạn chết nơi vùng núi Cà Ná, sau trận càn.

- Ôi, con gái của tôi!

Tiếng nấc nghẹn bật ra từ đôi môi run run của Jathuma. Ông vuốt nhẹ mái tóc người chết vừa được đặt ngay ngắn. Thi thể Hathaw vẫn còn mềm.

- Ôi, nếu con đừng bỏ cha...

Không có lấy một giọt nước mắt ứa ra từ hốc mắt sâu hoắm ấy. Bác Jathuma nắm nhẹ cánh tay người chết nâng lên môi.

- Ôi, bàn tay này từ nay sẽ không bao giờ búi tóc cho cha nữa. Ôi, nếu con đừng rời bỏ cha chạy đến với người yêu. Ôi, nếu con nghe Khan và quay trở lại với cha, con sẽ không phải nằm lại nơi lạnh giá này. Ôi, anh Khan của con đâu rồi, Hathaw? Sao anh con lại bỏ con nằm một mình nơi đây? Ôi, giọt máu yêu quý của con tôi. Ước gì cha có thể đổi lấy hơi thở cho con. Ôi, con gái bé bỏng của cha...

Ông ngất đi. Khi tỉnh dậy, mặt trời đã gác núi. Rừng vang âm thanh muôn thuở. Ông nhẹ nhàng ôm Hathaw vào ngực theo tư thế mẹ bồng con, đi xuống suối. Ông lại nhẹ nhàng đặt nàng nằm lên nền cỏ xanh ướt, chậm rãi cởi áo và váy nàng dính đặc máu. Thân hình nàng hiện nguyên hình con người nguyên thủy trong niềm rung động thiêng liêng xót xa của trái tim ông. Một vết bầm tím bên dưới ngực nàng, ông vuốt nhẹ lên đó – đường vào của viên đạn.

- Trời sắp tối rồi con ạ.

Ông nấc nghẹn, ôm nàng đi xuống lòng suối. Ông kì rửa thi thể cẩn thận như chăm sóc người bị thương - người chết cũng có thể

đau! Ông bế nàng đặt nằm lên nệm cỏ, cẩn thận, như người mẹ sợ đánh thức đứa con đang ngon giấc. Ông trở lại con suối vo sạch áo và váy, mang lên đắp cho Hathaw.

- Ôi, con gái tôi. Hãy tha thứ cho cha vì trời đã tối.

Ông sụp quỳ xuống, đặt tay mình lên hai bàn tay chụm lại của người chết. Bóng tối phủ nhanh khu rừng vây bủa bởi núi. Tàn ngàn giấy lát, Jathuma tìm quơ cành cây khô chất đống. Ông bế nàng đặt lên đống củi, sửa lại dáng nằm ngay ngắn. Ông cúi hôn nhẹ lên trán nàng. Rồi, chất củi lên thi thể nàng.

- Ôi, con tôi... - Nước mắt của ông ứa ra. Tay run run, ông châm lửa. Ông nhìn đống lửa cháy cho đến khi nó tàn lụi. - Tha thứ cho cha...

Ông hốt một nắm tro cho vào bọc vải, gói lại cẩn thận. Ông áp gói tro vào ngực. Đột ngột, ông thét lên một tiếng rùng rợn, xé nát trời đêm. Rồi ông thất thểu bước đi trong bóng tối vây bủa.

Glơng Anak và *Pauh Catwai* không kêu đòi chuẩn hóa *akhar thrah* để mọi người viết cùng một kiểu hệt nhau. Họ càng không nuôi tham vọng viết bộ chánh sử về vương quốc Champa, để nhồi sọ con nít nữa. Mới tập tễnh abc tinh thần Tây mà vội lên giọng chê bai truyền thống *xakkaray*, *damnury* ông bà thiếu khoa học, thì không gì trẻ con hơn. Nếu nhà ông khoái thể thì cứ làm đi, có gì mà to con la lối! *Xakkaray* Chăm hóa thân cư ngụ trong văn chương, lung linh sinh động trong lễ hội, để tồn tại vĩnh cửu trong tâm linh dân tộc. Nó chính là huyền sử ở cấp độ cao tuyệt. “Tôi vẫn mãi mãi không nhất quán,” Chandra nói thế. *Huyền sử damnury* cũng thế. Nó là nhân đồng thời là quả của tâm hồn Chăm.

Nhưng rồi rốt cục, tùy tiện chủ nghĩa kia đưa dẫn Chăm về đâu? - Không đâu cả, mà trở về suối nguồn tinh khiết của bản thể dân tộc. Dấu lịch sử Champa hoàn toàn vắng mặt trong mọi cuốn sách giáo khoa.

Mãi năm 2000, Lương Ninh mới chủ biên cho ra *Lịch sử Việt Nam giản yếu* (sách tham khảo) với vồn vẹn mười hai trang, do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia ấn hành

Nhưng hầu hết Chăm đều hiểu đầy ảo diệu *xakkaray* dân tộc qua hàng trăm *damnury* tồn tại dưới mọi hình thức *lễ rija*. Dù bao ngáng trở, anh chị em vẫn nhớ về nguồn cội xa thời gian và dài không gian để làm cuộc hành hương nhiều bất trắc. Tuyển tập *Tagalau* cứ tồn tại, cho dù cuộc văn chương chữ nghĩa có bèo bọt tới đâu.

Hôm nay, Chăm đang đứng trước nguy cơ rã tan, nghiêm trọng và bức bách ngàn lần hơn thời *Glơng Anak, Pauh Catwai* ! Mười năm qua, toàn cầu hóa, APEC, WTO, môi trường xã hội nông thôn bị phá vỡ, chế độ mẫu hệ tưởng cố kết muôn năm đã *nát như bột bỏ cối giã raung yuw ra ba thauk di rathung*, bọn trẻ tràn vào thành phố kiếm việc, xuất khẩu lao động Mã Lai, *palei* trống hươ trống hoác, nạn cướp giết, HIV, hiếp dâm, dân Caklaing hiền hậu là thế cũng xảy ra vài vụ đánh lộn [với nhau/ với thanh niên Kinh lân cận], không ít cô gái Chăm mang bồ [hay bầu] về làng. Vân vân...

Đâu là thông điệp? *Glơng Anak* và *Pauh Catwai* chưa bao giờ ý định gửi thông điệp. Tác phẩm văn chương không đại dột làm thế. Nhưng ở vào thế mạng vận của dân tộc, ông buộc phải nói.

Glơng Anak, Pauh Catwai phải vội vã
nên viết đã rất ngắn
như thể trời trăng
(Lễ Tẩy trần tháng Tư, 2002)

Lời trời trăng ấy, suốt mấy thế hệ Chăm đón nhận, chép truyền tụng. Như anh chàng *Bini* trong *Ariya Cam - Bini* kia, trước khi nhảy vào giàn lửa theo người yêu về cõi khác, đã ném lại cho đời bức thông điệp đầy tính nhân bản, từ một cù lao xa xôi trở về, *Glơng Anak* để lại cho đời một tập thơ, rất mỏng. Rồi ông đi đâu không biết.

Làm vô danh giữa trời đất. “Thông điệp trong cái chai lại là một bài thơ và do đó, là một dạng thông tri đặc biệt,” Hirsch viết. Thông điệp nằm đó, trong im lặng nơi đáy *ciet* sách của mỗi gia đình. Liên tục trong nhiều thế hệ, các hậu duệ của người đã đón nhận trang trọng thông điệp này.

Pauh Catwai đã dạy gì? Ông dạy Chăm khiêm cung, không dạy Chăm hèn.

Đor xwan limurn jorh khơng

Tathrak mai nhu dơng libuh di thauh

Mạnh thì có chi bằng sức voi

Trượt chân ngã, khỏe tới mấy cũng như không

Tôi không hiểu nổi năm thứ tám của thiên kỉ thứ ba sau Công nguyên, tôi đã nhìn tận mắt, nghe tận tai một vị trong hội nghị đã réo đủ chục mười hai lần cái *kính thưa*. Ông ta, đồng tộc Inrasara, hậu duệ của *Pauh Catwai*, *Glong Anak*. Quả thật chiều hôm ấy, tôi muốn *tìm gò mối mà lủi vào dwah katoc blauh lwak* ! Ai khiến ông ta thế kia chứ? Rồi một vị nữa, với bà con quê mùa thì mặt *vênh lên như chàng hui padak tada yuw krat*, nhưng trước quý quan lại đi bằng lưng. Thê thảm! Trước hội nghị hay đại hội to nhỏ bất kì, tôi cứ mỗi *kính thưa hội nghị* mà chơi. Nếu có anh em văn nghệ sĩ tại đó, tôi lèn thêm phần hậu tố *và thưa đồng nghiệp*. Còn với sinh viên thì *các bạn sinh viên thân mến*. Có ai qua vụ đó mà đi thu hồi thẻ hội viên Hội Nhà văn của tôi đâu.

Glong Anak dạy Chăm yêu thương, không dạy Chăm căm thù.

Murbai janurk lo di tian murk klak

Hận thù tồn đọng lằm [ở] trong lòng, hãy cất bỏ

Dạy Chăm hiểu định mệnh dân tộc, tìm về bản thể nguyên tính của Quê hương. *Pauh Catwai*:

la bhong ikan jang bhong

Hajan ngauk ralong o hu haluw

Nước hồng con cá cũng hồng

Mưa trên ngàn không có nguồn

Lâu nay câu thơ được diễn giải theo tinh thần biến và tùy. Con người tùy thời mà hành xử cho thích hợp. *la bhong ikan jang bhong* Nước hồng thì cá nên hồng, nếu cá muốn tồn tại. Đó là lời khuyên chí lý. Nhưng, nếu thế thì dòng tám sẽ mất hết ý nghĩa sâu thẳm của nó. *Pauh Catwai* không giản đơn thế. Ông đưa tư tưởng dẫn thêm một bước quyết liệt hơn. Chính suy tư này đã đẩy ý tưởng *Pauh Catwai* liên tục dời bình diện. Từ thức tỉnh: *O thei ngap di drei o hai/ Tamuh di hatai, drei ngap di drei Chẳng ai sai khiến mình cả/ Tự tâm mình nghĩ ra để tự mình hại mình*, sang cảnh giác: *Đor xwan limurn jor khong/ Liphwai mai nhu dơng libuh di thauh Mạnh thì có gì bằng voi/ Khi mệt là nó cũng ngã gục như không*, để rồi đi đến cảnh cáo: *la bhong ikan jang bhong...*

Nước hồng, nước đã nhuộm hồng rồi (thời đã thế) nên lũ cá, muốn sống thì phải hồng theo nước (thế thời phải thế). Được thôi! Nhưng hãy coi chừng, hồng vốn không phải màu thực của cá (bản thể) mà chỉ nên coi đó như là một nhất thời, ảnh hưởng bởi nước (hiện tượng): *Hajan ngauk ralong o hu haluw*. Vì mưa ở đây chỉ là mưa ngàn (*ralong*: khoảng rừng thưa giữa núi và đồng bằng) chứ không phải mưa nguồn, mưa núi. Nước lũ sẽ tràn xuống một hồi rồi trôi tuột đi nhanh chóng. Dịch lại nguyên vẹn câu thơ:

Nước hồng con cá cũng hồng

Mưa trên rừng cận chứ không (là) mưa nguồn

Hãy trở lại với thiện căn con người. Không thể tuyên ngạo nghề rằng đời đục riêng ta trong, đời say riêng ta tỉnh được. Nên, mặc dù phê phán nặng lời, *Pauh Catwai* luôn ngoảnh lại nhìn, sẵn sàng đưa bàn tay ra cho ta - những sinh thể yếu đuối bị cơn bão thời cuộc cuốn

trôi đi, giạt vào bờ này, bờ kia. Và con người, như một loài cá, đã bị nước miền hạ lưu nhuộm hồng tất cả, đến nỗi ta không còn phân biệt được đâu là ngoại cảnh, đâu là mình; để đến khi, như từ một giấc ngủ muộn màng, tiếng sấm *Pauh Catwai* vọng đến lay động, quất ta thức dậy, lôi ta đi ngược dòng trở về nguồn cội - nguồn suối tinh khiết của quê hương và của nhân tính.

(*Văn học Chăm - khái luận*, 1994)

Chăm tiếp nhận và hiểu thế nào thông điệp?

Hirsch cho rằng “đọc thơ là một cuộc phiêu lưu trong sự cách tân, một hành động mang tính sáng tạo, một sự khởi đầu mãi mãi, một cuộc tái sinh của niềm ngạc nhiên”. Stevens gọi người đọc là “học giả của một ngọn nến”. Chăm không đọc *Glơng Anak* với con mắt soi mói của nhà nghiên cứu cân đong đo đếm câu chữ. Đã có kẻ làm như thế và tuyên tất cả sai bét, riêng mỗi ta đúng. Ngay lối nói ngạo mạn này đã sai lạc tinh thần thông điệp *Glơng Anak* rồi. Nếu bác khả năng *giảng giải lang yah*, tầm chương trích cú *Glơng Anak* ở câu, đoạn nào bất kì mà tâm bác chưa tận diệt mọi căm thù sâu kín, là nhà bác còn chưa hiểu *Glơng Anak*. Khi tâm hồn bác còn trĩu nặng nỗi oán trách nhỏ bé, suy nghĩ nhỏ bé, hay bác còn nuôi ý định âm u triệt tiêu ai đó, không biết cảm thông và tha thứ, là bác chưa hiểu tinh thần *Glơng Anak*. Khi bác chưa *mở lòng ppalai tung tian* với con người hèn yếu xung quanh, với mọi sinh thể trên thế gian mỏng manh này, là bác chưa thể sẵn sàng đón nhận thông điệp *Glơng Anak*.

Glơng Anak gợi mở nhiều diễn ngôn. Ông bà từng cho *Glơng Anak* được viết để đoán trước chuyện cũ hay cuộc hôm nay. Và họ nghĩ: Nó rất ứng! Từ sinh thời Thiên Sanh Cảnh và mãi tận bây giờ, vẫn cứ thế. Chăm diễn giải và suy luận triết lý *Glơng Anak*, giờ *Glơng Anak* để đoán thời thế, mang *Glơng Anak* và *Pauh Catwai* ra răn dạy và cả hù dọa con cháu. Mười năm trước, khi xếp *Ariya Glơng Anak*

vào dòng “Thơ thể sự” trong *Văn học Chăm - khái luận*, tôi đã bàn về thi phẩm này trong chiều hướng triết lý thể sự. Nhưng tôi vẫn chấp nhận lối hiểu khác. Hiểu và chấp nhận lối hiểu khác mình.

Ngày mai, có thể dân tộc Chăm tan rã như đất nước đã từng rã tan hai thế kỉ trước đó. Chăm lần nữa phiêu giạt, xa và mỏng hơn, chìm khuất giữa những dân tộc xa lạ, nền văn hóa khác lạ. Nhưng khi ta còn mang trong tâm khám thông điệp *Glong Anak, Pauh Catwai*, và nhất là khi tinh thần *damnury Cam* vẫn hiện hữu nơi thẳm sâu tâm hồn ta, ta vẫn cứ là Chăm. Độc đáo và độc nhất. Làm phong phú và đa dạng văn hóa và tinh thần cộng đồng bản địa nơi ta tạm trú!

Thâu thái tinh thần khoa học, đúng lắm. Nhưng khi nhà bác một mực áp đặt nó vào mọi lãnh vực, mới phiền. Có những cõi miền mà cánh tay khoa học không thể với tới. Với tâm linh Chăm thì càng. Còn ví ta cứ mê tín và sùng mộ nó, ta muôn năm làm kẻ nô lệ không hơn. Khi tư tưởng suy đồi, tư tưởng biến thành triết lý, triết lý trở thành môn học ở Đại học, tại đó người ta cho ra lò bao nhiêu là tiến sĩ triết học mà hiếm khi sản sinh nổi một nhà tư tưởng:

“Khi Tư tưởng rời xa tổ chất của mình từ đó khởi sự suy đồi, thì Tư tưởng bù đắp sự mất mát ấy bằng cách kiếm chác cho mình một giá trị như là techne, như là một công cụ giáo dục để rồi trở thành bộ môn của học đường... Dần dà triết học trở thành một kĩ thuật giải thích bằng các nguyên nhân tối hậu. Người ta không tư tưởng; họ chỉ bận tâm tới triết học...”

Từ đó, triết học thường trực thấy cần thiết phải tự biện minh sự có mặt của nó trước những khoa học. Triết học tin rằng nó có thể hành động hiệu quả nhất bằng cách nâng mình lên hàng ngũ một khoa học. Thế nhưng một nỗ lực như thế là sự bỏ rơi thể tính của Tư tưởng. Triết học bị săn đuổi bởi nỗi sợ hãi mình sẽ bị mất đi sự kính trọng và giá trị, nếu không là một khoa học. Tính thể, như là tổ chất

của Tư tưởng, đã bị bỏ rơi bởi lối giải thích đầy kĩ thuật về Tư tưởng.” (Heidegger)

Khi tôn giáo suy đồi, nó biến thái làm một thứ tổ chức giáo hội với đủ dạng thức nhân danh Thượng đế thao túng những đầu óc ngu muội.

Năm ngàn năm trước, Adinatha - đạo sư Jaina giáo - đã dũng mãnh làm cuộc cách mạng lật đổ phế truất Thượng đế. Con người là trung tâm của tôn giáo, chứ không phải Thượng đế. Nhưng cuộc cách mạng về một tôn giáo phi Thượng đế đó “đã bị chìm mất trong sa mạc của sự khắc khổ và sự hành xác”. Hai mươi lăm thế kỉ sau, Đức Phật đi theo con đường khác: thiền định. Thiền là hàng đồ đệ đã không hiểu ngài, biến Đức Phật thành một vị thần khác, đặt ngài lên bệ thờ thay vào sự vắng mặt ấy. Từ đó, “ý tưởng này cũng bị chìm mất trong một sa mạc khác, và đó là tôn giáo có tổ chức, có định chế”. May, tư duy Chăm chưa đến nỗi suy đồi. Tôn giáo cũng thế. Đó là thứ tôn giáo phi tôn giáo: “Không cần bất cứ Thượng đế nào, không cần bất cứ giới tăng sĩ nào, không cần bất cứ tổ chức nào,” như Chandra.

Không ai hiểu từ bao giờ, trên mảnh đất miền Trung nắng gió này, dân Champa đến cư trú. Mãi năm 192, khi sử gia Tàu đặt cho nó cái tên khai sinh *Linyi* Lâm Ấp, người thiên hạ mới biết nó hiện hữu như là một vương quốc. Nơi ấy, dấu chân các tu sĩ Bà-la-môn được biết đến trước tiên, sau đó Phật giáo nguyên thủy, rồi thì Ấn Độ giáo đến ngồi dai dẳng. Thế kỉ thứ tám, Phật giáo Đại thừa mới quá bộ sang và được Champa cho ở lại phòng khách suốt ba trăm năm. Chỉ có vậy. Sau thế kỉ thứ mười, khi tôn giáo Đức Thế Tôn bị treo bảng hết giờ tiếp khách ở Champa thì lần đầu tiên người ta loáng thoáng thấy bóng thương nhân Hồi giáo lần mò về buôn bán trên mảnh đất giàu trầm hương và kì nam này, để đến thế kỉ mười lăm, tôn giáo của nhà tiên tri Mohamet nghiêm nhiên thành lực lượng chính trị đáng kể, lấn

sân Bà-la-môn đang suy thoái khắp Đông Nam Á cùng với nền văn hóa Ấn Độ cư mang nó. Thế nhưng Hồi giáo từ sa mạc Ả Rập nhập địa ruộng lúa Đông Nam Á, đến đất nắng Champa thì đã thay da đổi họ hẳn. Ngay cái lối đánh đàn xa cũng đã khác. Bani *Bani* nguyên nghĩa Ả Rập là *những đứa con trai*; nghĩa Sanskrit là *thương nhân, buôn bán*; nghĩa Mã Lai là *xa lạ, kẻ lạ, xứ lạ*; là sáng tạo vô tiền khoáng hậu của Ppo Rome hồi giữa thế kỉ mười bảy. Khi nhận thấy con dân mình chỉ bởi mấy đức tin vớ vẩn mà cãi vã với rầy rà nhau suốt, ông cho vùi tất cả tới, xáo chỗ ngồi và đổi áo, để cuối cùng nó ra tôn giáo Chăm không giống ai. Bởi có đâu trong vũ trụ bát ngát mà hàng giáo phẩm tôn giáo này vui vẻ qua làm lễ cho tôn giáo kia không? Có đâu trên trái đất mà tín đồ đạo này dâng lễ cúng cho giáo sĩ đạo kia tín thành như ở Chăm không? Có nơi nào một lễ lớn như *Rija Nugar* hai tôn giáo *cúng thần ew yang* như nhau, các lễ quan trọng như *Ppakap Haluw Kraung...* hai bên giáo sĩ đồng lòng bắt tay hành lễ? Hay có nơi nào đã đề ra một hệ trung dung là *Murdwon* cùng vui vẻ lễ cho cả hai bộ phận tín đồ? Có lẽ không đâu cả. Sự hỗn dung và tiếp biến tín ngưỡng bản địa tiền tôn giáo với năm tôn giáo nhập cảng xen kẽ và chồng chéo tạo thành thực thể vừa đa dạng vừa phức hợp sinh động, hòa quyện nhuần nhị trong đời sống tâm linh Chăm.

Ở Bani, năm điều luật cơ bản của Hồi giáo hoàn toàn bị lãng quên. Bên cạnh tin Alwah, ta còn thờ cả thần Mura, Biển, Núi... và cúng ông bà tổ tiên; không còn nhớ chuyện hành hương Mecca; việc cầu nguyện mỗi ngày, ăn chay vào tháng Ramadan và công cuộc bố thí chỉ được thực hiện vào mùa *Ramurwan* có mỗi giới tu sĩ đảm đương; và nhất là Chăm Bani hoàn toàn theo chế độ mẫu hệ nên, đám cưới, đám tang đều theo họ mẹ.

Phía Bà-la-môn, luật Manou (Manava dharma) - thừa nhận chế độ đẳng cấp qua bốn loại màu sắc *varna* (Chăm gọi là *bar*): đẳng cấp

tầng lữ Bà-la-môn *brahmanes*, đẳng cấp chiến binh *kshatrya*, đẳng cấp nông dân, chăn nuôi và thương nhân *vaishya*, và đẳng cấp cuối cùng *sudra*, gồm tôi tớ, thợ thủ công - qua thời gian, đã bị Chăm chế biến đến không còn dấu vết chính thống. Sao mà rối rắm! Để tiện và gọn, Chăm chỉ còn phân tầng lớp *Áo trắng Aw kauk* gồm tất cả hàng giáo sĩ các loại và *Áo đen Aw juk* hay *Gaheh* là tín đồ. Những con người tài năng nhất xuất thân từ cả hai tầng lớp, đều có thể một tay một chân góp vào điều hành xã hội. Vô phân biệt.

Đó là tự do tôn giáo ở cấp độ cao đẳng. Đầu tiên, người khai sinh dân tộc là Ppo Inur Nurgar được đặt lên vị trí trên cùng. Khi Hồi giáo vào Champa, ông bà sẵn sàng dành cho Allah ngôi ghế đó, mời Ppo Inur Nurgar xuống hàng thứ hai. Ai nhất thì tôi thứ nhì. Rồi cùng đồng huy chương đồng là các vua có công được thần hóa: Ppo Klaung Girai, Ppo Rome, Ppo Xah Inur... Rất ư bình đẳng! Còn hàng triệu triệu linh hồn tổ tiên vui vẻ sum vầy trong *kut*. Chăm có *tháp bimong*, *chùa sang murgik*, có *nghĩa trang kut, ghur*, có *kinh sách tapuk agal* với đủ đầy nghi thức... Họ có thể đến và đi, thực hiện hay không một cách tự nguyện. Chăm có tôn giáo cho người bình dân, trí thức, cho trí tuệ và cả cho bậc trí huệ.

Đánh giá một dân tộc, không chỉ ở dân tộc đó sản sinh bao nhiêu vĩ nhân mà còn và nhất là ở họ đối xử với vĩ nhân của mình như thế nào? Ai biết đâu là đẳng cấp xuất thân của *Glong Anak*, *Pauh Catwai* ?

Tôi không học ở *Glong Anak* và *Pauh Catwai* gì cả ngoài cho tôi biết nhận mình là và học làm người Chăm, một Chăm đầy Chăm tính hay, nói như *Chân dung Cát*: Chăm bị con rồng liếm. Vậy thôi, cũng đã là nhiều.

Khi thất vọng với bao chuyện văn chương chữ nghĩa, hay quần bách qua mấy nỗi Chăm và nỗi người, trái tim tôi tan chảy giữa chán nản không lối thoát, tôi tìm về *Glong Anak*. Tắm gội lần nữa nơi

nguồn suối trình nguyên của cảm xúc và tư tưởng. Tôi học lại bài học đau khổ và yêu thương ban đầu từ quá khứ. Một truyền thống quá khứ không phải là thứ trật tự lớp lang gồm những sự kiện - lịch sử đất nước kinh qua hay tổng hợp/ chiết trung các thành tựu văn hóa dân tộc đạt được - chỉ là tiện ích cho sử học nhà trường hay toan tính thực dụng cuộc sống thường nhật không hơn - mà, truyền thống được coi như một lối đi dẫn về nguồn suối uyên nguyên nơi ấy những phạm trù và khái niệm truyền thống phần nào đó được [tiếp nhận và] sáng tạo cách đích thực (Heidegger).

Đó chính là sử tính *Geschichtlichkeit*.

Từ giữa lòng sử tính đó, *đứa con của Đất* được thông điệp triệu vời để canh giữ thông điệp. Không như một thủ kho. Càng không trách vụ đội trên đầu thông điệp. Mà là đối thoại thẳm thì với thông điệp và được thông điệp phoir mở và trao tay phần ẩn ngôn chưa được minh giải của nó. Từ đó, *đứa con* mang tinh thần thông điệp đi vào lòng đời.

Tinh thần thông điệp thể hiện sinh động qua nhiều thể cách, linh thánh và trần tục, vừa thiêng liêng cao cả vừa gần gũi đời thường, to lớn bên cạnh nhỏ bé, nghiêm trang mà xuề xòa. Ppo Klaung Girai, Ppo Rome, hay Ppo Hanim Pơr, Nai Tangya Bia Atapah,... là các vị vua tài ba, anh hùng, liệt nữ được thần thánh hóa. Công đức chư vị được ông bà truyền tụng trong các *damnury* tụng lên vào những dịp đại lễ long trọng, linh thánh. Thế nhưng lý lịch chư vị được nghệ sĩ Chăm đời thường hóa tối đa. Từ Cei Xit (Ppo Rome) cho chí Cei Tathun (Ppo Klaung Girai: thế kỉ mười hai):

Inur lwak di lok dwa tơi

Inur wơk nugar, cei dauk murtwei...

Amik nau nugar dauk jwa

Hu muk taha ppok ba ppamum...

*Rang dauk mur-in hu bban
Tathun ngap sa tian ala rajam kadauh...
Ceï dauk ppablei bak pluh
Ribuw jien rituh raung muk taha...
Mẹ hai lần hóa thân
Mẹ về quê hương, bỏ chú lại...
Mẹ bỏ xứ điêu tàn
Có bà thương, ẵm chú bú nhờ...
Người chơi người có bạn
Tathun ta kết bạn với giàn bầu...
Bán ốc, chú ngồi nán
Cho đủ số bạc, nuôi bà già...*

Cả lối hành xử và sinh hoạt của các Ppo, Cei, Bia cũng thế. Ppo Tang Ahauk thất bại, ông tìm lãng quên đời, quên người *Tamur darak pwoe jhak/ Murnhum alak Ong Wor Palei Vào chợ*, ông nói ngang/*Uống rượu tràn, ông quên quê hương*. Cei Xah Bin Bingu, vị tướng tài ba thời Ppo Rome, thì khác. Rũ bỏ triều đình, chỉ có cái liếc mắt với tiếng cười nói của đàn bà mới làm nguôi ngoai buồn ông *Ceï nau mur-in Jamuw/ Karah di canuw ppakrur kamei/ Dara Jamuw siam đêi Chú đi chơi Jamơu/ Nhấn đeo tay, chú ta cời tặng/ Gái Jamơu xinh lắm....* Ppo Hanim Pơr thất bại và thất tình:

*Hajan học hư jwai murnhi
Dalam thun ni ai krüh muryut
Hajan học hư jwai taduw
Bilan biruw ai krüh muryut
Mưa ơi mi đừng rơi
Đầu năm nay anh đang yêu khổ
Mưa ơi mi đừng bỏ*

Vào tháng mới anh đang yêu đau

Ông đánh bạn cùng mây trời và chung rượu *Ppo nau mur-in biak* / *Grop nugar Ppo nau mur-in* Ngài đi chơi đủ cả/ Khắp miền xứ sở, Ngài rong chơi... *Murnhum di cawan ak thruk/ Murnhum di jaluk hak cei takrur* Uống bằng chung chẳng thỏa/ Nghe khoái lạ, chú tu bằng bát. Hay dẫn mình vào cuộc cờ bạt mạng, bất kể với người Thượng hay Kinh *Mur-in jien saung Ywon wok ka/ Mur-in laung kadha biai gop mur-in* Chơi bạc với người Kinh/ Thử phép linh rồi mới ăn tiền. Như thế ông đang sống ở thế kỉ cuối của thiên kỉ thứ hai vậy!

Có rất ít dấu vết sử học trong *damnury* Chăm. Quá khứ, hiện tại và tương lai, sự thật và tưởng tượng vô ngại đi-về trong cái nói của ngôn ngữ thi ca. Thi ca của lễ hội linh thánh. Đây là sáng tạo đặc kì của các *Murdwon*, chủ lễ điều hành cuộc lễ vừa là một nghệ sĩ thượng thặng, khả năng chơi thuần thục mọi nhạc cụ, ca sĩ đồng thời là vũ công. Chính danh, ông là thi sĩ chân tính. Tiếp nhận truyền thống trong tinh thần mở, ông sáng tạo và tái tạo lịch sử. Trong không gian linh thiêng của lễ, làm môi giới mời thần thánh đi về cõi người, nhiếp dẫn con người tiếp cận cõi miền thiêng liêng, qua cái nói của ngôn ngữ thơ ca. Cái nói này thay đổi qua mỗi thời đoạn của cuộc đời ông, thậm chí qua mỗi cuộc lễ. Thay đổi, nhưng nguyên lai tính yếu của huyền sử vẫn xuyên suốt. Đó là lễ dịch và hằng. Dịch mà hằng. Dịch để hằng.

Chẳng có gì trầm trọng cả. Trong giai đoạn khốn cùng của lịch sử, những lúc chìm tận đáy đau khổ và tuyệt vọng, Chăm vẫn biết cười. Cả tôi cũng vậy. Ở mọi nơi tôi đến, tôi cứ nhận mình là Chăm - khoái hoạt! Tôi không cho Chăm ngon hơn dân tộc nào đó, cũng không phải thông minh hơn, cao đại hay ưu việt hơn. Tôi không hiểu tại sao mình khoái hoạt. Cũng chả thấy cần thiết phải tìm hiểu tại sao. Còn nếu có ai đó chối mình là Chăm, thay tên hoặc dùng dao lam cạo họ Chăm trên thẻ căn cước, là quyền của họ. Tôi không quan tâm sự

chọn lựa đó. Khi chọn lựa là có sự tính toán lui tới, thiệt hơn. Tôi, không! Tôi yêu thương, vô ngại trong tình thương. Giữa cao ốc Sài Gòn toàn Kinh hay trong chòi rách gia đình Miền miền Tây, tôi vẫn sự sự vô ngại. Một bạn văn ở Úc lần ghé nhà tôi chuyện bao đồng, đùa là: “Tôi thấy Sara rất hãnh diện khi kể mình có bà vợ hơn tám tuổi.” Ông đúng. Tôi kể nó một cách vui vẻ, khoái hoạt. Vậy thôi. Hầu như tất cả mọi chuyện, tại bất kì đâu, với bất kì ai. Trước hội trường nghị người hay chỉ với vài bạn thân giao. Hoặc tôi thoải mái ở đó, hoặc tôi bỏ đi. Tôi không bao giờ mặc cảm hay ức chế điều gì đó.

Tôi chưa bao giờ cảm thấy mình khổ cả.

Giai thoại vui: Ông anh thi sĩ Jalau trong một chiều lai rai, than rằng chưa có ai khổ như anh. Tay bạn hôm Cần Thơ xa nhà ghé mượn tiền, mình đưa hết cho nó, ba buổi sáng thèm cà phê muốn chết đi được. Kay Amurh mới nói là giữa anh em mình thôi, tôi chưa thấy ai khổ như Sara! Thế là anh sắp đặt một hơi một thể vụ tôi làm rau muống, gánh phân, giã gạo, đạp xe qua mấy làng xó xỉnh chích heo chạy bữa qua ngày. Tôi nói tôi chưa bao giờ khổ cả! Không ai từng nửa lần thấy tôi than phiền về vụ đó. Tôi luôn làm công việc nào bất kì với tối đa nhiệt tình. Vui vẻ và khoái hoạt.

Sau đó ném bỏ tất cả. Và đi.

Như *Gleng Anak* đã ra đi. Nhẹ nhõm và vĩnh viễn.

LỊCH SỬ NHƯ LÀ MỞ HỔ LỚN

Baganrac ám ảnh tôi lạ. Như ma. Một dụng cụ thắt bằng sợi lát dài năm tấc, rộng và cao ba tấc, có hình dáng thánh đường, như *ciet paung* Chăm dùng đựng sách. *Baganrac* chứa tất tần tật đồ dùng hành lễ của *Ppo Dhya* như *ganraum mǎo, giầy, tràng hạt, nhẫn...* Từ *Kate, Cabbur* cho đến mọi cuộc lễ liên quan đến cấp *Paxeh*. Với một *gai mong cây trượng*, vị Cả sư Bà-la-môn Chăm ôm nó theo mình, chạy giặc và hành lễ. Chạy giặc, qua bao nhiêu đường rừng, băng sông, suối, cánh đồng, đồi, núi.

- Nó là biểu tượng của tháp và được dùng thay cho tháp, khi Cả sư và cư dân Chăm không thể trở lại ngôi tháp để hành lễ tạ ơn. *Baganrac* với Chăm là một nhà thờ di động, - *Dhya Hán Bằng* nói.

- Bác đã lần nào dùng đến *Baganrac* này chưa?

- Một lần, vào *Kate* năm 1973, khi có vụ tranh *Dhya*. - Bác nói, đôi mắt buồn buồn. - Nhưng chưa phải dùng tới. Cụ cố nội thì có...

Baganrac là vật bất li *Danauk Chốn cư ngụ* của Cả sư Bà-la-môn. Nó chỉ rời nhà khi ông cần làm lễ *Tǎy uế nhà cửa Balih sang* hay lễ *Tamur kut Nhập kut*. Năm 1973, cộng đồng Chăm huyện An Phước xảy ra vụ tranh *Dhy a* do tinh thần tùy tiện Chăm lẫn vài ngộ nhận. *Dhya Hán Bằng* mang theo *Baganrac* trừ bị. Ơn trời, sự cố buồn thảm ấy đã không xảy ra.

- Lâu nay, chỉ khi chạy giặc, tiên tổ mới động đến. Ví vào “thời bình” như thế này mà phải dùng tới phương sách đó, tội với tiên tổ

lắm!

Tôi nhìn kĩ *Baganrac* ông đang mở ra chuẩn bị hành lễ, rồi nhìn sang cây trượng. *Baganrac* cũ sần, cây trượng cũng đã quá mòn. Bao cuộc chạy cù cớ ông trải qua, chịu đựng. Họ trốn vào rừng sâu, tìm một bóng cây cao, giở *Baganrac* ra hành lễ với vài trăm thậm chí, vài chục tín đồ sót lại. Cúng vái, lâm râm cầu nguyện thần *Yang* sao cho *Kate* sang năm được bình an trở lại ngôi tháp họ vừa rời bỏ.

Bao nhiêu là tháp. Chăm đến đâu xây tháp đó. Tháp, như chứng nhân cho câu chuyện kể. Tháp để thờ phụng, cúng tế. Ngay đầu thế kỉ mười chín, Twon Phauw từ Mecca trở về Mali chiêu binh luyện võ mưu phục quốc, công việc đầu tiên ông làm là: xây tháp.

Twon Phauw ngap kalan piơh angan

Tagok ray dalipan harei ka bwoi ew norapat

Twon Phauw dựng tháp lưu danh

Lên ngôi tám ngày cho thần dân tôn xưng hoàng thượng

Vậy thôi. Chuyện thắng bại tính sau. Từ Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Định, Bình Thuận cho đến Vũng Tàu. Tháp xây dờ dang như *Yang Pakran* Ba Tháp hay dựng vội vã như tháp Ppo Rome. Dựng để hành lễ rồi... *được di kalin chạy giặc*.

Kể rằng, Ba Tháp không được thờ cúng nên thành tháp hoang, bởi Chăm cho đó không là của mình. Nó là của Khmer. Qua cuộc thi xây tháp. Chân Lạp muốn tranh tài với Champa, kéo đến cả vạn công nhân ngày đêm thi công. Ppo Klaung Girai mãi suy nghĩ tính độ chênh cho con Đập Nha Trinh dẫn thủy nhập điền tưới đồng Panduranga. Ba ngôi tháp Khmer từ từ vươn lên uy nghi và chắc nịch giữa cánh đồng xanh ngát, chỉ mỗi thao tác cuối là khoét cửa đặt tượng nữa là xong. Là tiêu đời uy tín nghệ thuật Champa. Trong lúc trên kia Đồi Trầu *Bbon Hala* vẫn trống trơn. Không thầy không thợ, chỉ có giàn giáo chông chơ dưới nắng trời. Như thần, sáng sớm

ting mơ, ba ngôi tháp đã sừng sững đầy kiêu hãnh mọc dậy trên ngọn đồi. Người Khmer làm lủi kéo nhau về nước, không kèn trống tiễn đưa.

Đó là tháp bằng giấy do vị vua này cho dựng lên để đối phó với giặc ngoại xâm. Sự thật thì, Yang Pakran là một kiến trúc đang dở ở thế kỉ thứ chín giữa cuộc thế tao loạn. Không cửa, không tượng thần thì không người thờ, thế thôi. *Công trình kể xiết mấy mươi*, với bao nhiêu là ý tưởng và công sức đổ sông đổ biển. Chỉ còn lại khối gạch lù lù vô hồn, không ai viếng, không kẻ thờ tự. Ngàn năm qua.

Câu chuyện tôi kể lại với Phương vào mùa hè năm 2002. Tôi đèo em trên chiếc Dream ngược lên làng *Bal Riya* Bính Nghĩa cách đó mươi cây số.

- Sara có cô bạn rất Chăm, - một ông cụ nói.

- Apsara của cháu đấy. - Tôi quay sang nhìn người bạn: Apsara, đúng. Tôi như muốn kêu lên. Nâu, mỏng manh, buồn và đẹp bí ẩn.

Cựa mình ra lòng đá

Nụ cười phiêu lãng trên môi

Mang hình hài vũ nữ

Qua miền cuộc lữ rong chơi đất trần

Hai bức tượng vũ nữ Chăm Trà Kiệu anh Chỉnh sao cho tôi bằng chất liệu sa thạch quê anh cũng mỏng mảnh như thế. Cả hai đều bị gãy. Nó không cố thủ mà phô phang ra cỗi trần tất cả vẻ đẹp của đường cong. Rất dễ vỡ.

Lúc đó bài thơ “Apsara - vũ nữ Chăm” Amur Nhân phổ nhạc đang được hát khắp thôn xóm. Ngôi tháp trung tâm của Yang Pakran đã đổ. Cuối thế kỉ mười chín, người Pháp và quan chức địa phương đã phá phần trên của tháp lấy gạch lót đường cái quan. Hết người địa phương quanh gò đồi Dương Long mãi cuối đời *bảo tồn và phát huy* vẫn còn đào gạch tháp về làm chuồng heo, nhà bếp. Công trình nghệ

thuật kham sao nổi trước vô tâm của loài người. Cây cối cùng mấy
lùm gai xương rồng cổ thụ đã được dọn sạch. Không như thập niên
bảy mươi, mỗi lần đạp xe cà-rem ngang, tháp luôn dậy trong tôi nỗi
bí hiểm.

Tháp hoang

như thỉnh linh mọc lên từ đất

lông lá – âm u – dọa nạt

Tháp hoang

nổi cộm giữa chiều trời ma quái

ung nhọt trên làn da mềm mại

thảm rừng già xanh

Tháp hoang

đột ngột xô tôi về đối mặt

quá khứ

lao xao bày dơi đen

Tháp hoang

người bỏ rơi – lịch sử bỏ quên

bước chân thời gian thì nhớ

Tháp hoang

như quen thân – như xa lạ

hồn người xưa vỡ dòng máu ứ

Mốt mai

khi bất chợt bác tiều phu nhớ

dân buôn lậu nhớ – nhà viết sử nhớ

hồn tháp đã bay xa.

(Tháp nắng, 1996)

- *Bal Riya Thủ đô lớn*, - ông cụ kể, - nơi chôn nhau cắt rốn của *Ppo Bin Swor* Chế Bồng Nga. Dân làng kiêng thịt heo lẫn bò, theo gương nhà quân sự tài ba trong ý hướng quy tụ lực lượng cả Chăm Bà-la-môn lẫn Chăm Hồi giáo vào cuộc. Khác với Caklaing nơi chào đời của vị vua kinh bang tế thế, Bal Riya là làng của tướng lĩnh. Hai mặt giáp biển và đồng bằng, lưng dựa vào núi. Về phía Đông bên kia rặng núi là Vĩnh Hi, một cảng vịnh đẹp rực. Vẫn chưa hiểu tại sao Chăm không xây tháp thờ Chế Bồng Nga, mà chỉ có đền thờ hoàng hậu vợ ông nằm sâu trong núi. Tránh bị trả thù chăng?

Lịch sử là thứ mù mờ như đi đêm. Chỉ tinh thần dân tộc là có thực.

Tao loạn và dang dở, nhưng không bao giờ thiếu kiêu hãnh.

- Cô độc, hiên ngang và kiêu hãnh. Lạ lắm anh à, em luôn cảm nhận thế khi nhìn tháp Chăm. - Thu Nguyệt nói - Lần đầu và cả mấy lần sau đó, không đổi. Không giống Mỹ Sơn như thế co cụm lại để tự vệ, chỉ ích dụng cho nhà sư ẩn tu, tháp là của con người, rất nhân bản.

- Cái đẹp của tháp Chăm biến thiên theo thời gian, cùng cuộc thịnh suy đất nước. Đẹp của Dương Long là đẹp kiêu hãnh đầy nhuệ khí, Ppo Klaung Girai đẹp toàn bích, còn của Ppo Rome đích thị là cái đẹp suy tàn.

- Ý nghĩ rất lạ, lần đầu em nghe thấy, - nữ nhà thơ đất Đồng Tháp nói.

Xe con đưa chúng tôi ngược lên Hữu Đức. Tôi trở về phía làng Thon, hướng tầm mắt các bạn về ngọn đồi thấp ngoi lên ngôi tháp nhỏ, đậm.

- Ppo Rome có bốn vợ. Vợ đầu người Chăm, là điều phải thế rồi. Vợ thứ người *Rađaiy Êđê*, như một cách tranh thủ lực lượng dân tộc miền cao. Để mở rộng bang giao quốc tế, ông sang Kelantan lấy thêm bà nữa. Cạnh đó, với mục đích tỏ tình giao hảo với Đại Việt,

ông chấp nhận lấy công chúa Ngọc Khoa làm vợ. Chăm gọi bà này là *Bia Ut*.

- Chứ không phải hám lạ à? - một bạn văn hỏi đùa.

- Khó tránh vụ đó được, - tôi nói. - Cờ đến tay, ngài cũng đâu có chừa. Ông là vị vua văn võ song toàn cuối cùng. Nhưng tương kế tựu kế, chớ gì Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên chịu cho không biếu không con gái cưng! Sau khi tin Ngọc Khoa phá nát nội bộ triều đình địch, Chúa Sãi xua quân xâm chiếm Champa, giết chết Ppo Rome.

Ông chết, con cái dòng máu Malaysia vội vã lên thuyền về quê ngoại. Bia Than Cih vợ cả không chịu lên giàn hỏa, tượng bà bị cho nằm nhà ngoài, riêng tượng Bia Than Can được dựng ngay trong lòng tháp, cạnh ông chồng - ấm ấ. Ấm ấ cho đến cuối thế kỉ hai mươi, bọn trộm cạy cửa cấp đi ngay trong đêm linh thánh Katê 6-10-1994. Trước đó, ngày 20-7-1991, vợ cả ông bị cắt đôi ngang phần dưới bụng, búng đi. Bà báo mộng cho hay mình đang nằm cô đơn lạnh lẽo tại góc đài liệt sĩ huyện Ninh Phước, cách tháp tám cây số đường chim bay. Thế là hôm sau bà mới được quay trở về ráp nối với thân mình còn dính lại ở bệ tượng, để rồi cuối rốt cũng đã theo nỗi tham sân si của loài người biệt tích vào ngày 11-3-1993. Riêng tượng Bia Ut nằm chống khu ngoài đồng trống chẳng ai ngó ngang tới. Chăm ghét bỏ bà làm cho nước họ mất, đã hành xử thế. Họa sĩ Đàng Năng Thọ bằng con mắt nhà nghề cho đấy là bức bị hư trong quá trình đục đẽo, được mang chôn giấu trong rừng. Rừng bị phá khiến tượng lộ thiên là chuyện của sau này. Bởi nó cùng phong cách tượng Bia Than Can. Chăm oán Ppo Rome, mỗi lần la con cháu cứ réo tên ông ra mà rửa. Như một cách giáo dục bọn trẻ. Oán thì oán, nhưng thờ cứ thờ.

Lịch sử là mớ vô trật tự hổ lốn. Nó không trôi êm ả, phẳng lặng mà luôn dịch biến bất ngờ và bị/ được kể đầy sai biệt.

Định mệnh của vị vua mất nước càng thê thảm hơn. Trước tiên là cửa chính ngôi tháp bằng đá bị đập vỡ hồi đầu thập niên năm mươi của thế kỉ trước được thay bằng cửa gỗ. Cùng năm tháng đó, tượng Shiva ở cửa chính diện biến tiêu vô tầm tích. Đau hơn nữa là sự cố 1982, vương miện ngài với hơn hai cân bảy vàng ròng bị hai tên Chàm gian chính hiệu đánh cắp ngay tại ngôi miếu nằm trong làng Hậu Sanh. Ppo Rome đã phải chịu cảnh đơn chiếc trong lòng tháp lạnh. Vương miện không còn, một bà vợ được ông cưng chiều nhất phản bội ông, ba bà vợ bị mất, cả châu thân ngài cũng bị đục sứt mũi, mẻ trán. Rồi còn gì nữa, ngày mai? Một thân phận tội nghiệp, như tháp mang tên ngài ẩn một vẻ đẹp suy tàn tội nghiệp.

Xe dừng trước nhà Trà Vigia, cách một con mương.

- Mương đục đấy, liệu liệu nhé! - tôi nói. Có tiếng khúc khích của quý bà sau lưng.

Chuyện kể thời vua Ppo Klaung Girai, cánh đàn ông nổi hứng vùng dậy đòi lật chế độ mẫu hệ. Đất nước mỗi năm mỗi yếu nhược. Người Đại Việt cứ muốn ăn hiếp. Được thôi, ngài bảo. Thử mới biết. Thế là ngài cho mở cuộc thi tài: Thi đào mương. Quý bà phía Bắc, quý ông bên Nam, dẫn thủy tưới hai vùng đồng ruộng Phan Rang thừa phù sa nhưng ngàn đời thiếu nước. Cuộc người muôn năm lặp lại, quý ông mê gái, chẳng những bỏ bê việc mình còn giúp đẩy tiến độ bên quý bà đi nhanh hơn. Thế là thua cuộc. Thua cuộc suốt tám thế kỉ, mãi khi Mỹ bắt Nhật bồi thường chiến tranh vào cuối thập niên sáu mươi của thế kỉ hai mươi, hành trình Mương Đục Mương Cái mới chịu kết thúc. Chuyện đùa, khu đất con mương đi qua toàn sỏi đá với gò đồi, đã từng làm đứt cả nửa chục xích xe ủi hiện đại của Nhật, thì bàn tay người với xẻng cuốc đào sao mà đào! Dù gì thì gì, với tưởng tượng dân gian, nó cũng thành câu chuyện. Lịch sử và huyền sử chồng lấp nhau chẳng biết đâu mà lần.

Về quê Chăm, nhà văn khoái khách sạn nhiều tiện nghi hơn trú lại nhà dân, thích làm khách sang của gia đình sang trọng hơn là lặn xả vào chốn nghèo hèn và, đáng nói hơn cả là - luôn gánh cả đồng chuyện văn chương chữ nghĩa ở tận thành phố theo mình. Hiếm ai tạo được “những ngày rỗng” toàn triệt để thu vào tầm mắt đất trời Phan Rang lạ lẫm, tò mò tìm biết bí ẩn những mảnh vụn của nền văn hóa Champa, lắng nghe câu chuyện Chăm, cảm thông bao tâm hồn cô đơn và kiêu hãnh Chăm. Nhà văn chưa học biết cời bỏ cô gái ở lại bên này bờ sông, mà một mực vác nàng theo suốt hành trình chữ nghĩa nặng nhọc!

Một giờ trưa, mưa đổ ào xuống, đột ngột.

“Katê nào cũng mưa”, tên một truyện ngắn của Jalau. Mưa rửa đất trời, làng mạc, con người. Mưa tẩy sạch tư tưởng nhỏ nhen, giấc mơ đen tối. Bà con Chăm cùng khách thập phương ra đầu làng Hamu Tanran xem *Rauk khan aw Ppo Yang Lễ đón y trang*. Chạy giặc, nhà vua mang tất cả của cải gởi người Raglai con út vua, Chăm nghĩ thế. Đáng tin và an toàn. Lệ từ ngàn xưa để lại. Đến ngày cuối chót của tháng Sáu Chăm lịch, họ đội áo lễ xuống núi. Mỗi tháp có một dòng họ Raglai cất giữ.

Kate di bingun Cabbur di klom

Katê vào thượng tuần, Chabun vào hạ tuần

Vài mươi năm trước, rất ít người hay gia đình ăn Katê. Chỉ những người *bbon Yang hứa với thần*, lo sắm sửa lễ vật trả nợ thần. Cả vào ngày hôm sau, khi bà con trở về cúng lễ tại làng hay sau đó, tại nhà cũng thế. Katê có thể kéo dài cả tháng, trong không khí yên ắng khiêm cung. Khía cạnh nào đó, Katê còn kém thế hơn Rija Nugar.

Katê chỉ là Katê lễ. Mãi đến cuối những năm sáu mươi của thế kỉ trước, khi đoàn học sinh trường Trung học Pô-Klong được hiệu trưởng Thành Phú Bá dẫn lên tháp Ppo Klaung Girai múa hát góp

vui, ba năm thành lệ, tháp vừa trở thành khu đất hành lễ đồng thời một di tích văn hóa để người đời thưởng lãm. Nữa, khi Caklaing mổ trâu tổ chức linh đình Katê ở *palei*, Katê từ từ lan xa, lan rộng hơn rồi nghiêm nhiên trở thành ngày lễ được xem là lớn nhất của dân tộc. Từ đó nhà nhà ăn Katê, người người đón Katê. Khắp khởi và cả kiêu hãnh.

Katê lễ đã là Katê hội, lễ hội Katê!

Nhu cầu sinh hoạt văn hóa, Katê hội chuyển về Hữu Đức, làng Chăm lớn và đông dân nhất. Hamu Tanran mở vòng tay đón nhận bà con làng xa, khách quý cả trong lẫn ngoài nước đến với mình. Nói thế không phải chỉ có Hữu Đức mới ăn Katê lớn; Hoài Trung hay Vụ Bản, Cauk hay Kacak vài lần cũng đã làm to rất đáng mặt. Rồi Caklaing năm 1998 đã trình diễn *Đêm văn nghệ dân gian* đầu tiên, cũng là một góp công làm cho Katê thêm vị. Xuôi vào trong, Tuy Phong hơn một lần tổ chức thi đua các trò chơi dân gian khá bắt mắt, Phan Rí với truyền thống Katê tại nhà bà Nguyễn Thị Thềm - công chúa cuối cùng của vương triều Champa, đã thu hút không ít khách thập phương đến với lễ hội.

Có lễ hội là có hành hương. Những cuộc hành hương từ các làng Chăm Panduranga đến la Trang tháp Ppo Nugar mười năm qua chưa một lần đứt quãng. Murdwon Hán Phải kể thời Pháp thuộc và trước đó nữa, Chăm phải lội bộ mất hai ngày một đêm mới tới thánh địa hành lễ. Chiến tranh tràn lan, cấp *Paxeh* thỉnh Yang về miếu Ppo Inur Nugar tại *Hamu Ram* La Chũ rồi cuối cùng lượt nữa, dời về Hữu Đức. Nhưng nỗi nhớ đất thánh xưa vẫn âm ỉ cháy. Đầu những năm chín mươi của thế kỉ hai mươi, đường thông xe thoáng, Chăm lại hành hương cố đô la Trang, ngày càng đông hơn. Dù ở đó, Tháp Bà đã mang dáng dấp Việt, các lễ tục gần như đã Việt hóa. Bia Võ Cạnh ghi năm 192 giữ kỉ lục bia chữ Phạn đầu tiên Đông Nam Á hiện đang đứng đơn độc trước sân Bảo tàng Hà Nội, thay vào đó là văn bia

tiếng Việt của Phan Thanh Giản qua năm tháng đã nhạt nhòa chữ với nghĩa. Tượng Ppo Nugar được vẽ mặt hết nghệ sĩ hát bội hay cải lương! Lễ lạt với nhang khói. Nhưng không sao. Chăm nghĩ Ppo Inur Nugar là của mình. Không phải bằng sử sách mà từ thẳm sâu tâm linh và máu thịt huyền ảo.

Katê xuất phát điểm từ Chăm Bà-la-môn giáo. Từ cuộc lễ cử hành tại tháp, các bài cúng tế liên quan các vị thần Shiva, Vishnu,... đến người chủ lễ là *Ppo Dhya* thuộc *Cam Ahier*, đều mang yếu tố Bà-la-môn. Nhất là hôm nay đại đa số cộng đồng Chăm lên cúng tại tháp là Chăm Bà-la-môn. Nhưng sao lại có cả Chăm Bani cũng liên can: lên tháp cúng dường, khấn vái?

Bà-la-môn vào Champa trước Hồi giáo, cả tộc Chăm đều làm Katê. Chỉ khi đạo Hồi du nhập vào Champa, một bộ phận không nhỏ Chăm theo đạo mới. Quốc vương là quốc vương chung, không phân biệt. Khi các vị vua này được thần hóa, thì Chăm thuộc hai bộ phận tôn giáo cùng phục vụ. Chăm vay Bà-la-môn theo điệu riêng rất tùy hứng, nên dấu vết tôn giáo có nguồn gốc Ấn Độ hết mang sắc thái tôn giáo mà nhuộm nhiều màu sắc dân gian, nên bộ phận người Chăm Bani vẫn phục dịch và làm các lễ bái Bà-la-môn không ngại ngần. Hồi giáo Bani vui vẻ phục vụ lễ Katê. Hai nhà coi Katê như là tín ngưỡng chung của dân tộc. Cuối cùng, sau thời Ppo Rome, người Chăm thuộc hai bộ phận tôn giáo đều qua lại phụng sự nhau hài hòa và hòa đồng. Đến mùa *Ramurwan*, Chăm Bà-la-môn đội bánh trái qua *Sang Murgik* cúng dường các *Ppo Acar*, hay sau lễ Rija Nugar, *Cam Ahier* rước thầy *Acar* Bani về tận nhà cúng tế.

Katê thuộc Chăm Bà-la-môn, qua biến thiên lịch sử, đã thành lễ hội chung, không phân biệt *Ahier* hay *Awal*. Bên cạnh Katê, Chăm còn có lễ Cabbur tổ chức vào đầu nửa cuối tháng Chín Chăm lịch, để tưởng niệm và tạ ơn mẹ. Ít người biết tới, nên nó không biến thành hội, dù trước kia nó thuộc hàng vai vế.

So với Tết Nguyên đán, Rija Nugar mới là “Tết” Chăm, chứ không phải Katê. Rija Nugar mang ý nghĩa tẩy rửa tống khứ cái xấu xa ra khỏi làng, khỏi cộng đồng để đón nhận mọi điều tốt lành vào *palei*. Ở đây, tất cả người Chăm không phân biệt tín ngưỡng tham dự. Ngoài đôi ba khác biệt nhỏ, họ hành lễ như nhau, cùng ngày và cùng cách thức. Nhưng Rija Nugar vẫn cứ đều hui. Do nổi văn hóa du lịch nở rộ, Katê ngày càng lễ hội hóa. Katê có lên tháp, nó lôi cuốn giới trẻ, thu hút du khách làm cho hai tiếng Katê trở nên nổi tiếng. Mọi người đồng lòng giơ tay kêu nó: Tết Chăm. Dân gian cứ thế mà xài.

Nếu Katê được gọi là Tết Chăm nói chung thì Chăm Bànì có Tết riêng của mình: Ramurwan! Ram là một *palei* Chăm Bànì thuộc tỉnh Ninh Thuận, nằm cạnh quốc lộ số Một, cách thị xã Phan Rang mười hai cây số về hướng Nam. Thời Tây Sơn, Văn Lâm tọa lạc miền duyên hải cách làng hiện tại khoảng gần hai giờ đi bộ. Ở đó còn lưu lại một *ghur yaw nghĩa trang cổ* đến bây giờ người làng vẫn còn thờ phụng. *Ghur* Ram thuộc bốn họ lớn, ngày xưa nằm gọn lỏn trong một khoảng rừng thưa, một bên là núi Chà Bang, bên kia là biển với bãi cát vàng trải dài. Không còn ai nhớ là bao giờ, khu nghĩa trang nằm xích về phía biển hơn, cạnh làng Sơn Hải hiện nay. Khi người Kinh qua định cư, dân Văn Lâm phải dời *ghur* lên, để giữ sự thiêng liêng cần thiết.

Đó là năm 1996, tôi đang “dạy” Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, dẫn ba sinh viên nước ngoài đi thực tế. Thực tế Ramurwan Chăm. Khi chúng tôi đến nơi thì mặt trời đã lên cao. Lác đác có vài nhóm người đi lên, đi xuống. Nghĩa trang Bànì chỉ là mặt đất phẳng với hai hòn đá trơ cho mỗi mộ phần. Chúng nằm san sát nhau và chiếm khoảng không gian rất hẹp. Khu mộ dòng họ này chỉ cách dòng họ kia từ năm đến mười bước. Nên một sào đất có thể chứa được cả ngàn mộ phần. Hãy dành đất cho người sống! Khía cạnh này, Chăm Bà-la-môn còn thực thi tinh thần tiết kiệm đến độ quyết

liệt hơn nữa. *Kut* với chưa tới một sào đất đã có thể cưu mang cả vạn, thậm chí cả triệu hài cốt người quá cố, nếu dòng họ không vì lý do nào đó mà tàn mạt, mất đi người phụ nữ cuối cùng của mình.

Mấy tháng khô hạn nên không bụi cỏ nào mọc để phải giẫy. Người ta dọn đi mấy lớp lá rừng khô và phủ lại mặt cát cho bằng. Lễ bái được thực hiện nhanh, chưa đầy mười phút cho một cuộc. Cấp *Acar* đọc kinh và con cháu quỳ lại, cầu khẩn. Thành kính, lặng lẽ. Nhóm này đứng lên rồi nhóm kia tiếp tục. Cứ thế, hơn năm mươi chi họ ở bảy làng Chăm Bani qua làm lễ. Có làng ở xa ba đến bốn mươi cây số. Họ đi bằng các phương tiện hiện đại. Không năm nào, không dòng họ nào bỏ quên ngày trọng đại này. Tưởng tượng trăm năm trước, tổ tiên phải băng qua đường rừng với chiếc xe trâu hoặc lội bộ để tìm về nguồn cội. *Ghur* như thể đất thiêng buộc ràng Chăm với quá khứ bằng một sợi dây vô hình nhưng bền chặt.

- Ở phía Nam dãy núi kia cũng có một nghĩa trang cổ nữa. Nhưng từ lâu rồi chẳng có ai qua lễ bái, bởi con cháu của dòng họ kia đã không còn, - ông Imưm Cờ trở tay về hướng Tây Nam, nói.

- Thế ở bên đó ngày xưa có làng Chăm không? - cô sinh viên Nhật hỏi.

- Đâu có *ghur* là có làng Chăm. Ngàn năm trước, chúng tôi từ Hơơk Kah Dhei chạy vào. Số tạt qua Cà Đú nơi có một nghĩa trang lớn, số dừng lại nơi đây, còn lại người có chiếc tàu lớn hơn chạy vô Phan Rí, vào Nam vượt sông La Ngà lên Tây Ninh, Châu Đốc để qua Campuchia.

Tôi nghĩ đấy là cách chấp nối các sự kiện đầy tính suy diễn dân gian.

Lịch sử luôn là câu chuyện bị đánh cắp.

Buổi chiều, chúng tôi đi xuống Thành Tín. Tên làng Cwah Patih gắn liền với một truyện cổ Chăm là *Xah Pakei - Mưh Rat*, biến thái

khác của trường ca *Ariya Xah Pakei*. Đây là một làng nghèo. Khoảng rừng thưa với hàng đụn cát trắng không cỏ lẫn át nhúm đồng lúa. Cát, nắng và gió. Ngọt ngọt, khó thở. Mấy khóm dừa khắng khiu, thưa thớt. Vài đứa trẻ bụng ỏng phơi trần dưới nắng. Ba bà già đầu đội thúng đi dọc triền nương. Từ đồi xa, nhóm cô gái đội củi hối hả về làng. Ngày mai, củi kia được đưa xuống Phan Rang cách *palei* nời cơm chín. Các đàn dê đàn bò kiên trì gặm cỏ khô...

Vẫn cảnh ấy ngàn năm qua. Thời gian đứng lại và ánh sáng vẫn minh như không chịu len lỏi tới xó xỉnh này. Không ít người hiểu biết đã trách họ và tự trách mình sao không chịu dời đi vùng đất mới, màu mỡ hơn, dễ thở hơn? Khi ở đây họ phải chịu đựng bụi và cát. Xa rừng, xa biển để có thể cậy nhờ bà mẹ thiên nhiên. “Khẩu phần tăng mà ruộng đất thì teo.” Trong khi họ không được nuôi heo là nguồn phụ thu quan trọng như các *palei* Chăm Bà-la-môn. Nhưng làm sao họ có thể bỏ *ghur* mà đi? Nỡ nào họ tự cắt đứt cuống rốn dưỡng nuôi tâm linh họ? Thiên tai, dịch họa. Bao lần họ chạy đi rồi lại trở về. Khổ đau, hao mất. Rồi lại bỏ đi. Nhưng không bao giờ dời đi vĩnh viễn. Tinh thần *ghur* là vậy!

Đây là làng có khu nghĩa trang tầm cỡ. Từng dãy, từng dãy hòn đá xếp hàng thẳng tắp nằm trên một bãi cát trắng. Phía Đông và phía Nam là những đụn cát trắng tạo cảnh vừa trang nghiêm vừa thơ mộng. Các cô cậu học viên lia lịa bấm máy. Một cậu còn đi tìm “người mẫu” cho bức ảnh nghệ thuật vào buổi tảo mộ sáng mai.

Tối, chúng tôi cuốc bộ qua làng Tuấn Tú. Mặt cát trở lạnh, kêu lạo xạo dưới bước chân người khách lạ. Đêm huyền bí và linh thánh. Vađim, sinh viên người Nga tụt lại phía sau, đột ngột reo lớn:

- Trời ơi, sao! Em chưa bao giờ thấy trời lấp sao thế.

Chúng tôi quay lại, đứng đợi anh.

- Đấy mới là tháng Ba. Vào giữa mùa hè, bầu trời trong hơn, sao sẽ sáng hơn và nhiều bội phần, - tôi nói.

Dưới ánh sao đêm, khu nghĩa trang Tuần Tú hiện lên mờ nhạt. Trong các *palei* Chăm, Tuần Tú gần bờ biển hơn cả. Nhưng dân làng không sống bằng nghề đi biển mà phải lặn lội với ruộng nương xâm canh nơi khác. Tàu đánh cá hay lực lượng thủy quân Champa hùng mạnh chỉ còn trong hoài niệm. Người nghĩ do quan quân thời Minh Mạng cho di dời dân Chăm vào sâu trong đất liền để người Java không dễ tiếp xúc, xuyên tạc; cấm Chăm đóng thuyền để họ không có cơ hội bỏ làng xóm ra đi. Một cụ già tuổi quá cổ lai hy nghĩ khác:

- Xưa nay chúng tôi ở đây và mãi mãi sẽ không bao giờ dời đi đâu cả. Dân quá nghèo thì làm gì đóng nổi thuyền để đánh bắt cá hay vượt biển. Còn các *palei* khác muốn sống cạnh núi là để dễ biến vào rừng khi có giặc giã thôi...

Chúng tôi im lặng nghe cụ kể về lịch sử hình thành *palei*, các biến cố, các nhân vật. Tôi như sống trở lại không khí cổ tích thời thơ ấu. Xa, rất xa xưa.

Sáng hôm sau, trong các nhóm đi tảo mộ, có cả Chăm Islam. Ở Ninh Thuận, bộ phận người Chăm theo tôn giáo này từ thập niên sáu mươi của thế kỉ trước, lại rút tín đồ từ ba làng Chăm Bànì. Ông cha họ chính là người Bànì, cùng máu mủ. Để tránh tiếng quên nguồn cội, họ không thể không lễ phần mộ các bậc sinh thành.

Vào tối cấp *Acar* nhập thánh đường chay tịnh, từng đoàn thiếu nữ với màu áo sặc sỡ đội mâm bánh trái đi dâng lễ. Các thiếu nữ Chăm với nước da bánh mật, lông mi dày và cong, cái nhìn sắc ngọt dưới ánh đèn điện sáng trưng đã tạo cho đêm Ramurwan sự rạo rực và vẻ huyền bí lạ lùng.

Tôi nói với các bạn văn, hãy học làm Chế Lan Viên: “*Một ngày biếc thị thành ta rời bỏ/ Quay về xem non nước giống dân Chăm...*” Rời bỏ *như là* rời bỏ. Rời bỏ tất, để quay về xem đúng nghĩa “về xem”. Đời sống một dân tộc không chủ ở chỗ tiệc tùng sang trọng, gặp các thành phần học thức, tại các vị trí luôn được chuẩn bị như thể một

đối phó, mà ở nơi chốn bất ngờ nhất, thành thật và sâu thẳm nhất.
Tôi dẫn đoàn nhập cuộc chơi theo đúng tinh thần đó, sau khi dự hội
ở tháp Ppo Klaung Girai hoành tráng nhận nhịp đầy chất phố thị...

Người đứng trên đồi trọc kia cô độc ngàn đời
như người, giữa hoang mạc người ta khát
khát khi trên tay ta ly bia sủi bọt
cả khi từ suối nguồn ta dòng nước mát tuôn tràn
Như ta, người mãi dõi nhìn về giáo đường xanh non
cô đơn với bầu dơi, cụm mây, khuôn mặt
cô đơn con mắt camera nhấp nháy, bài diễn văn ngợi ca
cô đơn trong chính định mệnh người
Như người
xa lạ với phố chợ mọc tràn
ta xa lạ lối mòn lang thang chiều rỗng
người xa lạ tiếng dùi đục vào thân thể, khoét tủy xương, lớp vữa
bôi trát lên da
ta xa lạ tiếng nói ta qua máy phát thanh, chữ viết ta trên trang sách
Ởi tháp!
người đứng đó – lặng câm
đám mây trắng lãng tử chán người đến
không thể khóc
chỉ lũ gió nhiệt tình trườn qua đỉnh đầu
người lơ thơ bạc
rít hoài điệu huênh hoang
Cũng như ta
đóng khung trong ngôi nhà ắp hơi ấm, nhưng tâm hồn gửi tận
miền giáo đường miên viễn

cơ nghiệp hôm nay ta dựng nên/ ta không thuộc về
đám ruộng này ta gieo vãi/ sẵn sàng ngoảnh đi
ngươi cầu nguyện cho người hôm nay, an ủi vỗ về người hôm
nay/ linh hồn ngươi thuộc về ngàn xưa cả ngàn sau nữa
buồn thăm thẳm ngươi là của hôm nay
(*Lễ Tẩy trần tháng Tư, 2002*)

Tài xế cho xe ngược qua tháp Ppo Rome. Lễ và người thân thiện, gần gũi và rất người. Không diễn văn khai mạc, không cả máy ảnh hay camera. Tháp, người và lễ hòa làm một với đất trời. Làm một, như khi chúng tôi bất ngờ ghé nhà anh Trăng giữa trưa ấy. Anh là siêu sao thể thao Trung học. Thuở đó, sắp trẻ chúng tôi cứ vỗ ngực xưng hùng: “Tao, Trăng đây” mỗi khi đi được một đường bóng ngon lành! Anh lên Thon theo vợ, mười năm không gặp. Một cái bàn gỗ tròn, thấp kê sơ sài dưới bóng cây *cang*. Thiếu “ghế”, thằng cháu xuống lưng ôm lên vài cục đá sần sùi. Nhà thơ Inrasara và các khách văn thành phố Nguyễn Hiệp, Thu Nguyệt, Hoàng Yến cùng an tọa. Gà luộc xé chấm muối ớt. Thế mà hay. Mà đậm tình.

Nai Tangya con nhà quý tộc nước tiếng đem lòng yêu một anh chàng khôi ngô tuấn tú có sức mạnh phi thường. Họ lao vào nhau cuồng nhiệt và mê mẩn, bất kể sự chưa rõ ràng lai lịch của nhau. Chàng hứa khi đã vợ chồng, sẽ cho xây đập to chặn nhánh phía Đông sông Đồng Nai Thượng, khai mương đưa nước tưới cả cánh đồng rộng lớn chạy từ đầu núi Đen tận đuôi núi Cabbang, làm giàu xứ sở. Không vị anh tài nào sống đất Phan Rang mà không bị ám bởi chuyện nước nôi ấy. Bỗng đêm nọ, sau trận mây mưa nồng đậm, chàng lăn ra ngủ vùi và... chuyện xảy ra. Trong khi âu yếm người tình, nàng Tangya rờ phải nơi thắt lưng chàng cái *kajauk*, một biểu tượng của người Raglai! Chỉ có người Raglai. Tangya choáng và lặng người. Nàng từ từ đứng dậy, lặng lẽ đi vào núi. Mở mắt choàng

dậy chẳng thấy người yêu đâu, Kei Kamau, đúng - tên chàng trai Raglai là thế - hối hả chạy đi tìm khắp đàng Đông đàng Tây. Được bà cụ già loắt choắt sỏi đời cho biết nguyên do, Kei Kamau dùng dùng nổi trận lôi đình. Chàng quơ vôi cây nỏ nhắm hướng nàng đi, bắn một phát kinh hồn khiến trái núi nứt đôi. Chàng bỏ đi, đi mãi. Bỏ lại sau lưng cuộc tình thất thố và công cuộc dẫn thủy nhập điền dở dang.

- Tự sự trữ tình Chăm bao giờ cũng vậy. Luôn dở dang và thất thố.

- Ai bảo mang tâm đối xử phân biệt cho khổ, - anh bạn nói.

- Không, tôi nói tự sự Chăm nhìn toàn cục, xuyên suốt. Chế Mân - Huyền Trân, Ppo Rome - Ngọc Khoa, cặp tình nhân trong *Ariya Cam* - *Bini* hay *Ariya Bini* - *Cam*, Xah Pakei - Mưh Rat, và cả Nai Tangya - Kei Kamau. Tài năng siêu quần, sắc đẹp xiêu đổ rồi trôi về đâu?

Thời chăn trâu, tôi từng theo anh Đạm lên núi Cabbang cao ngất. Anh dặn đi dặn lại:

- Mày nhớ chưa? Không nhại tiếng Raglai, không nói tục hay *nhauh maik chửi mẹ*.

- Thì anh mới nói *nhauh maik* đó thôi!

- Lỡ thì mày chớ đại nhắc lại. Ngài không ưa người Raglai. - Cha nói. - Mày có thấy ai mang túi lát, dao đeo thắt lưng không? Lên thác thì được, chớ núi này thì đừng hòeng. Nói bậy thì rấn mỗ, hổ vồ, lạc đường hay bà làm cho đau bụng có mà ôm bụng khóc.

Lối đi quanh co cheo leo nhưng rồi cũng lên tới. Có mỗi biểu tượng Linga cao chưa tới cầm trẻ con khếp nép dưới mái tôn sơ sài, tạm bợ. Phía Tây vách đá thẳng đứng. Phía Đông bên kia khoảng rừng thưa là những đám rẫy, lơ thơ tảng đá to từng cụm nhô lên như đàn trâu đang gặm cỏ. Xa nữa là màu biển xanh đậm. Tôi thử hỏi các bạn văn có biết tại sao biển ở đây xanh đậm và nước trong hơn các

nơi khác không? Thường thì họ nói mò. Dễ thôi, tính từ sông Dinh chảy qua thị xã Phan Rang đến sông Lòng Sông, cả trăm cây số mới có con sông đổ nước ngọt vào biển, mà xứ này lại hiếm mưa nữa. Cả cây gỗ cũng thế, trong khi vùng khác chỉ cần qua năm là đất cho được gỗ to bằng bắp chân, tại đây thì tốn gấp ba lần. Thế chẳng dân các nơi rất khoái gỗ Chà-bang, càng thích hơn nữa là *agha harok thuốc rẽ cây* ở địa phận này. Linh hết biết.

Nói chớ, Chăm chưa bao giờ bỏ bê bà cô đơn trên vùng núi quanh hiu đầy cộp beo thế kia. Hằng năm từ tháng Giêng đến hết tháng tư Chăm lịch bắt kể Bàn hay Bà-la-môn đều lên dâng ba miếng trầu tên *ppathuw kluw kapu hala* làm lễ tạ ơn bà, cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Rồi là hàng đoàn tín đồ hành hương. Như mấy ông bạn Tiến, Phăng, Xoài đội nắng làm cuộc hành hương vào mùa hè năm 2002.

Hành hương, Chăm mới biết vài năm nay. Chứ trước đó, họ làm và chẳng biết kêu nó là gì. *Nau ngap Yang Di cúng Thần*, vậy thôi. Như cuộc hành hương Mỹ Sơn năm xưa ấy. Đầy hứng thú, bồi hồi nhưng không thiếu bắp bênh, bắt trắc.

Hơn mười thế kỉ xây dựng, bảo vệ và vun đắp, cả khu vực Đông Nam Á không đâu có thánh địa mà sức thu hút mãnh liệt, trường kì và kì lạ đến thế, sống dai dẳng trong tâm thức dân tộc lâu bền như thế. Không đâu cả! Nhưng từ thế kỉ mười lăm, nó hoàn toàn bị đứt tuyệt trong kí ức con dân Chăm Panduranga, đến không còn dấu vết lưu lại trong bất kì dòng thơ văn, câu ca lời hát dân dã nào. Cuộc hành hương như cách thế nối lại kí ức đứt gãy đó, đánh thức lần nữa cuộc sống tâm linh dân tộc đang ngủ vùi đáy thẳm tâm thức.

Một quần thể di tích hơn bảy mươi cái tháp lớn nhỏ nằm sâu trong núi, qua chiến tranh, cả khu thánh địa nát bét. Chỉ nhờ mồ hôi và trí óc của Kazik, nó mới gượng dậy cho người đời nhìn ngó được mặt

mày, không thì chỉ qua ảnh chụp đầu từ thời Tây. Vụ này ta tố cáo là giặc lái B52 Mỹ đem bom ném miền Bắc thừa đổ xuống.

Khởi từ Caklaing, chuyển đi dự tính đầy cả xe năm mươi tư chỗ ngồi. Nhưng khi tin bị trù, gần một nửa chùn lại. Xe gập ghềnh qua Tháp Ppo Nugar, Tháp Nhạn, Bánh Ít và Cánh Tiên, Dương Long rồi cuối cùng Mỹ Sơn. Người làm thơ, họa sĩ, trí thức, thân hào nhân sĩ, nông dân đủ cả. Nhưng tất cả không được cho vào đất thánh. Có một ông quan chủ động, bà con nói. Nhớ là vị quan này cả chục năm ăn cơm làng Chăm. Họ quen biết ông và, ông cũng chẳng xa lạ gì họ. Không ít bà con dỗi, toan bỏ về. Một thất thố và hụt hẫng đột ngột vụt lớn dậy trong tâm hồn khiến họ như sụp đổ. Cuối cùng, tất cả đành qua đêm ở ngoài xa. Thảm! Tôi và Hani từ Sài Gòn lên tàu lửa đến nơi vào sáng hôm sau. Tôi nói: - Huấn đã, bà con cứ hưởng cho trọn cuộc hành hương lần đầu trong đời. Hãy đợi đấy!

Chúng tôi quyết chờ đợi. Hai giờ chiều, kết thúc cuộc lễ chính thống do chính quyền tổ chức, hơn ba mươi *đứa con của Đất* tìm bóng cây cao, vắng, bày bánh trái *ew Yang cúng Thần*. Chục người đi lẻ và cả nhóm nghệ sĩ trong đoàn Văn nghệ dân gian Chăm tỉnh Ninh Thuận vừa trình diễn chính quy xong, cũng tách đoàn, nhập cuộc. Múa, hát, cầu nguyện. Đơn giản, tín thành.

*Họ là đoàn hành hương cuối cùng
ra đi từ đêm của thế kỉ cũ
ra đi - dù không ngọn gió nào xua đuổi
dọc theo đường biên bóng tối. Ra đi
Bao nỗ lực đã xóa trắng – họ chậm chạp bước đi
lầm lũi như thế. Dọc thế kỉ cuối cùng của thiên kỉ
tiếng nói bã nát giấu vào túi
đội trên đầu cái thúng rỗng, họ đi
biết mình là kẻ cuối cùng*

(*Lễ Tẩy trần tháng Tư, 2002*)

Về, Trà Vigia trắng đêm viết “Mỹ Sơn đường về” đầy giận dữ xuất thần. Bút kí được in ở *Tagalau 2* Katê năm đó. Ngay khi phát hành, ông quan có thư kiến nghị thu hồi. Ông làm căng, mấy bận phone đến ông già Trà phiên trách, nhắc nhở. Ra Hà Nội họp Hội Nhà văn, được hỏi đến, tôi “đổ” cho Nông Quốc Chấn, người chịu trách nhiệm xuất bản. Ông Chấn đề nghị Trà giải trình. Hôm ấy, Trà đang ở nhà tôi tại Tân Phú. Đọc thư, Trà ngồi vào bàn đá viết ngay bức thư dài phơi bày sự việc ông quan xuyên tạc văn hóa Chăm còn trù gia đình *yut* nữa. Và đòi đưa sự vụ lên tòa án văn hóa UNESCO! Nhưng rồi chuyện cũng chìm xuống. Ông quan mất điểm trầm trọng dưới con mắt dân quê Chăm. Còn bà con lỡ mua *Tagalau*, đóng chặt cửa mà đọc!

Tiến mọi người lên xe, *chưa bao giờ buồn thế*, tôi một mình lên xe ôm xuống ngã tư Hà Lam, tìm đến tộc họ Trà. Trà Công Tân, Trà Toại, Trà Nha. Họ luôn tự nhận Chăm. Đã mấy lần đại diện tộc họ làm đơn xin nhập tộc Chăm! Họ đón tôi như người thân về từ mấy thế kỉ cũ.

Thường thì người Chăm cứ *JA* (nam) hay *MU* (nữ) trước cái tên, là xong. Tất tần tật, không phân biệt, cho đến khi thành người lớn, có vợ chồng hay vị trí trong xã hội, họ mới được gọi theo vai vế hay chức danh đính kèm. Nhưng, đâu phải không có người thích nó: *Ja murtaharei* (Thiên Sanh Cảnh), *Ja lau*,... đã lấy nó làm bút danh. Vẫn sang trọng đấy chứ! Nhưng ai cũng *JA* với *MU* thì sao mà điểm danh? Thế là vua Minh Mạng sai mấy quan văn bắt Chăm gán thêm mấy cái tiền tố: *Bá, Đàng, Hứa, Lưu, Lự, Hán, Lộ, Mã, Châu, Ngụy, Từ, Tạ, Thiên, Ưc, Vạn, Ưng, Lâm, Hải, Báo, Cây, Dương, Quảng, Qua, Trượng, Tường, Lư*.

Thế nào Chăm vẫn cứ nhớ họ xưa: *Indra varman, Jaya Sinhavarman, Çri Satiavarman, Maha Vijaya, Rudra varman, Pudra*

varman... nên ở thế kỉ hai mươi vẫn xuất hiện lác đác: *Jaya Mrang*, *Jaya Panrang*, *Inra sara*, *Pudra dang*. Có khi chúng được phiên âm thành: *Chế* - Cri: *Chế* Mân, *Chế* Củ, rồi *Chế* Quốc Minh, *Chế* Lan Viên, *Chế* Linh, *Ong* - Aung như *Ông* Ích Khiêm, *Ông* Văn Tùng, *Ma* - Maha. Và cuối cùng: *Trà* - Jaya: *Trà* Toàn, *Trà* Hòa Bồ Đề, *Trà* Ma Hani.

Họ *Trà* Quảng Nam không ngót hãnh diện về dòng họ của mình. Cả ba làng thuộc huyện Quế Sơn cũng chẳng kém. Không hãnh diện sao được, khi họ chính là hậu duệ của dòng họ nổi tiếng nhất lịch sử Champa. Nhà tộc họ *Trà* được dựng lên rất oách. Ngay lối vào khu phế tích Đồng Dương cũng có một. Tôi cho xe dừng trước cổng làng Chăm họ *Trà*. Những ngôi nhà thấp lè tè, chắc nịch, hệt Chăm Phan Rang, chỉ có kiểu dáng là khác. Katê 2008, trên đường đi thăm nhà mẹ, tôi đã chỉ cho Thu Nguyệt biết dáng nhà Chăm. Tôi bảo, kinh nghiệm cư trú dọc duyên hải miền Trung bão lũ, Chăm truyền đời kiểu dáng đó. Cơn lốc xoáy năm 1984 đi qua Caklaing phá nát hai căn nhà kiểu mới của Chăm hiện đại, trong khi cả mấy trăm nhà xưa không hề hấn gì. Khuôn viên hơn sào đất, có hai căn nhà *Yơ*, của mẹ tôi cất năm 1971, và của dì Mơi năm 1974. Bốn mái, thấp, đậm.

- Đại gia đình Chăm đấy, - tôi nói. Thu Nguyệt hỏi tôi bàn thờ mẹ. Chăm không có bàn thờ, - tôi nói. Bạn à một tiếng rồi thôi. - Khác bên em quá nhỉ.

Tôi đứng xem ba đứa bé đang chơi dưới hàng cây. Nghèo và tội nghiệp. Hệt đám nhóc quê tôi. Chẳng khác gì tôi thuở xưa ấy.

- Mấy cháu có biết ngàn năm trước chú với mấy cháu cùng máu mủ không? - tôi hỏi. Chúng ngưng chơi, tò mò nhìn tôi, những cặp mắt sáng tinh nghịch. Tôi quan sát kĩ chúng, xem có nét nào giống mấy nhóc của tôi không. Không gì cả.

- Chú ấy nói thật đó. - Nguyễn Tấn Thái thay tôi trả lời.

Trưa nắng gắt, bạn thơ đeo tôi quẹo vào Đồng Dương. Đó là mùa hè năm 2006, sau vài trận mưa, phế tích chìm phủ dưới đám chằng chịt dây leo đủ loại.

Đồng Dương “là quần thể kiến trúc lớn vào loại bậc nhất và độc đáo nhất của Champa và Đông Nam Á. Toàn bộ khu di tích là những cụm kiến trúc kế tiếp nhau chạy dài suốt 1.330 mét theo hướng Tây sang Đông. Trong đó, khu đền thờ nằm trong một vành đai hình chữ nhật dài 326 mét, rộng 155 mét có tường bao quanh.” - Ngô Văn Doanh rạch ròi thế.

Hôm nay, không gì cả, chỉ là một khoảnh hoang vu, chết chóc. Chúng tôi phải giẫm lên bia chữ để bước qua ngôi đền đã đổ ở phía sau. Bia đá của trung tâm Phật giáo Đại thừa lớn nhất Đông Nam Á thế kỉ thứ chín trở thành bàn đạp vụng về cho con người văn minh của thiên niên kỉ thứ ba sau Công nguyên bước qua để vắng cảnh!

Ai chịu trách nhiệm? Ai chịu trách nhiệm về cả ngàn vết lõm chỗ do đại liên lính Cộng hòa bắn lên vòm trong tháp Chiên Đàn? - Chiến tranh! Nghĩa là không ai cả. Bác trụ trì kể chuyện bà con khu vực đã lẫn xả bảo vệ cho tháp được nguyên vẹn trước họng súng của cả hai bên, vào mùa hè 1975. Sáng hôm đó, tôi đã run lên bần bật khi nhìn thấy phù điêu gạch hình con voi nâng hoa sen nằm ngay dưới chân tháp. Người xưa tinh tế và đầy biểu tượng nhân bản đến thế là cùng. Sức mạnh chung sống với cái đẹp, nâng đỡ và bảo vệ cái đẹp. Nó tạo sự hài hòa cho cuộc sống và thúc đẩy sáng tạo. Trong khi con người bởi ngu muội, đã thách nhau bắn mấy loạt canon xem ai đánh đổ được tháp Dương Long cao nhất Đông Nam Á sừng sững bên trời kia!

Chăm có mấy loại? Câu hỏi nghe kì kì, nhưng... không trật. Có lần tôi mang nó ra hỏi cánh trẻ, họ cứ ngơ ra. Không phải lỗi các bạn, mà ở nỗi nhiều khô thất thố của định mệnh Chăm. Hành hương năm đó, lần nữa, tôi giải thích với người bạn họ Trà.

Ngoài người dân tộc thiểu số miền cao xưa thuộc vương quốc Champa gồm Êđê, Giarai, Koro,... việc Chăm cư trú tại bốn vùng văn hóa - lịch sử thì sách vở đã nói đầy rồi: Amaravati, Vijaya, Kauthara, Panduranga. Rồi tộc Cau *Li-u* (hay Lingyi?) với tộc Dừa *Panung* (hay Phù Nam?) nữa! *Tin thì tin không tin thì thôi*. Ta cứ góc độ đồng đại mà thử làm phép phân tích.

Chăm Hroi ở Phú Yên và Khánh Hòa “hình thành” khi Lê Thánh Tông chiếm đóng Vijaya vào năm 1471. Bà con chạy lên nhập với người Bana. Để bảo toàn tính mệnh, họ lẫn vào tập tục Bana. Thuật ngữ dân nghiên cứu trước 1975 gọi là *Chàm cổ*. Bộ phận này nói tiếng Chăm pha Bana, người Phan Rang nhọc mệt lắm mới giao tiếp được. Nhọc đến hai vị Chăm Hroi dự *Khóa đào tạo ngôn ngữ - văn hóa Chăm* tại Đại học Quy Nhơn tháng 8-2007 tiếp thu tiếng Chăm còn khó hơn cả mấy chục học viên Kinh nữa!

Chăm Panduranga gồm Chăm Phan Rang, Phan Rí thì khỏi nói. Sau biến cố Lê Văn Khôi, họ chạy lên núi rồi quy hồi cố hương, sinh con đẻ cái. Bộ phận này đang độn tiếng Việt vào tiếng Chăm bao nhiêu phần trăm thì ai cũng biết. Phần không chịu xuống núi trở thành *Cam Cru Chăm Churu*, nói cả tiếng Churu lẫn lộn tiếng mẹ đẻ. Phần còn lại thì chạy qua Campuchia thành *Cam Kur Chăm Khmer*. Số dân ở đây luôn gấp đôi Chăm tại Việt Nam, cho dù giai đoạn tồn tại ngắn ngủi của chế độ diệt chủng Pôn Pốt, Chăm bị sát hại không biết bao nhiêu mà kể. Ngôn ngữ bà con xài pha tạp tiếng Khmer không phải là ít.

Một bộ phận khác hải quá, chạy xa hơn: Thái Lan. Tại Ban Khrua - Bangkok, *Chăm Thái* còn nhớ mang máng mình là Chăm không quá con số nửa vạn. Và họ cũng đã quên mất cội nguồn rồi.

Đâu phải tất cả đều bỏ quên nguồn cội hay “chối mình là Chăm”?

Dòng họ Chế tại Huế hay tộc Trà ở Quảng Nam hôm nay vẫn nhận mình là Chăm đấy chứ. Nhà thơ Thanh Thảo dân Quảng Ngãi

tự nhận Chăm thì không bàn rồi, hà cơ Nguyễn Huy Thiệp cứ nhận nguồn gốc Chăm? Có gì lẩn cẩn ở đây? Chuyện từ thế kỉ mười một với năm ngàn hay năm vạn tù binh Chăm rải suốt từ Bắc Ninh tận Thanh Hóa, Nghệ An,... là chuyện xưa tích cũ. Họ bị giết hay bị thiến hoạn hết chẳng? Chưa thấy sử sách nào chép thế! Vậy đó, hỏi cả khối người vạm vỡ như thế đó có nhịn nổi không? Còn quý bà quý cô Kinh nhìn mấy tinh hoa Chăm ngăm đen với cuồn cuộn bắp thịt kia mà chịu khép váy chắt? Đó là chuyện bất khả. Quý ông Chăm cứ thế mà gieo vãi hạt giống. Rồi khi Amaravati mất, đâu phải mọi Chăm đội lu thúng chạy hết vào Nam. *“Người Chiêm Thành nào đi thì cho đi. Người ở lại thì bổ làm quan.”* - Hồ Quý Ly dù mang tiếng quyết liệt, đã phải ra chính sách đó. Không ít người có học ở lại. Số dân lành ở lại càng là không ít. Nhất là cánh chị em. Thế là khi các F5-F8 dòng máu Chăm xa xưa theo đoàn quân Đại Việt vào cố quốc, họ tìm đến người mình là chuyện thường tình của nhân loại. Cả quý ông quân nhân thuần Việt sau chiến tranh trở thành dân thường, nhu cầu tìm bạn tình là rất lớn. Lớn đến nỗi vua Lê Hiến Tông hai mươi tám năm sau Lê Thánh Tông “bình Chiêm” phải ra chiếu dụ khá cương: *“Kể từ nay, trên từ thân vương, dưới đến dân chúng, đều không được lấy đàn bà con gái Chiêm Thành làm vợ, để giữ cho phong tục được thuần hậu.”*

Cả thế kỉ sau khi mất Đồ Bàn rồi Phú Yên, tại ranh giới Tuy Hòa, *“người Chăm nếu có ai ra vào cửa khẩu vùng biên để thăm bà con thân thuộc thì đều phải trình báo rõ ngày giờ với các quan đồn”*, theo chính sách mới của ông Bùi Tá Hán. Sự thể cho biết Chăm vẫn ở lại rất nhiều, sau khi chính quyền bỏ thủ phủ chạy. Và rồi ai dám đảm bảo người từ trong ra thăm bà con đã không trốn ở lại? Và để ở lại cho trót, họ “chối mình là Chăm” thì chẳng có gì đáng trách cả.

Như vậy, có thể nói to rằng suốt cõi Huế, Quảng Nam đến Phú Yên, Khánh Hòa hôm nay, mệnh mông Chăm đang thờ hơi thờ tại

quê hương mình. Dù họ khai dân tộc Kinh, mang họ Kinh, hay dù có lắt đầu quây quây rằng ta không là Chăm, nhưng chính họ đang nói tiếng Việt bằng giọng Chăm.

...tổ tiên góp sức gì vào xuống cấp hôm nay?

tâm hồn đám hậu duệ khô gạch nung

âm tắc động vòm họng dân Quảng 500 năm không chịu mất vết

vấn đậm mắt buồn tháp hoang

vấn môi dày, mày rậm, tóc gọn, da ngâm, bắp tay săn chắc

hôm qua

tôi vỗ đùi vào bụng bia đàn ông Chăm thứ 100

*có dính dáng gì giữa ngang tàng vòm tóc Bồng Nga với chèn ế
bụng bạn tôi?*

con gái tôi bảo: cha ơi đêm qua con mơ thấy bọn bong bóng xì

ôi là khốn khổ

chúng tôi lớn lên từ Mỹ Sơn, Dương Long

*chúng tôi lớn lên từ nhà Yơ, nhà Halam/ chúng tôi cũng lớn lên từ
chòi lợp tôn Mĩ*

*lớn lên từ Panwơc Padit, Pauh Catwai/ cũng lớn lên từ Truyện
Kiều, thơ Nguyễn Trãi*

*lớn lên từ nắng, mưa, bão miền Trung/ cũng lớn lên từ cánh đồng
mỡ màu Tây Ninh, Châu Đốc*

*từ bùn đất Châu Lý, Châu Ô/ cũng từ nước sông Phan Rang,
Phan Thiết*

*chúng tôi có biết đến tên Khổng Khâu, Socrate, cả Jaspers,
Derrida*

có đọc lỗ mỗ Dante, Tagore, Sartre, Palmer

tội ơi cho chúng tôi đưa con hoang lịch sử!

(Lễ Tẩy trần tháng Tư, 2002)

Kí ức vẫn chưa bị đánh cắp hết trơn trọi.

Còn Chăm nào nữa? Hậu duệ Ppo Rome ở Kelantan? Chăm bôn ba qua đảo Hải Nam - Trung Quốc thời Lưu Kỳ Tông làm vua xứ Champa năm 983? Hay Chăm định cư khắp thế giới theo chương trình đoàn tụ, sau Bảy lăm? Có ai đã chịu khó làm con số kiểm kê? Có dân tộc nào chịu số phận bi thảm như vậy không?

Ở góc độ tôn giáo - tín ngưỡng, trước tiên ta có *Cam dar Chàm chôn*, là Chăm không Bà-la-môn không Bani, như thể bộ phận theo tôn giáo bản địa còn sót lại. Cũng không ít nhà cho họ thuộc tập cấp thấp nhất của Bà-la-môn giáo nên không được hưởng đám thiêu như các bộ phận khác trong hệ thống phân chia tập cấp của tôn giáo này. Kế đến là *Cam jat Chàm thuần* hay *Cam cuh Chàm thiêu*. Là Chăm Bà-la-môn chính hiệu. *Cam Bini Chàm Bani* là Chăm theo đạo Hồi đã được bản địa hóa. Họ hết còn là Hồi giáo chính thống. Ba “loại” Chăm trên sống tập trung tại hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Riêng Chăm Islam được gọi là *Cam biruw Chàm mới*. Bà con sinh sống ở An Giang, Tây Ninh, Long Khánh, thành phố Hồ Chí Minh và đại đa số *Cam Kur*.

Ta còn biết đến tên gọi khác của Chăm: *Cam Ywơn Chàm Kinh* hay *Kanh Cự*, *Kinh cổ* đang sống tại hai làng thuộc Bắc Bình - Bình Thuận. Đó là hệ quả của các mối tình Chăm - Việt, cả những người Việt trốn lính thời chiến tranh chạy vào làng Chăm nấu thân nữa.

Lịch sử không gì hơn là mớ hồ lốn được kể lại bởi kẻ thiếu năng trí tuệ, đầy lơ đãng và tùy tiện.

Như nỗi tùy tiện của anh chàng thuyết minh tại tháp Ppo Xah Inur một chiều Katê năm 2004 kia. Gia đình tôi cùng giáo sư người Thái Lan gốc Việt Thawi đồng thời là học sinh tiếng Chăm của tôi đi xe từ Phan Rang vào Sài Gòn, tiện đường ghé lên. Chưa cần biết người vắng cảnh là ai, anh chàng bắt đầu mở máy, thuyết và thuyết. Mười lăm phút thì... hết bài. Jaka cho biết mình đang phụ trách website

gilaipraung.com, chàng ngó người ra. Chưa hết, quay sang Thawi: - Giáo sư Thái nghiên cứu văn hóa Chăm đang dạy một Đại học tại Thái Lan. Tôi loáng thấy màu tím tái trào lên khuôn mặt chàng trai trẻ nhiệt tình. Tôi vỗ vào vai chàng trai:

- *No problem*. Không biết thì học, lỡ sai thì sửa, miễn là chịu sửa. Người thuyết minh khu tháp còn nguyên vẹn cuối cùng ở vùng đất cuối cùng của Champa này chỉ còn biết vâng dạ. Đến khi nhận tấm cạc-vi-zít đọc thấy tên nhà thơ Inrasara thì anh chàng gần như muốn... xỉu!

Mình đụng phải thứ dữ rồi, - tôi đọc thấy trong mắt chàng trai.

- Rất, rất nhiều nơi đã thuyết như bạn, không có gì trầm trọng cả.

Lịch sử luôn là câu chuyện cũ được kể lại, mãi mãi được kể lại.

THẾ HỆ CHUYỂN TIẾP

Quảng Đại Hồng

Biệt danh Hồng thơ. Người *Pabhan* Vụ Bồn lấy vợ Mỹ Nghiệp. Thầy dạy tôi cấp Một và luôn đồng hành với tôi suốt chặng đời gập ghềnh của tiếng và chữ Chăm cho đến khi ông mất vào mùa thu năm 1991. Cái chết của ông gây xúc động mạnh ở Mỹ Nghiệp, cộng hưởng dây chuyền sang làng khác. Tuổi đã nghe thuận tai, nhưng sức khỏe vẫn cứ thanh niên. Mười giờ tối, ông vừa dạy xong lớp xóa táit mù để về căn chòi nằm trong khu đất cách đó hơn cây số. Thận trọng cả đời nhưng chỉ một lần rủi ro, ông đánh ngã đèn cầy bắt cháy bình xăng. Ông bị phỏng nặng và mất hai ngày sau đó ở bệnh viện.

Suốt ba mươi năm không ngưng nghỉ, ông làm một chiến sĩ xóa mù và chống táit mù cả tiếng Chăm lẫn tiếng Việt không công và tự nguyện. Nhiều lứa tuổi trẻ chăn trâu nghèo thất học ở Mỹ Nghiệp biết ơn ông đã nặn nỉ cha mẹ, đôi lúc mua giấy bút cho họ để họ có thể đọc và viết được thư cho người yêu.

Nông thôn Chăm vào những năm sáu mươi, mới bảy giờ tối mà làng xóm đã im ắng. Ngoại trừ tiếng học bài của các học trò ông. Ông dạy qua tất cả các con hẻm, ví nhà nào không vang tiếng học bài thì hôm sau chắc chắn sẽ có đòn. Thuở học trường làng, lứa chúng tôi rất khóps về lối nhiệt tình này của ông. Giờ nghĩ lại mới thương. Ông nghèo đến phải nhét giẻ làm ruột xe đạp đi mươi cây số qua Phan

Rang để có chuyện cười cho bàn dân Ban Biên soạn. Ông Hồng sinh thơ, tiếng Chăm lẫn Việt. Thơ hô lô tô, - bọn trẻ chúng tôi đùa ông.

Gok page thơm padhih blauh murnei

Jwai paguy gộp đwợc bah palei yuw kubaw

Yuw nan taik khơn taik aw

Dha gait oh haluh urang klau ka drei

Dậy sớm tập thể thao rồi tắm rửa

Chớ rượt đuổi nhau khắp xóm như lũ trâu

Như thế rách áo rách quần

Thà làm gì chớ, thiên hạ sẽ cười cho.

Chính ông đã gợi hứng tôi làm thơ và yêu văn chương.

Ông mất. Học trò ông công tác trong ngành giáo dục mấy bận đề đạt với Sở phong danh hiệu liệt sĩ cho thầy. Một liệt sĩ trên mặt trận giáo dục, ở một cấp thấp nhất: xóa mù! Có cường điệu lắm không? Tôi không nghĩ vậy. Bởi một cây muốn vươn lên khoảng xanh thì trước tiên nó phải được bám rễ trên mảnh đất chắc chắn. Con người mang hoài bão to cò mong để lại tiếng vang. Tiếng vang dội vào đâu không biết. Hỏi có mấy ai chịu chăm sóc đám ruộng đã bạc màu, khiêm cung hì hục với khâu làm đất tẻ nhặt và đơn điệu cho cây lúa đâm nhánh trở bông?

J M.

Lên lớp Nhì, tôi học ông. Người to, thấp đậm và cực khỏe. Giờ ra chơi, ông ưa khoe thể hình lực sĩ bằng trèo lên cây me tây trước cửa lớp Nhất. Lớp hơn bốn mươi, ông bắt mỗi đứa nộp một cây thước. Ông dùng chính dụng cụ thủ công đó phang vào mông học trò. Hết thước gỗ, ông rút thanh sắt cửa sổ, vụt đến cong sắt. Có đứa lớn hơn tôi năm, sáu tuổi. Hầu như không ai là không dính đòn. Có mỗi tôi và anh Thắm với mấy trò nữ là không bị.

Dân làng kể ông bị bọn chần trâu xóm bên chặn đánh, ức lắm. Một hôm ông bắt con diều hâu cuộn giẻ tẩm dầu buộc dây vào cẳng, đốt rồi thả nó bay. Thấy lạ, bọn xóm dưới chạy đến xem bị ông phục kích đánh cho trận như đòn. Ông thậm ghét mấy người Kinh, Tàu đầu lạc vào *palei* Chăm buôn bán cắt cổ. Làm thơ và chuyển ca khúc Việt qua tiếng Chăm thì ông cực kì. Các bài hát được hát từ đầu thôn đến cuối xóm, lan sang nhiều làng khác. Xong giờ học, ông hay đọc thơ. Mãi bây giờ tôi còn thuộc.

Nhớ đồng ta dạo bộ đi

Nhớ rừng ta nhẩy ngựa phi lên đồi

Cỏ xanh dòng ngựa lại ngồi

Nhìn non xanh thẳm nhìn trời mây qua

Những nghe lá rụng la đà

Tiếng chim muông hót gần xa quanh mình

Đôi vai còn nặng hai tình

Làm trai phải xẻ vai mình chia hai...

Tôi mang mấy bài xa xưa ấy ra đọc cho ông nghe, khi ông hay ghé nhà anh Tỏ ở thị xã Phan Rang vào mùa hè năm 74. Ông rất đỗi ngạc nhiên: - Tao còn không nhớ nữa. Tôi nói: - Thầy đọc em thuộc ngay mà. Các bạn học tôi mê tí ông, từ giọng hát, lối nói tục, nhất là hào khí nơi ông. Ở ông toát ra hấp lực kì lạ. Xách động thì miễn bàn, ông số dzách! Dù không mê ông mà chỉ quý tinh thần và yêu tài năng văn nghệ của ông, nhưng tôi luôn biện minh cho ông trước than oán của người xung quanh. Thuở mười tám, tôi còn viết cả bài tiểu luận dài về ông nữa: “JM., nhà cách mạng lãng mạn”. Ông đã chết, con người dọc ngang một thời kia chết mòn trong tù. Gia đình nhận được giấy báo và cho biết mã số mồ chôn ông. Nhưng khi em gái ông có ý xin thi hài anh về làm đám tang thì chịu. đành làm *Đám tạm* cho ông vậy.

Châu Văn Mỗ

Thứ trưởng Bộ Phát triển Sắc tộc. Cha vợ anh Ngọc, anh họ tôi. Nên tôi thoải mái lục lọi kho sách chất đầy trên tầng lầu nhà ông, ngày tháng Đoàn thanh niên tìm tịch thu sách báo phản động, đòi truy. Vài ngàn đầu sách báo đủ loại. Nhiều cuốn có chữ kí tặng của tác giả. Có cuốn còn chưa rọc. Đó là năm 1977, tôi bỏ học về quê, khám phá ra nó như thể bắt gặp kho báu.

Một con người kín tiếng, ít giao thiệp. Thời học sinh, tôi nghe nhiều chuyện về ông. Người kêu ông kêu căng gặp ai không biết chào hỏi. Người kể ông công lớn trong đào tạo lứa thế hệ Chăm đầu tiên, qua hoạt động của Hội Bảo trợ do ông thành lập. Người trách ông quá cương, không linh hoạt trong ứng xử với quan lớn hơn để mang lợi ích cho cộng đồng. Ừ thì người ta nghĩ thế, kêu thế. Chứ khi tôi gặp ông và được ông xem như bạn vong niên vào giữa những năm tám mươi, tôi thấy ông hoàn toàn khác. Hỏi ông về tháng năm quan trường, ông rất ít nói về mình. Khoe khoang thành tích mình, tự bào chữa cho mình càng không. Con người đầy nhiệt tình, lo làm chứ không lo nói. Rất cụ thể và thực tế. Con người ưu tư về cộng đồng theo nghĩa rộng nhất của từ này.

Chăm làm *Đam that* bất tiện ư? Phân công cho ông Hồng lo. Lúc đó, ông Hội trưởng Hội Bảo trợ Mỹ Nghiệp. Ông kéo tôi vào chức Thư kí. Chăm xài lịch mỗi nơi mỗi khác ư? - Chú thấy Trạm lo được chuyện này, có gì chú phụ cho. Chăm biết quá ít về ngôn ngữ mẹ đẻ, cần giúp họ hiểu thêm về nó. - Chú tổ chức một buổi gặp mặt trí thức Chăm để Trạm thuyết trình nhé.

Và luôn đâu ra đấy. Ông làm để giải trí tuổi xế chiều, vậy mà cứ được việc.

Thành Phú Bá

Trong nỗi ngây thơ tuổi trẻ, thế hệ lứa chúng tôi có bốn thần tượng. Bốn thần tượng với tính cách người khá dị biệt. Nếu Thành Phú Bá đậm tính mà chân chất, Nguyễn Văn Tý trực tính và thông

minh hay Lưu Quang Sang sắc sảo và uyển chuyển thì, chúng tôi cũng có Đảng Năng Quạ đặc Chăm nghĩa là tràn nghệ sĩ tính. Lại! Bốn nổi dị biệt ấy gặp nhau ở điểm lo lắng cho bọn trẻ và, lợi ích cộng đồng. Đó là điều trân quý ở các ông - thần tượng một thời của chúng tôi.

Mười một giờ tối mùa đông 1999, Hà Nội lạnh cắt, ca sĩ Chế Viên nhét cả đoàn bảy ông Phan Rang lên taxi bốn chỗ ngồi, qua quán đặc sản cháo vịt. Tôi mang ý làm tuyển tập *Tagalau* nói với thầy Bá. Ông khoái ra mặt, nhưng Sara hãy dè chừng. Chăm có mỗi em là nhà văn. Lúc đó tôi vừa vào Hội Nhà văn Việt Nam, tập *Tháp năng* vừa có giải thưởng, tiếng đang rền.

Tính ông Bá cẩn trọng, không ít người cho ông ba phải hay thiếu quyết đoán. Nhưng không, người công đầu trong thành lập vun đắp kí túc xá và trường Trung học Pô-Klong từ bàn tay trắng, thì không ai dám nói thiếu cá tính. Qua bàn tay đào luyện của ông và đồng sự, vài thế hệ thanh niên Chăm đĩnh đạc bước vào trường đời. Đặc san *Caung takrur Ước vọng* của trường ra đời và sống đến bốn kì được cũng nhờ bàn tay chăm sóc của ông.

Đầu thiên kỉ thứ ba, để giúp ông có công ăn việc làm và nhất là để giải thoát ông mấy chuyện nhặng nhịt không đáng ở làng quê, tôi mời ông về làm quản đốc *Công ty TNHH thổ cẩm Inrahani* tại Sài Gòn. - Thầy cứ thoải mái, nửa tháng Sài Gòn, nửa tháng về quê sưu tầm những gì thầy thích về Chăm, - tôi nói. Nhưng tôi phần thì cứ đi và đi, phần lo điều hành công ty mới thành lập nên chảnh mắng ông thầy cũ. Và lại, có lẽ ông nhớ quê [anh Đạm cũng hết thế, vào thành phố chưa quá hai ngày là dze!], sau ba tháng, ông về. Ba năm sau ông được bảo lãnh qua Mỹ, để lại cho tôi món quà khó quên: Cặp bánh xe trâu quý giá. Chính nhờ nó tôi đóng được chiếc xe, một trong ba chiếc đang hiện hữu trên thế giới!

Nguyễn Văn Tỷ Lưu Quang Sang

Tôi với ông quá biết nhau. Từ ông dạy Pháp văn tôi lớp Đệ Thất cho đến khi ông chức Hiệu trưởng, từ tôi chơi với Đạt em út ông cho đến thời tôi nhân viên ông tại Ban Biên soạn, cả khi ông cùng đám học trò chúng tôi nai lưng gồng gánh *Tagalau* nữa. Cho đến tận bây giờ.

Năm 1982, nhân vụ cuốn *Fulro?* của Ngôn Vĩnh đang xôn xao dư luận, chúng tôi bàn nhau viết thư giải trình. Thư riêng ông và riêng tôi, từ góc nhìn khác nhau. Và thảo bức thư chung lấy chữ kí của mười nhân sĩ nữa. Về Nhà vắng lai sắc tộc, về trường Pô-Klong không phải Mỹ mà do Chăm góp tiền làm, về Trung tâm Văn hóa Chăm, ngoài công lao Cha Moussay còn có công sức bà con Chăm. Thư xong, chúng tôi cho học sinh chép nhân bản gửi đi các nơi có thẩm quyền. Chuyện buồn cười, có vị kí chưa ráo mực đã vội chạy xin rút lại chữ kí. - Không sao đâu bác à, sự thật mà, - tôi nói: - Chính phủ rất cần nghe sự thật, nếu ta thật lòng. Thời bao cấp, không sợ mới lạ.

Thêm vụ nữa, khi cuốn *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn...* do Phan Hữu Dật chủ biên gồm hăm ba vị khoa bảng viết về Chăm, có vài chi tiết sai sự thật tác hại đến cộng đồng, ngày 30-9-2002 ông cùng non hai chục trí thức Chăm viết đơn thư dài trình lên cấp trên giải bày vấn đề. Ông nói: - Miễn cho Sara đi, em còn nhiều chuyện lớn cần làm. Vậy mà con người đó dăm năm sau thôi bị vài Chăm tố cáo rằng đã bôi nhọ văn hóa dân tộc trong bài “Thực trạng của xã hội Chăm, một vài giải pháp chính” đăng *Tagalau* 4. Thường trực ưu tư về sinh mệnh dân tộc và văn hóa dân tộc, có thể sai về nhận định, nhưng ông là con người chính trực. Tham gia nhiệt tình vào *Tagalau* khi tuyển tập này còn trứng nước. Không số nào ông không có bài cộm, nêu vấn đề nóng hổi của xã hội Chăm hiện đại.

Cứ tưởng con người như thế luôn tìm đối đầu với mấy món căng thẳng, nhưng chớ có đùa. Hiếm Chăm nào yêu và mê mệt cái đẹp

như ông. Cái đẹp của hoa lá. Pô-Klong, nếu ông Bá là người đặt nền móng, ông Sang tôn tạo nó bằng kế hoạch lên dãy lầu qua hơn chục tối lưu diễn văn nghệ quanh làng Chăm, thì chính ông Tỷ là người làm đẹp nó. Cây, cả trăm cây, hàng hàng lớp lớp oằn mình mà trời lên chống chọi nắng nhiệt đới; hoa, chục loại hoa vất mình mà nở trong hanh gió và lũ cát Phan Rang. Nhưng rồi, hai năm sau đất nước nhập một thôi, khi Pô-Klong hết còn ông coi sóc, chúng dần cắt khẩu đến không còn một mống!

Đẹp trai và hào hoa, là ấn tượng đầu tiên tôi có về Lưu Quang Sang.

Nhưng đây là nhân vật khá nhạy cảm. Bởi ông là con người chính trị. Mà Chăm ưa đồng hóa chính trị với sự tính toán, không thiếu xảo quyệt. Cả kinh tế cũng thế. Không trách - truyền thống văn hóa Chăm dạy thế. Một truyền thống hơi bị... sai! Bởi phát triển xã hội không thể thiếu hai món này, còn chuyện kẻ bất tài mà khoái leo lên đầu thiên hạ hay tay vô lương làm kinh tế thì là vấn đề khác rồi.

Sau trực trực nổi “Mỹ Sơn đường về”, Hội Văn học Nghệ thuật Dân tộc thiếu số không bảo hộ cho *Tagalau* nữa. Tôi phải tự bươn chải. Rồi chả hiểu sao, vài nhà xuất bản quyết ngâm bản thảo *Tagalau 3*. Từ Tết 2002 đến Katê ngâm qua Rija Nurgar cùng năm rồi sang Tết năm sau, nay lần mai nữa. Nhà thơ Nông Quốc Chấn mất, hết người đứng tên “chịu trách nhiệm xuất bản”, *Tagalau* nguy cơ dẹp tiệm. Katê 2003 đang cận kề. Không thể để bà con mõi cổ lâu hơn nữa, tôi nhờ đầu nậu chạy giấy phép, và phải chường mặt ra làm “chủ biên”. Ờ, thì cũng được đi. Nhưng có gì nhà xuất bản đòi hỏi tìm tên khác cho Tuyển tập; *Tagalau* chỉ được phép nấp bóng nó thôi. Cộng trừ nhân chia, giá thành sản phẩm kì này tăng gấp hai. Tiền đâu? May, ngay lúc đó ông Lưu Quang Sang có mặt và ứng cứu. Ông kêu gọi, và bà con một tay một chân góp vào. Tiền EURO, USD, Việt Nam đồng,... đủ cả. Trọn gói hơn mười triệu. Nhưng họa vô đơn chí,

chuyến bay ra Đà Nẵng với Hani mùa thu năm đó, tất cả chúng rủ nhau bay với chiếc simsonine hàng hiệu cùng bao nhiêu tư liệu quý. Tôi cười mỉa. Lại phải một thân một ngựa tự xoay xở. *Katê mới - Tagalau 3* đã chào đời nhọc nhằn như định mệnh chìm nổi của nó.

Điềm tĩnh, uyển chuyển, khôn khéo, và luôn thận trọng trong lời nói cử chỉ, là Lưu Quang Sang. Tôi nghĩ ông tự tôi luyện để thích ứng với mọi hoàn cảnh. Nhưng lạ, Chăm khuynh hướng cảm tình với người chọn lẽ lối cứng rắn, “dũng cảm” đấu tranh trực diện với chính quyền, mà ít cảm thông với nhân vật mềm mỏng. Lưu Quang Sang lại đại diện cho phái nhu này. Ông thích làm và biết làm chính trị. Là cháu nội cụ Dương Tấn Phát, một nhân sĩ uyên thâm về văn hóa dân tộc, tác giả bộ “Luật hôn nhân gia đình Chăm”, hai đời làm Tri huyện An Phước cũ. Hiệu trưởng Trường Trung học Pô-Klong nhiệm kỳ hai. Lên trung ương, ông giữ chức Hội viên Hội đồng các sắc tộc Trung ương năm 1971, Dân biểu Quốc hội Sài Gòn khóa 1971-1975.

Sắm vai Dân biểu, như bao Dân biểu trước đó hay đại biểu Quốc hội sau này, ông Sang đã làm được gì cho Chăm? Chuyện này có hay không, chỉ có ông và trời biết. Chớ nói cho to: Mang lại lợi ích cho cộng đồng. Bởi ai Dân biểu cũng chả là gì cả trong guồng máy. Riêng việc ta đã không làm gì có hại đồng bào thôi cũng là ngon rồi. Và nhất là, đừng có đi bằng cái lưng để cả một dân tộc bị khinh.

Đàng Năng Quạ

Bài hát đầu tiên ông dạy chúng tôi là “Murat bac” lúc Trường đang ở Bauh Dơng. Xuống thị xã Phan Rang, giờ cơm thay vì “Cơm canh chia rồi...” như mấy năm đầu thế hệ đàn anh đàn chị hát, ông sáng tác ca khúc tiếng Chăm: “Lithei ia to! anak...” Đàng Năng Quạ tiêu biểu một tinh thần Chăm đầy mặc cảm. Tự ti lẫn tự tôn. Lên sân khấu, dù yêu cầu đến mấy, ông ít chịu hát bài thứ hai. Ra miền Trung, bao nhiêu là người hâm mộ vây quanh, ông tìm trốn.

Con người đầy cá tính nhưng ít ai ghét bỏ ông. *Đêm nhạc Đàng Năng Quạ* dự định tổ chức vào năm 1999, đã không thành. Tôi và Trà lên kế hoạch đầu vào đấy. Từ tập hợp, biên tập ca khúc ông cho đến dịch tiếng Việt để duyệt, từ tính toán kinh phí tổ chức đến các ca sĩ biểu diễn, bằng hữu phát biểu cảm tưởng cho chí mục tặng hoa vợ ông. Cuối cùng nó đổ bể chỉ bởi một tiểu tiết không đáng có. *Tappa truh tathik jor di danaw Ra khỏi biển sâu vướng ao nước cạn*. Tập bản thảo mười lăm ca khúc bị duyệt bỏ bảy bài. Thử tưởng tượng cả đời viết nhạc nhưng lại bị cắt một nửa thì còn gì là nhạc! *Đêm nhạc Đàng Năng Quạ* đành chịu dở dang.

Là nghệ sĩ có nghĩa luôn bị ám ảnh bởi nỗi bất tử. Không phải bản thân cái tôi nghệ sĩ bất tử, mà là tác phẩm nghệ thuật. Vượt không gian - thời gian. Bằng chất liệu nghệ thuật của thời đại ấy, trong không gian văn hóa ấy, dưới áp lực của sinh hoạt tinh thần cộng đồng dân tộc ấy, ông tạo lập được cái đẹp cho dân tộc ông và cho nhân loại, của hôm nay và cho muôn đời.

Trong các sáng tác ông, "*Bhum Adei* Quê em" là ca khúc sống trọn vẹn giữa lòng Chăm. Nó được hát nhiều hơn cả trong các bài hát bằng tiếng Chăm, cả sáng tác dân gian lẫn sáng tác có tác giả. Trên sân khấu đơn sơ của trường Trung học hay dưới trăm ngọn đèn màu sang trọng tại các nhà hát thành phố, góc ruộng nương quê nghèo hay trên màn hình tivi, được trình diễn hoành tráng trước đám đông hay chỉ hát thì thầm một mình trên bước đường cô độc, hát cho người yêu hay hát ru em. Từ lúc ra đời vào giữa thập niên sáu mươi của thế kỷ trước, đã hơn bốn thế hệ Chăm hát nó. Và họ còn tiếp tục hát, có lẽ.

Bằng sự mộc mạc của ca từ: *habei bhong khoai lang, tamkai dưa hấu, ia tanurh ghur nước uống miền đất cát* với hình ảnh sinh hoạt rất đời thường của miền quê nghèo: *adei đwa padơng cang em đội (nước) đứng chờ, tuk ka ai bbơng lược đãi anh, sang taik nhà rách,*

rup liwang thân gầy hay qua tâm tư, lối suy nghĩ bình dị: *kathaut murda* nghèo - giàu, *Cam - Bini Chăm - Bani*, *ngap jalan tagok* - trun mở ngõ lên - xuống, cả lối tổ chức giai điệu, tiết tấu khá đơn giản của ca khúc nữa, nhưng với giai điệu nhẹ nhàng, êm mượt người nghệ sĩ đã ban hồn vía vào “*Bhum adei*”, tạo cho nó sức lôi cuốn kì lạ.

Chớ lầm tưởng bởi Chăm có quá ít sáng tác nên, họ cứ bốn cũ hát lại. Không! Cùng thời điểm đó, vài nghệ sĩ nghiệp dư sáng tác bài hát trực tiếp bằng tiếng Chăm hay chuyển dịch ca khúc Việt thịnh hành sang Chăm ngữ, nhưng *Bhum adei* cứ lừng lững có mặt, chiếm lĩnh vị trí hàng đầu.

Biến “sát-na” một mảnh đời sống Chăm hơn nửa thế kỉ qua thành cái đẹp “thường trụ” tồn tại đến hôm nay, Đảng Năng Quạ đã hoàn thành chức phận của nghệ sĩ sáng tạo đúng nghĩa. Nên, cho dù thời đại đã khác, tư tưởng phân biệt Chăm - Bani đã lui vào quá vãng, cuộc sống Chăm đã bớt nghèo đi thấy rõ, và cho dẫu nhạc Pop, Rap đang tràn lan sân khấu tận miền quê, nhưng: “*Mai rawong palei adei...*” vẫn chưa thôi vang vọng trong các nẻo thôn, góc ruộng quê hương Chăm.

Có thể nói không ngoa rằng: *Bhum adei* là một quà tặng bất tử.

Thiên Sanh Cảnh

Năm Đệ Lục, *yut* Đảo dẫn tôi qua giới thiệu với Thiên Sanh Cảnh tại nhà ông ở thị xã Phan Rang. Ông vừa mổ mắt và đang nằm, ngồi dậy tiếp hai nhóc thò lò mũi. Trang trọng. Tôi hỏi ông về *lang likuk Ga, La, Mur, Ta...* trong tiếng Chăm, ông bảo chúng là tiếp đầu ngữ préfix. Tôi biết ông sai. Như sau này tôi thấy ông chơi xỏ anh sinh viên, khi anh này hỏi về đàn tranh: - Đó là loại đàn Chăm với Việt tranh nhau. Có khi ông cố tình nói sai để khích tướng bọn trẻ. Như ông đã khích tướng một cán bộ cao cấp thuở Bảy lăm, khi thanh niên Chăm “lên rừng” trở về. Anh C kể khi cán bộ đến xin ý kiến, không cần suy nghĩ, ông nói luôn: - Theo tôi, cứ đem tất cả ra bắn! Mấy

chục mạng, chớ ít ỏi gì. Anh C, người kề cận ông thời còn làm chung Nội san *Panrang*, lý giải: - Một mũi tên, cựa bắn hạ ba con chim. Thứ nhất được cho ông: Chứng tỏ rằng ông không ủng hộ Fulro; hai: Ông biết chắc “Cách mạng” không đem bắn con em mình; cuối cùng: họ sẽ thả bọn trẻ ra sớm, để chứng tỏ chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước! Khôn ngoan và đáo để đến thế là cùng.

Thế ông mới đề được Nội san *Panrang*, Tiếng nói của cộng đồng sắc tộc Ninh Thuận, và nuôi nó sống trót lọt đến tám kì! Khoản này, cùng với vài cộng sự thân tín như Huyền Hoa, Nại Thành Viết, Jalau,... ông công lớn. Không kể trang thơ văn hầy còn ở tầm tỉnh lẻ, các sưu tầm dịch thuật văn bản cổ như *Akayet Dewa Murno*, *Ariya Glong Anak*, hay “Đám tang Chăm”, “Đám cưới Chăm”, “Cách tính lịch Chăm”,... phải được coi như những viên gạch đầu tiên đặt nền móng cho nghiên cứu về Chăm hiện đại.

Trong đó có các cuốn sách của tôi.

Dohamide - Dorohiem tìm về cội nguồn cách xa .

Khái niệm “cội nguồn” là một khái niệm khá mơ hồ. Nhất là với Chăm - một cội nguồn cách xa. Có thể cách qua không gian và xa bởi thời gian. Không gian đó có thể là Phan Rang/ Phan Rí, Panduranga/ Châu Đốc, An Giang hay xa hơn: Việt Nam/ Hoa Kỳ, Pháp, Malaysia,... Thời gian đó có thể cả ngàn năm, một thế kỉ hay chỉ mới hôm qua, hôm kia. Biết đâu mà lần! Nhưng với Chăm, “cách xa” thăm thẳm và vời vợi hơn có lẽ chỉ là xa cách trong lòng người, giữa hồn người. Một xa cách hầu như không thể lấp. Thương thay!

Vậy là có đứa con Chăm, tự ý thức được nỗi cách xa ấy, thử và quyết lên đường. Tìm về cội nguồn. Một lên đường đơn độc. Tư liệu: không, học vị khoa bảng: không, nhìn ra bốn bề xung quanh: không.

Glong anak linhaiy likuk jang o hu

Nhìn trước ngó sau chẳng thấy ai người

(Ariya Glong Anak).

Mục tiêu xa như muốn làm mất hút. Nhưng chàng thanh niên ấy đã ra đi. Bằng lòng tin, tay trắng và tâm thành. Hãy nghe đứa con ấy bộc bạch:

“Đi từ những day dứt từ thuở thiếu thời của một trong vài người Chăm đầu tiên được đi học trường phổ thông tại Việt Nam vào thời điểm các thôn ấp người Chăm vẫn còn khép kín, cách biệt với xã hội Việt bên ngoài, và trên cơ sở hành trang hiểu biết về ‘bangsa’ do bản thân tiếp thu được không qua trường lớp, chúng tôi muốn đóng góp soi sáng vấn đề qua các bước đường đã đi qua, tạo thành một cuộc hành trình quay về với cội nguồn dân tộc Champa, nhân đó, cùng trao đổi các thông tin thu thập được về cội nguồn này trên cương vị là người Chăm.”

Hành trình đi tìm nguồn cội là hành trình ngược về nguồn. Từ nửa vòng trái đất, trong một đất nước giàu sang, ông tìm về nơi chôn nhau cắt rốn ông, dừng chân tại thành phố nuôi dưỡng tâm chí ông thời trẻ, rồi ngược về miền đất được xem là cái nôi của văn hóa Champa xưa, hôm nay là miền đất Panduranga nắng gió, nơi bà con anh em ông vẫn còn miệt mài bám đất bám làng. Hành trình gian nan nhưng đầy xúc động, lôi cuốn.

Qua những chặng đường tâm tư ấy, ông vẽ lại chân dung xã hội và con người Chăm, hôm qua và hôm nay. Những tên đất, tên làng, tên con người vô danh hoặc ít nhiều được biết đến, đang làm nên cộng đồng này. Với những tiểu tiết gần như rất đời thường, những con người sinh hoạt rất bình thường. Bình thường đến tầm thường, nhưng chính nó đã làm nên cái vĩ đại của cuộc sống.

Tôi gọi cuộc “tìm về nguồn cội cách xa” của Dohamide và Dorohiem là một hành trình tâm tư. Nên đừng trách ông chỉ ngợi ca mà không bình luận. Có đứa con nào bao nhiêu năm xa cách nay trở về quê hương lại đi chê [dấu nhẹ] cha mẹ hay anh em bà con xóm

giềng đâu chứ! Cũng không nên trách, đứa con ấy đã quên người này, bỏ sót khuôn mặt nợ trong kí ức mình.

Và, không thể không nói thêm, dù tác phẩm được viết như là bút kí, nhưng không phải vì vậy mà nó đánh mất sự nghiêm xác khoa học. Hơn thế, những ngọn ngọn chi tiết xã hội được tìm thấy trong cuốn sách chắc chắn sẽ là cứ liệu ban đầu rất đắt cho các công trình khoa học mang tính hàn lâm.

Từ *Dân tộc Chăm lược sử* đến *Bangsa Champa* là cuộc hành trình dài dặc. Cuộc đi không chủ ở nơi đến mà đặt nặng ở cách đi. Hai anh em đã vượt qua được vơi vơi không gian, xa xăm thời gian; quan trọng hơn, hai đứa con Chăm ấy đã vượt qua hố thẳm cách ngăn của lòng người: khoảng cách của đức tin tôn giáo, ý hệ chính trị, định kiến xã hội, ngôn ngữ và tri thức,... Và, may mắn thay họ thoáng thấy khoảng sáng của cội nguồn *Bangsa Champa*. Thấy và, chỉ cho mọi người cùng thấy.

Chế Linh

“Chế Linh và Từ Công Phụng đồng tộc, đồng thời, đồng quê nhưng lại khác nhau một trời một vực về tính cách và con người. Chế Linh: cực kì bình dân, anh Phụng: rất trí thức; Chế Linh: rất Chăm, anh Phụng: rất ‘Tây’; nhạc Chế Linh phổ biến rộng rãi trong quần chúng, ngược lại các ca khúc của Từ Công Phụng chỉ được biết đến tại các phòng trà. Vân vân... Đây là hai đứa con ưu tú đã làm cho Chăm mở mắt mở mày với đời, đã mang danh từ Champa vang khắp nơi. Dù nhạc Từ Công Phụng quá trí thức nên ít người Chăm thường thức. Nhưng mỗi khi nhắc đến Phụng là người Chăm hãnh diện. Đơn giản anh là người Chăm.”

Đoạn văn Trà Chay Pyang viết về Chế Linh trên *Chamyouth* vào năm 2004, tôi tình cờ đọc. Tôi và Chế Linh thân thiện, mến nhau nữa, có thể nói thế. Nhưng tôi ít gặp mặt anh. Thuở Tiểu học, anh ghé nhà dì Đựng ở Caklaing, mọi người túa đi xem, tôi không đi nên không

biết mặt. Chỉ biết anh qua ảnh bìa nhạc cánh bướm. Dạng này thì anh số dzách rồi. Có người còn làm thống kê ảnh anh chiếm non nửa số lượng tất cả ca sĩ Sài Gòn cộng lại. Khiếp! Lần đầu thấy anh khi anh cùng Hùng Cường ghé Pô-Klong biểu diễn. Rồi lần nữa, năm 1970 gì đó, anh hát ở Trung tâm Văn hóa Chăm, thị xã Phan Rang.

Katê 2008, anh cùng đoàn làm phim nước ngoài ghé *Nhà Trưng bày văn hóa INRAHANI* ở Caklaing, mời tôi tham gia trả lời phỏng vấn cuốn phim tài liệu về anh.

- Là nhà thơ Chăm đồng thời là nhà phê bình văn học đương đại, anh nghĩ gì về đóng góp của ca sĩ - nhạc sĩ Chế Linh cho cộng đồng Chăm và cho nghệ thuật Việt Nam?

- *Bhap bini Cam biak yaih drei ka paran Cam mur-anurk sa urang yuw xa-ai Chế Linh*, - tôi nói hai thứ tiếng - *Bà con hãnh diện về Chế Linh*. Anh luôn nhận mình là Chăm, dù đi bất cứ đâu hay nổi tiếng thế nào đi nữa, đó là điều đáng ghi nhận đầu tiên. Thứ đến, Chế Linh sáng tác cả tiếng Chăm lẫn tiếng Việt, các ca khúc phổ biến rất rộng. Sau này Chế Linh còn mở website *Binguchampa* nữa, bên cạnh anh chưa bao giờ từ chối đóng góp công sức vào xây dựng cộng đồng. Với nghệ thuật hiện đại Việt Nam, tiếng hát Chế Linh là bất tử.

- Nhà thơ nhận xét gì về album ca nhạc mới nhất của Chế Linh làm ở Malaysia? Nó có tạo được điều gì đặc biệt cho cộng đồng Chăm không?

- Rất đặc biệt và đầy hứng thú. Chăm không ngờ Chế Linh hát tiếng Chăm chuẩn và hay như thế, sau bao nhiêu năm xa quê hương. Đây đích thực là *đứa con của Đất !*

Từ Công Phụng

Đứa con xa ấy ít có dịp trở về quê hương, ngay cả khi anh còn ở Việt Nam; nay càng xa vời vợi, khi anh làm “thiếu số giữa lòng thiếu số” tận xứ Hoa Kỳ. Vời vợi không gian, vời vợi cả thẩm mỹ âm nhạc.

Từ Công Phụng giữa lòng xã hội Chăm phải chăng như có một khoảng cách?

Tôi mày mò bấm nốt Do, La, Si,... lần đầu trong đời bằng ca khúc “Bây giờ tháng mấy”. Rồi qua tuổi hai mươi, định mệnh run rủi sao lần nữa, bản “Trên ngọn tình sầu” rơi vào tay, để tôi nâng cấp nhạc lý của mình. Nhưng các ca khúc anh, với tôi, vẫn cứ là xa lạ. Dù mấy đứa bạn thân tôi rất mê anh. Trà Vigia đặt các ca khúc của anh Phụng ngang hàng Cung Tiến, hay trước nữa: Đoàn Chuẩn - Từ Linh: đẹp và sang trọng.

Trầm Ngọc Lan suốt ngày ca cẩm “con đế buồn tự tử giữa đêm sương...”. Anh Căn lúc ở quê, tôi vài bận qua anh nghe ké tiếng hát mới nhất của Từ Công Phụng vừa gởi về. Quán cà phê vợ chồng anh cạnh sân banh, trang trí rất nghệ sĩ. Tôi nghĩ anh nhắm vào tính thẩm mỹ của quán hơn là khía cạnh thực dụng của nó. Trang trí, tĩa tốt rất ư là mỹ thuật, chả khớp với sinh hoạt nông thôn tí nào cả. Một tâm hồn duy mỹ nên, anh khoái Từ Công Phụng không là điều lạ!

Vậy mà tôi vẫn chưa đến được với nhạc Từ Công Phụng. Không phải ở tôi kém âm nhạc, càng không phải ở tôi chưa lần gặp mặt anh mà, chính ở khuynh hướng duy mỹ, ở cái đẹp thuần túy hiện diện trong âm nhạc anh, tạo khoảng cách còn lại, với tôi. Tôi không tin lắm vào lời giới thiệu của Du Tử Lê về Từ Công Phụng, rằng nó mang tính triết lý, rằng... Vì ca ngợi anh Phụng như thế, khác chi nhà thơ họ Du tụng ca chính mình. Bởi đa phần ca từ của Từ Công Phụng lấy từ thơ Du Tử Lê!

Trong lúc Trịnh Công Sơn không bao giờ sử dụng lời của người khác (Văn Cao cho Trịnh hát thơ của chính mình, là vậy), Từ Công Phụng, ngược lại, chú tâm đến giai điệu. Tôi cho rằng chính giai điệu ấy lôi cuốn họ đến với anh. Và ở lại. Khi tôi có ý kiến ngán về anh Phụng trên *Chamyouth*, một bạn trẻ gửi mail cho tôi toàn bộ sáng tác của anh. Tôi có đến hai bất ngờ: Vẫn có bạn trẻ Chăm yêu anh và

sưu tầm nhạc anh. Bất ngờ hơn nữa, anh vẫn còn viết, sức sáng tạo vẫn tràn đầy. Từ đó, âm nhạc anh mới thực sự thuyết phục tôi. Không nghi ngờ gì nữa: Từ Công Phụng là một nghệ sĩ lớn với cá tính sáng tạo độc đáo mà dân tộc Chăm đã sinh ra. Bất kể anh sử dụng tiếng Việt để thể hiện tâm tình hay chuyển tải ý tưởng. Chỉ có điều hơi đáng tiếc nơi anh, cho anh và cho cả Chăm: Anh chưa một lần nhận mình là Chăm trước người yêu nhạc. Làm thế, anh không lớn hơn sao? Lớn với Chăm đã đành, lớn với cả những người ngoài từng yêu mến anh nữa.

MA HỒI

Pađiak bilan pak năng thăng Tur. Cùm từ từng gây ngán ngẫm không ít với dân Phan Rang, khi nhắc đến nó. Tháng Bảy lịch Tây, năng kinh người. Trước đó, vài đợt mưa tháng Năm vừa đủ cho nông dân gieo và giữ nước nuôi đồng, đến lúa sắp con gái thì năng ập đến. Cả cánh đồng trắng xóa. Trắng mênh mông. Đất nứt nẻ. Lúa khô nằm chết như rạ. Bầy trâu thả được dịp long nhong ngoài đồng giờ chỉ là ruộng lúa vô chủ.

Năng thăng Tur gây kinh hãi, nó khiến nông dân sốt ruột mỗi sáng trưa chiều tối ngó trời. Ngó để mà thờ dài. Nhưng dù gì thì gì, nó cũng không thấm vào đâu so với *bhut bilan pak ma thăng Tur*. Cạnh ma thăng Tur, cái năng chỉ là món đệm lót lòng, cho thêm vị.

Chạng vạng tối là làng rộ lên tiếng kêu ma, đuổi ma. Đầu thôn cuối xóm. Tiếp nối nhau, đứt quãng hay đồng thanh. Nhà sang nhà. Tiếng chân người chạy rần rần nện vào nền đất. Rồi đột ngột tắt cả yên ắng, chỉ còn tiếng thì thào bí mật. Rồi là tiếng *murk phat bắt vong* vang to rờn rợn. Hãi nhất là khi con bệnh đến hồi nguy kịch, ông thầy *bhut* trèo lên nóc nhà vạch miếng tranh hú tên người bệnh. Như thể hồn người vừa đi xa lắm, phải hú như thế, nó mới nghe được mà chịu quay về. Đám nhóc chúng tôi nghe mà cứ nằm ôm gối thìn thít. Nông thôn Chăm những năm sáu mươi của thế kỉ trước vẫn còn heo hút. Thưa thớt và lác đác. Khuôn nhà cách nhau có khi cả trăm bước.

Lối “chẹt” rộng xe trâu. Người lớn chạy đi giúp nhau, bỏ đám trẻ lại nhà. Lớn xiu mới được cho đi xem.

Chiều chủ nhật năm Đệ Thất, xuất trại về, tôi chạy vội ra nhà dì D đang có chuyện. Người ta chuẩn bị vật dụng bắt ma cho dì. Làng xem như xem hát. Người dì xanh xao, gầy nhom và mềm như con đĩa. Người ta giăng quanh dì cái cà-tăng, dựng dì buộc vào cột, đốt muối ớt. Ông thầy đi quanh và đọc bài thần chú, chốc chốc quất roi *kuramai* vào mảnh thân ấy. Mẹ dì khóc nức nở. Tôi muốn hét lên rằng dì đang bệnh nặng, chứ không ma tà gì cả. Nhưng tôi tí đầu không thể ngăn một lối suy nghĩ thâm căn cố đế truyền đời được. Thằng này, chưa sạch vảy đầu biết gì mà nói. Mà không thấy hấn khai đó ư? Dì vừa khai có ma, kêu hoảng vài tên. Đánh quá thì khai. Không có gì cũng phải khai. Khai thì bị đánh thêm cho xỏ hết ra. Rồi như có kẻ mách, các thầy giữa đêm hôm lặng lẽ kéo nhau lên thổ mộ bắt ma tại nấm mồ người mới chết đang gởi tạm thần đất. Mới yên. Vẫn chưa yên. Ma đói hay bị chết oan, tối hôm sau quay lại hoành hành.

Người trong họ vừa mất. Dì M bị ma nhập, nằm cứng đờ. Anh Tin lôi tôi chạy qua xóm Dưới kêu chú. Mẹ hốt hải đi tìm ông Mục, thầy cao đạo. Ông thầy này ít đánh ma hoặc nếu có, cũng chỉ đánh vờ lấy lệ. Ông tặc nói ngọng, lũ ma nghe tiếng ông là... chạy vãi đá. Chúng cứ đoán mò, biết có phải ông kêu tên mình không kia. Thôi thì cứ lo thoát thân đã, tính sau. Chú D lúng ta lúng túng hết bóp tay chân lại lay mình dì. Chả hề hấn gì cả. Nhưng khi ông Mục vừa bước lên bậc cửa: “N[g]ó [đ]âu?” thì dì mở to mắt trở: “Ờ xó cửa đó.” Thế là thoát. Chú Chương ngồi ngoài sân nói vọng vào: Chị làm nũng ông anh chớ ma đâu mà ma!

Nổi hư hư thực thực ma ma người người lẫn lộn cõi âm dương ẩn ẩn hiện hiện trong thôn xóm Chăm thuở ấy. Tôi không tin ma nhưng cứ sợ. Mọi đám tang người chết trong họ, tôi rất năng *nau glai đi*

rừng. Đó là tối đám lên. Lũ trẻ với cánh phụ nữ được dẫn ra ngoài làng sát bìa rừng ngồi chụm lại thành vòng tròn cho ông thầy *tiap kalong đuổi tà*. Ai giành được ngồi lên *gai hahluw khúc gổ đầu* là phước lớn. Ông thầy đọc bài phù chú bằng giọng vang, trầm bổng, gai người. Cuối mỗi bài phù chú, ông chấm dứt bằng cụm âm *phèng phèng đô... ố... ố... ố...* mọi người đồng thanh hô vang *đô ố ố...* Hô mà lòng tay cứ dựng đứng. Xong, chúng tôi đứng dậy, *lah dhan traung dhan aik xé nát cành cà cành é* cầm sẵn trong tay. Như một biểu trưng cho âm dương cách biệt. Tuyệt không ai ngoảnh lại nhìn, khéo con ma biết đường tìm về quây phá.

MA HỜI

Vất vương ở đường biên đêm và
ngày những con ma Hời giữa sống
và chết sự thật và huyền thoại
mù mờ lơ lửng trên lằn ranh
vắng mặt và có mặt. Những con
ma Hời tưởng đã mất hôm qua
vẫn còn hôm nay lăm lụi giữa
quen và lạ xa lánh hay gọi
mời. Những con ma Hời vật vờ
giữa âm và dương trên đường biên
thế kỉ cũ và mới. Những con
ma Hời đã mất thân xác nhưng
chưa hóa linh hồn Cham Hroi chối
từ Cham Jat không nhận dất nhau
đi và về dọc đường ranh duyên
hải và đồi núi miền Trung vào
giấc đêm chưa qua ngày chưa tới.

Những con ma Hời hết làm người
nhưng chưa thành ma lấp lửng khu
lều trại trước cửa thiên đường và
địa ngục không đói rét cũng chẳng
no đủ. Những con ma Hời cắn
cước tên người họ ma quá khứ
đã xóa sổ tương lai chưa ghi
tên tạm trú dài hạn đường biên
hai thế giới. Những con ma Hời
Năm thế kỉ qua.

(Chuyện 40 năm mới kể 18 bài thơ tân hình thức, 2006)

Chăm chia đời người làm ba phần. Đúng hơn: ba lần sinh. Cha mẹ sinh thành và dưỡng dục là chuyện đã rồi. Con trai Chăm khi cưới vợ, chàng toàn quyền chọn cha mẹ thứ hai. Chăm gọi là *inur amur mẹ cha*. Chỉ *inur amur* mới dẫn chàng rể và đoàn tùy tùng phò trợ về nhà vị hôn thê, cầm tay chàng giao cho *inur amur* vợ chưa cưới. Chỉ *inur amur* mới đủ tư cách dắt tay anh vào phòng cô dâu làm thủ tục cuối cùng, cho anh chị... sướng. Cha sinh mẹ đẻ - không! Họ đã “hết” trách nhiệm với đứa con. Ông bà chỉ đến nhà sui gia sau đó, lặng lẽ như thể đi lén. Đó là lần sinh thứ hai. Lần cuối cùng, là khi bạn vĩnh viễn trở về nhà, cấp *Paxeh* làm thủ tục sinh nở cho bạn. Buổi sáng cuối cùng của đám tang, động tác *jan patuw ging đập ông táo* tượng trưng cho thời khắc vỡ nước ối trong bào thai mẹ, chuẩn bị thao tác cuối chót cho bạn *chào đời*. Từ ngày lên giàn lửa đến *Patrip bak bilan Giỗ đầy tháng*, bạn vẫn còn bám váy mẹ, ở đó thầy *Paxeh ppahwak* là đại diện. Đến sinh nhật đầu tiên, *Paxeh talang* là người cha làm lễ công nhận bạn đã chân cứng đá mềm, đủ sức lon ton theo cha vào rừng. Hai, ba mươi năm sau, khi đã to căng cổ vai, bạn tách

khỏi cha mẹ, và *Ppo Dhya* cho bạn nhập *kut*, dẫn đường bạn vĩnh viễn vào đời.

Cái chết và sự hủy diệt chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống triết học Bà-la-môn. Trong ba vị thần: Brahma, Vishnu và Shiva thì thần Shiva sắm vai chính. Chăm cho chết là mặt khác của sống, là sự hoán cải hình tướng của cùng một hữu thể. Hủy diệt để chuẩn bị cho sáng tạo cái mới. Hủy diệt chính là sáng tạo. Trong nghệ thuật tạo hình Champa, tượng thần Shiva chiếm số lượng khổng lồ. Chăm thờ Đấng Hủy diệt, nặn tượng Đấng Hủy diệt. Cùng với nó là cái chết đi vào cuộc sống Chăm, vào phong tục tập quán và cả văn chương.

Ariya Nau Ika Thor Di Buôn. Cuộc sống như là chuyến buôn, một cư ngụ tạm bợ.

Krum blauh hu bila

Tamuh ngauk raung kara o hu akauk

Diang nhu talei kabwak

Asaih khauk ngauk raung kara

Asaih khauk kara kamrau

Ppo dom langau prew thauw asaih

Thân tre lại trở ngà

Mọc trên lưng rùa khô

Giăng bằng dây lông thú

Ngựa phi trên mu rùa

Ngựa phi rùa kêu la

Người ghì cương thét ngựa

Khai đề bài thơ, đã thấy khác thường. Khác thường ở ba câu đơn về đàn *kanhi* của ông *Kadhar*, luận lý của ta còn nghe được; riêng với ba câu đơn dưới về việc chơi đàn của nghệ nhân thì lối suy luận hợp lý đành chịu. Không phải nghệ sĩ đang chơi đàn mà chính cây

đàn đang “chơi” nghệ sĩ, nó cuốn nghệ sĩ chìm vào dòng thác của cảm hứng và sáng tạo đến nỗi người nghệ sĩ muốn dừng cuộc chơi cũng không được. Với lối mở như thế, thi phẩm chắc chắn sẽ báo hiệu những khúc ca vui. Cuộc sống là cõi tạm, và trần gian này chỉ là quán trọ cho lũ khách dừng chân trong chốc lát rồi phải ra đi biệt. Nhưng không vì thế mà lũ khách phải buồn chán hay bi quan mà phải coi đó như là lý do để vui sống. “Chúng ta đến trần gian này trần truồng và chúng ta trần truồng rời bỏ nó” - Cervantès. Nói như thế thì trần truồng quá. Thi sĩ Chăm láu lỉnh hơn:

Mai ikak mừng di kal mai thauh

O hu sa bauh gorm di tangin

Mai tɔl urang alin

Brah sa patil, lak sa kalaug

Hôm xưa ta đi buôn

Có hai bàn tay trắng

Mới tới người bạn dưng

Gạo cần và rượu lợ

Bạn đã được bạn đủ tất. Vậy sao không vui vẻ mà thụ hưởng đi? Cả khi trở về trần truồng, bạn vẫn được kẻ đưa rước với tiếng chiêng trống rập rình, tiếng nói cười rộn rã. Đây là cảnh tiễn đưa trong đám tang:

Drop mừng aphauw ba twei hadei

Tabiak nau urang kaung dwa gah

Ahauk ngak payak dauk cang rađik

Tabiak nau ahauk siam đik

Của cải người mang theo sau

Đi, hai bên người hầu hạ

Thuyền người đón sẵn ngoài kia

Ôi chao chiếc thuyền xinh lạ

Vậy thì bạn còn chần chừ gì nữa? Còn đợi mời hay sao? Chăm không có ý niệm gì về người ta *đều mang tiếng khóc ban đầu mà ra* cả. Họ ca ngợi cái đến, cái ở lại, cái đi, nhất là họ ngợi ca thái độ ra đi của kẻ đã khăn gói lên đường làm chuyến buồn dài:

Klauh thun harei jang tơl

Su-on lo ka nurgar đih klak lisei

Năm hết ngày cũng đến

Nhớ quê năm bỏ cơm

Chuyến buồn khởi thủy không vốn nên đừng mong có lãi ở chung cuộc. Vậy thì chớ sắm sửa của cải mang theo ta, vô ích. Của cải cũng mất, ta cũng chẳng nghe.

Đây là một hành động chết nhẹ tênh. Kể rằng Nguyễn Du, khi biết mình sắp mất, bảo người nhà xoa nhẹ thân mình. Khi được người nhà cho biết nó đã lạnh, ông thốt lên hai tiếng: được rồi, và nhắm mắt. Đó là một thái độ nhận phận và yêu mệnh *Amor Fati* của triết gia, một cái nhìn bao dung với cái chết. Ở Nguyễn Du vẫn còn có phân cách năng sở, có người sắp chết và cái chết. Ông chưa coi chết như cuộc trở về *sang nhà* của mình, nên chưa thực sự nhập cuộc. Vẫn còn đó cái nhìn ngoái lại của kẻ ra đi.

Chăm thì khác. Họ khát sống nhưng thêm chết. Sống hân hoan và chết vui vẻ. Cái chết là của mình, thuộc sở hữu của mình, một miền cố quận gọi đầy nhớ nhung, luôn vẫy gọi ta ở trước mặt. Là nhà buồn, bạn sẽ trở về lúc nào không biết, nhưng chắc chắn là trở về. Vậy hãy vui vẻ lên đường, vẫy tay giã từ trần-gian-quán-trợ, từ biệt người lạ người thân, sẵn sàng châm chọc nếu họ có rơi nước mắt “khéo dư” ấy. Lên đường nhẹ nhõm, không tiếc nuối, không lo nghĩ cho trần gian. Đã có người lo nghĩ rồi, quá nhiều nữa là đằng khác.

Nhưng đời đâu thiếu kẻ tham lam. Có bà ham ăn, di chúc cho con cháu *ppaphworl* đốt thật nhiều bánh trái. Thế là về nửa đường, không gánh nổi, bà báo mộng cho cháu út mời thầy làm lễ sót bỏ lại. Khốn cả đôi đường! Ai bảo? Ông T làng Thon, trước khi nhắm mắt, đã dặn lui dặn tới vợ con: - Tao chết đi, không mang gì cũng được, phải có thật nhiều cái *mò ting*. Thế là buổi sáng thiêu ấy, mấy bà sồn sồn hai ba lửa tranh nhau hái và ném hái ném vô số kể cho ông. Tham thì thâm, ông dùng không thấu, bước đi mà hai chân cứ như bò lết lên nẻo thiên đường. Lại phải báo mộng, làm khổ vợ con. Nhưng vụ này thì rắc rối hơn, gia đình ông phải làm *Limur xalau lithei Năm mâm cơm* chuộc tội, mời bà con về xơi, mời cả quý bà hái và ném khi ấy mạnh ai về nhận lại... đồ mình!

Không khéo ông thành ma Hời thì chẳng biết đường nào mà mò.

Ma Hời, Chăm còn ngán, huống chi.

Người *Cam dar Chàm chôn* làng la Li-u, la Binguk hay Binurn, sau khi nhờ đất giữ một thời gian, được giở lên làm đám. Bà con không làm lễ thiêu như *Cam cuh* mà chôn lại lượt nữa. Chôn xong bỏ về tắt, như chẳng có gì xảy ra, chỉ cấp *Paxeh* ở lại làm các thao tác cuối cùng của lễ tục. Người chết không còn dính dáng tí ti nào đến họ nữa. Về mãi thôi nhé. Người Raglai thì cho tất cả họ hàng đi trước, bà *Pajuw* theo sau làm lễ, sau rốt là người ngoài tộc kéo lùm chà gai xóa hết dấu chân người ở lại. Bốn mươi ngày sau mới làm *Padhi Giố*, coi như xong một đời người.

Bà con dẫu ngán ma Hời tới đâu, vẫn thương, vô cùng thương.

Kẻ chết hoang không có cái may hưởng trọn lễ; chết bởi nghèo cực hay người cuối cùng của dòng họ không còn; kẻ chết xó núi cuối rừng; kẻ chết trận mạc xa làng khác tên gọi, chết do hổ vồ voi đập, chết nước không được tới cái chẳng được gần, họ thành ma Hời. Những oan hồn vất vưởng nơi đường biên, ở mọi đường biên trong bể khổ trần gian này.

Chớ nghĩ khi ta đổi đạo, lấy vợ khác tộc, đã lưu lạc tận trời Đông trời Tây là ta thoát kiếp phận ma Hời. Chăm lấy vợ Việt nơi xó xỉnh xóm nghèo tỉnh Đồng Tháp cả đời không nửa lần quy hồi cố hương, trước khi nhắm mắt, dặn đi dặn lại bà vợ có mỗi thứ: - Mình báo cho người nhà anh biết để nhận anh về làm đám thiêu mình nhé. Vậy thôi. Không di chúc chia đám ruộng này cho cái Tắm, con bò kia cho cu Bình. Càng không phải trả cho bằng được mấy ân oán giang hồ vướng lại nơi cuộc người. Không về, bà con làm *Đám qua đêm* thì tội lắm mẹ nó à. Chăm ở Mỹ cũng đã biết lên máy bay Boeing 707 trở về trong chiếc hộp đẹp để lo chuyện vào *kut*.

Anh CC bạn học cũ, cải sang Đạo Chúa hai chục năm rồi mà cứ phải dính. Anh cắt đứt mọi dây nhợ với phong tục cha mẹ xưa, nguyện suốt đời phụng sự Chúa. Và chỉ có Chúa. Hơn cả một tín đồ Tin Lành truyền đời. Mất, anh còn di chúc dứt khoát chôn anh theo đường Đạo. Chính tờ di chúc được viết bằng thứ chữ đầy tính mỹ thuật kia mà người họ hàng đã không dám đụng đến thi hài anh hôm chôn cất. Họ đứng trơ đó, ngó “người ta” mang *kaya murh đồ quý* của mình đi. Nhưng chuyện dừng tại đó thì còn may. Chăm mà! Tối hôm sau thôi, đói quá, anh về đòi ăn, khiến cả dòng họ hoảng hồn. Làm sao đây? Ông hứa trời trăng ông sẽ không quấy ai cả, ông yên ông lành đến nằm trong vòng tay Chúa, có thành ma quỷ gì đâu mà nói quậy với không quậy. Nhưng ông đã về lù lù đây nè! Cả làng đều thấy ông, đích thị không ai khác. Thế là làm lễ chuộc tội. Và đám tang ông được diễn lại như... xưa!

Ông HC lấy vợ Bani, nhập Bani, làm người Bani thuần thành, được cộng đồng Chăm Bani xem là người của mình, đầy uy tín. Chết, ông cũng đã được hưởng lễ như người Bani. Nhưng cuộc người đâu đơn giản vậy. Tuần sau, tối tối người làng thấy ông về men hàng rào căn nhà mẹ xưa mà... khóc. Rất tội. Họ hàng phải qua xin cải mả mang xương ông làm đám tang như Chăm... Bà-la-môn.

Asar bha urang, talang bha drei Thít phần người, xương thuộc phần mình. Thôi thì lúc ông còn tràn khí thế, ông nổi hứng qua bên nhà bác phục dịch xăng xái rồi, đóng góp bao nhiêu là công điểm rồi; nay ông sức cùng lực kiệt chỉ còn bộ xương cách trí, nhà bác cho em xin lại, đưa ông vào *kut*, cho bằng chị bằng em. Đôi bên thuận thảo vui vẻ, ông cũng vui vẻ về. Chứ không như cái bà ở Phú Yên chả biết điều nào đó, hét bao nhiêu là tiền chuộc mới chịu trả cho biết cái mà mà thân xác ông chồng đầu gối tay ấp khi trước gởi nhờ. Có Chấm nào tưởng tượng nổi chuyện động trời ấy không chứ!

Chăm tin thần linh đành rồi, họ tin ma Hời chả thua kém. Ma Hời đủ dạng. Ma Hời cấm Chăm làm bậy, ngăn Chăm từ bỏ phong tục tập quán cha ông và, khiến Chăm không dám chối Chăm. Ông quan hiện đại nọ, để tỏ ra ta đây duy vật biện chứng khoa học đầy mình, ngay trong tháng Katê linh thánh, đã to gan mỗ bò đái khách, thì ngay tháng sau thôi, gia đình bị *khiến tới* bao nạn. Nhỏ thôi, như thể ma Hời cảnh cáo độ lượng khoan hồng ông lần đầu đại dột. Chứ bà nọ tham của *Yang In* là ma Hời hóa thân, bị Yang In vật cho chết ba đứa con liên tù tì, phải cậy Cei Halim Mưh báo cho biết, mang của nợ đi trả, mới tai qua nạn khỏi. Ở đó mà đùa. Ông Đ đám cưới con gái, đã ngang bướng cắt cổ dê thết khách khứa, thằng cháu ruột cuối cấp Tiểu học đi học về buổi trưa xin miếng bánh “con ăn lần này nữa thôi” và rồi nó đi luôn. Chính ma Hời là kẻ dẫn đường nó về. Chăm kêu là *hanauh hờn*. *Laik di pabah di dalah rơi vào miệng lưỡi* đời. Hờn thôi mà đã vậy, giận nữa thì có nước giở làng mà chạy. Kể rằng có kẻ lấy cắp vàng Hời đã bị ma Hời làm cho tàn mạt cả dòng họ. Đến hồi không kịp.

Sử gia Tạ Chí Đại Trường ghé tôi tại quận Tư mùa hè 2008. Ông già gân, cảm nhận đầu tiên của tôi thế. Ông nói suốt ba tiếng đồng hồ, quên cả cơm trưa. Mỗi khi Hani lên chào ông và mời dùng tạm bữa cơm gia đình ông mới sức nhớ ra là đã quá ngọ. Ông có lối viết

sử đầy ma thuật. *Tù nhân Chăm* từng là một ám ảnh lịch sử. Nó càng ám ảnh hơn, khi được ngòi bút ông già gân đọng đến.

Tù nhân Chăm. Đi và chết dọc đường, đi rồi trở về hoặc một đi không trở lại. Họ đang ở đâu, trong thế giới mù mịt này? Thi thể nằm lại Châu Hoan, Châu Ái hay trôi Châu Giang, nắm tro tàn có vào năm am nhỏ khuất lấp cõi ta bà hay con cháu họ đang là những sinh linh cặm cùi dưới khóm dừa Yên Sở, Đắc Sở để nguôi nỗi nhớ quê? Vua, chúa hay cung phi mỹ nữ? Nghệ sĩ, nhà khoa học hay thợ thủ công? Ai còn ai mất? Con cháu chắt chít họ còn nhận ra dòng máu Chăm chảy trong huyết quản không? Họ đã, đang và sẽ thành ma Hời, một khi chưa hưởng đủ đầy lễ nghi cuộc sinh hạ lần thứ ba của đời người cho phần số lỡ kiếp làm người. Linh hồn không nhận được sự tôn trọng tối thiểu. “Không phải vì thán phục lòng trinh tiết của người phụ nữ này mà chính là lo sợ sự báo thù từ cõi thiêng.” Không được vào *kut*, họ làm ma Hời. Thành ma Hời, họ trôi dạt dờ dề soạng và tìm cách “báo thù”. Họ đã từng báo thù, như người đời nghĩ. Con người khác loài vật là biết chôn cất người chết, ai đã nói thế? Không như người Ấn mà nắm tro được thả trôi sông Hằng thiêng liêng. Như thế thì hư vô tuyệt đối quá. *Kut*, với Chăm là chốn cuối cùng để về. Dù *kut* sau đó trở thành *kut* hoang, nhưng Chăm đã có nơi trở về. Họ đã *xé cành cà cành é*, hết còn vương vấn cõi trần gian triền phược.

Họ về, mãi mãi.

“Mùa hè 1992, tôi tháp tùng Hà Văn đội nắn đi quanh vùng ngoại vi Caklaing khảo sát *kut* hoang. Caklaing là làng cổ nên xung quanh nó có mặt ôi thôi là *kut*. Nơi xó kẹt thế giới bị lịch sử bỏ quên này, nắng và gió thừa thãi các nơi đổ tới. Chúng nung và xoáy dân quê tôi trong lòng chảo chật chội của vũ trụ. Cứng cáp, gân guốc, dồn nén đến tận cùng để bật ra mẫu dáng quần quai phiêu bồng. Như mấy bụi cây cành lầy từ núi Chàbang đang được thị trường ưa chuộng.

Trong dáng đau đầu kia, biết bao là khắc nghiệt và khước từ của thiên nhiên! *Kut* hoang lè lè nằm vô danh giữa, sau hay dưới khóm xương rồng xanh gượng. Đã có bao nhiêu bị cát bụi vùi chôn? Chúng tôi thử làm thống kê: *Kut Ppo Ong*, *Hamu Bơn*, *Hamu Kut*... 14 *kut* tất cả. Cái nằm xa làng nhất cũng chỉ hơn cây số. Chưa kể 6 *kut* sống đang được thờ cúng. Chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh... nhiều dòng họ mất đi người cuối cùng. Nghĩa là đã có hơn mười bốn dòng họ lớn đi qua *Caklaing*. *Kut* hoang, nhưng nó luôn được Chăm tôn kính. Không ai dám giẫm đạp lên đá *kut* hay đùa chơi trong khuôn viên *kut* chính. Một *kut* hoang đầu làng, thuở nhỏ lũ chúng tôi có nghịch ngợm mấy cũng biết kiêng kị lánh xa. Chớ dại mà đạp lên đá *kut* sẽ bị *kut* hành có nước ôm cái chân sưng vù mà khóc. Tin đồn về một nhân dân tiến bộ Chăm đào đất *kut* và bị dòng họ trong làng làm dữ lan truyền rất nhanh. Dù sau đó cái tin thất thiệt được cải chính, song sự thể đủ nói lên vị trí tuyệt đối của nó trong tâm thức Chăm.

(*Chân dung Cát*, 2006)

Với kẻ biết điều, ma Hời cũng lành chán. Không như Ma Lai chuyên rút ruột trẻ con, ma Hời chỉ sờ soạng dắt nhau đi vào đêm tối trời hay dưới bóng trăng lu. Lặng lẽ. Chúng không trực tiếp làm hại kẻ gây oán cho mình, mà chỉ *xui khiến* tới. Cùng lắm, chúng gây khó dễ chút đỉnh, như muốn nhắc nhở kẻ nghịch ngợm.

Phùng Xuân có trang trại ở Bảo Lộc đã lắc đầu quày quặt cho tôi hay mấy anh chị Chăm làm công sao cứ sợ gò mối. Gò mối lù lù ngoài rẫy không dám đụng cây cuốc cái xẻng thì còn có lý, chứ con mối bò vào chòi phá đồ đạc, có la bảo cũng không ai dám động tới, là sao. Chúng là thứ côn trùng thôi mà. Tôi nói loài mối là ma Hời hóa thân. *Gò mối sống* là nơi trú ngụ của sĩ quan các cấp ở thế giới bên kia. Động vào, nó hành phỏng tay chân, nóng ran trong người, phải mời thầy *Ew katoc Cúng gò mối* mới lành. Đám tang, thầy phải qua *katoc* vờ các sĩ quan về giữ nhà với trấn bốn góc rạp đám; xong lễ

thì tiến chư vị về tận chốn cư trú. Mỗi vào nhà là sự đi hoang lạc bước nhất thời của ma Hời, chỉ cần thầy làm lễ mọn mời họ về cố quận là xong. Chứ sát hay phá thì mang vạ chớ có trách.

Tôi không tin ma, nhưng sợ.

Tôi không bao giờ động đến thứ nào trong hệ thống tập quán rậm rạp rườm rà của Chăm. Làm ngược lại hay chống, càng không. Tôi còn thích thú với chúng nữa, có lẽ. Năm tôi cạo đầu tập sự làm chú tiểu, mẹ hoảng lên tưởng tôi bị ma nhập, một hai dẫn tôi qua nhà ông thầy người làng quê ở Xóm Cửa đuổi tà. Tôi nhìn ông đọc thần chú với vung cây đao loạn xạ khắp phòng mà bấm bụng để khỏi bật cười. Đột ngột, ông hét lên một tiếng và chém cái vù vào không khí, từ miệng ông phụt những tia nước. Ông đưa cây đao cho mẹ xem máu quỷ nhập tràng ông vừa chém đứt cổ. Tôi bật cười thành tiếng: - *Krat amaik chàng hiu, mẹ à*. Tôi nói với mẹ bằng tiếng Chăm. Mẹ vội vã dúi vào tay ông thầy mớ tiền rồi lôi tôi ra cửa.

- Sao mà cứ làm mẹ khổ! - Đi một lúc, mẹ nói.

Năm tôi tứ thập, đã có gia đình với ba thằng cu, đang là dân Sài Gòn văn minh tràn ánh sáng, mẹ kêu tôi về quê *Buh kalih tuh ia Tấy uế*. Thân tôi đã gầy, tâm hồn tôi đã nhuốm và mang bao nhiêu là tội lỗi, tôi biết.

Sống có nghĩa là mang tội – tội lỗi bày ra
không cho ta sám hối, càng không để sẻ chia
nó xóc ta cô đơn sòng bạc cuộc đời
(*Lễ Tấy trần thánh Tư, 2002*)

Tôi vui vẻ chấp hành, ngồi ngay ngắn cho ông Mục Ngọng lễ. Ngồi đó, tôi nghĩ về một nhà thơ đầy chất trí tuệ như thiện hạ cho là thế, triết gia tương lai của Chăm đang để mặc cho ông thầy Bà-la-môn ít học tẩy uế mấy vấy bẩn cuộc trần gian cho mình, mà ngấm ngấm cười. Nhưng không, tôi lắng nghe thành kính ông. Từ giọng đọc cho

đến tiết điệu ngôn từ bài thần chú. Thằng Klu có thể bị *murnuk jruw asuw chait gà nháy chó bước qua đầu, gawk panwọc gawk kadha tiếng nặng tiếng nhẹ của người đời...*

Peda thun peda bilan peda harei

Thun jhak bilan crih, thun bih bilan kơm, thun yuw bilan cauh

Peda di ciew đih anih padei, peda di lithei hwak ia murnhum

Peda di murnuk jruw asuw likau

Peda di xộp đom panwọc pwọc urang kurba yai yak patak parai

Peda di yang dờ kalan

Peda di jalan nau tappa kraung ribaung ia di tuk bak jala, jalan canah dwa canah kluw

Peda di kayuw dhwa ralo urang padei di krurh ppak padiak

Peda di ia nhjak ia nhjor di than ginuk di likuk yang dhwa di agha kayuw, patuw patih, abih gaun yang...

Tội lỗi năm tội lỗi tháng tội lỗi ngày

năm xung tháng hạn, năm độc tháng tang, năm chẵn tháng lẻ

tội lỗi cùng chiếu ngủ chỗ ngơi, tội lỗi ở cơm ăn nước uống

tội lỗi bởi gà nháy qua chó bước lại

tội lỗi do lời ăn tiếng nói có kẻ kiện cáo buộc tội tại tòa án trần gian

tội lỗi ở khắp tháp thần

tội lỗi lối đi qua sông nước giữa trưa ngày, đường ngã hai ngã ba

tội lỗi dưới cây cao bóng cả người người nghỉ chân trưa bao la nắng

tội lỗi chốn nước hạn giếng khô, dưới tàn cây um tùm, sau bóng tháp hoang, bên gốc cổ thụ, nơi tảng đá trắng

tội lỗi với mọi mọi lệnh thần...

Bài thần chú quá hay. Rất đáng để.

Chăm sợ chết thành ma, ma Hời. Ma Hời sống vật vờ xuyên thế kỉ hay ma Hời hiện đại cũng không gì khác. Người già nằm giường lâu ngày không chịu *đi*, Chăm có thể làm lễ *Ikak dhaung Buộc dao*. Cho người được về sớm, để kịp ngày lành tháng tốt làm đám thiêu. Có thể xem đó là một đồng dạng với chủ trương cái chết không đau đớn sau này. Đây là trường hợp cực hiếm. Nửa thế kỉ, Caklaing chỉ có mỗi ca duy nhất. May, ông cụt đi ngay vài giờ sau đó. Ít thầy nào chịu thực hiện lễ tục kia. Bởi, ví buộc dao mà người bệnh không chết, tội lỗi vô cùng.

Người chết không được làm đám thiêu thì thành ma. Ma bị bỏ bơ vơ vất vưởng thế kỉ này sang thế kỉ khác thì thành ma Hời. Cuộc thế biến thiên ai mà lường được. Chăm trải bao nhiêu nỗi thương tâm, kinh nghiệm đầy. Nên chớ trách bà mẹ sẵn sàng dợ con, chỉ để lo cho trót nghĩa vụ cuối cùng của cuộc sống lứa đôi là thiêu đốt, rồi trả *klaung* chồng về cho họ hàng nhà chàng. Như mẹ tôi đã mừng như thể được vàng, khi từ đám thiêu cha trở về vào buổi chiều tháng Sáu năm 1999.

Em gái tôi cũng hết.

Tháng 10-2008. Đám thiêu mẹ rơi đúng mùa mưa. Trước đó, mưa liên miên. Bốn ngày mẹ *Tagok bbongLên ăn*, mưa khi to khi nhỏ. Sau đó, mưa như trút. May, mẹ không bị ướt mưa. Thời điểm đám lên, trời khá sáng cho thợ thư thả *Murk habei Nhật khoai*. Ngày *Đốn gỗ Tak kayuw*, đài khí tượng báo mưa suốt ngày, thế mà trời chỉ lất phất, có lúc trời còn nổi hứng ửng nắng nữa. Đặc biệt là tối *Tak kayuw*, anh Ngọc tin cho hay sẽ có mưa vừa cả đêm, nhưng không dưng trời nín khóc. Sáng thiêu, đài dự báo mưa rất to thì trời lại lóe nắng và đưa về ít gió cho ngọn lửa tiến nhanh mẹ về trời.

Tiến đưa mẹ về, chiều, em Những làm bữa tiệc nhỏ đãi anh chị em.

Tối, trời lại mưa.

CHĂM - ĐAU KHỔ, KIÊU HÃNH BÍ ẨN

Thế giới đã nói nhiều về bí ẩn kĩ thuật xây tháp Chăm. Làm thế nào các viên gạch chồng khít và gắn chặt vào nhau mà không cần lớp vữa, đến nỗi đập vỡ còn dễ hơn tách hai miếng gạch? Tại sao gạch Chăm không bị mốc sau hàng ngàn năm, trong khi các viên mới tháp vào chưa tới chục năm đã rêu bám? Chăm làm xong tháp rồi chất củi nung, là giả thiết ngây ngô nhất. Nổi hiện diện của bao nhiêu lò gạch suốt miền Trung bác bỏ giả thuyết đó. Các viên gạch được mài chập vào nhau cho đến khi kết dính, cũng là một giả thuyết. Hay người Chăm xưa xài đến dầu thực vật? Còn bao nhiêu giả thuyết nữa? Ông Chinh miệt mài ra tay thử và thử, cuối rồi cũng xong ngôi tháp hiện đại đầu tiên. Còn nó sẽ trụ vững không và trụ đến đâu thì chỉ có ba đời ma Hời mới hiểu. Dù gì đi nữa, kĩ thuật siêu tuyệt kia đã biến. Biến mất cùng vương quốc hùng mạnh và ngạo nghễ một thời. Như kĩ thuật đóng tàu viễn dương đã. Cả các bài thuốc gia truyền, thiên văn học, vân vân nữa.

Người ta đã nói nhiều về kĩ thuật tạo dáng hay lối chạm trổ tuyệt kĩ của nghệ nhân Champa xưa trên các đồ trang sức bằng vàng, bạc. Vũ Kim Lộc mày mò tìm ra chất “khăng” hỗn hợp nhựa thông và đất sét đơn giản nhưng đầy bí ẩn đó. Các nhà nghiên cứu cũng đã đề cập về huyền thoại loại giếng vuông Chăm còn phơi mặt dọc duyên hải miền Trung nắng hạn nhưng chưa bao giờ khô nước, về gốm Bàu Trúc - một trong vài làng mà kĩ thuật chế tác và nung gốm cổ sơ nhất Đông Nam Á còn tồn tại dai dẳng, về vị vua đầu tiên của

Đông Nam Á thuộc Ấn Độ giáo - vua Gangaraja ở đầu thế kỉ thứ tư, vừa lên ngôi đã nhường ngai vàng cho cháu, để làm cuộc vượt đại dương sang bờ sông Hằng... Người ta đã nói nhiều về chúng, tốn bao giấy mực lý giải sự ra đời và biến mất của chúng - những bí ẩn Chăm xa xưa với bao nhiêu kỉ lục.

Tôi thì khác, tôi muốn kể câu chuyện về huyền bí của đời sống Chăm hiện đại. Chăm đang sống cuộc sống kì diệu của ngày hôm nay.

Bí ẩn với huyền bí, khi ta không biết về nó, ít biết hay chưa điều kiện biết nó nên nó tha hồ tỏ ra... bí ẩn.

Cei Halim Muih là huyền thoại trong Chăm. Cei *đơm đậu* vào ai nấy được, bất kể ông hay bà, người ta cứ kêu là *Cei chú*. Khi đó, Cei ở Bính Nghĩa. Chuyện *talang xương cốt* Chăm Bà-la-môn là vấn đề trọng đại muôn thuở. Trong đám thiêu, chín miếng xương trán của người chết được lấy cẩn thận, cắt nhỏ và mài tròn cỡ đồng xu cho vào lọ bằng đất sét. *Klaung* này được mang chôn gốc cây, hốc đá ngoài rừng. Cho đến hai, ba mươi năm sau, tất cả *klaung* của dòng họ mới được tập hợp lại để làm lễ *Nhập kut*. Chiến tranh với di sản, con cháu hay dòng họ phiêu giạt làm ăn thường xảy ra tình trạng quên mất dấu.

Tìm đâu mà tìm? Nếu được thì lấy gì biện biệt ông nọ bà kia? Một dấu hiệu nhỏ cũng không có: tuổi tên không, còn lọ như lọ. Thế là phải chạy đi nhờ Cei. Cei phán lọ ông Phang đang nằm hốc đá này, hướng mặt trời ấy. Con trai út dờ đi mà chẳng nói với ai lấy một tiếng. Ông theo vợ làm ruộng tận Phan Rí, rồi chết trận lụt năm con Trâu thì có ma mới biết *klaung* cha mình ở đâu. Còn của bà Kak vẫn còn nằm dưới gốc cây *cang* kia thôi, ba mươi năm chớ ít ỏi gì đâu, sao ngu thế, rễ cây to thêm làm vỡ lọ đất rồi còn gì. Đến đó bứng gốc cây thì thấy, nhưng nhớ mang sàng theo tìm đủ chín miếng đấy nhé.

Mọi người đổ xô nhau, cuốc với sàng, trứng gà với chai rượu. Như thần: nó có đấy. Không tin sao được. Cei phán tiếp: Cái này là của chú kia mới chết năm con Chuột, lọ kia không phải của mẹ bà này. Cei khiến họ như thể điều quân trong bàn cờ tâm linh huyền hoặc. Mọi người cứ thế mà rầm rập.

Đó là cuộc tìm xương Họ *Anak* tôi vào mùa hè năm 1969, sau đám tang bà Mai. Mọi người trong họ túm tụm giữa sân nhà bà Juk, nín thở theo dõi từng động tĩnh của Cei. Xóm giềng xem như hội. Đột ngột, như từ cõi trời lao xuống mặt đất đau khổ và trần trụi, Cei phán: - Về đi, xong rồi. Sắp có chuyện to rồi. Lúc đó chưa tới mười giờ tối. Mọi người ngơ ngác. Ông Klong Thân còn muốn hỏi thêm Cei vài câu. - Ta nói về đi, Cei thối tắt phụt ngọn nến trên khay trầu! Mẹ bảo mày với anh Đạm về trước đi. Hai anh em tôi về. Sau lưng tiếng bước chân, tiếng nói cười rôm rả.

Vừa mở cánh cổng, thì loạt đại liên nổ inh tai. Sau đó tiếng bom, tiếng súng các loại loạn xạ. Rất gần. Trận đánh diễn ra ngay nhà bà Tiểu cách đó chưa đầy trăm bước. Anh Đạm lôi tôi chui bừa xuống gầm giường ngoài hiên. Anh em ôm nhau run cầm cập. Mẹ cha chưa về kịp. Mấy đứa em đang trong nhà. Có tiếng bước chân lính chạy rần rần ngoài ngõ. Tiếng người bị thương kêu thét. Tôi chứng kiến hơn chục lần vụ Việt cộng vào làng, có bao giờ súng đạn gầm rú như thế đâu. Đó là đêm kinh hoàng nhất của làng Caklaing, suốt hai mươi năm chiến tranh.

Vẫn chưa lấy gì làm to.

Trước đó hơn chục năm, làng tôi chỉ một dóm. Trạm thông tin đặt tại nhà bà Cò giữa làng. Hai lính địa phương quân với một cây súng Garand canh, lấy lệ. Hai anh cùng thăm yêu một chị trong làng. Chuyện bắt đầu từ nỗi đó. Họ thay phiên gác thì đúng bài bản lính tráng rồi. Nhưng khi anh này làm bốn phận công dân thì thời gian đó anh kia lại có mặt tại nhà người yêu. Giờ phút tâm tình ở đó sao

ngắn thế, chốn này thì thời gian sao mà dài quá xá dài! Kỉ luật nhà binh không thủng nổi con tim yêu đương. Anh kia trên đường về cũng là lúc anh này bỏ chòi gác đi sang nhà người yêu. Cây súng vất đó. À, thằng này nó dám giỡn mặt, phải chơi lại mới được. Thế là anh giở trò xấu: giấu súng đi. Giấu đâu? Anh mang cây Garand quảng bừa.

Thế rồi chuyện đại đột tương bé tí đã thành to đùng.

- Việt cộng, Việt cộng rồi! Cả trung đội lính chính quy ở huyện, tỉnh cấp tốc được điều xuống bao vây làng. Xe nhà binh đậu đầy sân banh. Phải mọi cách tìm cho ra cây súng duy nhất của làng. Hơn năm chục căn nhà Caklaing bị xới tung lên. Chịu. Cả hai thà chết chứ không khai, dù có xài tới tiết mục chích điện. Ông Klong Thân chợt nhớ đến Cei Halim Murh. Nhưng chuyện đại sự quốc gia không thể là trò đùa mê tín, đám nhà binh tin sao được mấy thứ nhảm ấy. Nhưng Cei ở làng xa non buổi đi bộ, nói như thánh: - Nó còn trong làng chớ không biến đâu mà lo. Tức thì ông cho vời Cei đến. Tình trường dù không tin, cũng chịu lên xe Jeep xuống chứng kiến sự vụ. Lính tráng canh nghiêm ngặt. Đó là buổi chiều năm tôi ra đời, anh Ngọc kể lại. Chiếc chiếu lớn trải giữa sân nhà bà Chòi. Trước cái khay trầu trên đó có ba trứng gà, một chai rượu, một cây nến, Cei đồng dặc phán:

- Mang cây rựa đi theo ta!

Cei dẫn họ đi thẳng lùm cây xương rồng cạnh nhà bà Quế.

- Nó đó! Đúng, nó đang có đó, nằm sâu giữa hàng rào áp chiến lược đúng bảy cán rựa. Đến lúc ấy, anh C mới chịu khai thiệt.

Nhưng có lẽ chuyện rềnh rang nhất là vụ xử án kiểu Chăm tại Vụ Bốn vào năm 1969. Làng có một bà bệnh bí ẩn kéo dài, người ta nghi ông thầy *ngap jru yem bura*. Ông thì không chịu. Ai phải ai trái và đâu là chứng cứ? Thế là Ong Kadhar Gam Muk người *la Li-u* Nghĩa Lập lấy vợ Caklaing được vời qua. Lệ *Nhuk ia Lặn nước* Chăm từ lâu lắm không còn nhớ, được mang ra áp dụng.

Buổi chiều, tòa xét xử được dựng lên ở bãi trống đầu làng. Ông Kadhar vào tận rừng sâu thỉnh nước về đầy hai chậu. Ông *cih bauh xarak vế bùa* trong đó thật lâu, trước mặt quan khách các nơi tò mò tìm đến. Ông đọc kinh, kéo *kanhi* làm lễ, trang trọng và nghiêm trọng. Bên bị phía tay trái, người to lớn, đôi mắt sâu giấu dưới hàng lông mày rậm, trên đầu là búi tóc to như tổ ong, kì dị và bí hiểm. Bên nguyên, bà già nhỏ con ốm yếu nhợt nhạt. Họ ngồi hướng về phía mặt trời mọc, trước mặt là hai chậu nước thiêng. Chăm tin rằng kẻ phạm tội khi vục mặt xuống thấy dưới nước toàn rắn rết với hơi nóng của lửa địa ngục, sẽ không chịu đựng nổi. Ngược lại, người vô tội chứng kiến vô số cảnh tượng đẹp với bao người thân đã mất, mừng vui khôn xiết nên không muốn ngoi lên mặt nước nữa.

Quan tòa phát hiệu lệnh, Ông Kadhar nắm hai đầu kẻ tình nghi vục xuống chậu nước đồng lúc. Ô kìa, vị to lớn kia cứ lúc lắc cái đầu như đòi ngoi lên, trong khi bà già ốm yếu đang ngủ vùi trên chậu nước. Ông Kadhar thả hai người ra, và lệnh cho người nhà kéo bà già lên khi bà đã ngất xỉu.

Kẻ gây án nhận tội ngay sau đó. Phiên xử kết thúc.

Câu chuyện Cei Halim Murh và Ông Kadhar Gam Muk chỉ là hai trong những.

Năm 1833, sau biến cố Lê Văn Khôi, con dân Chăm trải qua trận càn lớn nhất của lịch sử dân tộc. Lớn nhất và là cuối cùng. Không còn con đường nào khác, phương tiện nào khác, họ chạy bộ. Tán loạn. Qua Xiêm, Cam-bốt, hoặc lên rừng lẩn vào đồng bào Churu, Kơho. Cho đến khi vua Thiệu Trị xuống chiếu kêu những thân phận khốn khổ này trở về làng mạc, ruộng rẫy, kiểm lại Chăm chỉ còn trên dưới vạn người. Nhưng chuyện kiểm kê dân số mới nhiều khê. Có mỗi chuyện xếp hàng đếm đầu người thôi cũng trầy trật lạ đời. Các nhà nghiên cứu Tây làm ăn khoa học vẫn thế, đủ biết Chăm nửa thế kỉ sau ổn định đời sống còn chưa thôi hãi. Kiểm để làm gì đây?

Năm 1891, Aymonier đoán rằng người Chăm còn khoảng ba vạn. Nhưng sau đó ít lâu, năm 1907-1908, *Annuaire Général de L'Indochine* lại đếm Chăm ở Phan Rang tới con số 6.000, Bình Thuận 9.000, là hết. Thống kê có vẻ kĩ càng hơn là của Tòa Khâm sứ Pháp ở Huế và Pnong Pênh vào năm 1910 và 1913 cho hay Chăm Trung Việt có con số lẻ: 15.389 (rất đáng tin), Kinh Cựu ở Phan Rí là 10.000 (có lẽ kiểm đến đây thì Tòa mỏi lưng, nên đoán bừa). Riêng Chăm Cam-bốt đúng ba vạn chẵn.

Sống ở cuối chót miền Trung nắng gió, nghèo nàn, hạn hán, lũ lụt với dịch tả, đậu mùa liên miên, vậy mà sang những năm đầu thế kỉ hăm mốt, đếm riêng Việt Nam thôi, Chăm đã lên con số gấp hơn mười lần. Thêm, người lại *đẹp trai như Tàu, cao ráo như Tây, trắng như Kinh*. Đội bóng chuyền Tuần Tú mới kéo nhau ra sân dàn đội hình thôi cũng đủ cho đối thủ run như dế. Trường Pô-Klong mấy thế hệ, đến hội thao học sinh, là cứ hàng đầu các trường mà đứng. Đó chẳng là niềm bí ẩn lộ thiên, thì còn kêu là nổi gì? Lộ thiên độc đáo khác, khi xã hội mẫu hệ Chăm tuyệt không có nạn dĩ điểm, ăn xin. Còn gì nữa?

Từ xó xinh rừng núi đi xuống, nhà cửa - không, gia sản - không, lèo tèo sót lại vài người thân với bà con lối xóm cũ hết đường chạy đành ở lại, Chăm gần như không còn gì cả ngoài nỗi hốt hoảng, lòng ham sống cháy bỏng và niềm hi vọng mơ hồ.

Ra đường mẹ dặn: - *Thuw hwoc di Ywơn hai Biết sợ người Kinh với [con] nhé ! Ywơn yuw hadơm yuw halak Người Kinh [đông] như kiến như sâu*. Làng Hamu Tanran đông dân nhất hôm nay khi ấy cũng chưa tới năm mươi gia đình, còn Palau quê cha, ông ngoại kể chỉ có hơn chục nóc nhà ẩn mình run rẩy giữa rừng thưa. Chăm làm lại từ đầu, dựng chòi, phát rẫy, khai mương chống chọi với đất cằn, hạn hán cùng bão lũ.

Lâu lắm, chú Murdwon Phải kể, làng Caklaing trụ tại Takai Tanurh Wak. Sau đại dịch, làng dời về nơi ở hiện nay. Giữa thế kỉ hai mươi, lần nữa Caklaing chuyển lên Puh Kaghwor La Sang cách đó non cây số hướng Đông Nam, nhưng chỉ dăm chục năm sau, mưa dầm dề khiến đất nhão nhẹt, làng về lại chỗ cũ. Chú kể lúc đào đất dựng rào còn thấy xương cốt người chôn bị bỏ hoang. Chăm quá nghèo, nên khi có người chết bà con tranh thủ làm đám thiêu ngay, không thì chẳng biết bao giờ có điều kiện cải táng. Năm sinh cả sư Hán Bằng, 1924, năm đại hạn. Rồi năm tôi lên năm, đại hạn hán xảy ra ở Ninh Thuận lượt nữa. Hạn hán đến *bồ câu mổ trứng* [ăn], cây tre trở bông và làm hạt. Cả làng lên rừng núi tìm hái trái *nhí* thứ cây chịu hạn lược ăn chống đói. Bữa chính phải là các loại củ. Có được củ khoai bột là phước đời, nhưng loại này cực hiếm. Còn thì dân làng đánh xe trâu lên núi tìm đào củ năn về xắt, phơi, rửa, nấu. Loài củ độc đến rửa qua sáu nước vẫn còn làm độc. Nước rửa củ năn, to sức trâu uống phải cũng nghèo. Vậy mà bọn trẻ con Chăm vẫn phải ăn! Ăn mà sống, mà hi vọng.

Ơk kuw nau murk danin

Glai lin tapin tian anurk kuw lipa

Đói, ta kiếm củ năn

Rừng núi mịt mùn cho đói con ta

Khổ, cứ sau hạn hán là lũ lụt. 1924 trời đại hạn thì 1926 đất lụt to. 1962 hạn thì có ngay lụt năm 1964. Đi kèm với lũ lụt là dịch tả. Nạn dịch năm 1964 làng chỉ bị cấp đi hai người, chứ trước kia, năm 1926 dân làng chết không dám đếm. Chăm kêu nó là *kalin akarah giặc trời*. Dân làng chạy giặc lánh sang Puh Ritak cạnh đó, kiêng theo khung sọt dệt vải; một số hải hơn, ẩn trốn vào rừng tre dưới những con sông. Bỏ lại người già chôn cất người chết. Đến năm 1945 thêm ba mươi nhân khẩu Caklaing nữa bị dịch mang đi; còn làng Bal Caung cạnh đó chưa tới ba mươi nóc nhà mà mất đến sáu mươi lăm mạng.

Khủng khiếp! Murdwon Phải kể rằng cả dòng họ chỉ mỗi cụ ông trên tám mươi còn trụ lại để chôn thẳng cháu, cuối cùng ông cũng nằm đó chịu chết đói luôn.

Định mệnh vẫn chưa thôi làm khốn đốn dân Caklaing tôi. Năm 1940, hơn nửa làng bị cháy rụi. Mọi người gồng gánh nhau lên Puh Hào Biểng cách làng non cây số hướng Nam, dựng lều sống qua ngày. Mãi Tây đóng đồn 1948 mới trở về đất cũ. Hani sinh tại làng Tân Nghiệp tạm bợ ấy.

Đói khổ, Chăm vẫn cứ làm lễ, cứ nhảy múa, ca hát và yêu đương.

Anh Th ở đợ nhà ông C cày sát đồng cha đang *làm rẽ ngap ppadwa*. Tối, xong cơm chiều, buộc trâu đầu đầy rồi là anh dzọt. Người yêu anh ở tận Pabhan cách Caklaing mười cây số, đường rừng. Chỉ để tán gái. - Tao đi hết ba điệu thuốc là tới, - anh khoe. Mãi gà gáy sáng mới lò mò về. Ba, bốn đêm như vậy. Cày, anh vừa nhắm mắt vừa đi theo đuôi cày. Trai mười tám cuồn cuộn bắp thịt phải chịu mệt lả. Ông C hết sặc: - Trâu không ăn lấy sức đâu mà kéo cày, còn mày không ngủ sức đâu mà theo cày; đến dọa: - Tối nay mày mà còn đi nữa thì tao cho mày đi luôn. Nhưng anh đâu chừa. - Mày giúp ông anh với nhé - anh xuống giọng, - chị có quà cho mày đây. Anh gi vào tay tôi túi khoai mì phơi khô luộc với mấy trái na, bù lại tôi coi giúp anh cho trâu ăn buổi tối. - Sắp được rồi, hết mùa là cưới, - anh nói, nắm tay phải đấm vào bàn tay trái mở ra. Mạnh và chắc nịch. Tôi nghĩ đó là nắm đấm đầy tính biểu trưng. Cho sức mạnh tình dục và sự trỗi dậy của tinh thần ham sống. Một bí ẩn khác.

Ngàn năm, hãy tưởng tượng nó nhộn nhịp như thế nào. Nhưng mới ba mươi năm trước thôi: không đường, không cầu. Ngay Phú Quý cạnh đó chưa tới nời cơm chín mà đi chợ, mẹ tôi phải lụy đòn chõ chưa tới mười người lớn không dính kèm trẻ em. Thuở tôi còn bé, Nha Tranh sống biệt lập với thế giới bên ngoài. *Người bỏ rơi, lịch sử bỏ quên*. Ba bề với hơn trăm mẫu ruộng, lại là ruộng các nơi khác

xâm canh. Nguyên phía Nam là khoảng rừng thưa, đất cằn chả trồng được thứ gì, chỉ mọc các loại dây leo có loài dê chẵn thả là khoái.

Vậy là làng tôi chủ yếu sống bằng nghề mơ mộng. Chính thứ ghè lác mơ mộng này làm thành địa phương tính dân làng. Mọi người sinh ra, lớn lên và đợi... con rồng liếm. Qua tuổi hai mươi, ai cũng nghĩ mình đã được liếm một lần, không trúng khúc này cũng dính phần kia. Mà đã liếm trúng thật.

Thời đầu chế độ họ Ngô, làng tôi bốn trăm dân sống khép nép dưới trăm nóc tranh, khiêm cung và câm lặng. Sau bốn mươi năm, con số tăng vọt 02957, thì chả con rồng liếm là gì. Bà nội tôi đóng góp phần đáng kể vào công cuộc. Mẹ góp tám nhân khẩu, dì Tư tôi đẻ chẵn chục mười hai, rụng rơi đâu hết còn chín. Mẹ nói dì may phước nhờ xin chị cả về nuôi mới níu được mấy mạng ở trần đời. Rồi dì Sáu, dì Bảy nữa, cứ là hơn đầu ngón tay trở đi. Chưa đầy góc tư thế kỉ, riêng nội cũng đã tạo lập nên một liên gia, rất oách. Mẹ còn nói thêm giá mà cậu Út mảy chịu con Tám Xóm Dưới, *Ciet prauk* dòng họ này đâu kém cạnh ai mừng nào.

(*Chân dung Cát*, 2006)

Chạy giặc, Chăm cứ vác theo *ciet* sách. Cơ cực, ông bà vẫn cứ yêu đương và làm thơ. Tại trại sáng tác Đà Lạt mùa đông 1998, tôi không hiểu nổi tại sao năm, sáu nhà văn Tày lại nói tiếng Việt với nhau, trong lúc ngồi với họ chỉ có mỗi ông Kinh, hoặc lắm lúc không có người tộc nào khác. Chăm thì khác, chúng tôi cứ tiếng mẹ đẻ mà phang. Không cố ý, và chả vấn đề gì cả.

Người Chăm học như thế nào? Truyện cổ “Đi tìm học bán vợ”:

Một người nông dân hiền lành, có vợ và đứa con trai mười hai tuổi. Đang sống rất yên ổn và hạnh phúc, bỗng một hôm ông nảy ý định đi tu. Ý tưởng nung nấu mãi để một năm sau ông quyết định tìm đến một guru Bà-la-môn nổi tiếng nhất vùng để học đạo. Vị sư nói:

- Dạy người kinh sách thì ta lại phải học thêm gấp hai lần người.
Ta đã già, không có của cải gì cả.

Không chần chừ, người nông dân bảo:

- Nhà con có một mẫu ruộng, con xin hiến cho guru.
- Ta không có trâu để cày.
- Con có cặp trâu đã thuần.
- Ta cũng không có người chăn trâu.
- Con có đứa con trai khỏe mạnh, - người nông dân nói sau giây lát ngập ngừng.

- Ta sống cô đơn, không có ai lo cơm nước.

- Con nguyện lo cho guru.

- Không, ta và người dành tất cả thời gian cho học tập và tu luyện.

- Nhà người có vợ chứ? - vị sư hỏi sau một hồi im lặng.

Người nông dân lưỡng lự giây lát, cuối cùng ông nói dạ một tiếng vừa đủ cho người đối diện nghe.

Hôm sau, người nông dân đi qua nhà vị sư Bà-la-môn cùng với tất cả tài sản và hai người thân yêu của mình.

Một, hai rồi ba tháng, người học trò chỉ được phân công chép một bản kinh duy nhất. Lần một, lần hai, ba... vị sư Bà-la-môn đều lắc đầu và bảo chép lại. Đến lần thứ bảy, guru nói:

- Được rồi, lòng con không còn bợn bụi trần. Ta có thể truyền dạy cho con tinh hoa của giáo lý Bà-la-môn.

Ba năm trôi qua. Sau một buổi thiền định, vị sư nói với đồ đệ:

- Vụ gieo cuối cùng đã mãn, con có thể cho cháu

dắt trâu về.

Nửa năm sau, vị sư nói:

- Vụ gặt cuối cùng đã xong, bây giờ phần mầu ruộng lại thuộc về con.

Rồi sáu tháng sau, guru lại bảo:

- Bữa tiệc cuối cùng đã tàn, người vợ của con có thể về nhà. Và cả con nữa, bài học cuối cùng đã dứt, con không phải cần đến ta nữa.

- Thừa thầy, con xin ở lại suốt đời phụng sự thầy.

- Không, con phải tự đi một mình. Để sau này con còn phải làm thầy. Cả ta, ta cũng không cần đến con nữa.

Vị sư già nói xong, quay lưng bước nhanh về phía núi.

Học, Chăm sẵn sàng trả giá đắt cho việc học của mình. Để sở hữu tri thức, người học dám hi sinh, cả điều không thể hi sinh: tài sản, vợ con, có khi tính mạng nữa! Học, không phải để mưu lợi mà là để biết. Là tinh thần thiện tri thức. Chỉ như vậy, người học mới đạt đến minh triết thực sự. Yêu tiếng Chăm, thế hệ cha ông học nó, chứ không học vì nó có hứa hẹn cho ta có cái gì bỏ vào nôi không. Thầy, không buộc trò phải làm nô lệ mình, nô lệ vật chất nhất là, nô lệ tinh thần. Khi trò đã khôn lớn, hãy bỏ thầy mà đi, đi một mình. Và thầy phải đuổi trò đi, để trò dám và biết đi một mình. Đức Phật: Con hãy rời bỏ ta, đừng tin tưởng vào sách vở, vào kinh Phật, cũng đừng tin tưởng vào cả ta nữa,... mà hãy tin tưởng những gì con từng trải, kinh nghiệm và cho là đúng mà thôi.

Ông bà Chăm đã có lối suy nghĩ tuyệt chiêu như vậy đó.

Khi tôi còn chưa cấp sách đến trường như anh Đạm, cha dạy tôi thuộc lòng: *Tikuh, Kabaw, Rimaung, Tapay, Inur Girai, Ula Anaih,*

Athaih, Pabaiy, Kra, Murnuk, Athuw, Pabwei. Sau đó là Tí, Sừu, Dền,... Tôi nằm úp ngực sàn nhà mà vẽ chữ Chăm. Từng chữ từng nét. Tôi hỏi cha: - Sao cứ phải *ula anaih* mà không *la neh* cho nhanh, *yang* (lối xưng hô của chúng tôi hồi bé) thấy ai cũng nói thế mà? - Không nhanh được, - cha bảo. Bốn mươi năm sau, Hani hay độn tiếng Việt vào câu nói, - Để cho nhanh, - em bao biện. Nhanh, đó là đặc tính của văn minh hiện đại, trong khi học thì phải thật chậm.

Đánh vần Tí, cha dạy: *akhar kak takai kuk pauh danih lang likuk akhar tak takai kik, kak kuk dani kuh tak tik TIKUH*. Chẳng phiền ai cả, êm như ru, đánh vần mà như hát. Sau một góc tư thế kỉ, Ban Biên soạn dạy con cháu: *k/ uh/ kak uh kuh/ TIKUH*. Nhanh, gọn, rất fast food! Nhưng học thì phải chậm. Thông minh đến đâu cũng nên chậm, - ông ngoại nói. Ông ngoại là thầy cao đạo trong vùng, tác giả thi phẩm *Ariya Rideh Apwei* nổi tiếng. Đêm trăng sáng, nằm ngửa trên chõng tre ngoài sân, ông ngâm *Ariya Glong Anak*. Đoạn đó cháu thuộc rồi ông à. - Thuộc rồi cũng phải học lại, - ông ngoại bảo. Mãi sau này, tôi mới hiểu ngoại: thuộc cũng cần đọc lại.

Khác với người Việt, “Văn học trong một nước mù chữ”, - Nguyễn Hưng Quốc nói thế, ta tin thế - đàn ông Chăm những năm năm mươi thế kỉ hai mươi trở về trước, không ai là không biết chữ. Biết đến nơi đến chốn là các nông dân - trí thức và tầng lớp giáo sĩ. Cái biết đủ cho họ thoải mái bàn luận triết học.

Trong các chuyến đi xuyên Việt, bằng tàu lửa hay máy bay hoặc xe du lịch chất lượng cao, ngoài số người ngủ gật hay làm chuyện vặt hoặc tán gẫu, có hai bộ phận đọc khác nhau: đọc sách và đọc báo. Chú ý nữa, hầu hết người cầm trong tay cuốn sách dày là khách Tây, ngược lại: dân Việt Nam! Tại thánh địa Mỹ Sơn cũng hệt. Trong khi dân ta xách theo gói đồ ăn với tờ nhật báo thì dân phương Tây luôn tay giở các trang sách. Đi du lịch, họ chuẩn bị sẵn tri thức tối thiểu về nơi họ sắp đến. Không hiểu, họ hỏi; hiểu lờ mờ, họ hỏi. Họ

thắc mắc về sai biệt giữa thực tế và kiến thức được viết trong cuốn cẩm nang du lịch. Tại sao bức tượng kia không còn ở đó? Sao sách lý giải thế này mà cô thuyết minh như thế kia?

Ở xã hội nông thôn Việt Nam, vị trí trang trọng nhất trong ngôi nhà một gia đình trung lưu, đập vào mắt khách là tủ buffet chưng diện bát đĩa và... cái tivi đời mới. Mấy năm qua, có thêm máy vi tính. Hiếm gia đình có được tủ sách. Có - nhưng rất ít, chỉ lèo tèo vài chục cuốn. Trước Bảy lăm, Caklaing quê tôi chưa tới ngàn dân có hai gia đình sở hữu tủ sách trên ngàn cuốn. Con số ở làng Hữu Đức là gấp đôi. Các tạp chí như *Bách khoa*, *Phổ thông*, *Văn*, *Tư tưởng*, *Đại học*... được bày biện trang trọng là chuyện nhỏ. Tại vài hiệu sách tỉnh lẻ như thị xã Phan Rang, lứa trẻ chúng tôi dễ dàng tìm mua bộ *Nho giáo*, *Thơ tiền chiến* toàn tập, *Bùi Giáng*. Hôm nay, nhân khẩu Caklaing tăng tám lần nhưng tủ sách gia đình thì hầu như... tuyệt chủng! Ta đọc báo, lướt mạng yên tâm rằng mình đã hiểu mọi chuyện.

Bản năng múa nơi người nữ Chăm thì miễn bàn. Hết sảy! Múa là một bộ phận quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc Chăm. Múa gắn liền với các lễ hội như Rija Nurgar, Katê, Rija Praung, trong nhà, giữa làng hay trên tháp. Kèm với múa là nhạc: trống đôi *ginơng*, trống *baranưng*, *ceng* chiêng, kèn *xaranai*, đàn *kanhi*, *grong* lục lạc. Ở đó bộ ba *ginơng - baranưng - xaranai, ginơng* là chủ đạo.

Chính điệu trống *ginơng* được Chăm dùng đặt tên cho các điệu múa. Bảy mươi hai điệu cả thảy: *Biyen*, *Tiaung Công*, *Trĩ*, *Patra Hoàng tử*, *Wah gaiy Chèo ghe*, *Kamơng*, *Mrai*,... Đủ loại, từ *Múa quạt Tamia tadik*, *Múa đội lu Tamia đwa buk*, *Múa đội cổ bông trầu Tamia đwa thong hala* trong lễ dâng nước thánh trên tháp được kết hợp với thao tác đội nước trong sinh hoạt ngày thường, mà thành. Từ *Múa khăn Tamia tanhiak* uyển chuyển đến *Múa kiếm Tamia carit*, *Múa roi*

hay *Múa đập lửa Tamia jwak apwei* mạnh mẽ, dứt khoát. Rồi *Múa chèo ghe Wah gaiy*, và cả *Múa âm dương Tamia klai kluk* nữa! *Tamia klai kluk*, là múa âm dương. Ai đời dịch như thế kia chứ! Đây là loại múa giao hòa vũ trụ đã thất truyền, chỉ dân Bính Nghĩa còn vui vẻ lưu giữ. Người múa nam với khúc gỗ được đẽo như hình dương vật, múa dẫn đường, sau đó là các cặp nam nữ khác, lắc hông bên này bên kia, trước và sau. Vui nhộn đầy dục lạc và linh thánh. Khán giả cả bà già con nít đứng xung quanh *a... hei, a... hei hoan hô*.

Katê 2008. Dưới góc hai cây me tàng lá xum xuê nhà Trà Vigia, Dur Thị Hoàn khoe với mọi người xung quanh về khám phá của mình:

- Mình thấy lạ lắm các bạn à, quý ông Chăm hầu hết đều biết làm thơ, còn quý bà thì múa. Nghe, tôi ngạc nhiên. Lâu nay là hát chứ phải thơ đâu. Ai đã nổi hứng thay ghế ngồi kia chứ? Nhưng nhìn qua ngó lại, cả sáu ông ngồi lai rai kia đều làm thơ. Tôi với Trà: làm thơ. Lộ Trung Thiện hay Kay Amurh có thơ đăng báo. Nguyễn Văn Tỷ thi sĩ một bài, bà con đầu thôn cuối xóm thuộc nhưng không biết ai tác giả. Ở đây, mỗi Chế Viên là không, nhưng anh biết hát. Rất cừ.

Xã hội ai cũng làm thơ chỉ có nước đi ăn mày. Đó là hiện tượng mới nảy chực năm nay thôi, chứ trước đó, Chăm hát. Xong buổi cày, hát. Đang ngồi khung dệt, ngưng tay, hát. Hát trên cánh đồng, nương rẫy, sân khấu nhà quê, hội trường và cả phòng trà đèn màu nháy người. Khổ nhiều rồi, hát để giải tỏa nỗi niềm, thăng hoa tinh thần. Cộng đồng nhỏ bé mà để được nhạc sĩ Từ Công Phụng, ca sĩ - nhạc sĩ Chế Linh, không là bí ẩn sao? Đó là chưa nói đến giọng hát trời cho Đàng Năng Quạ, Trà Vigia đã bị chủ nhân của nó chôn vùi vào nỗi buồn bí ẩn. Rồi cả tiếng thơ của bao nhiêu thi sĩ vô danh nữa.

Vô danh như bao nhiêu người nữ nghệ sĩ múa vô danh. Bà Sạn, bà Mỡ, bà Trụ, hay Yến Vân, Trưng, Tiến, Dẫn thì khỏi nói rồi, họ quá nổi tiếng trong cộng đồng. Cả bà Piên vũ sư chuyên trị các lễ *Rija* cũng thế. Đến em gái tôi, chưa hề bước lên sân khấu dù nhà quê,

chưa hề múa tập thể lớp, chưa hề “múa lén” sau bếp, vậy mà bất ngờ ở tuổi bốn mươi, vào thế kẹt, khi chủ họ buộc lên chức *Muk Rija Vũ sư*, đã múa như một nghệ sĩ chính hiệu. Múa ăn vào máu thịt người nữ Chăm từ trong bụng mẹ khi mẹ múa, thấm đẫm vào da xương khi chập chững đi xem múa lễ, trở thành bản năng nghệ thuật khi họ đóng cửa tập một mình hay tập nhóm. Họ múa, hứng khởi và đầy tràn sáng tạo.

Cứ nhìn tháp Chăm so với tháp Khmer, Thái hay Lào cũng thấy. Nhìn Chăm biến nét chữ Sanskrit thành *akhar thrah* hôm nay cũng đủ hiểu. Đích thị nòi sáng tạo, phá cách. Ông Phan Lạc Tuyên nhận định Chăm quen đội nên dáng đi của người nữ Chăm thẳng và rất đẹp; nhưng bên cạnh không ít người Chăm do thiếu canci cứ đi khòm. Đàng Năng Quạ bảo múa truyền thống Chăm không đưa tay quá vai hờ nách, không ít học sinh ông tùy nghi phá cách. Động tác chân trong múa Chăm rất nhẹ, nhẹ và ngắn, vậy mà bà con làng Thành Ý *Pabơng* vẫn bước dài lẩn nhún nhảy không phải là không đẹp. Rồi lối múa trống *Baranưng* của quý ông vài thập niên qua nữa, tập tục có dạy thế đâu, nhưng riết rồi nó đã thành truyền thống không kém đậm đà.

Tội hơn cả là *Múa cung đình* do Đặng Hùng đặt cho các điệu múa ông biên đạo và dàn dựng cho Đoàn ca múa Thuận Hải thuở ông trưởng đoàn. Lấy cảm hứng từ các thao tác của tác phẩm điêu khắc Champa xưa, ông “giải mã” chúng, rút tỉa và tổng hợp được tám thế tay và bốn thế chân, bên cạnh kết hợp với vài điệu múa dân gian để thành “Múa cung đình” Chăm. *Khát vọng*, *Ước mơ*, *Niềm tin* được đưa lên sân khấu, chiếu trên màn ảnh nhỏ. Từng gặp bao phản ứng, cả rửa xả nữa, nhưng rồi nó nghiễm nhiên trở thành món đặc sản múa Chăm. Chăm tiếp thu và sáng tạo nó còn nhuần hơn cả các nghệ sĩ múa chuyên nghiệp ở Sài Gòn nữa là.

Khi nghe tin ông Vũ Ngọc Liễn “nào đó” vượt đại dương lặn lội moi về “Điệu múa Chăm lưu lạc trên đất Nhật” có tên “Long vương vũ” hay “Long vương”, “Lăng vương”, “La lăng vương” gì gì đó, rồi viết bài cho *thằng Trạm mát* đăng ở *Tagalau 9*, chị em Chăm háo hức thèm biết nó quá. Ồ, có ai dạy mình múa nó nhỉ! Chẳng phải là một bí ẩn khác ư?

Dẫu không là tín đồ *racialism*, nhưng Trần Vũ Khang đã nổ rất to rằng: Quý ông không biết hát thì còn xét lại lý lịch, chứ người nữ mà không biết múa dứt khoát không là Chăm rồi.

BỐN CỨU CÁNH CỦA ĐẠO SĨ BÀ-LA-MÔN THƠ

*Văn hóa Champa là văn hóa đùa vui
chịu chơi cả trong đau khổ.*

(Lễ Tẩy trần tháng Tư, 2002)

Tôi biết Sài Gòn lần đầu qua *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* của Phạm Công Thiện. Năm đó tôi đúng mười lăm tuổi. Phạm Công Thiện môi giới tôi lần mò tìm đến Nietzsche, Heidegger, Faulkner, Thiền,... Lang thang đất nắng Phan Rang, tôi mơ tưởng ngày làm sinh viên sẽ mặc sức bay nhảy khám phá thế giới bao la ngoài kia, sau hàng rào làng quê Chăm phẳng lặng.

Nhưng không. Lịch sử đã khác. Và cuộc đời tôi bẻ sang hướng khác.

Một phần tư thế kỉ qua đi. Mãi mùa hè năm 1999, khi cầm trên tay tập *Thơ tự do*, lần thứ hai tôi biết đến sinh hoạt chữ nghĩa Sài Gòn. Ngay tức thời, tôi nhập cuộc chơi.

Hai quốc gia láng giềng nhau gần hai thiên niên kỉ, hai tộc người chung đưng nhau hơn hai trăm năm mà cứ khác. Khác tất tần tật. Khác, tôi nghĩ, bắt nguồn từ thẳm sâu tinh thần văn hóa. Chớ nghĩ đại: Bạn tự do khỏi mọi “tập khí” văn hóa và ngôn ngữ bạn chịu đựng và sử dụng. Dù bạn có quyết liệt từ chối nó, thậm chí tố giác hay miệt thị nó. Trần Tiến Dũng chẳng hạn, viết từ dư hưởng văn hóa Đại Việt

bị phủ bóng bởi tinh thần triết học Trung Hoa; trong lúc tôi, sáng tác như đứa con của văn hóa Champa chịu tác động bởi tinh thần tư tưởng Ấn Độ. Cách nghĩ bao khác biệt, cả lối làm thơ và thái độ thơ ca.

Dân tộc Chăm hoàn toàn không biết đến khái niệm: tu thân - tề gia - trị quốc - bình thiên hạ của Khổng Mạnh. Không phải không có, Chăm có, nhưng khác!

“Ngài giáo sư Trần Hùng gọi ông là Arhat quái dị.

Con người lý tưởng của Bà-la-môn là đạo sĩ lánh đời, trốn đời và thoát khỏi đời khi đạt giác ngộ. Văn hóa Champa bú mớm từ nguồn sữa tinh thần này nên bị đánh cho tan tác bởi văn hóa Đại Việt chủ yếu hun đúc bằng tư tưởng Khổng Mạnh mà con người lý tưởng là kẻ sĩ dấn thân, Đại trượng phu gánh vác việc đời hay ở một bậc khác – Bồ tát của Phật giáo Đại thừa nhập thế cứu độ chúng sinh khổ khổ. Các tri thức tinh túy nhất của tài năng Chăm (tài năng thực thì luôn hiếm) không được phổ biến rộng trong quần chúng mà chỉ truyền dạy cho rất ít người hay như Dhan Than, sống để lòng chết mang lên giàn lửa đã đốt cháy thi thể còn sần chắc ông vào một trưa nắng năm xưa cùng ít giọt nước mắt nuối tiếc của tên đồ đệ duy nhất là cái thằng tôi trót phản bội lý tưởng ông bất đắc dĩ.

Nhưng đây chưa phải là hạt giống Arhat cuối cùng. Ông chết, Chế Khan đã là một kẻ kế vị xứng đáng.”

(*Chân dung Cát, 2006*)

Triết học Ấn Độ minh định rõ bốn cứu cánh hay mục đích đời người. Cứu cánh đầu tiên: *Artha* nghĩa là *đại diện cho, thay thế cho, vì, nhằm vào*, “là những sở hữu vật chất... để chu toàn những nghĩa vụ cuộc sống”. Bạn bị ném vào đời, hoàn toàn không do chọn lựa của bạn. Không ai hỏi ý kiến bạn trước: Nơi chốn và ngày tháng năm sinh. Bất ngờ có đó, không thể chối bỏ, bạn học cách chấp nhận nó. Bạn cần bảo toàn sự có mặt ấy, bằng thấu hiểu đối tượng bạn theo

đuổi, phương tiện đạt đến nó nhằm thỏa mãn nhu cầu căn bản của cuộc sống bạn. Không thể khác. Kinh tế, chính trị, tòa án, công sở nằm ở khu vực này.

Ở một bình diện khác, *Kâma* hay *dục*, *lòng ham muốn*, “là sự khoái lạc và tình yêu thương”, là cứu cánh thứ hai. Bạn học cách thỏa mãn lòng ham muốn [dục tính] của bạn và người bạn tình. Bạn hãy biến chúng thành nghệ thuật, nghệ thuật yêu đương. Cao hơn, bạn nâng nó lên thành kinh - kinh dục lạc.

Nhưng nếu chỉ có thế, khổn khổ cho loài người biết bao: bạn chỉ là thú vật đơn thuần không hơn! Sống là sống trong tương giao, với cộng đồng. Để tránh cho cộng đồng khỏi đổ vỡ, suy đồi, cứu cánh thứ ba: *Dharma*, nghĩa là *pháp* có mặt. Đạo sĩ Bà-la-môn khép mình vào khuôn khổ, tận tụy phụng sự công cuộc đó. Công cuộc gồm thấu mọi “bổn phận tôn giáo và đạo đức” với vô số kế ước xã hội và nghi thức cần tuân thủ.

Như thế vẫn là chưa đủ, cả *tam chúng trivarga* đó. Chúng chỉ là những “theo đuổi thế gian” với bao triền phược, bổn phận với nghĩa vụ, trách nhiệm và gánh nặng. Ở chặng cuối, đạo sĩ Bà-la-môn nỗ lực tự giải thoát để vươn đến cứu cánh tối hậu. Người Ấn sử dụng các hạn từ *Mokṣa*, *apavarga*, *nirvṛtti*, và *nivṛtti* để chỉ mục đích này. Chính tại đây, triết học Ấn Độ ghi nhận những thành tựu oanh liệt nhất trong lịch sử tri thức nhân loại.

Mokṣa, là “buông, thả, trả tự do, phóng thích; ra đi, từ bỏ, rời khỏi; hay *apavarga*, là “ngăn chặn, tiêu diệt, xua đuổi; dứt bỏ, nhổ bật, bứt rời; hoặc *nirvṛtti*, là “sự biến mất, sự hủy diệt, sự nghỉ ngơi, sự thanh tịnh, sự hoàn tất, sự hoàn thành, sự giải phóng khỏi sự tồn tại của trần gian; và *nivṛtti* là “sự ngừng lại, sự chấm dứt, sự biến mất; sự từ bỏ, sự chừa bỏ, sự thoái vị; sự đình chỉ những hành vi hay cảm xúc thế tục; sự tĩnh lặng, sự cách biệt với thế gian; sự nghỉ ngơi, niềm hạnh phúc”.

Ở tận cùng của hành trình, khi đã tuyệt dứt mọi ảo tưởng, đạo sĩ Bà-la-môn là một *thiện tri thức Kalyāṇamitra*, hơn thế nữa - một người biết *Paramārtha-vid* (Heinrich Zimmer).

Nhưng để đạt được bốn cứu cánh đó, người Bà-la-môn cần trải nghiệm *bốn giai đoạn cuộc đời*. Ngay buổi đầu làm đời môn đệ *antevāsin*, bạn tự buộc tuân thủ nguyên tắc: vâng lời và tuân phục. Sống “dưới chân thầy”, và chỉ biết có thầy *guru*. Đó là giai đoạn tìm học đầy hứng khởi.

Học, người học sẵn sàng trả giá đắt cho việc học của mình. Để sở hữu tri thức, họ dám hi sinh, cả cái tưởng như không thể. Học, không phải mưu lợi, mà để biết. Đến khi trò đã *to cẳng cõ vai*, hãy bỏ thầy mà đi. Một mình. Cả thầy phải đuổi trò đi, để trò dám và biết đi một mình.

Giai đoạn môn đệ kết thúc, người đàn ông lao vào cuộc sống gia đình. Bạn là một *chủ hộ grhastha*, nai lưng gánh vác gia đình với đầy đủ trách nhiệm của người chồng, người cha,... Dù Ấn Độ nổi tiếng hướng vọng cõi tâm linh nhưng chớ mong họ tha thứ cho kẻ ăn bám, nếu kẻ ấy chưa qua nấc thang cuối cùng của triết lý sống. Mãi khi công việc xã tắc đã xong, rũ bỏ mọi gánh nặng, cắt đứt tất cả liên quan máu mủ ruột rà, bạn dũng mãnh bước vào giai đoạn thứ ba: *đi vào rừng vanaprastha*.

Đây là giai đoạn thử thách tâm linh khốc liệt nhất dành cho một đạo sĩ. Tôi hiểu nghề nghiệp kia không phải là tôi, chức vụ và danh vị kia, tiếng tăm và tài sản kia, mặc cảm và kiêu hãnh kia,... Tất tần tật mọi mặt nạ nơi thế gian u tối mà tôi đang sở hữu kia không phải là tôi. Giữa *nhà grāma* và *rừng vana* là khoảng tối ngắn ngủn nhưng dài dằng dặc bạn phải băng qua, đựng chứa bao nỗi nguy hiểm rình rập. Sơ sẩy trong thoáng sát na, bạn có thể hủy hoại cả “vốn liếng” gầy dựng trước đó. Một cuộc truy tìm hướng nội đầy gian nan, nhưng đạo sĩ Bà-la-môn phải can đảm lao vào. Nhảy qua và cắt phăng cây

cầu dẫn về trần gian, để dẫn mình trọn vẹn vào giai đoạn cuối cùng: giai đoạn *khất sĩ bhiksu*. Làm kẻ lang thang vô gia cư, “phong phanh giữa trời đất”!

Chính lúc đó, thi sĩ ra đời và thơ ca có mặt.

Như Dhan Than hay Chế Khan xưa. Hoặc như Trà Vigia, Hàm Bộ, Trần Vũ Khang của thế giới hiện đại. Họ là Arhat - nghệ sĩ trong xã hội Chăm mang vẻ thanh bình bề ngoài nhưng bên trong thẳm sâu đựng chứa nhiều biến động.

“*Không công danh thà nát với cỏ cây* (Nguyễn Công Trứ). Chăm thà nát với cỏ cây chứ không cầu công danh. Lối nói khùng này dễ gây phản bác từ nhiều phía, bởi hôm nay không hiếm kẻ vô tài bất tướng tranh giành địa vị như mảnh xương thừa được vớt ra. Xung quanh và hàng ngày. Nhưng ta đang nói về Chăm xịn, kẻ mang tinh thần Chăm, Chăm tính. Hình tượng hơn: Chăm bị dính nước miếng rồng.”

(*Chân dung Cát, 2006*)

Trà Vigia. Sinh cùng năm, đồng hương, cùng dòng họ, đồng môn, nhưng hơn nửa đời hư bạn thân nhất trần đời quàng vai gác chân hấn muôn năm chê tôi. Thế rồi bỗng chốc vào buổi tối tháng 3-2008 đẹp trời tại góc quán cóc nhà quê trong men bia chénh choáng, hấn nổi hứng khen tôi một tiếng để đời: “Mình nghĩ khuôn mặt văn hóa Champa hôm nay sẽ ra sao, nếu trời không sinh ra Sara?”

Ba năm nằm trại Thái Lan, tháng 6-1994, trại sắp đóng cửa, ai không đủ tiêu chuẩn sang nước thứ ba định cư sẽ bị trả lại. Tôi nhắn hấn: - Bờ về đi, cùng làm tạp chí Chăm với mình. Hấn về và... nằm dài. Tôi thúc tới, vẫn không hề hấn gì. Tôi kéo hấn [cùng Trầm Ngọc Lan] vào nằm lì nhà tôi thuê tại Tân Bình trọn tuần bao cơm, cà phê, bia bọt, chữ nghĩa hấn mới chịu vọt ra. Thế là mấy năm sau đó liên tù tì hấn ném cho tôi bao nhiêu là thơ với truyện ngắn:

- Sara toàn quyền sử dụng!

Tội vậy chứ. Trần Ngọc Lan hai mươi năm trước hay Trần Vũ Khang mấy năm qua đều xử sự với tôi vậy cả - một giuộc. Làm như tôi là thứ kho lưu trữ tuyệt tác [hay rác rưởi] họ không bằng! Đạo sĩ Bà-la-môn không xem tác phẩm nghệ thuật như một *thành quả phala* để hưởng thụ, danh hay lợi hoặc gì gì khác. Một bài thơ xảy ra như nó phải xảy ra. Nó đến và ở lại với đời hay biến mất khỏi trần gian cũng do cơ duyên. Nó cần có mặt như nó phải thế, đúng lúc, đúng đó là giờ phút muộn màng. Chớ có khờ mà mang tâm thế bồn chồn, chộn rộn với bèo nhèo, khi tuổi đời ta còn chưa kinh qua ba cứu cánh “tam chúng”, nhất là khi ta tác thi chưa sạch nước căn!

Có những kẻ vĩ cuồng đến độ

Chưa mọc răng khôn mà đã sợ đời quên

(Nguyễn Quốc Chánh, *Đêm mặt trời mọc*)

Nhưng tâm tính Sara có khác ba “Tr” kia đâu cơ chứ. Làm thơ từ thuở còn ngồi ghế Trung học, mãi tuổi tứ thập tôi mới in tác phẩm đầu tay và chịu gởi thơ đăng báo. Cũng chỉ do cơ duyên mang tên Nông Quốc Chấn. Vậy mà bọn họ không chừa trừ ai cứ nhè tôi mà đề cử chức thủ kho!

Tôi đã chẳng từng mấy bận ném bỏ hay mang cho bao nhiêu là sách quý, để cuộc lên đường được nhẹ nhõm sao? Gần cả ngàn cuốn sách tôi tặng thư viện làng để bị mất tiêu. Rồi trăm cuốn đóng bìa dày được thằng bạn ở Phước Nhơn biếu không cho loài mối đánh chén. Vân vân. Chúng có được từ mồ hôi mồ kê tôi bỏ công ra cày thuê hơn năm trời. Cả hàng đống bản viết tay văn bản Chăm tôi còng lưng ra chép suốt mùa hè sau tháng Tư năm Bảy lăm nữa, tôi đã đem cho tất. Đến khi cần làm việc, thiếu tư liệu, tôi phải làm lại từ đầu.

“Bất chợt anh đổi giọng.

- Đù mẹ, thật muốn điên cái đầu lên được. Chả có lấy mống nào ra hồn để mà gửi gắm lý tưởng. Trọn ổ bọn chút tài còm đổ xô đi làm chuyện trời ơi. Sao cái ông trời thiên vị không nhỏ vào tâm linh Chăm lấy một giọt tế bào thực tế Do Thái hay khôn ngoan Tàu khi nặn ra thứ nòi giống này!? Chúng không biết, không thêm biết cái giá của chúng nữa. Cả mày cũng thế. Đù mẹ thằng Thuman nói mày đồ hèn. Biết mà không dám. Chỉ cần ý tưởng lớn đó sượt qua đầu thôi cũng đủ khiến mày vãi ra quần. Thằng Saman bạn nối khổ mày làng tao cũng thế. Ý tưởng *Cộng đồng mở* giá chót phải trăm ngàn USD chớ có đùa. Hãy tưởng tượng chương trình đó mà kết hợp với Thủ đô trên Sao Cày của *Gleng Anak* ! Nhưng hắc có chịu cụ thể hóa nó đâu. Tư tưởng biết đi ấy hiện đang đứng canh chòi dưa tận núi Chàbang! Chăm đúng là nòi phung phí. Phung phí ngu xuẩn không Chúa, Phật nào thêm độ lượng cúi xuống chạy chữa!

Phá sản! Nátбет rồi.

Im lặng.

- Cả tao cũng chả hơn gì, mẹ khi. Nhưng dù sao đi nữa cũng phải cố lần chót. Ba năm nữa không rục rịch gì tao cũng chuẩn, đi trước, như Chế Khan bày thế.

Một lúc lâu:

- Mày biết tao sẽ đi đâu không? Qua Cam-bốt mà làm Bộ trưởng Giáo dục bên đó.

Tôi cười. Anh cười theo, mặt méo như khi bốc phải cúrt gà. Là sự vụ hiểm hoai lăm mới thấy xuất hiện trên khuôn mặt luôn tràn đầy vẻ phờn chí của nhà đại cố vấn họ Cao.”

(*Chân dung Cát*, 2006)

Hơn năm ngời giảng đường rồi quay lưng với Đại học; hai năm kế toán trưởng hợp tác xã rồi rời hợp tác xã; bốn năm chui vào Ban Biên soạn sách chữ Chăm để chối bỏ biên chế; sáu năm còng lưng

đánh vật với chữ nghĩa tại Đại học sau đó bái bai Đại học,... Tôi đã từng buông bỏ, chối bỏ, cắt đứt, thả đi, phóng thích, ra đi, từ bỏ, rời khỏi, triệt tiêu, xua đuổi, dứt bỏ, nhổ bật, bứt rời... như một đạo sĩ Bà-la-môn chính hiệu con nai vàng. Nhưng ngó qua ngó lại, đã không ai làm cả, tôi buộc phải ra tay bất đắc dĩ. Thế rồi mười năm sau, đứng nhìn *Tủ sách INRA* trưng bày sản phẩm mình đẻ ra trang [trình] trọng tại quê nhà, tôi giật thót mình kinh hãi: Là tôi đấy ư?

Như ta đứng nhìn kiêu hãnh xót xa

Chính bản thân ta trong viện bảo tàng

(Tô Thùy Yên)

Khác Trà Vigia, tôi thường xuyên bị đặt trong tầm ca tụng của Trần Vũ Khang. Cái gì tôi làm với hấn cũng nhất. Tôi gặp hấn lần đầu vào tối *Trình diễn thời trang thổ cẩm Lega - Minh Hạnh* tại Sài Gòn. Đang nói chuyện với Hani để làm cái phỏng vấn, thấy tôi đứng chơ vơ một mình, hấn trờ tới:

- Cừ lắm, cừ lắm! - Hấn nắm chặt vai tôi bằng hai bàn tay thô ráp, lắc lắc. - Chắc chắn sẽ tìm lại ông.

Thế thôi, hấn biến gần cả năm mới gặp tôi làm cuộc phỏng vấn khác, sau khi tôi về từ Trại sáng tác Đại Lải mùa hè năm 1996. Tháng sau tại Quy Nhơn, hấn dúm vào tay tôi bài “Trở lại Chakleng” và bảo ông tùy nghi sử dụng. Hấn lại biến, cho tôi địa chỉ mơ hồ: Mình ở Núi Xám, nhớ tìm mình nhé. Bẵng đi gần mười năm, đột ngột mùa xuân 2004, hấn email cho tôi loạt tiểu luận và thơ, liên tù tì. Rồi lại bật tằm! Cho đến một tối kia hấn xuất hiện như ma để nói lời chia buồn vào mùa Katê 2007 ngày mẹ tôi mất.

- Có kẻ muốn in mấy thứ ông viết đó!

- Tùy ông muốn làm gì thì làm.

- Nhưng ông hãy viết khác mình đi.

- Làm như ông chưa từng đập cút Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, Heidegger.

Hắn gườm gườm tôi rồi khép nhẹ cánh cửa phòng, biến. Tôi muốn chỉ cho hắn thấy các đoạn hắn viết giống tôi, cả các bạn thơ trẻ [và không trẻ] đứng hàng Inrasara. Tôi bảo bạn trẻ khi họ đưa bản thảo nhờ tôi xem giúp: Hãy loại bỏ Sara ra, thơ bạn sẽ khác hẳn.

Nhưng hắn đã không có đó rồi. Lại! Khang với Trà tính khí hệt nhau, nhưng cả hai chưa bao giờ biết nhau. Tôi nghĩ, ví họ có gặp, xung đột chắc khó tránh. Kinh nghiệm dạy tôi thế, dù họ có là đạo sĩ Bà-la-môn. Tôi thì khác: chịu đựng được tất! Hãy làm công việc của mình đi, còn thì - mặc xác họ. Tâm tính với cá tính.

Đập cút jwak aih hay bbơng ia pabah gơp ăn nước miếng nhau, tôi nghĩ thành ngữ Chăm này rất ứng với tôi và Trà Vigia. Hắn viết “Mỹ Sơn đường về” sau chuyến hành hương tập thể cùng bà con vượt cả ngàn cây số đến Thánh địa Mỹ Sơn. Cùng thời gian, tôi viết bài thơ “Hành hương về bên kia đêm tối” in trong *Lễ Tẩy trần tháng Tư*. Truyện ngắn và bài thơ trùng tên “Ăn chữ”, chúng tôi sáng tác gần như cùng ngày giờ!

Tất cả họ là đạo sĩ Bà-la-môn chân tính, nhưng chưa bao giờ ngồi lại trà đạo, dẫu chỉ một lần. Tôi như thể dấu gạch nối, cũng không kịp nối liền họ, trước khi họ luân lạc vô định. Trà với Khang thì khỏi nói rồi, ngay Hàm Bộ, *gru* của tôi, Trà có quen biết nhưng vẫn chưa có cơ duyên “ngồi lại”. Không như Trà, với tôi hay than thở nỗi văn chương triết lý, Hàm Bộ anh họ, câu chuyện giữa chúng tôi tuyệt không liên can tí ti đến chữ nghĩa. Công việc làm ăn, chuyện ruộng nương, cây trồng hay con giống, võ thuật với yoga. Tất tần tật, ngoại trừ văn chương. Từ vào Sài Gòn làm việc, tôi hiếm có dịp ghé thăm anh. Một lần, anh bảo:

- Klu làm việc với người Kinh có quan hệ khác, cần giữ quan hệ, ít ghé anh là chuyện thường. Nhưng thế nào rồi anh cũng vào Baigaur

thăm nhà chú nó.

Và anh đã vào Sài Gòn thiết, nhưng vào thẳng bệnh viện Chợ Rẫy.

- Anh không chết được, - tôi nói - trời không thể bắt công với anh như thế. Định mệnh không thể bắt công với Chăm như thế!

Lần đầu tiên trong đời, tôi nghe nước mắt chảy vào trong. Nước mắt tôi hay nước mắt Hàm Bộ, khi anh nhìn tôi, không lời? Nó như một dòng sông câm lặng, cuốn trôi linh hồn tôi chìm vào một miền xa tít. Tôi quay mặt đi, bước nhanh ra khỏi phòng cấp cứu. Tối hôm đó, anh tắt thở. Không ngờ ngày anh bị nạn rơi đúng vào sinh nhật tôi. Triệu trăm nào đây? Một đạo sĩ Bà-la-môn đã mất, một Vivekananda Chăm vừa chấm dứt hành trình dang dở. Hàm Bộ chưa viết bài thơ nào, chưa để lại gì trên mặt đất đau thương này. Anh sống mà không để lại dấu vết.

Thơ, theo cái nhìn Việt Nam là mơ hồ và đềm đẹp, dễ thương và vô tội, nó ít trí tuệ và cư trú sát sườn tình cảm nên, làm thơ ở Việt Nam là rất phụ, bất cứ ai cũng có thể làm được (ra ngõ gặp nhà thơ là vậy). Và, hầu hết các nhà Nho qua trường thi đều học làm thơ, sau đó đều sáng tác thơ, vịnh thơ, thù tạc với thơ, ứng đối bằng thơ. Tạm diễn ý anh bạn Nguyễn Hưng Quốc thế.

Nữa, nhà thơ, nói chung lập dị nên, không thể hòa đồng với người, với đời! Vì thơ, ta làm của nợ cho gia đình, ăn nhờ sự tàn tảo của bà vợ hay hút xách tạo gánh nặng xã hội. Dẫu truyền thống cha ông có cảnh giác *lập thân tối hạ thị văn chương*, nhưng hôm nay, không ít nhà thơ biến thơ ca với chữ nghĩa thành một thứ cầu vượt, một phương tiện để đạt mục đích cụ thể nào đó. Nói theo tinh thần triết học Ấn Độ, từ cõi tinh thần và tâm linh, ta làm cuộc đi giạt lùi về cứu cánh *tam chúng* tệ hại.

Trong khi đó ở phương Tây, chữ “văn chương” đều có nguồn gốc chung là “chữ” *littera*. Nhà văn là kẻ đọc nhiều, quan trọng hơn, kẻ

lao động trên con chữ, xem chữ là mục đích tối hậu. Từ đó, họ đòi hỏi rất cao ở người viết trong lao động trên con chữ. Thơ, bắt rễ từ chữ “poiesis” trong tiếng Hy Lạp, vốn hàm nghĩa nguyên động lực của sự sáng tạo. Nhà thơ gắn liền với tri thức và kĩ thuật tinh luyện chuyên biệt trong phạm vi ngôn từ.

Truyền thống Ấn Độ còn đòi hỏi thi sĩ tôi luyện ở một cấp cao hơn nữa. Kinh *Bhagavad-Gita* cho rằng, đẳng tối cao đầu tiên là thi sĩ. Nhà thơ là hiện thân của tiên tri thấu thị, kẻ thông tuệ. Muốn thành nhà thơ, người làm thơ phải trải qua sáu bậc tôi luyện: *Svabhava*: cảm tính thuộc bản năng, *Carana*: cảm tính hướng thượng, *Abhyasa*: sự tinh luyện về sử dụng nghệ thuật ngôn từ, *Yoga*: tham thiền nhập định để đạt đến hòa hợp với Thượng đế, *Adrsta*: sự kế thừa tài năng từ tiền kiếp, *Visistopahita*: ân sủng đặc biệt được làm chủ tài năng của người thông tuệ và tiên tri phi thường. Nói như ngôn ngữ hiện đại: Được ân sủng đứng trên vai các người khổng lồ. Do đó, nhà thơ Ấn Độ ngày xưa bị/ tự buộc tuân thủ kỉ luật rất khắt khe về giờ giấc sinh hoạt cũng như các lễ luật đối xử với cuộc sống, chữ nghĩa (Hoàng Ngọc-Tuấn/ Nguyễn Hưng Quốc).

Chăm, tiếp nhận văn hóa Ấn Độ, ít nhiều ảnh hưởng nền nếp ấy. Cộng đồng Chăm những năm năm mươi trở về trước, nhà thơ thực sự là kẻ được trọng vọng như thể một bậc thánh. Thế hệ ấy, người Chăm từ “trí thức” cho đến nông dân, không ai là không biết chữ. Dù Chăm tổ chức dạy kiến thức theo lối bí truyền, học nhóm với số lượng rất hạn chế, có khi chỉ một thầy một trò, khá bất tiện. Thế kỉ thứ mười một, các sứ giả Tàu thử du nhập lối tổ chức theo trường quy Trung Hoa vào Champa, nhưng thất bại. Quan niệm về kiến thức của Chăm hoàn toàn khác. Kiến thức không phải thứ mang chia sẻ đồng đều. Học “nhóm” như vậy, nhưng thế hệ chú bác làng Caklaing quê tôi, tuyệt không có kẻ mù chữ mẹ đẻ! Phần lớn họ được đào tạo để có khả năng chiếm lĩnh tri thức khá căn bản. Nên, một nông dân

chân đất vẫn có thể tiếp nhận các tác phẩm kinh điển đầy tính triết lý và khó hiểu như *Pauh Catwai*, *Hatai Paran* không chút trở ngại.

Cha tôi, nông dân rặt, sau buổi cày nhọc mệt, vẫn có thể nằm lên gối cỏ, đọc ngâm *Akayet Dewa Murno*. Trong những tối lẽ lạc, đàn ông Chăm thường xuyên mang sách cổ nhân ra thảo luận từng chữ, từng câu. Họ xem tác giả *Ariya Glong Anak* như kẻ thoát trần một gót, các lời lẽ trong thi phẩm như lời thần thánh truyền lại. *Ariya Glong Anak* [và toàn bộ tác phẩm trong nền văn học viết Chăm] không có tác giả, Chăm đơn giản gọi nó: Ông *Glong Anak* ! Kẻ sáng tạo đã sang bờ bên kia và nói vọng lại. Nói rồi bỏ đi, không ngoảnh lại. Không cầu tuổi tên, bất cần lợi lộc từ tác phẩm mình.

Từ lò đào luyện chữ (giai đoạn *dưới chơn thầy*) sang lò luyện tội cuộc đời (giai đoạn *chủ hộ*) đến giai đoạn *khất sĩ bhiksu* làm kẻ lang bạt “phong phanh giữa trời đất”, là cuộc hành trình chiến đấu dài dặc, cực nhọc để đi đến chiến thắng tối hậu. Krishnamurti đã như thế như thế. Khi quá tam thập, ông phải tay từ bỏ danh vị “Phật Di Lặc tái sinh” được người đời gán cho mà ông mang vác mấy chục năm, từ bỏ vai trò Đấng Cứu thế của Dòng tu Ngôi sao với hơn bốn vạn tín đồ cùng bao nhiêu bất động sản trăm triệu đô. Để lên đường du thuyết. Chỉ với ít bộ quần áo với vài cuốn sách.

Nhưng tuổi trẻ Chăm hiện nay hành xử thế nào?

Họ có còn giữ “truyền thống” cốt cách kia? Như Dhan Than, Murdwon Jiaw xưa hoặc Hàm Bộ, Trà Vigia đã và đang? Đây là một câu hỏi lớn. Hay họ toan học đòi Sara lưu lại thật nhiều dấu vết? Họ có hiểu “hiện tượng Inrasara” chỉ là một tai nạn văn hóa? Hấn cư ngụ trên đường biên đầy tạm thời. Như kẻ tình nguyện hoặc bị đẩy ở lại hay, - khác đi: một mắc kẹt. Nhưng luôn ngóng vọng, khao khát, nhớ nhung bờ bên kia. Nhớ nhưng nhưng vẫn vui vẻ ở lại.

Đi – như là ở lại.

Tôi đã “ở lại” như thế trong cạm cũi phục dựng “Tủ sách văn học Chăm” mười tập, qua hành trình gập ghềnh khổ ải mười số *Tagalau*, với điều tra - tường trình “Vấn đề văn hóa - xã hội Chăm hôm nay Tương lai cộng đồng”, và cộm hơn - “Vụ Kiều Minh Vũ”. Sự vụ khiến ông anh Phutra Noroya kính mến của tôi nhắc: “Anh nghĩ em nên tập trung vào nghiên cứu văn hóa Chăm mình đi, ngoài kia xã hội rối rắm lắm, anh e em không kham nổi đâu.” Hay ý kiến bà con từ quê: “Tại sao người như Sara trong Chăm thì quá ít; quá ít này lại không chịu ‘phấn đấu’ lên cao hơn để có thể giúp đỡ bà con hiệu quả hơn?” Một khuyên răn thiện ý hay “tại sao” đầy ưu tư này đã không nhận được phản hồi. Không thể có. Bởi, khi thành *người biết*, đạo sĩ Bà-la-môn đã sang bờ bên kia. Trở lại cứu cánh *tam chúng*, chẳng những hấn không ơn ích gì cho cộng đồng mà còn nguy hại cho chính con đường hấn nữa. Các giai đoạn đó đã qua, thật sự đã qua.

Đây chính là sự khác biệt cả vực thẳm giữa triết lý Khổng Mạnh và tinh thần Ấn Độ giáo. Người quân tử bỏ cả đời lo chuyện trị quốc - bình thiên hạ, tôi luyện ngày càng thâm áo, tinh vi hơn, do đó - hiệu quả hơn. Đời ta không thành còn di chúc cho con cháu mấy đời sau kế tục. Đạo sĩ Bà-la-môn thì - không! Không, không, và không. Ông đã phui nợ trần khi hoàn tất giai đoạn *chủ hộ grhastha* ở ngay đời mình! Inrasara, Trà Vigia, Trần Vũ Khang cần trở lại học tập làm “đáng trọng phu” ư? Không, bởi chắc chắn, họ sẽ là học trò kém! Đó là một thể kệt văn hóa mang tính định mệnh.

Bạn trẻ Chăm, các bạn đang ở đâu, làm gì hôm nay? Các bạn có đang rơi vào tâm thế của không ít người làm thơ, với bao “nỗi hôm nay”?

Tôi đã cười méo miệng khi một bạn thơ thân mến của tôi kể chuyện anh đã nộp 250 ngàn đồng cho năm bài thơ chọn vào tập thơ tuyển ở trung ương, sau đó được chủ biên thông báo mỗi tác giả được “quyền” mua hai mươi bản nữa để biếu bằng hữu yêu thơ.

Chúa ạ, để làm cái quái quỷ gì kia chứ!?! Mới đầu tháng Tư này thôi, một bạn thơ đã lôi bài “Tháp năng” vào thi tuyển thế kỉ dày 800 trang, phone kêu tôi tới nhận sách biểu kèm nổi nguyên văn “anh nhớ mang theo tiền mua dăm quyển nhé, khéo hết” hai lần lặp lại. Ờ hay! Tôi có coi “Tháp năng” là tài sản mang danh vọng chi mô mà chư vị tuyển lui tuyển tới đến mười lăm bận rồi còn réo tôi mua nó nữa. Tập thơ đầu tay này đã hết từ khuya tôi còn không buồn tái bản nó nữa là.

Đạo sĩ Bà-la-môn khi đã rời bỏ rừng sống đời khát sĩ, trút mọi gánh nặng hay thành quả sau lưng, nhẹ nhõm như mây trời, làm cuộc phiêu lãng vô định và bất tận. Mãi mãi trên đường. Đường, có thể là đường phố hay con đường điền dã hoặc lối đi trong rừng, thậm chí đường hàng không như Krishnamurti đã - không vấn đề! Khi đạo sĩ Bà-la-môn mang máu thi sĩ, hẳn càng đi bạo hơn.

Thơ ca nảy sinh và rót lại trên con đường vừa đi qua đó.

Chưa đặt một chân sang bờ bên kia, chưa là *người biết Paramârtha-vid* mà đã xài chữ, đã vội vã “sáng tạo”, bạn chỉ dừng lại ở kẻ tập tò làm văn. Triết học Ấn Độ hoài nghi ngôn ngữ, cả thứ ngôn ngữ đã được nạo bỏ các thứ lớp sơn giả tạo, ý đồ. Viết ở bờ bên này, chẳng những bạn làm bản tư tưởng thôi mà còn xả rác vào chính ngôn ngữ nữa. Bước sang bờ bên kia, nếu bạn một đi không ngoảnh lại, bạn không thể trở thành một nhà thơ chân tính. Hiểu *mây*, khuất phục *mây*, vượt qua *mây*, nhưng bạn vẫn ở lại với *mây*. Đây là hành động cao cường của một Bồ tát - nghệ sĩ *Bodhisattva-artist* !

Không sáng tác bằng tiếng dân tộc, bạn không xứng đáng là nhà thơ, một nhà thơ mang cảm thức hậu hiện đại với châm ngôn: *Suy nghĩ toàn cầu - hành động địa phương*. Nói một cách hình tượng: Dù phiêu du trên đường nhưng đạo sĩ vẫn ưu tư, lo lắng cho kẻ ở lại quê nhà. *Glơng Anak* thuyết ưu tư tức phi ưu tư thị danh ưu tư!

Thế nhưng... Dù đã chạm mặt với cứu cánh cuối cùng trong tinh thần văn hóa Chăm ngày nay chỉ còn là những mảnh vụn *les ruines* vương vãi, tôi vẫn mang khát khao tìm biết. Biết, để tự giúp và giúp bạn bè Chăm vượt qua hố hang nỗi người trong xã hội Việt Nam đầy bất trắc, rủi ro.

Mùa hè 2007

Khi Hạnh cho xe dừng trước hàng xương rồng nhìn xuống hồ nước sâu, lớn, tôi nói với Hạnh:

- Anh sắp viết cuốn tiểu thuyết vĩ đại về nó. - Tên là *Hầm Mỹ*, - tôi thêm.

Bóng tôi đổ lên mô đất nhỏ, thấp hơn bóng Hạnh. Mô đất xưa tôi hay ngồi ngó lũ trâu xuống hồ uống nước đã bị khoét mất một phần. Nắng làm em chói mắt. Em không hiểu gì cả, có lẽ. Anh sẽ làm tập thơ vĩ đại về em, - tôi nói, vẻ nghiêm trọng. Nhưng tôi biết tập thơ sẽ không bao giờ mở mắt chào đời. Đã nhiều nhà thơ dọa thế. Dọa, để rồi các tập thơ độc đáo kia mãi nằm trong bào thai ý định.

- Anh sẽ không bao giờ viết về sự nhảm của thơ hôm nay nữa. Anh sinh ra không phải để làm mấy thứ vớ vẩn đó. Nhìn đâu cũng thấy nhảm. Thơ người quen kẻ lạ, thơ bạn bè, thơ em và cả thơ anh. Nhảm tuốt. - Đột nhiên tôi nổi hứng.

Hạnh nhìn tôi, ngờ ngợ. Tại sao anh lại phí giờ cho nỗi nhảm nhí kia chứ? Tôi tuyên dứt khoát. Ngay ngày mai anh sẽ rời bỏ *Bàn tròn Văn chương*, những trang bản thảo, mấy tập thơ được tặng đang nồng mùi mực in, chục cuốn lý luận vừa được bạn văn gửi về từ bên kia đại dương. Cắt đứt mọi quan hệ văn chương với bao phiền toái, miệt thị hay vuốt ve, cáo giác với bệnh vực.

Tại sao tôi phải vướng bận mấy của nợ kia chứ?

Trong khi hơi thở Hầm Mỹ đang cuốn hút tôi kì lạ. Hầm Mỹ của bao kỉ niệm thơ mộng, của biến đổi cuộc thế, dâu bể lòng người.

Hầm Mỹ - khi lính Mỹ khởi công xây dựng cơ sở huyện An Phước vào mùa hè năm 1967. Trước, Caklaing quê tôi đường sá ôi là thảm hại, có cũng như không. Đi lại cực hết biết. Mỹ về. Loại đất phía Nam làng rất lý tưởng cho đắp nền. Thế là họ lấy đất, tạo thành hố, thành hầm - Hầm Mỹ. Dân làng tôi quen kêu vậy.

Lấy đất, họ buộc phải làm đường. Đủ rộng và chắc, cho thứ xe có cặp bánh sau to khiếp qua lại ngày mấy chục chuyến. Công việc kéo dài suốt năm. Rồi rác Mỹ. Bao nhiêu là rác, từ bánh trái hết hạn sử dụng đến mảnh ván ép vụn hay còn nguyên, thùng đạn lẻ thừa cho chí bao cao su chưa dùng. Mấy sắp bạn đồng môn tranh nhau giở tảo lính Mỹ nghịch chọi đám nhóc chúng tôi. Lần đầu tiên trong đời tôi được nhìn thấy và xơi tảo Mỹ. Thằng Lệ ngã lăn khi bị trúng đạn trái tảo tay Mỹ đen ném. Mỗi sáng gần trăm công dân làng tôi ra ngoài cổng ấp chiến lược chờ mấy chuyến xe rác Mỹ chạy xuống. Tôi với anh Đạm tranh thủ nghỉ hè làm đá dăm bán lấy tiền mua sách vở chuẩn bị vào Đệ Thất dưới tỉnh, nghe tiếng xe Mỹ rù rù từ xa là chạy chặn đầu. Tường thành xây tấp-lô thay rào củi phía sau nhà bốn mươi năm còn vững chãi được xây bằng xi măng xí từ rác Mỹ.

Hầm Mỹ làm thay đổi cuộc sống dân làng tôi. Việt cộng phục kích và giật mìn. Máy bay “bà già” rải truyền đơn kêu gọi đưa con làm lạc “trở về với chính nghĩa quốc gia”. Tiếng Mỹ bồi với mấy ả điểm. Hầm Mỹ chứng kiến tên lính Pháp cuối cùng rời làng và lính Mỹ đầu tiên chết. Hơn chục trái canon bắn nhằm vào làng, một trái bay lạc rơi ngay sân trường tôi học nhỏ bắt gốc me tây. Đại đội Bảo An đến và đi. Sư đoàn Đại Hàn mở trận càn quét. Tỉnh trưởng đi xe Jeep về dự đánh trận giả. Việt cộng cuối cùng chiêu hồi. Bộ đội đầu tiên leo lên nóc đồn treo cờ Mặt trận giải phóng.

Hầm Mỹ làm chết đuối bạn học cùng lớp rồi sau đó non bốn mươi năm suýt nhấn chìm thằng Út tôi, cũng là Hầm Mỹ cung ứng nước tưới cho chục mẫu đất rẫy mấy nhà nông dân lân cận. Rồi, Hầm Mỹ

góp phần làm nên vẻ đẹp thô ráp sần sùi của làng tôi. Nó là vai chính không thể thiếu trong các cuốn phim về tôi, về làng Caklaing tôi.

Nghĩa là đủ thứ chuyện trên đời xảy ra tại Hầm Mỹ, qua và với Hầm Mỹ. Nửa thế kỉ qua. Soi vào Hầm Mỹ, tôi nhận mặt rõ hơn cuộc đời tôi, anh chị em bè bạn tôi. Ở đó tôi thấy cuộc chiến hai mươi năm, cải tạo nông nghiệp mười năm, đổi mới mười lăm năm và cả hậu đổi mới nữa.

Nhưng rồi, tôi vẫn không từ bỏ nỗi [làm] nhảm [về] của thơ được. Cái gì không thể bỏ được thì khó bỏ được. Trừ phi có sự đốn ngộ, cuộc cách mạng tinh thần hay trận dứt áo chia xé. Một câu thơ đọc thoáng qua cũng có thể làm nên định mệnh mình. Như câu thơ của Rilke. Như bức thư triết học dài của Heidegger. Hay như sợi tóc đen một tối kia nằm vắt ngang màu mắt của Hạnh.

- Sao thơ ai cũng bị anh cho là nhảm thế nhỉ? - Hạnh hỏi.

- Bởi ta nhảm, ta muôn năm đụng hàng mà tưởng bỏ.

- Nếu thế, cả thơ anh cũng nhảm nữa. Để em tìm nhé...

- Anh có chối đâu! Mỗi xô dịch vắn hay không vắn, mỗi chọn tứ, lựa chữ đều đụng hàng. Không Việt Nam thì thế giới, không phương Đông thì phương Tây, không hôm nay thì là hôm xưa hay hôm sau. Đây là thời văn chương của sự cạn kiệt. - Tôi nói: - *The literature of exhaustion*. Mỗi nỗ lực là một hụt hẫng, thất thố.

Chùm thơ “Yêu nhau ba thì, 1. Thì lẳng mạn hậu thời”, tôi bắt đầu bằng câu thơ:

Ở một thành phố phương Nam khi xe cộ đã đi ngủ

Và chấm dứt với câu:

...Da em thơm như niềm vắng mặt

Tôi nói với Hạnh, đó cũng là loài thơ nhảm. “Môi” thì thiên hạ xài nát rồi, nhảm và nhảm rồi nên, anh thử thay nó bằng “da” xem sao; cạnh đó anh còn lôi cả “xe cộ đi ngủ”, “thơm như niềm vắng mặt” cho

có vẻ siêu [hình] thực nữa. Để vơi nỗi nhảm đi. Nhưng thế nào rồi, dẫu có thay phụ tùng nhảm nhí này bằng phụ tùng nhảm nhí kia, nó vẫn cứ nhảm nhí. Không thể tránh.

- Dạ. - Em nói nhỏ. - Vậy thì phải làm sao?

- Phải nhảy.

Tuổi đứng bóng mặt trời, bỗng nhiên tôi muốn thay đổi. Một cú gãy. Hoặc biến mất khỏi thế giới tôi đã từng biết, từng sống.

Người Khmer, ngay từ tuổi thiếu niên, đi vào tu chùa. Vừa tu tập nhưng anh vẫn vô tư chọc gãi. Đến trưởng thành, ngoài kẻ chánh tinh tấn đường tu hành, còn lại khi gặp cô nào ưng ý, anh chàng có thể xuất chùa để lập gia đình. Chăm thì khác, ngay tuổi tìm học, anh bị vút vào trường đời để trui luyện. Hoặc anh chết chìm trong đó, hoặc anh sẽ nổi lên như một sinh thể đã qua lò luyện tội cuộc đời. Malraux nói đại để không phải chín tháng mười ngày mà, cần sáu mươi năm mới làm nên một con người; nhưng khi đã trở thành người, tốt hơn cả: bạn nên chết đi! Chăm không chết đi mà, rời bỏ tài sản, gia đình, sự nghiệp, vân vân thứ để lên đường.

(Sổ ghi, 1978)

Tôi cứ tư tưởng mình có hai cuộc đời. Làm lại từ đầu. Khi ta đã sở hữu cơ nghiệp, như thể làm xong chuyến buôn của đời. Ta có thêm cuộc đời hoàn toàn mới khởi đầu khi ngũ thập. Không tên tuổi, không sự nghiệp, không thể căn cước, không vướng bận vợ con họ hàng thân thích. Lúc đó, chỉ cần mười năm là đủ. Vị chi ta có sáu mươi năm có mặt trên trần gian. Nhưng được cuộc đời hoàn toàn khác. Như thể hai hiệp của trận đấu, ở sân khác nhau: sân nhà, sân khách. Cuộc sống không phong phú hơn ư? Không hơn mãi kéo lê thất thập hay bát thập dẫu có dư niên ư?

Tháng 11-2006

Ông Lưu Quang Sang hiệu trưởng thuở Pô-Klong mai sớm về Mỹ, mời tôi cơm tối. Chỉ vài người quen thân gia đình thôi, thầy nói. Bởi ông biết tôi rất ngán đám đông, lại đám đông Chăm, để bàn về vấn đề Chăm. Tôi đã tránh mấy lần trước, thầy hiểu. Sống đất Sài Gòn mười bảy năm, tôi chỉ dự Katê sinh viên đúng một bận! Nhà văn là kẻ nói qua trang sách chứ không phải ở diễn đàn.

Nhưng rồi chuyện đã khác. Hơn hai chục người có mặt và, lại bàn về *Tagalau* ! Tôi thử ngăn, nhưng không kịp rồi. Ông bảo: Ý hướng tốt, muốn giúp Trăm. Ngay mào đầu, anh PN lên lời trách vài người có học vị Chăm không chịu tham gia viết cho *Tagalau*... Thế là vị tiến sĩ Chăm lên tiếng phản bác:

- Anh nói thế sai rồi, tôi có quyền viết hay không viết, tôi có quyền tự do tôi...

- Anh đúng, rất đồng ý. - Tôi nói. - Chúng ta cần học nhìn vượt qua hàng rào *Chàm mình*, cần tôn trọng quan điểm của người khác.

- Theo tôi, *Tagalau* chỉ do một nhóm chứ không đại diện cho cả cộng đồng Chăm, không phải đại diện... - vị tiến sĩ nói tiếp, hai lần lặp lại.

Chúa tôi! Tôi có bảo *Tagalau* đại diện cho ai đâu? “Lời mở” *Tagalau 1* nói quá ư là rõ ràng: “*Tagalau* là sân chơi để mọi người học hỏi, thể hiện và trao đổi.” Một việc làm vô vị lợi, ai muốn vào chơi thì tùy lòng. Nhưng có tạp chí nào mà chẳng do một nhóm người phụ trách? Ngay Inrasara, không ít nhà báo bảo hấn nhà thơ đại biểu dân tộc Chăm, tôi gạt phăng. Nhà thơ là tiếng nói cá thể, hấn đại diện cho cá nhân hấn chưa nên thân, nói chi đại biểu cả một dân tộc?

Tôi gắng giữ im lặng, cầu trời Phật cho cuộc này trôi qua nhanh nhanh đi.

- Nếu ai cũng nghĩ như chú nó, thì Chăm không tập trung được lực lượng, vì Chăm chỉ có mỗi *Tagalau* thôi... - anh PN nói.

- Tôi thấy *Tagalau* chỉ đăng mấy bài mà nhiều báo khác từ chối. Lại có bài phê phán gây dị ứng. Như cá nhân tôi viết cho các tạp chí quốc tế, vậy mà báo tôi không đóng góp...

Tagalau chưa bao giờ phê bình anh cả, anh nhầm đâu đó thôi. Còn bảo “*Tagalau* đăng mấy bài mà nhiều báo khác từ chối” là anh xem thường vài cây bút đồng tộc mình rồi. *Tagalau* có “Trang văn thơ trẻ”, có mục “Cảm nhận văn hóa Chăm”,... nghĩa là nó cũng dành phần đất cho cây bút mới. Nhưng *Tagalau* vẫn có không ít tên tuổi đại to cỡ góp mặt. Riêng anh, anh bảo các nghiên cứu của mình đăng tạp chí quốc tế, hỏi chứ tạp chí nào? Ta cứ ảo tưởng in ở đâu ngoài đất nước hình chữ S này là quốc tế! Nếu vậy thì Sara tui có đến nửa trăm bài tầm quốc tế, nếu kể luôn cả sáng tác thì con số lên đến 300!

Nghĩ thế, nhưng tôi nhìn sang ông thầy cũ, nhắc:

- Thầy cho qua đi, bàn chuyện khác đi...

- Anh nói bài viết tầm quốc tế, sao anh không làm tập san in các loại bài đó phục vụ đồng bào đi... - anh T ý kiến.

- Nhưng nếu vậy thì người ngoài cho là Chăm không đoàn kết... - anh PN vẫn chưa chịu im.

- Anh nói vậy gặp D, D đánh đấy, đánh thật đấy... - vị tiến sĩ hai lần lặp lại và nhấn.

Tôi ngẩn tò te về phát âm này. Cả phòng nín lặng. Tình hình bệ rạc đến mức này ư? Sao lại nông nổi thế chứ. *Tagalau*, dù tôi đã hết mình cho nó, cơ khổ vì nó, và có thể lằm sa lầy bởi nó, nhưng..., tôi luôn xem nó như là cuộc chơi, nhẹ hơn - một trò chơi, có gì nghiêm trọng mô! Tôi đã nhiều lần viết thế. Cũng hết nổi nghiên cứu văn chương - ngôn ngữ Chăm của tôi, hay như chuyện làm thơ, lý luận - phê bình nữa. Chẳng có gì trầm trọng cả! Tôi làm cái này, nếu bác chưa chịu thì bác làm cái khác, và chị - chị làm cái khác nữa. Cho tốt

hơn, cho hay lên, cho phong phú vào. Để bà con vui, cô bác nhờ. Có gì mà làm điều, mà to tiếng cãi cộ nặng lời nhí nhố.

- Thôi bà con cho phép tôi nói xiu rồi bỏ quá đề tài này đi. Một tạp chí nào bất kì cũng có bài hay bài dở, có kẻ chê người khen. Chuyện thường tình. Dầu sao, *Tagalau* ra đời và trụ vững suốt cả thập kỉ là điều lạ. Nhà thơ Y Phương rằng tôi không ngờ giới trí thức và cộng đồng Chăm đã làm được việc mang nhiều ý nghĩa đến thế. Điều mà chưa có một dân tộc thiểu số nào làm được.

- Đó là người ta nhìn vào...

Cuộc “tra tấn” còn kéo dài mười phút nữa, nhưng tôi nói:

- Sara buồn ngủ rồi. Và tôi buồn ngủ thật. Tôi thêm [chết như thêm] ngủ.

Tôi đã cảm lạnh chịu đựng suốt hai tiếng đồng hồ. Rầu muốn thối ruột. Lòng nhân của tôi là sức chịu đựng của tôi đối với đồng loại, *ainsi parlait Zarathoustra-Nietzsche* ! Đèo bà xã đến nhà, tôi vỡ cười một tiếng thật to. Rồi làm giấc ngon lành cho tới sáng.

Con người luôn xu hướng nắm giữ, bám chặt vào cái gì đó mà họ cho là quan trọng. Đạo sĩ Bà-la-môn ngược lại, buông bỏ. Ném tất cả sau lưng. Tên tuổi cõi còm này, công việc bề bộn này, chiếc ghế mỏng manh [nếu có] này, cơ ngơi nhỏ bé này, trách nhiệm nặng trĩu này. Tôi, ôi cái tôi nhỏ bé thảm hại, luôn thêm khát quay lưng rời bỏ. *Tagalau* với “Tủ sách văn học Chăm” đồ sộ vô thường này. Với bao khuôn mặt, sự việc cùng muôn hệ lụy của chúng.

Lên đường, một cách nhẹ nhõm.

Bổn phận tôi có phải để vực dậy ngôn ngữ - văn chương Chăm đã khuất lấp đêm mờ lịch sử? Có phải để giải minh bao thắc mắc cạn cợt hay chống báng ngốc nguếch? Tôi sinh ra có phải để làm thơ, thêm món phê bình nhảm nhí này nọ nữa? Tại sao tôi phải nhả răng

cười khi tôi không có gì để cười, tôi phải thò tay ra bắt tay kẻ tôi không muốn nhìn mặt? Hay tôi là kẻ có tâm hồn cao thượng?

Tôi sợ phải có một tâm hồn cao thượng, - một nhân vật của Dostoievski nói thế. Tôi bị sốc khi lần đầu đọc nó vào tuổi mười bảy. Như một đoạn thơ *Ariya Glong Anak* trước đó, hay của Rilke sau này. Ba mươi hai năm vèo bay như huyền thuật, như hoa mắt.

Như sợi tóc vắt ngang màu mắt của Hạnh vào buổi tối vô nghĩa kia.

Đồng thanh đồng khí, trong chuyên luận về Dostoievski, Gide viết: *“Với tình cảm tốt đẹp, người ta chỉ có thể tạo ra thứ văn chương rẻ tiền.”* Vậy làm thế nào để có thể khuất phục thứ tình cảm tốt đẹp, vứt bỏ tâm hồn cao thượng kia? Làm sao có thể vượt qua nỗi nhảm nhí của thơ hôm nay?

Và, đâu là thể tính của thơ ca?

VƯỢT QUA CÔ ĐƠN SỬ TÍNH

*Dù làm gì đi nữa, vẫn luôn luôn giữ
phong thái của kẻ sắp lên đường.
Như chúng ta sống mà vẫn luôn luôn từ biệt...*

R.M. Rilke.

Bên kia “chệt” nhà tôi là quán bà Hai Mót. Bà có đứa con gái tên Mót, bạn cùng lứa chị Hám. Một gia đình làng quê xứ biển qua làng tôi mở quán bán đủ thứ nhà quê cần. Bà tiếng làm ăn có đức, nên mấy bà Chăm thương tình cho không khoảnh đất trong vuông nhà để mở quán. Anh em tôi ầm đầu là cứ qua bà Hai lấy lọ Tiêu ban lọ mà xài. Bà còn có món đặc sản là chả giò chấm tương. Sáng sớm được mẹ cho qua ngồi chung thì sướng hết biết. Bà này quý mẹ tôi ở khoản không hề mua chịu. Nhà tôi nghèo, nhưng thóc giáp mùa vẫn còn lưng lểm. Mẹ hãnh diện ra mặt về vụ này. Chớ mà như con Hám có bữa nào quào bữa nấy - mẹ dạy em Những thế. Về vụ nói chữ thì mẹ chả thua kém nửa gang tay với bà Hai Mót. Tôi học được rất nhiều từ cặp bài trùng này.

Bên kia rào bà Hai réo con nợ *Trời đất quỷ thần ơi*, bên này mẹ la chị Hám đáp lễ *Lingik tathik yang labang lory* ! Bạn trầu cau với nhau, tính tình hạp nhau, cùng la lối om sòm về mỗi vụ như nhau mà hai cách nghĩ xa nhau cả vực thẳm. Chớ đợi dân ngôn ngữ phân tích chi li chẻ sợi tóc làm năm rườm rà lồi thối, nội chuyện hai bà nhà quê

dụng ngữ cũng đã đủ nói lên sự khác biệt về lối nghĩ giữa hai dân tộc vách sát vách bờ giáp bờ.

Lingik tathik yang labang lory Trời biển thần “lỗ” ời !

Yang labang. Thần và lỗ. Tại sao không là thần và *quỷ* hay thần và *ma* ? Có phải chỉ để hiệp vần thôi không? *Lingik tathik* / trắc trắc, có vần, *yang labang* / bằng bằng và cũng hiệp vần. Trong lúc đó *Trời đất quỷ thần* chỉ có đối thanh của cặp từ ghép, ngoài ra không gì khác. Nếu vậy thì Chăm yếu quá, chuộng hình thức mà bỏ nội dung sao? Không, đâu đơn giản thế chứ. *Labang hang, lỗ* là nơi cư trú của ma: *Bhut di labang, yang di kalan Ma ở trong hang (lỗ), thần ngự trên tháp.* Chăm chết, khi chưa qua đám thiêu thì còn là ma, ma này tạm trú trong hang hay lỗ, chứ không phải trong mộ. Chăm không gọi nơi chôn người chết là mộ (có ụ đất nhô khỏi mặt đất) mà là *labang* (hang, lỗ). Dùng từ *labang* vừa hiệp vần vừa tránh dùng từ húy kỵ là *bhut ma* hay *ajin quỷ*. Cầu thần phù trợ ta, cạnh đó ông bà còn viện đến ma quỷ là để tránh cho chúng hại người nữa.

Nhưng tại sao lại *lingik tathik trời biển* ? Người Kinh nhìn lên thấy trời, cúi xuống thấy đất; Chăm thì khác, dưới chân họ là mệnh môn biển nước. Chăm có làm ruộng (đất), nhưng đó là cánh đồng miền Trung nhỏ hẹp bốn mùa hanh gió. Ông bà ta xưa sống bằng nghề biển, nhờ biển và với biển. Ppo Tang Ahauk còn lấy biển cả làm nơi trú ngụ của mình nữa.

Người có nhà để ngủ

Ông cất chỗ trú giữa đại dương

Người có nhà để ở

Ông lập nơi ngụ giữa đại dương

Cuộc sống ông khác hẳn đời một nông dân Chăm mà định mệnh gắn liền với đất, với con trâu và cái cày, khiêm cung, đạm bạc, định và tĩnh. Vì đất liền không phải là quê hương của ông. Một cái nhà:

không, một nơi cư trú cũng không nốt. Ông là chủ nhân đồng thời là tù nhân của biển cả. Biển cả là nơi ông sinh ra, tung hoành, tạo dựng sự nghiệp và rốt cùng, biển cũng là nỗi bao la cách ngăn ông trở về với đất, khi chiến cuộc đã vãn. Ông không thể trở về đất liền tìm gỗ to hơn, để đóng con tàu có sức chịu đựng gan lì hơn, con tàu có thể cùng ông làm cuộc vượt đại dương tìm miền đất khác trú thân. Hiện nó đang quá nhỏ bé so với đại dương kia. Cô đơn tràn vào tim ông, phủ lên định mệnh ông.

Lingik tathik lory ! - ông thét lớn vào khoảng mênh mông trời biển.

Cô đơn, - lần đầu tiên trong đời, thuở hai mươi, tôi giáp mặt nó. Mùa nắng 1977, làm thanh niên thiện chí hướng dẫn các bạn cùng quê phát, đốt bãi xương rồng mở rộng sân bóng đá. Chiều, các bạn bỏ đi đá bóng, tôi nán lại dập tắt mấy khóm lửa âm ỉ cháy. Đám bạn đang la hét ngoài kia. Giữa đồng ngổn ngang đầy nguy cơ bom mìn và lửa cháy lan ấy, ngó các bạn vô tư vờn trái bóng, rồi nhìn lại mình, cô đơn biết bao. Như ông già của Hemingway một mình giữa biển cả vật lộn với con cá hư vô, hay hơn thế: Cô đơn của Ppo Tang Ahauk, nỗi cô đơn ấy đuổi theo tôi tận hôm nay. Không dứt ra được.

Tháng 8-1992, tôi nhận thư mời vào Sài Gòn làm việc. Quán *Cà phê Haly* đang ăn nên làm ra. Thường người đời khuynh hướng ổn định, tôi thì không! Ngay tháng sau, tôi khăn gói lên đường. Lương 800.000 đồng/ tháng, bằng góc tư thu nhập ở quê, vừa đủ cho cà phê với báo. Trung tâm báo: *Từ điển Chăm - Việt* hoàn thành trong một tháng. Với hai nhân sự. Rồi ai về nhà nấy. Mô Phật! Biên soạn Từ điển mà mọi người hoàn toàn tay trắng: đề cương - không, tài liệu tham khảo - không. Tôi bảy mươi hai tháng đứng đầu gió đối mặt với con chữ, và đối phó với nỗi người. Năm tháng ấy, gia đình tôi trôi giạt từ khu cư xá Thanh Đa thiếu không khí đến căn nhà ổ chuột quận Tân Bình. Với chiếc xe đạp cọc cạch, tôi đạp bốn mươi cây số qua Trung tâm đánh vật với chữ nghĩa vừa sang Thương xá TAX giúp

Hani bán thổ cẩm. Tôi cày cuốc mười hai tiếng đồng hồ trên cánh đồng chữ, mỗi ngày. Trong không khí ngột ngạt tưởng như bất khả vượt đó, tôi đặt dấu chấm cuối cùng cho tập thơ đầu tay và bộ *Văn học Chăm*. Lần đầu tiên trong đời, tôi tìm đến phòng mạch truyền nước biển. Bù lại, sự ngây thơ vẫn vẹn nguyên trong tôi. Mùa hè 1998, tôi trút tất cả ở sau lưng, để nhẹ nhõm lên đường phiêu lưu vào cõi sáng tạo.

Tôi là kẻ đi một mình, đứng một mình. Như vị thiền sư kia: *Gậy mình mình vác, đường mình mình đi, giữa đời núi chập chùng...*

Khởi sự nhập cuộc chữ, đọc chẳng hạn, tôi quá khác các bạn chung bàn học. Khuynh hướng triết lý, lại triết nặng. Thời Pô-Klong, mấy bạn suốt ngày ôm *Tề thiên Đại thánh* với *Tam quốc chí*, tôi ngược lại: Hemingway, Faulkner, Camus,... tác phẩm cả năm đứng phủ bụi trong tủ sách. Mãi hôm nay, tôi vẫn không chịu nổi tiểu thuyết Trung Quốc. Từ *Kim Bình Mai* cho đến *Cao lương đỏ*. Cả lối viết rề rà của Victor Hugo hay Thomas Mann nữa. Ngược lại *Anh em nhà Karamazov* với *Lũ người quỷ ám*, tôi đọc lui đọc tới cả chục lần, coi đó là hai cuốn tiểu thuyết vĩ đại nhất của nhân loại. Tôi nuôi ý định cạnh tranh với Dos.

Một chiều bụng rỗng không, bước chân thất thểu đưa tôi lạc đến đường Kí Con quen thuộc, một hàng bày bán sách cũ vừa công khai vừa lén lút. Trong túi còn năm đồng, tôi tình cờ cầm lên cuốn *Thư về nhân bản chủ nghĩa* của Heidegger do Trần Xuân Kiêm dịch. Hờ hững vậy thôi, và lê bước qua bến xe buýt về nhà trọ. Tôi đọc ngấu đọc nghiền. Tôi bị chấn động toàn thân. Sau đó tìm cả bản tiếng Anh lẫn tiếng Pháp mà mày mò đọc. Lục tìm tất cả tác phẩm ông có thể tìm được tại đất Sài Gòn tấp nập này. Tháng sau, tôi quyết cắt đứt với giảng đường.

Về!

Về, cày, đọc và làm thơ. Tôi đọc đến mù người. Ba năm sau đó tôi phải chiến đấu tự thân để không bị dính vào sách. Cuộc chiến đau đớn này kéo dài cho đến tuổi cận tam thập, tôi mới biết học cách đọc sách để “làm việc”.

Làm thơ từ tuổi mười lăm, mãi tuổi bốn mươi tôi mới in tập thơ đầu tay.

Không biết tin nghe từ ai, Nông Quốc Chấn nhắn tôi đến gặp ông tại Nhà khách Trần Quốc Thảo. - Cậu gọi cho tôi một chùm đi. Sáng sớm, tôi đưa cho ông nguyên tập bản thảo *Bàn chân - Con đường - Bóng tối*. Ông bảo: - Tên tập thơ nặng quá, nên thay đi. Nhớ chêm mấy bài thơ tình nhẹ nhàng vào. *Tháp nắng* mở mắt chào đời bởi cơ duyên đó. Nhưng nó phải qua đúng hai năm đoạn trường gập ghềnh.

Năm 1984, Chế Lan Viên và Trần Độ kinh lý các làng Chăm. Nghe kể, trong cuộc gặp mặt bà con tại làng Hữu Đức - Ninh Thuận, Ban tổ chức trân trọng [và long trọng] giới thiệu Trần Độ. Sau phát biểu ngắn, Trần Độ nhắc vớ: Lẽ ra nhà thơ Chế Lan Viên phải là người được mời trước. Vì chính anh Chế, qua thơ ca, đã nói thay nỗi niềm, ẩn ức và oan khuất cho bà con. Chăm hiểu, nhưng kẹt ở cơ chế! Chiều hôm đó, Chế Lan Viên vào làng tìm khám phá... hậu duệ. Rủi cho ông, một thì cổ lỗ sĩ, một lại sến ơ là sến. Quá tam ba bận, nhà thơ họ Chế lên xe vào Phan Rí. Ở đây, Chế Quốc Minh kể, chính Chế Lan Viên tự nhận với riêng anh rằng mình là Chăm đích thị. Tôi không biết nếu tôi gặp Chế Lan Viên sớm hơn, đời chữ nghĩa tôi sẽ quanh sang đâu?

Buổi giao lưu ra mắt sách tại Hội sách thành phố Hồ Chí Minh vào chiều nắng gắt 22-3-2006, tôi nói *cô đơn* chính là *tự do* chính là *sáng tạo*. Một nhà báo không hiểu, đã biến báo thành *cô đơn là tự do sáng tạo*. Chả có nghĩa gì ráo! Cô đơn bao hàm tự do, chứ không phải ngược lại. Bởi không ít kẻ sống trong đất nước tự do, hoặc lên núi cao ẩn tu vẫn chưa cô đơn. Khoảng trống tâm hồn chính là cô đơn,

cần thiết cho sáng tạo, chính là sáng tạo. Ta không sở hữu cô đơn mà, cô đơn chiếm hữu ta. Nó ném kẻ sáng tạo vào khoảng rỗng vô định đầy bấp bênh bất trắc của nó. Kẻ sáng tạo không có gì để bầu víu, không còn giọng mơ hồ nào đó nhắc nhở nên thế này hay không nên thế kia. Hẳn tự do và bởi thế, hoàn toàn chịu trách nhiệm về tiếng nói của mình. Cô đơn như thế tự vượt thoát khỏi nỗi cô đơn của Tang Ahauk, một giải - cô đơn sử tính toàn triệt. Cô đơn cho sáng tạo, cô đơn là sáng tạo!

Khi đã cư trú bờ bên kia của nỗi cô đơn sử tính kia, tôi học chấp nhận định phận mình là Chăm. Như là thi sĩ Chăm.

Nhà văn là tỏ thái độ, ông ọ hay cương cứng, ba bốn phải hay thẳng đuột như cua. Dù bạn có vào tu chùa hay lên tận hang sâu núi thẳm sống, chính trang viết nói lên thái độ bạn. Khi đề tài nhà văn chạm đến vấn đề xã hội, nhất là xã hội của hôm nay. Trực tiếp hoặc gián tiếp, nó vẫn là cách tỏ thái độ. Và, xã hội tỏ thái độ lại với bạn. Một nhà văn “thuần túy” đã thế. Tôi, càng khác. Ngay khởi điểm, tôi luôn viết ở đầu sóng ngọn gió của thời cuộc, thời cuộc Chăm. Nghiên cứu thì miễn bàn rồi, thơ văn tôi luôn kéo lê theo mình vui và buồn, tối hay sáng, hi vọng với thất vọng Chăm. Phê bình hay trao đổi khoa học, cả chủ biên *Tagalau* và bao công cuộc khác. Luôn trực diện với vấn đề rất thời sự. Nhỏ thôi, nhưng đầy bất trắc. Nhà văn như thế, không lạ, khi nhận được bao phản hồi từ xã hội.

Đầu thiên kỉ thứ ba, trong “Sáng tác văn chương Chăm hôm nay” in ở *Tagalau 1*, tôi hối thúc bạn trẻ nhập cuộc vào dòng sống đất nước hôm nay. Bởi chỉ *nhập cuộc thật sự*, Chăm mới hi vọng đóng góp cho dân tộc và văn hóa dân tộc.

Với bạn trẻ là thế, riêng tôi: bị đẩy xuống. Làm nhà văn có nghĩa chấp nhận là “kẻ bị đẩy xuống tàu” – Camus nói. Ông thêm, nhà văn như kẻ đi trên dây giữa hai bờ vực, bên này là tuyên truyền bên kia là xa hoa giả trá. Hẳn phải giữ thăng bằng giữa truyền thống và hiện

đại, dân tộc và đất nước, tổ quốc và thế giới, trách nhiệm công dân và ý hướng sáng tạo của nghệ sĩ trước vũ trụ vô cùng. Huy phá đồng thời sáng tạo, đúng tinh thần Shiva. Do đó, hấn chấp nhận sống hiểm nguy thường trực. Chỉ như thế, hấn mới còn sáng tạo theo đúng nghĩa nguyên ủy của từ.

Dù làm gì đi nữa, vẫn luôn giữ phong thái của kẻ sắp lên đường...

Không có phong thái đó, kẻ sáng tạo bị vướng kẹt. Tại Mỹ, các nhà thơ nổi tiếng bước vào Đại học chính quy, luôn tắc! Họ vẫn viết nhưng, họ hết sáng tạo. Đó là lý do “chính đáng” nhất khiến tôi rời bỏ Đại học, từ chối quan trường hay không mặn mà với học vị, học hàm các loại, có lẽ. Có nhiều nguyên nhân mù mờ trong đời. Chỉ kẻ sống đúng ngăn học mới biết rõ tại sao mình làm thế này mà không thế kia. Với tôi, đáng sợ nhất là mất khả năng sáng tạo! Mãi hôm nay, mười bảy năm làm dân Sài Gòn, tôi vẫn không bỏ được thói quen la cà các làng, nói chuyện trên trời dưới đất với các bạn Chăm. Về quê, tôi ít khi trụ lại nhà.

Đi và đi và đi...

Luôn một mình. Ở Sài Gòn là các quán cà phê cóc vỉa hè. Tôi không chịu được không khí trịnh trọng của hội nghị, hội thảo. Ra Hà Nội, tôi tìm cách thoát ra khỏi hợp hành đủ dạng để bát phố, hay nhâm nhi nhìn màu trời Hà Nội. Rồi là Đà Lạt, Đà Nẵng, Nha Trang, Cần Thơ,... Nhà văn là kẻ sống thời đại mình, phơi trần toàn bộ con người mình ra với nó.

Song thoại với cái mới, tác phẩm ý hướng suy tư lật mở nhiều khía cạnh của vấn đề văn học trung tâm/ ngoại vi, một vấn đề rất giả nhưng tác động tiêu cực đến phát triển của một nền văn học. Nó tồn tại trong cộng đồng, ở phía ngoại vi lẫn trung tâm, và tệ hại hơn cả là nó nằm ngay tâm hồn của nhà văn và người đọc. Sống với văn học người cùng thời, không thể đui điếc trước thảm trạng đó. Tôi dấn vào nó, phơi bày nó ra, điều mà tôi gọi là “phê bình lập biên bản”. Lập

biên bản các sự biến văn chương đang xảy ra trong thời đại tôi sống. Đấu tranh cho mọi trào lưu văn học, mọi loại thơ cùng tồn tại.

Xã hội chưa công bằng với sáng tác [bị cho là] ngoại vi. Dẫu vô thức, ta vẫn còn giữ khoảng cách phân biệt đối xử văn chương dân tộc thiểu số/ đa số, thơ tiếng Chăm/ tiếng Việt, tiếng Việt/ tiếng Anh, nữ/ nam, địa phương/ trung ương, chưa là/ là hội viên Hội Nhà văn, hải ngoại/ trong nước, Đông Nam Á/ thế giới, ngoài lề/ chính lưu. Tâm lý hậu thuộc địa vẫn còn ăn sâu vào lối nghĩ của người viết lẫn người làm phê bình Việt Nam, không dứt ra được. Từ đó nảy sinh thứ tâm lý vọng ngoại tai hại. Tôi đánh phá không khoan nhượng để chống lại thứ tâm lý kia. Đó là nhập cuộc *engagement* toàn phần.

Nhà văn là kẻ bị đẩy xuống tàu, con tàu thời đại. Hẳn không thể chọn lựa, dù hẳn biết con tàu hôi rình và, ở đó bao nhiêu là kẻ thô bạo, sẵn sàng quăng ném hẳn xuống biển đen.

Năm 1998

Nhận Giải thưởng của Hội Nhà văn ở Hà Nội về, Trung tâm mở tiệc nhỏ gọi là ăn mừng. Sáu năm cầm cúi bàn giấy, có ai biết tôi làm thơ đâu, bất ngờ hôm nay nảy cái gã thi sĩ giữa chốn khoa bảng. Ông Bùi Khánh Thế nói trước hai mươi cử tọa: - Nghe tin, tôi ngạc nhiên không ít và nghĩ là có ưu ái. Rồi khi đọc hết tập, tôi nghĩ khác: Đây là tập thơ xuất sắc, rất hiện đại. Thành tích của văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số luôn bị gán mác châm chế. Từ cánh thiểu số lẫn đa số. Nhà văn dân tộc thiểu số biết và chịu vậy. Tôi thì huých toẹt ra. “Sáng tác văn chương Chăm hôm nay” ý đồ giải tán mặc cảm ấy. Mặc cảm thua kém của mình, về người mình, thứ mặc cảm làm văn đục không khí văn chương, tư tưởng.

“Ai trong chúng ta và thế hệ sau sẽ dầm mình vào dòng sông văn hóa dân tộc. Ai trong chúng ta bắt được nhịp đập trái tim dân tộc, mạch chảy của đời sống dân tộc. Ai trong chúng ta vượt qua mô đất phức cảm tự ti - tự tôn dân tộc, mặc cảm tình lẻ, nhà quê hay sắc

tộc? Ai trong chúng ta quyết từ bỏ rỉ rên: khổ lắm, đời sống khó khăn lắm, hoàn cảnh lắm, bị đối xử phân biệt ghê lắm?

Ai trong chúng ta không sợ hãi thất bại, dám đọ sức với số đông xa lạ? Dám từ chối các đặc ân, ưu ái, đãi ngộ ngoài nghệ thuật, từ chối dựa hơi vào mọi loại chức danh, chức vị. Để đừng phải ngủ quên trên đám mây hư vinh xâm xấp chưa cân xứng với thực tài. Để mình được là mình, tự do và tự tại mà sống mà sáng tạo. Chịu khiêm cung ẩn mình trong một thời gian dài, hoài thai trong bóng tối vô danh. Để rụng vào đúng thời điểm chín tới của tài năng. Tránh tình trạng đẻ non, chết yểu?

Ai trong chúng ta dũng cảm đóng lại quá khứ, dứt áo với đồng bằng quen thuộc để nhìn về trùng khơi xa lạ? Ai trong chúng ta dám đánh liều đời mình cho nghệ thuật, cho những đỉnh núi cao vọi vọi của văn chương?

Hắn sẽ là kẻ sáng tạo, là thiên tài sáng tạo.”

(Inrasara, “Sáng tác Chăm hôm nay”, *Tagalau 1*, 2000)

Dấn thân, khẳng định nhưng nhà văn đồng thời phải là kẻ biết tự phủ định mình, quyết liệt! Đối thoại ngắn với Trương Ngật vào đầu thiên niên kỉ:

- Ông chớ nghĩ mình ngon, *Tagalau* không có gì ghê gớm lắm đâu!

- Không có gì ghê gớm còn đỡ, mình thấy nó chả là gì cả!

- Không là gì cả à! Thật chứ?

- Ừ... thì mình có nói giả bao giờ đâu!

- Tao không hiểu quái mày cả. Không là gì sao mày bỏ cả công sức hay tiền bạc ra làm?

- Đấy, phi lý vậy đó. Vậy, hãy sống trọn vẹn với sự phi lý ấy thì sẽ hiểu ngay thôi!

Tôi xem nhẹ tất cả những gì tôi viết. Nỗ lực của tôi, các công trình nghiên cứu hay sáng tác phẩm của tôi. Tôi rời bỏ chúng ngay khi chúng vừa ló mặt chào đời. Mỗi cuốn sách ra đời như nó phải thế. Rồi thôi. *Văn học Chăm* tiêu phí của tôi hết tuổi thanh xuân, nó sẽ chìm khuất một ngày không xa. Làm công việc mình biết chắc nay mai bị thời gian và nhân gian quên lãng, mà vẫn làm. Tôi, anh, em. Giấc mơ của ta hôm nay, cháu con ta cũng sẽ bỏ mặc nó đơn côi cho nỗi vô thường của vũ trụ giẫm qua, nát bấy.

Con người là những sinh phận li ti giữa vũ trụ, một vũ trụ bấp bênh. Sinh thể nhỏ nhoi với các thành tích bé con, nhỏ nhoi. Xung đột biên giới Tây Nam năm 1978, tôi luôn bị ám bởi câu hỏi nếu bị bắt lính, tôi sẽ hành xử thế nào? Hay Út Lành đang bước thoăn thoắt trước mắt tôi lúc đồng quê mờ sáng? Nó mới lớp Năm, đẹp thiên thần vừa nháy qua con mương nhỏ và quay lại dặn tôi “anh khéo nhé tối qua mưa đất trơn lắm” sẽ thế nào, nếu bọn Pôn Pốt tràn sang? Đi cô độc dọc bờ biển Thành Sơn trong trưa, tôi nghĩ về nó. Ghé nằm dưới bóng dương, một cặp tình nhân đang ôm cứng nhau, tôi thấy nó. Đầu hôm nằm vống ngửa mặt nhìn hăng hà sa lũ sao chi chít, nó có đó: sự Cô đơn.

Sá gì mấy tập thơ nhỏ nhoi, vài công trình thấp bé! Mọi vinh quang đều là hư vinh. Từ “hư vinh”, “hư phù”, “phù du” xảy ra nhiều lần trong thơ tôi. Tôi cố giấu, nhưng nó cứ bật ra bất ngờ, không níu lại được. Có người nghĩ tôi cho mình ngon, tác phẩm mình ngon, từ đó vênh râu. Không ít bạn văn cho tôi “gã cao ngạo”. Họ không biết tôi xem nhẹ nó còn hơn bất kì ai khác. *Trời biển* ! Làm sao còn có thể giữ thái độ kiêu ngạo, với kẻ đang sống với nỗi bấp bênh của nền văn hóa dân tộc hắt hóm hôm nay, với nỗi phù du của sự nghiệp hắt hóm ngày mai? Và làm sao còn có thể kiêu ngạo khi sinh thể kia thường trực giáp mặt với NÓ, nuôi nấng và yêu thương NÓ?

- Đóng góp cho văn hóa dân tộc Chăm hôm nay, anh Trạm là nhất rồi, - bác sĩ L nói thế trước bạn đồng nghiệp trước mặt tôi.

- Đừng so đo nhất nhì, bạn à, - tôi nói.

Không thể có chuyện so đo ở đây. Không phải cao, bằng hoặc thấp hơn mà tôi không có ở đó để so. Khi bắt đầu có sự đo đếm, tôi đã lảng sang mặt khác: Biến thành ma Hời từ lúc nào rồi!

Hoelderlin: Chúng ta là những con ma...

Heidegger: Con người vừa sinh ra là đã đủ già và chết...

Đây không phải là chuyện của triết học. Để làm gì - triết lý, trong cuộc đời tai ương giữa thời đại thiếu tinh thần này?

Tại sao nhà thơ không lo tập trung cho nghiên cứu văn hóa Chăm, cho chính sáng tác của mình, mà tốn quá nhiều công sức cho phê bình văn chương đương đại Việt Nam? Một phê bình quá mới, mới cả với người Kinh. Có thể nhà thơ thích phiêu lưu tìm thách thức, khai phá tư tưởng mới mẻ hơn. Có cần thiết không, bởi chính việc làm đó nhà thơ đã gây ra không ít ngộ nhận, ngộ nhận rất tai hại cho bản thân nhà thơ ?

Đúng lắm! Mấy năm qua, tôi luôn bị gán cho cái mác “nhà phê bình văn chương hậu hiện đại”. Nhưng phê bình hậu hiện đại có phải thuần văn chương? Ai hô rằng nó không thổi ngọn gió hiu hắt nào đến [văn chương và xã hội] Chăm, thì lắm to. Chẳng có gì mà trầm trọng lên! Trích đoạn phỏng vấn:

“Một trí thức lao động khoa học, thơ ca đầy suy tưởng, vậy, có bao nhiêu thành phần lãng mạn trong con người và đời sống của anh? Có thật thời không khi người ta không được sống hết mình và thường thức đời sống với những cuốn hút mãnh liệt của sự bay bổng của nó ?

- Tôi e rằng thành phần bách phân lãng mạn trong tôi vượt trội yếu tố khác nữa. Tôi là dân Chakleng nòi mơ mộng và, như câu nói của

miệng của một nhân vật trong *Chân dung Cát*: “Sống bằng nghề mơ mộng.” Nhiều người mới văn kì thanh cứ nghĩ tôi lụ khụ khệnh khạng hàn lâm nhẩn nhó ghê lắm. Nhưng ngay lần gặp đầu tiên thôi, họ mới vỡ ra tay Inrasara cũng vui vẻ đáo để. Gần hết *nửa đời hư* (Vương Hồng Sển đấy), tôi nghiệm rằng kẻ “sống hết mình” hơn cả đều ăn ít và nhất là sở hữu rất ít. Họ cũng ít “thường thức” đời sống như một ham hố vô độ nữa!

Nhưng cuộc sống là gì kia chứ!? Và hành động cốt tủy nào của con người có thể biện minh cho sự hiện hữu của chúng ta trên mặt đất mong manh này?

Hạnh phúc không ở cái đích của hòn đá kia đạt tới mà được nhận mặt trong chính hành động lẫn. Mớ công trình văn chương - ngôn ngữ dày cộm kia với dăm ba tập thơ mỏng tang này đến lúc nào đó không còn một mống nào nhớ; hay thứ ngôn ngữ truyền đời hắt hắt đang cố bảo tồn kia, hoặc cả nền văn học dân tộc dày truyền thống hắt hắt đang ra sức sưu tầm-dịch-in-và đem tặng khắp thư viện lớn nhỏ, ngày nào đó rồi cũng bị tiêu ma! Nhưng hắt vẫn cứ làm. Hắt tìm thấy niềm vui và nỗi buồn trong đó. Nó làm nên ý nghĩa đời hắt, hắt biến nó trở thành có ý nghĩa.

Văn chương là một phần của cuộc sống. Phê bình văn chương hậu hiện đại, cách nào và phần nào đó, là nói cho văn chương và xã hội Chăm. Nó tác động đến sự nhìn nhận của cộng đồng khác về Chăm, trước mắt hay lâu dài. Phê bình hậu hiện đại còn ý hướng phá vỡ bức tường mặc cảm, mặc cảm hậu thuộc địa, mặc cảm thiếu số với tình lẻ, mặc cảm phái yếu tông thuộc (nữ), mặc cảm với chưa là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Rồi bỏ tinh thần dĩ Âu vi trung, tâm lý lệ thuộc, chối bỏ các đại tự sự từng/ toan thống ngự cuộc sống con người hay nền văn hóa ngoại biên, để mỗi cá nhân tự khẳng định vị thế của mình, mọi nền văn hóa nhỏ lẻ có tiếng nói của riêng mình.

Một suy tư như thế chắc chắn không tránh khỏi phản bác. Cả những phản bác nặng nề, phi lý và phi nhân văn nhất: *Phản động, phản bội truyền thống quá khứ, xem thường văn hóa dân tộc, có ý đồ kích động, xu hướng vọng ngoại*,... Dẫu sao, bên cạnh những phản bác hay tố giác, phê bình kia cũng đã nhận được bao nhiêu là tụng ca: *Cây bút phê bình lỗi lạc, lý luận sắc sảo, lối phê bình mới mẻ, độc đáo và trách nhiệm, tư duy độc lập, phê bình mang tính phát hiện, luôn biết làm mới mình*,...

Dấn thân, tôi không thể dừng lại. Ở phong cách hay hệ mỹ học sáng tạo. Mỗi tác phẩm là một thể nghiệm giọng điệu mới, phong cách mới, thậm chí: Hệ mỹ học sáng tạo mới. *Lễ Tẩy trần tháng Tư* đề cập đến sự cao cả, linh thiêng của lễ [không riêng Chăm nhưng đặc trưng Chăm], nó đòi hỏi giọng sử thi của bút pháp, sự trương nở tối đa của câu thơ và ngôn từ. Sang *Chuyện 40 năm mới kể 18 bài thơ tân hình thức* kể chuyện vụn đời thường. Một ông già nhà quê tàng tàng, nông dân hoặc bạn học thuở thiếu niên, con trâu hay dòng sông thơ ấu. Nghĩa là các mảnh đời bình dị trong cuộc sống thường nhật, nên thủ pháp tân hình thức là rất thích hợp. Qua *Ở nơi ấy [thời cuộc]* động cập đến chuyện thời sự nóng trên khắp thế giới, tôi cần tìm tòi cách thể hiện mới, khác nữa. Không phiêu lưu khai phá, người viết chỉ lặp lại kẻ khác và của chính mình, sáng tạo đi vào ngõ cụt!

Đại tự sự *grands récits* hay tự sự chủ đạo *master narratives* là những chuyện kể mà một nền văn hóa hay một dân tộc tường thuật và tin vào. Nó tạo nên tâm thức cộng đồng và duy trì sức mạnh của một nền văn hóa hay một dân tộc.

Nhà thơ Nguyễn Đức Tùng kể trong một cuộc họp với thổ dân da đỏ Canada, đại diện chính quyền tuyên bố vùng đất ở đó thuộc quyền sở hữu nhà nước. Vị trưởng lão hỏi: - Nếu đất đai là của quý ngài, thì quý ngài có câu chuyện nào kể lại cho chúng tôi nghe

không? - Không có! Thế là vị này liền đọc một câu chuyện bằng thơ liên quan đến sinh hoạt của người da đỏ hàng trăm năm trước, bằng tiếng địa phương, để chứng minh rằng vùng đất đó là của họ. Dù bằng chữ viết hay truyền miệng, những câu chuyện bao giờ cũng sống lâu hơn cả trong lòng chúng ta, lưu giữ ở đó ánh sáng của mặt trời đã tắt.

Mặt trời Champa đã tắt, nhưng những chuyện kể vẫn sống dai dẳng trong tâm thức Chăm: *Truyền thuyết Ppo Inur Nugar, Ppo Rome, Nai Tangya Bia Atapah*. Chắc chắn, chúng sống còn mạnh mẽ hơn, sâu thẳm hơn, dai dẳng hơn lịch sử thành văn. Cùng với *Ariya Glong Anak, Pauh Catwai, Ariya Cam - Bini*, đấy là câu chuyện sống người Chăm dùng tới khi muốn chứng minh sự tồn tại của mình trên mảnh đất này. Sứ mệnh của thi sĩ là canh thức và kể lại các câu chuyện đó xuyên thế hệ. Câu chuyện có thể thay đổi, nhưng tinh thần của chúng không biến mất. Chúng tiềm ẩn để làm nên sức mạnh tâm linh dân tộc, cho đến khi nào dân tộc đó từ chối chúng, bỏ quên chúng.

Lịch sử bất di bất dịch, không ít người nghĩ thế. Nhưng lịch sử không là quá khứ mà là *câu chuyện* về quá khứ. Nên nó luôn luôn được viết lại. Bởi một cá nhân, một tập thể, một chế độ, trên một lối nhìn, một nhân sinh quan khác. Thế nhưng, thời hậu hiện đại, con người nghĩ khác, đã tin/ không tin khác. Bất tín đại tự sự, họ tìm sự cứu chuộc ở tiểu tự sự *petits récits*. Nghĩa là những chuyện kể mang tính cá nhân, địa phương, thiếu số, tạm bợ trong hoàn cảnh cụ thể. Nó không đòi hỏi ở đó một chân lý phổ quát, ổn định hay đòi hỏi tất cả mọi người tin vào nó.

Lịch sử là *hi[s-]story* chỉ là câu chuyện của anh/ chị ta, như cách chơi chữ của một tác giả phương Tây. Quá khứ xa của dân tộc Chăm và quá khứ gần của đời sống Chăm cũng là một thực thể đã và đang được kể lại, qua truyền thuyết lịch sử, huyền sử hay bởi vài

nhà sử học đầy khách quan. Phong phú, nhiều chiều, với nhiều khác biệt có khi rất trái ngược nhau. Chuyện về vua chúa, anh hùng liệt nữ Chăm từng được kể bằng nhiều cách khác nhau với nhiều tình tiết khác nhau từ các Ong Murdwon khác nhau tại các khu vực khác nhau bởi những *gru* khác nhau. Thêm hay bớt vài chi tiết, hiện thực hơn hoặc huyền bí hơn. Để phục vụ cho mục đích, lợi ích của ta hay thậm chí, trò chơi của ta. Mấy trăm năm qua, Chăm không thấy có vấn đề gì cả. Họ chấp nhận mọi sự khác biệt trên một nền tảng tinh thần chung.

Trà Vigia ý định kể lại câu chuyện Chăm theo kiểu của mình. Một câu chuyện về một hiện tượng hay sự kiện có thể làm cho hiện tượng hay sự kiện đó phong phú, đa diện và đa sắc thái. *Chăm H'ri* của Trà Vigia khả năng đưa huyền thoại cũ vào hậu trường lịch sử. Đúng hơn, hậu trường của quá trình nhìn nhận về lịch sử. Chúng chỉ còn là một giọng phụ, không hơn.

Trước đó, viết *Chân dung Cát*, tôi cũng đã thử kể câu chuyện khác về Chăm. Đó là chân dung tinh thần Chăm thời hiện đại, nhưng không hẳn đúng là/ chỉ là chân dung tinh thần Chăm. Nếu nó *chỉ là* thì sự thể tổ cáo tầm nhà văn quá thấp; còn nếu nó *đúng là* thì tác giả nên đi viết tiểu luận nghiên cứu là hơn. Nhưng *Chân dung Cát* khác *Chăm H'ri* ở tính phi nghiêm cần *unseriousness* của giọng điệu. Nó đùa nghịch và bốn cột. Bốn cột vào chính nỗi nghiêm trọng kia.

“Bốn cột (humor, humour) là cách chống lại đau khổ, cách thoát khỏi độc ác, khỏi cái Chết, khỏi cái khốn nạn của con người, khỏi tay bạo chúa, khỏi Thượng đế, khỏi đam mê, khỏi mọi thứ xui xẻo trên đời. Là tránh cho khỏi sa vào cái bẫy nghiêm trọng. Không có bốn cột thì thằng công tử chỉ là một gã lòe đời và vị bác học chỉ là một tên phách lối. Bốn cột né tránh được ác ý bằng một nụ cười.” (Frédéric Ferney).

Chẳng có gì trầm trọng cả!

Mỗi cuộc đời có định mệnh của nó. Định mệnh mở ra ngay ở khởi đầu của hành trình đời người. Với tôi, văn chương - chữ nghĩa như là một định mệnh. Điều không thể tránh thì không thể tránh. Ngay thuở bé, cho đến bước chân vào cổng Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam - Đông Nam Á để ba năm sau đó cho ra lò *Từ điển Chăm - Việt*. Thời gian đóng băng ấy, tôi nông dân vô danh tiểu tốt. Đảng viên: không, học vị học hàm: không, chức vụ: không. Không, không, không, nhưng đột ngột sắm vai tổ trưởng điều hành bao nhiêu là vị. Mà với Chăm thì chuyện chữ nghĩa luôn bị gán cho cái gì cực nghiêm trọng. Tôi lặng lẽ chịu đựng bao gánh nặng nổi người và - ơn trời, tôi đã thoát ra nổi ấy một cách lẫm liệt qua *Hội nghị Góp ý Từ điển* vào mùa xuân năm 1995. Cắt! Khi *trả lại em yêu khung trời Đại học*, tôi quyết định cho in những gì tôi đã viết...

Sa mạc lan dần... Tai hại thay cho kẻ nào ôm mang sa mạc.

Là thi sĩ Bà-la-môn, tôi đã rời bỏ cuộc chơi ngay khi khởi sự. Còn hơn thế, sau lưng tôi còn đó *Glơng Anak*, luôn sẵn sàng thò cọng hành cứu vớt linh hồn tôi khi đụng phải hố hang cuộc người.

Ariya Glơng Anak, dài chỉ 116 câu lục bát Chăm nhưng đã đựng chứa và cưu mang cả bể khổ đời. Khi tâm hồn mình bị xáo động trước thời cuộc và lòng người, bên cạnh Heidegger, tôi luôn tìm đến *Ariya Glơng Anak*. Tôi hiểu tại sao Nguyễn Du tự nhận trong đời, đã đọc và tụng *Kinh Kim Cang* hơn ngàn lần! Cuốn sách cứu chuộc con người là vậy.

Chăm hầu như không biết căm thù. Thù đậm, thù dai, thù truyền đời. Giận thì có, nhưng thù, hận, căm thù, hận thù - không, có lẽ. Lại! Trong văn chương Chăm không có dấu vết căm thù. Lẽ ra với người Kinh, họ “cần” căm thù mới đúng lý, thế mà sự thực - không! Tiếng Chăm: “căm” là *janurk*; “thù” là *murbai*. Hai từ này hay đi chung với nhau thành cặp đôi *murbai janurk* hay *janurk murbai thù hận, hận thù*.

Ở khía cạnh khác, *hanauh hờn*; cấp độ cao hơn xúu thành *ginaung giân*.

Ariya Ppo Parơng được viết cách nay gần thế kỉ rưỡi, cái tình bật nổi là giận. Quan Pháp bắt đi tận mọi xó xỉnh mấy tỉnh thành dọc khắp tỉnh thành Trung Bắc Nam, để khảo sát thực địa và tìm bí kíp, bị chửi bới đánh đập, xa nhà, xa ruộng nương, cơ khổ mọi bề; vậy mà họ không oán thù Pháp mà chỉ giận:

Bụng tôi nửa buồn nửa giận

Lúc đến báo cáo, họ đánh tát [với] chửi mẹ bảo rằng khờ

Với người Việt, đất nước về phần họ rồi, sao họ không biết thờ cúng, nỡ bỏ mặc bao nhiêu là tháp đền cho hoang phế (ôi là ngây ngô!). Nhớ rằng đó là vào những năm cuối thế kỉ mười chín. Tác giả *Ariya Ppo Parơng* cùng lắm chỉ oán trách chứ tuyệt không câu nào biểu hiện căm thù. *Ariya Twơn Phauw* (1830-1840) không khác. Thơ kí sự ghi chép cuộc chiến của Twơn Phauw với quân Minh Mạng, tuyệt không có bóng dáng căm thù ở đó.

Nhưng tại sao *Ariya Glơng Anak*, tác phẩm nổi tiếng nhất và được cho là nhân bản nhất suốt lịch sử văn học Chăm, chữ *janurk*, *murbai*, *janurk murbai* lại có mặt dày đặc? *Janurk hận*, *xấu ác*, *không lành* sáu lần xuất hiện; *murbai thù* hai lần. Ngoài ra, *murbai janurk thù hận* còn quàng vai đi kèm ba bận; hay *janurk haniim thiện ác* đi cặp hai lần nữa!

Ariya Glơng Anak ra đời vào đầu thế kỉ mười chín, khi Champa đã sụp đổ và tan rã. Chăm đang hoảng loạn li tán. Biến thiên cuộc thế và thay đổi của lòng người gây nên đại khủng hoảng mang tính quyết định đến tồn vong [không phải đất nước nữa - đã mất rồi, mà] của sinh mệnh cả dân tộc. Hận thù có mặt khắp xung quanh, bàng bạc trong không gian, do người ngoài mang đến “tặng” ta, nó có mặt lù lù giữa anh em bà con bè bạn ta, và ẩn tàng ngay thẳm sâu lòng ta nữa. Kẻ thức giả cô đơn và cô độc: *Dauk sa drei sa nugar di krưh*

*hanrai / Di krüh tathik cwah jai, halei nugar drei si nau Ngồi một mình
một vùng giữa cồn đất / Giữa trũng khơi cát bồi, đâu nơi mình sẽ đi ?*

Ariya Glơng Anak viết để cảnh giác, để cảnh báo. Viết như là trời
trắng (Lễ Tẩy trần tháng Tư). Đó là thông điệp cuối cùng của thức giả
lớn cuối cùng trong ngày tàn cuộc cuối cùng. Thế nhưng, bên cạnh
murbai, janurk, janurk murbai tác giả *Ariya Glơng Anak* không quên
haniim phúc, lành, thiện hay *haniim ayuh phúc thọ* hoặc *haniim
phworl thiện lành*. Lặp đi lặp lại. Không phải như một đối lập nhị
nguyên mà, như một ước vọng, mở lối thoát, khai thông hướng đi
cho tương lai.

Ariya Glơng Anak mở ra cho Chăm, trước ngọt ngào của lịch sử,
một sinh lộ khiêm tốn nhưng thiết thực, hé cho ta thấy, trong đêm tối
đen mờ của thời cuộc, tia sáng yếu ớt của niềm hi vọng:

Ngap rideh paga wal raung kabaw

Bilimurk không di nau, pajơng jadun saung hatơm

Ppabơk banurk ppakwơc ribaung bidalam

Gan agha gan rơm, sa prưn sa hatai

Hadơng jan ia xwa laik mưrai

Liwa hamu drak padai, liwa puh pala tangơy

Blauh pala nhjơm paya saung plwai

Yah ơk cang thrwai, bbơng plwai saung dak

Đóng xe, dựng chuồng nuôi trâu

Cho thật béo mập để dùng vào việc chuyên chở

Đắp đập, khai mương cho thật sâu

Bằng rừng bằng sông, chung lòng chung sức

Đợi khi mùa mưa kịp xuống

Cày ruộng gieo lúa, cày rẫy trồng ngô

Rồi trồng bí đỏ, trồng khổ qua

Ăn qua vụ đông, đợi mùa lúa chín

Chỉ một đoạn thơ, với cái giản đơn ý thơ, của ngôn từ nhưng ông đã nói lên được cả một tấm lòng. Đó là tấm lòng bao dung của người cha. Cao hơn, một đạo sĩ đắc đạo. Hãy tưởng tượng, khi tất cả bị đảo lộn, khi thân cây đạo đức đã trụi lá, khi tâm thiện chí mất đất đứng, khi bóng tối lan tràn và tất cả đã tuyệt vọng, một giọng nói chân thành và đầm ấm vang lên - khiêm cung nhưng dứt khoát, một bàn tay cứng cáp và nồng ấm đưa ra trong cơn hoảng loạn chung! Đây không đơn thuần là lời khuyên đạo đức của nhà luân lý trong xã hội đã rã mục. Đây là lối nhìn, quan niệm sống, chiến lược hành động của nhà đại trí thức ưu thời mẫn thế, một con người còn bình tâm đi tìm con đường sáng khả dĩ đưa dân tộc thoát khỏi vũng lầy lịch sử. Con đường trở về bản thể mình, trên đức lý rất cơ bản, bằng những việc làm nhỏ bé và thiết thực.

Làm sao giải thoát tâm hồn khỏi căm thù? Ở mọi thời điểm căng thẳng, buồn rã tim hay lo nát mặt, tôi luôn trở về với *Ariya Glong Anak* để *cảo thơm lần giở*... Đọc lại từng câu chữ của *Ariya*, cho dù tôi đã thuộc lòng nó. Cho nên, khi nhà thơ đất Quy Nhơn không dung nổi hứng bảo thơ tôi “khát vọng phục thù, ước mơ đảo ngược” in trên *Văn nghệ* già của Hội Nhà văn Việt Nam, tôi chỉ trả lời nhẹ nhàng, bằng thơ:

TỤNG CA CỦA NƯỚC

Chợt hai tay xoe tròn rứt lại

chỉ có đôi mắt đầy nước vươn ra

vươn dài ra muốn chạm ngực trần tôi

Đừng khóc!

người thiếu phụ yêu tôi bằng giấc ngộ nhận dài

Làm sao gọi em ngược về thế kỷ Huyền Trân?

làm sao chuyển dịch tôi sang ngữ ngôn huyền sử?

để em có thể tầm nguyên tâm hồn tôi
mà không phải đọc tôi qua sương mù dị bản
cho ngực trần tôi mãi là trang sách mở
để hai bàn tay lửa em vươn tới tự tin hơn
Bên kia cánh đồng cầu an, ngọn đồi rữ mệt
là đỉnh núi dựng mời vẫy cô đơn tôi vượt qua
bên kia, về phía bên kia nơi bờ sông quê hương tháng Tư đang
Lễ Tẩy trần

Làm sao em song hành cùng tôi về đứng bờ sông đêm nay?
trong đau hoan lạc
hát vang bài tụng ca của nước
chảy đi
chảy đi
chảy trôi đi
chảy trôi tất cả đi...
giờ một vòm trời khác.

Ông/ bà trời cấu trúc con người tôi quên ghép gen cắn thù. Lại
lắm! Một tạp chí *Châm mình* ở hải ngoại chuyên tố giác Inrasara.
Gặp phải những Inrasara “cùng trường phái với thế lực công an”,
“tôn vinh Đảng và nhà nước”, “nhằm ý đồ nào khác”, vân vân... tôi
đánh chính một lần, rồi thôi. Rồi quên. Mãi mãi! Thoát khỏi mọi vướng
mắc làm trĩu nặng thêm cuộc sống vốn quá trĩu nặng này.

Làm sao có thể giải phóng tâm hồn khỏi mọi chấp nê vụn vặt? Câu
hỏi tưởng bé nhỏ nhưng khá to cỡ, trong cuộc người đầy bất trắc
hôm nay. Làm thế nào có thể thống tay vào chợ?

*Con người là dòng sông dơ bẩn, phải là biển cả bao la mới có thể
dung chứa những dòng sông dơ bẩn kia mà không tự làm ô uế mình,*
Nietzsche nói thế. Thật lố bịch cho kẻ nào tự nhận là biển cả giữa cõi

nhân gian mệnh mông chậ chội này. Nếu thế hẳn là hoặc thánh nhân hoặc thẳng khờ. Con người *hỉ nộ ái ố urang bihuh biha bihi*, đủ cả. Thế mới là con người. Nhưng con người vẫn có thể vượt khỏi chúng bằng tinh thần phá chấp vô phân biệt với thái độ buông xả.

Dom blauh dom kadauk

Bao nhiêu đã xong là bấy nhiêu thì thôi

như ông bà Chăm nói.

Tất cả chỉ vừa đủ cho một cái cười lớn. Cười thật to rồi quên.

chảy đi

chảy đi

chảy trôi đi

chảy trôi tất cả đi...

THƠ NHƯ LÀ CON ĐƯỜNG

Thơ là con đường. Con đường khởi từ chữ “tìm học”.

Khổng Tử: *Ta mười lăm tuổi để chí vào việc học, ba mươi tuổi trụ vững, bốn mươi thì hết ngờ,...*

Mở mắt chào đời, cái tôi được ban tặng cả thế giới. Cái tôi nhìn khắp xung quanh, thấy cái gì cũng lạ, bắt gặp cái gì cũng hỏi, cũng đòi được biết. Mọi người luôn tư thế chiều chuộng cái tôi: cha mẹ, anh chị, thầy dạy,... Cái tôi là rốn của vũ trụ. Sự vật, con người nuông chiều tôi, còn tôi thì không. Đôi lúc cái tôi bị cưỡng lại, mỗi khi ý thích không được đáp ứng, thế là cái tôi bỏ cơm, cái tôi khóc, cái tôi lăn lộn vùi. Chỉ với mục đích được cung phụng tốt hơn nữa. Cái tôi lại được tiếp tục phục dịch, cùng bao lời dịu dàng, ánh mắt trìu mến đầy cảm thông: Trẻ con mà, bỏ qua cho nó.

Nhưng rồi đột nhiên cái tôi nhận thấy đòi hỏi của nó ngày càng bị thu hẹp, các đáp ứng thưa dần. Chẳng những thế, đôi khi nó còn bị yêu sách ngược trở lại: nắm đuôi cày một buổi thay anh, đạp xe qua làng bên mua thùng nước mắm giúp mẹ. Một hôm, cái tôi hãnh diện được cha cho ngồi ăn chung mâm cơm. Soi gương, hấn tò mò vuốt vuốt hàng ria mép lún phún mọc lúc nào không biết. Và lạ quá, sáng nay sơ ý đụng vào cánh tay cô láng giềng quen thân, hấn nghe máu trong người nóng ran! Ra đường, bọn làng bên chằm hấn *Hời nhome*, hấn bỗng khựng lại, chứ không cười toe toét rồi ném lại tiếng chọc *Jok*, như trước.

Cái tôi biết nó là con trai, hiểu nó là Chăm. Hẳn đã... lớn.

Thế là những tại sao đột ngột xuất hiện. Tại sao? Tại sao? Trùng trùng tại sao dồn dập ủa đến. Tại sao thế này mà không thế kia? Tại sao cái tôi sinh ra trong gia đình nông dân này tại làng quê nghèo nàn khô cằn này trong đất nước ngày đêm không ngớt tiếng bom đạn này? Tại sao tôi không là Kinh hay Hoa hoặc Pháp mà là Chăm? Và Chăm là gì? Hẳn khởi sự tìm biết, nhưng càng học sự hiểu hẳn càng mù mịt. Hẳn bắt đầu làm lang thang. Càng đi, tâm thức càng mờ mờ nhân ảnh. Cái tôi hết còn là tâm điểm của thế giới. Hẳn lơ mơ hiểu mình như hạt cát nhỏ nhoi lẫn vô danh nơi cù lao giữa trùng khơi thăm kia, và còn tệ hơn thế, có lẽ. Hẳn mong manh quá! Mong manh đầu tiên và cuối cùng. Rồi bất ngờ, hẳn khám phá rằng hẳn sẽ chết – cái chết không thể cứu vãn, xảy đến lúc nào bất kì. Hẳn đứng cô độc, chơi vơi không nơi bầu vùi. Hẳn đang rơi, rơi và trôi lênh bênh vào khoảng trống không, “vô sở trụ”. Hoang mang vồ lấy hẳn.

Một trong những cảm thức trọng yếu nhất của con người là biết mình sẽ chết.

Trực cảm con người là những sinh thể li ti yếu đuối bị quét sạch khỏi mặt đất trần gian cũng rất bấp bênh có thể nát bấy bất cứ lúc nào khi đụng phải một trong muôn ngàn hành tinh khác giữa vũ trụ, ta nghe sinh thể ấy yếu ớt biết bao! Trực cảm thế giới vô tình, tự nhiên vô tình sẵn sàng giẫm qua mọi nỗ lực của con người, mọi thành tựu của các nền văn minh, ta nghe chán nản, bất lực và, thấy cuộc sống phi lý biết bao!

“Cảm thức xao xuyến (l’angoisse), là một khám phá lớn của triết học thế kỉ hai mươi. Các triết gia hiện sinh cho rằng: Trong sâu thẳm tâm hồn con người chúng ta có nỗi xao xuyến nền tảng, một khoảng trống nơi mà tất cả những hình thái âu lo và bất an tuôn trào (...). Nỗi xao xuyến đó thành linh đến khi chúng ta đang mơ màng, tách lìa thế giới; chúng ta vùng thức giấc giữa đêm tối (...). Thường chúng ta cố

tránh né kinh nghiệm này vì nó gây đau đớn và chia xé (...). Phật giáo cho rằng không bao giờ chúng ta có thể sung sướng, hạnh phúc trước khi chúng ta chiến thắng được nỗi xao xuyến nền tảng này...” (Edward Conze).

Khi khám phá/ cảm nhận sự kiện trọng yếu này (rất hiếm hoi, chỉ kẻ khuynh hướng trầm tư mới may mắn [hay rủi ro] gặp mặt), người ta có những hành vi lạ lẫm khó lường, đột ngột như cú gậy trong cuộc sống. Chối từ ngai vàng như Tất Đạt Đa, nhảy cầu sông Seine hay tìm đến chai thuốc độc như biết bao sinh thể vô danh chớp mắt lướt qua mặt đất, hay ôm bom lao vào đám đông hết bọn khủng bố, hoặc làm Bùi Giáng lang thang vô định. Số ít may mắn hơn, được trời phú tố chất nhất định, đã vượt thử thách tâm linh này. Để trở lại làm con người bình thường.

Hắn không có được may mắn đó. Hắn rời bỏ giảng đường. Hắn cạo đầu đi tu. Hắn chạy trốn “nó” bằng nhốt mình vào nghiên cứu ngôn ngữ, văn học. Lần nữa, hắn cố tìm giải thoát qua điệp điệp pho sách triết học cổ kim Đông Tây. Vẫn bế tắc. “Nó” lù lù đó, nỗi *angoisse* ấy. Không tôn giáo nào có thể xoa dịu hắn. Không hệ thống triết học nào.

Lớn lên

tôi đứng đầu với chiến tranh

tôi cụng đầu với cạm bẫy, hiện sinh, hiện tượng

tôi chới với giữa dòng ngữ ngôn hoang đãng

rồi cuộn chìm trong thung lũng tình yêu em

Tôi đánh rơi thế giới và tôi lạc mất tôi

tôi lạc mất điệu đũa buk, câu ariya, bụi ớt

trái tim đùi

tôi như người bị vút

rớt giữa cánh rừng hoang trụi lá mùa xanh

(Tháp năng, 1996)

Khủng hoảng tinh thần đe dọa ném hấn vào vực thẳm của bất an và bất lực, nguy cơ đẩy hấn tiêu tán vào thế giới người ta. “Những ngày rỗng” (*Lễ Tẩy trần tháng Tư*) bám riết và bủa vây hấn, tứ bề. Khủng hoảng kéo lê thê suốt thời trẻ - tuổi tìm học. Suy tư trên bình diện lịch sử Tính thể, đó là nỗi thiếu Quê hương nơi tâm hồn con người.

“Nỗi thiếu Quê hương trở thành định mệnh của hoàn cầu. Chính vì thế, sự thiếu vắng đó cần phải suy tư trên bình diện lịch sử của Tính thể. Như vậy, điều mà khởi từ Hegel, Marx đã truy nhận theo một nghĩa tinh yếu và quan trọng như là sự vong thân của con người, điều ấy cắm rễ thật sâu trong nỗi thiếu Quê hương chung của con người thời hiện đại.” (Heidegger)

Hấn trôi dạt dờ vô định. “Không có quê hương trong thời gian” - nói như Rilke. Cho đến một ngày kia, sau mười lăm năm tha hương lưu lạc “tìm học”, từ cơn mơ ngủ quen thuộc kéo dài, hấn kinh hoàng vùng thức giấc: quê hương như vừa ẩn hiện phía bên kia khói sương chiều.

Hấn đi trở về với cuộc sống, với cõi người. Hấn nhìn thế giới hoàn toàn bằng con mắt khác: *thấy núi là núi, sông là sông*. Cuộc sống với hấn đáng sống làm sao, những khuôn mặt người đáng yêu làm sao, các công việc dẫu bé con cũng rất đáng gánh vác. Hấn không muốn buông xuôi, bỏ cuộc nữa. Cuộc sống vô nghĩa ư? Hấn không phải làm cho nó trở thành ý nghĩa, bằng cách đổ đầy tràn ý nghĩa vào đó mà là, cứ lưu vào trong chính nỗi vô nghĩa đó! Qua đó, hấn nghe nhẹ hều vài thành tích bé con hư phù hấn từng giành được nơi cõi người quá phù du này. Con người không hiện hữu trong CÓ, mà là ở LÀ. Ý hướng chiếm đoạt càng cao, sở hữu - tiền của, địa vị, bằng cấp, chức tước - càng nhiều thì con người ngày càng xa rời bản thể mình như một sinh thể bần hàn trong tính thể của nó. Hơn thế, chính nỗi

phong nhiêu của CỐ khiến con người tự đánh lừa, làm nguy cơ khuất lấp ý thức tự phản tỉnh. Hiểm họa lớn hơn, khi con người đòi muốn CỐ quê hương, muốn sở hữu chân lý, thứ quê hương/ chân lý như một đồng hóa chủ thể với tư tưởng biểu tượng, chỉ là hình ảnh phóng rọi của cái Tôi, không hơn kém gang tấc. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan hay cuồng tín ý thức hệ có đất này mầm và khuếch trương thế lực. Bạo động bá vai thù hận phát sinh và bành trướng đến vô cùng.

Như vậy, việc khám phá ra định mệnh ấy (nỗi thiếu Quê hương) và chấp nhận nó (hiện thực như là thế), là hành động cao tuyệt nhất của mỗi thi sĩ. Khi đó, thi sĩ được ngôn ngữ mang đến dâng tặng đồng lúc bị đẩy lên nẻo đường dẫn đến Quê hương. Bước chân đầu tiên của hấn đạp lên con đường trong cơn xuất thần run rẩy, sẽ làm thành định mệnh hấn.

Con không thể chọn làm đứa con tổng thống Pháp hay cháu đích tôn quốc vương Brunei

con không thể chọn ra đời ở Thái Lan hay

Mỹ quốc

con là Chăm ngay ban đầu vỡ ra tiếng khóc

(còn hơn thế: chín tháng mười ngày trước khi vỡ tiếng khóc)

khi con cảm rẽ nơi đây

hay khi con lang bạt tận cùng trời

con cứ là Chăm cả lúc cháy lên cùng ngọn lửa cuối đời

(Lễ Tẩy trần tháng Tư, 2002)

Quê hương ở đây không dính dáng gì đến chủ nghĩa dân tộc, cũng chẳng phải là tổng số bản sắc các loại, một quê hương đóng khung trong dân tộc tính tưởng tượng với muôn ngàn hệ lụy triền phược. Quê hương phải được hiểu là *nhà*. Nhà mình, như là cái gần gũi thiết thân. Cùng vạn sự vật tương liên với cái nhà – chấp nhận

nó, và yêu thương nó. Khi hiểu như thế, hẳn “trở về” sống chung với người xung quanh, với thế giới sự vật xung quanh. Không thể chọn lựa. Cuộc sinh nhai cơ cực này là của tôi, miền đất mướt mùa thiếu mưa thừa gió này, đám trẻ bụng ỏng này, đôi mắt buồn của cha và nụ cười gầy của mẹ, cánh bạn học bữa đực bữa cái này, đồi tháp chông chơ phơ mình dưới nắng lửa chìm khuất sau bóng dáng nền văn minh chỉ còn là huyền thoại này, những *ciet* sách bỏ hoang này. Tất cả là của tôi. Và, cả thứ ngôn ngữ đang làm hoang đãng kia trong thế giới rối mù này nữa. Tôi cần học yêu nó, hằng ngày!

“Thơ ca không phải là cái đẹp thêm vào cuộc sống, của trang điểm cho tính thể con người, càng không phải là trò nhàn đàm của và cho tinh thần mệt mỏi. Ở đâu và bất kì thời đại nào cũng tồn tại bao tâm hồn đau khổ và tuyệt vọng. Chính nơi đó thơ ca có mặt. Có mặt không với tư cách chiếc bè cho sinh thể kia bầu vịu mà như chất xúc tác làm cháy lên trong tâm hồn bóng tối ấy tia lửa mới của hi vọng. Như thế, xã hội tính bao giờ cũng là một trong những yếu tính của thơ ca, dù xã hội đó là sự thống khổ của cả đám đông, nỗi ưu tư của một nhóm người hay chỉ là uẩn khúc trong tâm thức của một cá thể biệt lập. “Không vỗ ngực, không tranh hơn/ không trốn chạy trước phận đời thất bát/ câu thơ buồn/ luôn có mặt nơi khổ đau có mặt.” (*Hành hương em*, 1999)

Bóng tối nhất thiết thuộc về sự vật. Nó là một phần của sự vật. Nó còn quan trọng hơn ánh sáng, vì nó đi trước ánh sáng. Tuy thế, cái làm nên ý nghĩa là nỗ lực vươn ra ánh sáng. Vươn ra ánh sáng nhưng luôn lưu giữ bóng tối sâu thẳm như là nền đất qua đó nó thúc đẩy con người ý thức vươn vượt.

Vươn ra nhưng vẫn còn lưu giữ. Vươn ra và lưu lại. Như là ra đi mà vẫn còn ở lại. Quá trình co kéo này có mặt thường trực nơi tâm thức kẻ sáng tạo. Đau đớn và bất trắc cực độ. Chính nơi khoảng giữa chên vên này, thi sĩ buộc phải cư trú. Cư trú trong vùng biên

chông chênh này, hẫng lên đường thám hiểm mọi ngõ ngách tâm hồn mình và tâm hồn người cùng thời. Hẫng cố gắng nói lên tiếng nói quyết liệt của mình.

Do đó, đừng đòi hỏi mọi sự mạch lạc và sáng sủa ở thơ ca. Tệ hại không kém là khuynh hướng tự khuấy đục làm ra vẻ sâu thẳm của dòng nước cạn. Sức hấp dẫn của thơ không chủ ở bề nổi nơi tất cả được bày ra giữa ban ngày mà chính là ở đường biên ẩn khuất của đêm sáng huyền nhiệm, nơi cuộc chiến trong tâm hồn con người còn nóng hổi hơi thở.”

(*“Khoảng tối của thi ca”, 1999*).

Đó là bước khai phá dè dặt đầu tiên, khi tôi mới lờ mờ ý thức định phận mình như một thi sĩ, vào mùa hè năm 1999. Tôi thử lần bước vào không khí thơ đang xảy ra quanh tôi.

“Thơ hôm nay đang đi theo những nẻo đường riêng và có định phận riêng của nó. Có khuôn mặt thơ sinh ra trong khoảng sáng dễ dãi và đã dễ dãi chấp nhận nó, bám cứng lấy nó. ‘Thơ xuôi tay như nước chảy xuôi dòng’ (Chế Lan Viên). Có người thơ trẻ nuôi hoài vọng làm nhà kĩ thuật hậu thời. Bày biện, xếp đặt, kết hợp, uốn vặn con chữ như là trò luyện đan ngôn ngữ với hi vọng một ngày đẹp trời nào đó bật lên thứ hoa tâm linh ngẫu nhĩ. Nhưng làm sao có thể cách tân thi ca khi ta còn chưa kinh qua cuộc nổ lớn nơi tâm thức? Chưa bị những mảnh vụn của cuộc nổ vùi dập đồng thời nâng đỡ và hối thúc bạn lên tiếng nói?

Không hiếm người trẻ tuổi dũng cảm lặn sâu xuống đáy thăm bóng tối và cố gắng trồi lên. Rồi, vì nóng vội muốn bày ra ánh sáng chồi biếc còn non tơ, nên khi vừa giáp mặt với tia nắng nhiệt đới đầu tiên, nhúm lá non kia tức khắc bị đốt cháy tàn lụi. Hoặc kiêu hãnh muốn cất lên tiếng nói lạ biệt vừa bắt gặp từ cuộc khai phá. Quá lạ biệt, quá kiêu hãnh để rồi nhận lấy ngay sau đó bao phản hồi của cơn lũ cái nhìn ái ngại kẻ cả, hay chụp mũ thô bạo. Hãi sợ, tiếng nói chột

co rúm vào vỏ sò cô độc hay, muốn có mặt – đã vội vã giải giáp, trở lại nói năng nhỏ nhẹ trên con đường mòn.

Những số ít luôn luôn đứng vững.

Sẵn sàng gây hưng phấn và tin tưởng. Những sinh thể tự giữ mình thật lâu giữa đêm tối vô danh. Chờ đợi trong câm lặng ẩn mật, hoài thai và tự chín. Để đến một giây phút định mệnh, hiển lộ. Từ từ, khỏe khoắn và chắc chắn. Như mặt trời nhô lên khỏi chân trời. Cháy sáng đồng thời mang ánh sáng soi chiếu các sinh thể sẵn lòng đón nhận. Dù sinh thể đó chỉ là một cá thể dị biệt, một nhóm người hay cả một đám đông rộng lớn.

Và, bao giờ cũng là ánh sáng.”

(*“Khoảng tối của thi ca”, 1999*).

Suy tư khởi động lãng đãng như thế mới chỉ lướt lướt phớt mà chưa chạm tới đáy thể tính của thơ ca và ngôn ngữ. Chấp nhận nhảy tòm vào dòng sông thơ ca đương đại, thi sĩ buộc phải nói qua và bằng dụng ngữ thời hiện đại – mớ ngôn ngữ sa đà trong nỗi đam mê truy đuổi bóng ma của tư tưởng biểu tượng *representational thought* ! Sự thể dễ tạo những ngộ nhận tai hại. Thi sĩ buộc phải làm cuộc nhảy lùi.

Khi gió mùa thổi bạt tôi quay trở lại quê nhà vào mùa thu năm đó, tôi bắt gặp tiếng nói khẩn thiết của sông Lu. Sông Lu dạy tôi học nói lại ngôn ngữ của suối nguồn.

Đến Phan Rang xóm làng đã ngủ
riêng dòng Lu thức, đi không nguôi
hành trình tìm một ban mai khác
Buồn trở giấc
lúc gió mùa ngái ngủ
không lời, tôi bơi ngược bình minh
Dấu hỏi mọc cùng nỗi buồn

lớn dậy trên bước chân câm lặng
mở hữu hạn tôi vào vô hạn
Còn ai nghe tiếng hát
sáng mai?
khi sông Lu gặp tôi nơi nguồn suối
róc rách về ngôn ngữ sạch trong
Khi sông Lu ẩn cư miền sa mạc
còn ai nâng chông chênh tiếng hát
sớm mai?

(Hành hương em, 1999)

Ngôn ngữ là ngôi nhà của Tính thể. Tư tưởng gia và thi sĩ là kẻ mục tử canh giữ ngôi nhà đó - Heidegger. Thi sĩ tồn tại qua, bởi và cho ngôn ngữ dân tộc. Không thể khác. Dù cho đó là thứ ngôn ngữ chịu phận thiếu số tới đâu, bị bỏ rơi hay quên lãng từ bao đời đi nữa. Nó là của hẩn. Định mệnh hẩn quy thuộc vào nó. Nhưng đâu là ngôi nhà Chăm cho hẩn làm nhiệm vụ canh giữ? Trong lúc mái tranh kia đang bị đông gió của thời gian cùng bão tố của lòng người làm thất tán khắp nơi.

Thế là hẩn phải đi, làm cuộc trở về. Nhưng từ đây hẩn hết còn phiêu lãng vô định, mà lên đường như thể một phiêu lưu mới, phiêu lưu ngược vào lòng ngôn ngữ dân tộc. Đây là biện chứng của ra đi và ở lại, đi mà định; của chuyển dịch và thường hằng, dịch mà hằng. Là cuộc phiêu lưu ngàn lần gian nan hơn, bấp bênh và dễ sa sầy hơn. *“Không chỉ đường trở về chúng ta còn làm quen với khuôn mặt quê hương/ không chỉ bước tha phương chúng ta phải yêu thương con đường - bóng tối...”* (Tháp năng, 1996). Đó là đường trở về, trở về tắm gội tận suối nguồn của bản thể:

Một câu tục ngữ – một dòng ca dao

nửa bài đồng dao – một trang thơ cổ
tôi tìm và nhặt
như đứa trẻ tìm nhặt viên sỏi nhỏ
(những viên sỏi người lớn lơ đãng giẫm qua)
để xây lâu đài cho riêng mình tôi ở
lâu đài một ngày kia họ ghé đụt mưa – chắc thế!
(*Tháp nắng, 1996*)

Nhưng làm thế nào có thể gọi sự vật đúng tên khai sinh sự vật, với vốn ngôn ngữ nghèo nàn như thế? Và đâu là chất kích thích sáng tác, với khoảng đón đợi vô tình như thế từ phía người đọc vô hình? Các câu hỏi loại này nói lên sự thể người hỏi vẫn còn mắc kẹt phía bờ này chân trời của kẻ thiếu Quê hương. Chưa đáo bỉ ngạn thơ ca. Một thi sĩ cư trú và canh giữ ngôn ngữ dân tộc không “chê” ngôn ngữ đó nghèo nàn hay giàu sang. Bởi biết đâu, chính sự giàu sang của ngôn ngữ bạn đang che giấu nghèo nàn bên trong nó, một giàu sang không gì hơn tố giác nỗi sa đọa ngôn ngữ của người sử dụng. Sự chộn rộn đầy nôn nóng của người làm thơ hôm nay trong sự giàu sang - nghèo nàn của ngôn ngữ thơ ca đang làm cho nỗi sa đọa kia lộ thiên đồng thời che khuất chân tướng của nó. Đã không ít thi sĩ rời bỏ bốn phận canh giữ ngôi nhà của Tính thể, mà chỉ lo chạy vạy cạnh tranh tăng giá thương hiệu trước công chúng, tự hiến mình làm nô lệ cho đám đông thụ du. Thế hệ thi sĩ thiếu Quê hương bị cuốn phăng vào cuồng lưu ngôn ngữ sa đọa, để cuối cùng chịu thao túng và trôi giạt cùng vô số đám mảnh vỡ từ chất thải của phương tiện truyền thông đại chúng đủ loại. Họ tự vuốt ve và vuốt ve nhau trong nỗi khốn cùng của kẻ mất nhà, không nơi nương tựa.

Vẫn còn là chưa đủ. Thi sĩ hậu hiện đại đang chịu một thách thức nghiêm trọng và bức bách hơn.

Tuyên bố khai tử Thượng đế, Nietzsche quyết đảo ngược tất cả giá trị từng hiện hữu trước đó để thiết lập bảng giá trị mới. Thế nhưng, nói như Heidegger, đảo ngược siêu hình học vẫn cứ là siêu hình học. Con người vẫn cần một cái gì đó để vin vào, một cái gì đó đều bị quy định bởi lối giải thích nào đó, nghĩa là cứ ở lại trong chân trời của ngôn ngữ tiền tưởng, của diễn ngôn *discourse*. Sau cái chết của Thượng đế, con người hiện đại đặt trọn niềm tin vào Lý tính và Sự thật. Rồi suốt cả thế kỉ, nhân loại quay cuồng trong hỗn mang của trùng trùng “giải thích” và hệ thống. Để chính những giải thích và hệ thống đó đẩy loài người rơi vào vực thẳm khốn cùng và tuyệt vọng. Chủ nghĩa hư vô *nihilism* lan tràn. Từ tuyệt đối tin tưởng vào Lý tính, con người không còn tin cái gì cả. Thế là khủng hoảng! Chối từ đại tự sự, chủ nghĩa hậu hiện đại quyết đẩy sự khủng hoảng đến tận đầu mút bên kia của hỗn mang, hi vọng tìm một lối thoát khả dĩ.

Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ

Liễu ám hoa minh biệt nhất thôn

Hậu hiện đại và hư vô chủ nghĩa phân cách rất mong manh tơ trời. Chối bỏ lề thói tiệm tiến rù rì nhích từng bước sang bờ bên kia – quá diệu vợi, mơ hồ và siêu hình, hậu hiện đại sử dụng mọi chất liệu cận tay có sẵn trong sinh hoạt thường nhật, như là một lối đi tắt, thẳng để đạt đến thực tại như thực, siêu vượt nỗi vong thân. Hậu hiện đại trong văn học - nghệ thuật có thể ví như Thiền trong truyền thống Phật giáo. Thiền sư vận dụng mọi phương tiện thiện xảo: la hét, chệch cửa, đánh bằng hèo, nói tục nói phét,... với mục đích tối hậu là đưa kẻ mê sang bến giác, ngay tức thì. Nhưng muốn chạm mặt cái sát na ngay tức thì ấy, người tu tập cần kinh qua mấy tầng khổ luyện. Còn Thiền “giả” vẫn có thể bắt chước Vân Môn kêu yếu chỉ của đạo Phật là cộc phân khô *càn thi quyết*, nhưng loại phân đó khô vẫn hoàn khô! Hậu hiện đại cho phép nghệ sĩ sáng tạo sử dụng mọi chất liệu, xáo trộn mọi phong cách, lắp ghép mọi vật làm sẵn. Thế nhưng nếu

sản phẩm của bạn không đạt mục tiêu cuối cùng là hiệu quả nghệ thuật, chúng chỉ là trò chơi vô tâm tích của hư vô chủ nghĩa, không hơn.

Thơ trẻ hôm nay đã bước đi trên cửa hẹp công chênh ấy, có lẽ.

Viết, trong nền thơ ca thành thật đầy giả tạo, bằng thứ ngôn ngữ giàu sang một cách nghèo nàn, giữa dòng văn chương trịnh trọng già nua nhưng không chịu chết, vài nhóm thơ trẻ nhất tề đứng lên làm loạn.

Nhóm Ngựa Trời và hàng loạt nhà thơ nữ thời đại toàn cầu hóa không còn kiêng nể gì nữa, họ đột ngột nổi dậy và bung phá, tự do thể hiện cái Tôi chủ quan của mình. Như thể phản ứng bột phát ở giai đoạn sơ khởi, khi họ khám phá ra rằng mình là một nửa của thế giới. Không cứ mãi chịu phận tòng thuộc dưới bóng chế độ phụ quyền qua sự áp chế của chủ nghĩa duy dương vật. Trong nghệ thuật [và cả trong cuộc sống], tất cả đều được phép.

Nhóm Mở Miệng quyết liệt và cực đoan hơn nữa! Họ tuyên bố khắp nơi cái nổi “không làm thơ”. Họ đập phá và đảo lộn mọi ranh giới phân cách ngoại vi/ trung tâm, từ ngôn ngữ thơ đến quan điểm sáng tác hay định kiến cố hữu về cái gọi là chất thơ, cả dạng thức hiện hữu của văn bản tác phẩm văn chương như lâu nay bao nhiêu thế hệ đi trước từng nhìn nhận. Là những điều chưa từng xảy ra trước đó trong truyền thống văn chương tiếng Việt.

Tương lai thuộc về chúng tôi, các nhà thơ thế hệ mới có toàn quyền tự tin tuyên như thế! Thế nhưng, giữa lòng khí hậu văn chương hậu hiện đại, bên cạnh nỗ lực vươn vượt của thi sĩ chân tính, các món cách tân hay cách mạng giả hiệu nảy nở và bành trướng, là không thể tránh. Bởi ranh giới thật/ giả tế vi khó biện biệt. Ngay từ những năm tám mươi của thế kỉ trước, Lyotard đã chỉ ra xu hướng hậu hiện đại giả hiệu mà ông gọi đó là chủ nghĩa phản-hiện

đại *anti-modernist*, những kẻ lớn tiếng kêu đòi chấm dứt mọi thử nghiệm trong văn chương!

Bất ngờ trước quá khích của “bọn trẻ”, nền văn chương nếp nhà đã có phản ứng, như nó phải thế. Thế nhưng, ý định dẹp bỏ hay phủ tay từ chối nó thì không gì dễ hơn. Bởi, không có sự phủ nhận hay phản bác nào hiệu nghiệm bằng khai mở thực chất của vấn đề. Tôi đã thử đi vài bước khởi động như thế, để dò tìm nguyên động lực và nhất là lật mở mạch ngầm triết học đã sản sinh loại thơ ấy, thời gian qua.

Như thế vẫn còn chưa đủ. Giữa cõi hỗn mang kia - và tạm dẹp qua bên thái độ hư vô chủ nghĩa vô trách nhiệm cùng các sáng tác phẩm thứ cấp mang tính thời thượng học đòi - cho dù thế hệ nhà thơ hậu hiện đại thu hoạch thành tích chói lọi làm phong phú văn chương bao nhiêu chăng nữa, một câu hỏi cấp thiết hơn bao giờ hết vẫn phải được nêu lên: Cơ đồ lớn lao, sự nghiệp vĩ đại mà chi, khi chúng ta vẫn còn chưa vượt thoát khỏi nỗi sợ hãi căn nguyên đẫm thú tính? Và nhân loại, họ cư trú và sống như thế nào giữa lòng thời đại khủng hoảng, trước đe dọa của vũ trụ vô tình, trong nỗi thiếu Quê hương ngày càng nghiêm trọng? Cuối cùng: Thi sĩ - làm gì, để một lần nữa đưa thơ ca vượt qua nỗi giàu sang vô độ của bao nhiêu trào lưu văn chương đương đại, từ đó tiếp cận với cõi miền uyên nguyên của thơ ca và ngôn ngữ.

Ví tự quảng bá tên tuổi, tuổi trẻ chỉ làm nô lệ cho đám đông dễ thay đổi. Còn tuyên bố sản phẩm mình là rác, thi sĩ chỉ mới dừng lại ở ngưỡng phản ứng và phản kháng. Khi sự phồn vinh giả tạo của thế giới đang đẩy con người ngày càng xa rời bản thể giản đơn của thực tại, mãi bơi vô căn giữa vũng vô minh của thứ ngôn ngữ giả trá, thi sĩ làm gì? Trước tiên và trên hết, bên cạnh tri nhận phản kháng chỉ là một hành động khởi sinh từ ý hướng dứt áo lên đường tìm cầu, chúng ta cần phải khám phá ra rằng con người đang bị trục xuất khỏi

Quê hương, đúng hơn - Quê hương che giấu con người thời hiện đại ánh sáng soi rọi đường trở về của nó. Tuy thế, vừa thẳng tay trục xuất đồng thời Quê hương luôn vẫy gọi đứa con lưu lạc.

Bổn phận của thi sĩ là canh giữ ngôi nhà của Tính thể: ngôn ngữ. Nhưng ở hôm nay, thi sĩ của ngày hôm nay, có ai thức nhận sâu thẳm sự thể đó và tự nguyện dâng tặng mình cho công cuộc nặng nhọc nhưng đầy vinh quang đó chưa?

Không ít bạn trách tôi mất giờ cho thơ tiếng Chăm
có bao lâu kẻ đọc? Rồi sẽ còn ai nhớ?
nhưng tôi muốn lãng phí cả đời mình cho nó
dù chỉ còn dăm ba người
dù chỉ còn một người
hay ngay cả chẳng còn ai!
(Tháp năng, 1996)

Lối nói to này dễ tạo ngộ nhận là một thể cách gây chú ý. Nhưng không. Đây là tâm thế “trụ vững” của tâm hồn thi sĩ kiên trì bất thối chuyển trong sứ mệnh mục tử của mình: chăn giữ ngôn ngữ. Khi ý thức mình nhiên bổn phận, người mục tử hoàn toàn không quan tâm đến cái nổi mình đã vang tiếng hay còn chìm trong vô danh, không phân tâm trước vô số ống kính thông tin đại chúng chĩa vào mình.

Đây là thời đại của văn minh phương Tây. Không thể phủ tay chối từ hay chạy trốn. Chúng ta đang thở hơi thở của siêu hình học phương Tây. Dấn bước lên con đường thơ ca, thi sĩ buộc phải đi đến tận đầu mút con đường chọn lựa. Từ lâu rồi, người ta không còn tin tưởng vào mọi thứ chủ nghĩa. Các trường phái văn nghệ chỉ có thể tạo nên trào lưu khả năng làm sôi động không khí sinh hoạt văn chương, trong một giai đoạn - rất nhất thời. Nhưng dù thế nào đi nữa, thi sĩ hôm nay cần trải nghiệm trọn vẹn hành trình thơ của nhân loại: tiếp nhận và thể nghiệm. Nhập cuộc chơi, trò chơi của thế

giới *le Jeu du monde* - Heidegger. Để cuối chặng đường, chúng ta làm cuộc đi xuống, tận đáy thăm của bản thể thơ ca.

Bởi, thơ ca như là thơ ca thì không có tiến bộ. Hành trình thơ ca là hành trình đi ngược về nguồn, đến tận suối nguồn uyên nguyên của ngôn ngữ. Người mục tử chăn dắt ngôn ngữ như thể được ngôn ngữ ban tặng cho họ bốn phận chăn dắt giản đơn mà khó nhọc, đòi thường nhưng tràn đầy linh thánh. Đó là quà tặng độc nhất của và từ suối nguồn. Nó mang ở tự thân lời tạ ơn cao vời sâu thẳm.

Quỳ gối trước đóa hoa dại nở đồi trưa
tạ ơn bàn tay đưa ra bắt chợt
tạ ơn câu thơ viết từ thế kỷ trước
giọng cười xa, nụ hôn gần
Quỳ gối trước mặt trời thức giấc mỗi sớm mai
tạ ơn chén cơm đói lòng, liều thuốc hút dở
tạ ơn dòng sông mơ hồ chảy qua tuổi nhỏ
tên ngọn đồi, cánh rừng trong mơ chợt vang lên
tạ ơn bước chân hoang, trái tim lầm lạc
Bởi không thể sống mà không tạ ơn
tạ ơn trang giấy trắng, tạ ơn dòng thơ cuối cùng
chưa viết
tạ ơn không gian vô cùng, thời gian bất tuyệt
và...
dấu không là cái đình gì cả
tôi vẫn cần thiết có mặt
VẬY NHÉ – TÔI XIN TẠ ƠN TÔI
(Lễ Tẩy trần tháng Tư, 2002)

Qua dấu vết tinh khôi giản đơn của ngữ ngôn được đêm sáng Quê hương soi rọi, thi sĩ trĩu trĩu đưa bước chân đi vào khoảng thanh

bình ẩn mật của Quê hương, một miền trụ xứ thiết thân. Qua hành vi đi vào này, tính thể con người được nhận diện trong chân tướng của nó, từ đó khả tính họ được phơi mở trọn vẹn, như nó vốn là thể. Khả tính này là một tặng vật. Tặng vật từ Quê hương ban tặng cho Quê hương. Để thi sĩ trên đường về Quê hương hát ca về con đường.

Trên đường trở về, thi sĩ và ngôn ngữ thơ ca tìm thấy nhau, hết làm lang thang lạc lõng. Thi sĩ ưu tư cho canh giữ ngôn ngữ như là sứ mệnh cao cả duy nhất mà không một lần liếc sang các lĩnh vực nghệ thuật khác đầy thòe thòm, đổ kị. Thi sĩ ném mình trong vùng đêm sáng khai mở, buông xả trên con đường. Khi buông xả như thế, không phải thi sĩ an cư vĩnh viễn như thể một về vườn hưu trí mà, luôn ở tư thế sẵn sàng chịu bị đẩy rơi vào miền tối trở lại. Cắt lìa khỏi Quê hương. Sự thể gây đau khổ và chia xé. Nhưng đấy là đau khổ và chia xé đầy tràn niềm vui cao vời. *Sớm nghe đạo, chiều chết cũng cam* - Khổng Tử. Niềm vui và cái chết. Niềm vui hiếm hoi không dễ giành được, là được giao ngộ với cái chết. Không còn chia cách không thời gian, sớm với chiều, nay hay mai mà – tại đây và bây giờ. Đi lại thân mật chuyện trò. Giữa đám đông hay trong cô đơn. Sẵn sàng được chết. Cái chết ngoảnh đi và quay lại. Cái chết đẩy xa ra và vẫy gọi tới gần.

Bởi, cái Chết chính là Quê hương. Thi sĩ mãi mãi là kẻ lưu trú nơi ngoại ô Quê hương. Một trú xứ mang tính sử mệnh. Chính ý nghĩa của vô nghĩa của hành vi cư lưu này biện minh cho hiện hữu của con người trên mặt đất.

Sài Gòn, tháng 9-2008

PHỤ LỤC

TÊN LÀNG CHĂM Ở NINH THUẬN

Bal Caung	làng Chung Mỹ
Bal Riya- palei	làng Bình Nghĩa
Bauh Bini- palei	làng Hoài Trung
Bauh Dana- palei	làng Chắt Thường hay Cà Na
Bauh Dơng- palei	làng Phú Nhuận
Bblang Kacak- palei	làng Phước Đồng
Binưn- palei	làng Vĩnh Phong
Cakhauk- palei	làng Bình Chữ
Caklaing- palei	làng Mỹ Nghiệp
Cang- palei	làng Lương Tri
Cauk- palei	làng Hiếu Lễ
Cwah Patih- palei	làng Thành Tín
Hamu Crauk- palei	làng Bàu Trúc hay Vĩnh Thuận
Hamu Crauk- palei	làng Vĩnh Thuận
Hamu Tanran- palei	làng Hữu Đức
Ia Binguk- palei	làng Nghĩa Lập
Ia Li-u- palei	làng Phước Tường
Katuh- palei	làng Tuấn Tú